

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

THÁI VĂN ĐOÀN

**CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN KIỂM SÁT
VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI
VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC
GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT



HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

THÁI VĂN ĐOÀN

**CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN KIỂM SÁT
VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI
VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC
GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT
Mã số: 9380106

Người hướng dẫn khoa học: TS. DƯƠNG THỊ TƯƠI



HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Thái Văn Đoàn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	10
1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước.....	10
1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài.....	25
1.3. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục làm rõ...33	
1.4. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu.....	35
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN.....	38
2.1. Những vấn đề lý luận về kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân.....	38
2.2. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục và phương thức kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân.....	59
2.3. Điều kiện bảo đảm kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm.....	77
2.4. Vị trí Viện kiểm sát/ Viện công tố ở một số nước trên thế giới trong tổ tụng dân sự - những giá trị tham khảo cho Việt Nam.....	84
Chương 3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM.....	93
3.1. Các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân.....	93
3.2. Thực trạng kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân.....	109

Chương 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM	158
4.1. Quan điểm bảo đảm kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam hiện nay	158
4.2. Giải pháp bảo đảm kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam.....	165
KẾT LUẬN	186
DANH MỤC CÁC BÀI VIẾT LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN CỦA TÁC GIẢ.....	189
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	190
PHỤ LỤC	206

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BLDS	: Bộ luật Dân sự
BLTTDS	: Bộ luật Tố tụng dân sự
HĐTD	: Hợp đồng tín dụng
KDTM	: Kinh doanh, thương mại
TAND	: Tòa án nhân dân
TCTD	: Tổ chức tín dụng
TSBĐ	: Tài sản bảo đảm
UBND	: Ủy ban nhân dân
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ

Bảng 2.1. Tổng hợp tình hình biên chế của các đơn vị nghiệp vụ chuyên trách kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp hợp đồng tín dụng.....	83
Bảng 3.1: Tổng hợp tình hình thụ lý, kết quả kiểm sát các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao từ 2017-2024.....	114
Bảng 3.2: Tình hình thụ lý, kết quả kiểm sát việc giải quyết ở VKSND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (2017-2024).....	116
Sơ đồ 2.1. Quy trình kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân	75

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nền kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển mạnh mẽ, nhu cầu về vốn tín dụng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân để mở rộng sản xuất, kinh doanh, đầu tư trong nước, nước ngoài ngày càng cao về số lượng và giá trị khoản vay, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào thế giới mở ra nhiều cơ hội đầu tư, sản xuất, kinh doanh quy mô lớn. Các TCTD ngày càng phát triển về số lượng, loại hình, tăng quy mô vốn, chất lượng dịch vụ phục vụ cho nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, làm động lực, hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định phải “*Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng*” [33, tr.125] đã tạo nền tảng chính trị- kinh tế hết sức quan trọng cho sự phát triển của hệ thống các TCTD. Trong quá trình vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về quyền và nghĩa vụ theo HĐTD, thanh toán tiền vay gốc và lãi đầy đủ, trường hợp không trả được nợ thì người vay vốn, người có TSBĐ tự nguyện để TCTD xử lý TSBĐ theo thỏa thuận. Tuy nhiên, vẫn có không ít doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sau khi vay vốn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, trốn nợ, chây ỳ, hoặc không chấp nhận việc xử lý TSBĐ, thậm chí còn chống đối, ngăn cản việc xử lý TSBĐ, khiến cho TCTD gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hồi vốn vay, tiền lãi, có trường hợp còn mất cả vốn, lẫn lãi, đồng thời cũng không xử lý được TSBĐ, dẫn đến tình trạng nợ xấu gia tăng, xuất hiện những “khối u”, “cục máu đông” làm ách tắc thị trường vốn tín dụng, phục vụ cho phát triển kinh tế đất nước. Trước tình trạng này, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 về một số chủ trương, chính sách lớn đổi mới mô hình tăng trưởng... theo đó xác định: “*Cơ cấu lại thị trường tài chính, trọng tâm là các tổ chức tín dụng đạt kết quả bước đầu, không để xảy ra tình trạng đổ vỡ, mất*

an toàn hệ thống”. Quốc hội cũng đã ban hành Nghị quyết số 42/2017/NQ-QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Gần đây, Luật các TCTD, Luật Đất đai được Quốc hội thông qua cùng ngày 18/01/2024 đã thể hiện quyết tâm chính trị, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và doanh nghiệp, nhân dân nhằm góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý quan trọng cho việc bảo đảm sự an toàn, hiệu quả hơn hoạt động tín dụng trong việc thu hồi vốn, lãi và xử lý TSBD, giải quyết dứt điểm tranh chấp phát sinh, nhằm giảm tình trạng nợ xấu, lành mạnh hoá thị trường tín dụng, tiền tệ.

Tuy nhiên, xét trên bình diện tổng thể của cả giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2024 và dự báo những năm tiếp theo, khi Đảng và Nhà nước ta tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế, phát huy tối đa tiềm năng các thành phần kinh tế ở Việt Nam, tạo động lực mới để phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, các doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh, nhu cầu vay vốn càng nhiều để thực hiện những hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại trên quy mô lớn, vai trò của TCTD không thể thiếu trong việc cung cấp dòng vốn tín dụng, hỗ trợ, dẫn dắt doanh nghiệp duy trì, mở rộng sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, tình trạng vi phạm, tranh chấp dẫn đến khởi kiện vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án xảy ra ngày càng nhiều, số lượng, quy mô vụ án có biến động từng năm, song nhìn chung có xu hướng năm sau cao hơn năm trước, diễn ra trên quy mô rộng không chỉ trong nước mà còn có yếu tố nước ngoài, giá trị tài sản tranh chấp lớn, nhiều đương sự tham gia và luôn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu vụ án KDTM nói chung; nhiều vụ án có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên sâu về tín dụng, về các loại hình tài sản bảo đảm với nhiều chế độ pháp lý khác nhau như tài sản chung, tài sản riêng, tài sản hộ gia đình, tài sản vợ chồng, bất động sản, động sản... Thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm sát hoạt động tư pháp, VKSND nhận thấy, TAND các cấp đã có nhiều nỗ

lực, quyết tâm giải quyết hàng chục ngàn vụ án KDTM về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” kịp thời, có căn cứ, đúng pháp luật, giải quyết dứt điểm nhiều vụ án ở cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm; trong đó, có vai trò của VKSND đã kiểm sát chặt chẽ việc giải quyết của Tòa án ngay từ giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm, kịp thời phát hiện những vi phạm, thiếu sót của Tòa án và thực hiện tốt các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị phúc thẩm, bảo đảm cho việc giải quyết vụ án chính xác, dứt điểm, không bị kéo dài, không bị cấp giám đốc thẩm huỷ, sửa. Qua đó, có tác dụng đáng kể trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, góp phần bảo đảm sự an toàn của hệ thống tín dụng, lợi ích nhà nước.

Mặc dù vậy, qua kiểm sát việc Tòa án giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam cho thấy, việc giải quyết loại án này vẫn còn nhiều vi phạm, thiếu sót tồn tại trong nhiều năm liền, như việc nhiều bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật xác định không đúng nghĩa vụ của bị đơn trong việc thanh toán tiền gốc, lãi trong hạn, quá hạn, phạt vi phạm, tuyên hợp đồng bảo đảm vô hiệu, xác định tình trạng TSBĐ không phù hợp với thực tế, xác định người thứ ba ngay tình không chính xác, không đưa đầy đủ người có liên quan vào tham gia tố tụng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ... Trong khi đó, hệ thống pháp luật điều chỉnh có sự thay đổi theo từng giai đoạn, vẫn còn nhiều kẽ hở, mâu thuẫn, chồng chéo, gây nhiều khó khăn, lúng túng trong áp dụng pháp luật. Dẫn đến không ít vụ án phải giải quyết nhiều lần, qua nhiều cấp, gồm cả cấp sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm; số lượng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới bị Tòa án cấp trên huỷ, sửa theo thủ tục giám đốc thẩm chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM bị huỷ, sửa. Chẳng hạn, trong năm 2017 có đến 13 quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao huỷ bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án cấp dưới, chiếm tỷ lệ 46% (13/28) trong số quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao xét xử các vụ án KDTM nói chung; tương tự, trong năm 2022 có đến 07

quyết định giám đốc thẩm giải quyết loại án này, chiếm tỷ lệ 37% (7/19) (xem Bảng 3.1 trang 114 của luận án); trong đó có những bản án, quyết định bị Tòa án cấp giám đốc thẩm huỷ nhiều lần, kéo dài thời gian giải quyết lên nhiều năm. Với chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, VKSND các cấp trong nhiều trường hợp cũng chưa kịp thời phát hiện vi phạm, thiếu sót của Toà án để thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị ngay từ những giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm, dẫn đến cấp giám đốc thẩm phải giải quyết, kéo dài thời gian tố tụng, ảnh hưởng chất lượng, uy tín của cơ quan tiến hành tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự, người thứ ba, lợi ích công, lợi ích nhà nước.

Thực trạng trên, đặt ra yêu cầu tất yếu của việc tăng cường kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND trong giai đoạn giám đốc thẩm đối với việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, nhằm bảo đảm việc áp dụng pháp luật một cách chính xác, triệt để, thống nhất, góp phần bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và sự an toàn của hệ thống tín dụng; bảo vệ sự ổn định, phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

Từ những luận giải trên, nghiên cứu sinh lựa chọn Đề tài: ***“Cơ sở lý luận và thực tiễn kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam”*** làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là phân tích làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam, từ đó đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm kiểm sát việc giải quyết loại án này, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, góp phần bảo đảm hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả hơn, xử lý những vấn đề cấp thiết đối với hoạt động tín dụng trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu, một số nhiệm vụ cần thực hiện như sau:

- Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án, từ đó xác định những nội dung có thể kế thừa, những khoảng trống về lý luận, thực tiễn, giải pháp cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.

- Phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng kiểm sát việc giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam, qua đó xác định những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân.

- Xác định các quan điểm và đề xuất giải pháp bảo đảm kiểm sát việc giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam; từ đó, chỉ ra các kết quả, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp bảo đảm kiểm sát việc giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam trong thời gian tới.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Hoạt động kiểm sát của VKSND tối cao và VKSND cấp cao từ khi TAND, VKSND có thẩm quyền thụ lý đơn, văn bản đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD cho đến khi được TAND, VKSND có thẩm quyền giải quyết bằng việc thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm hoặc quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, Toà án mở phiên toà xét xử và ban hành quyết định giám đốc thẩm giải quyết loại án này mà không bị đề nghị, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Trong phạm vi luận án, nghiên cứu sinh tập trung nghiên cứu hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm ở VKSND tối cao và các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, vì đây là cấp cao nhất. Đồng thời, cũng lựa chọn một số nội dung cơ bản, điển hình về hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm ở VKSND cấp cao và các quyết định giám đốc thẩm Ủy ban thẩm phán, TAND cấp cao.

- Phạm vi thời gian: Các thông tin, số liệu minh chứng từ năm 2017 - 2024.
- Phạm vi không gian: Trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Kết quả nghiên cứu của luận án được thực hiện trên cơ sở nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước và pháp luật, về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác- Lênin về nhà nước và pháp luật.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án kết hợp các phương pháp nghiên cứu, như phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng trong toàn bộ nội dung đề án, từ nghiên cứu lý luận, đánh giá thực trạng, rút ra những vấn đề về bản chất, các quan điểm liên quan đến vấn đề nghiên cứu, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật.

Phương pháp thống kê được sử dụng để tiến hành thu thập, tổng hợp, phân loại số liệu về tình hình, kết quả hoạt động kiểm sát việc giải quyết loại án này trong phạm vi toàn Ngành kiểm sát, theo từng năm ở giai đoạn giám đốc thẩm của VKSND cấp cao và VKSND tối cao.

Phương pháp so sánh được sử dụng nhằm làm rõ bản chất pháp lý, những đặc thù của hoạt động kiểm sát việc giải quyết loại án này với việc kiểm sát giải quyết các loại án KDTM khác, so sánh kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm với kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm

và tái thẩm để làm nổi bật những đặc trưng của kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm; so sánh số liệu kiểm sát theo từng năm để xác định xu hướng, kết quả kiểm sát việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ...

Phương pháp lịch sử nhằm khái quát quá trình hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật dân sự nói chung, hệ thống pháp luật về tín dụng ngân hàng nói riêng và hoạt động của VKSND kiểm sát việc giải quyết loại án tranh chấp HĐTD qua từng giai đoạn lịch sử khác nhau, cụ thể luận án sẽ phân định làm hai giai đoạn trước khi BLTTDS năm 2015 và Luật Tổ chức VKSND năm 2014 có hiệu lực thi hành và từ khi 02 văn bản luật này có hiệu lực thi hành cho đến ngày 31/12/2024.

Phương pháp khảo sát ý kiến của các Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư, Chuyên viên pháp lý của TCTD, Công chứng viên đã từng tham gia giải quyết hoặc có liên quan đến công tác chuyên môn về vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD (*Nghiên cứu sinh đã lập 26 câu hỏi và đưa ra từ 4 đến 5 phương án trả lời để người được khảo sát lựa chọn, kết quả đã có 105 người tham gia khảo sát này, xem Phụ lục số 03*), để giải quyết các vấn đề đặt ra trong quá trình nghiên cứu nội dung đề tài luận án.

Phương pháp phỏng vấn chuyên gia để tiếp cận những quan điểm, góc nhìn chuyên sâu của các chuyên gia là những giảng viên lâu năm Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Học viện Ngân hàng, những lãnh đạo làm việc lâu năm trong ngành Kiểm sát, Tòa án và một số lĩnh vực khác (bằng phương pháp nghiên cứu sinh xây dựng 10 câu hỏi có tính chuyên sâu và (hoặc) đang còn nhiều quan điểm khác nhau trong việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, về vai trò, vị trí của Viện kiểm sát trong kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và trong kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, nhất là trong bối cảnh hiện nay còn có những quan điểm khác nhau về vai trò của Viện kiểm sát trong lĩnh vực dân sự, KDTM. Kết quả đã phỏng vấn được 19 chuyên gia (*xem Phụ lục số 04*).

Bên cạnh đó, luận án cũng áp dụng các phương pháp tiếp cận hệ thống để phân tích mối liên hệ bên trong của tổ chức và hoạt động hệ thống VKSND,

phương pháp tiếp cận liên ngành để phân tích những tác động, phối hợp của các ngành có liên quan, nhất là Tòa án phục vụ cho việc nghiên cứu, làm sáng tỏ đề tài của luận án.

Các phương pháp được sử dụng nhằm làm rõ nội dung cơ bản của đề tài, đảm bảo tính khoa học và logic giữa các vấn đề của đề tài trong các chương, mục, tiểu mục. Do tính chất, nội dung của từng chương, mục, từng vấn đề khác nhau, nên luận án sẽ sử dụng một hoặc kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu.

5. Những đóng góp mới của luận án

- Về lý luận: Kết quả nghiên cứu của luận án đã làm sáng tỏ cơ sở lý luận về kiểm sát việc Tòa án giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam nói riêng và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung.

- Về thực tiễn: Luận án đã phân tích, đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng và kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của kết quả, hạn chế trong kiểm sát việc giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam thời gian qua.

Đồng thời, luận án đã chỉ ra các quan điểm và đề xuất hệ thống các giải pháp có tính toàn diện nhằm bảo đảm kiểm sát việc giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam trong thời gian tới, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay, phòng ngừa, quản trị rủi ro, bảo đảm sự an toàn của hệ thống tín dụng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa khoa học

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ làm sáng tỏ hơn cơ sở lý luận khoa học hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật trong việc giải quyết loại án tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND nói riêng và trong kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung, phục vụ trong nghiên cứu, giảng dạy chuyên sâu ngành Luật.

6.1. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án có giá trị là tài liệu tham khảo cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị nghiên cứu, giảng dạy về nhà nước và pháp luật. Đồng thời, kết quả nghiên cứu của luận án góp phần nâng cao kỹ năng, kinh nghiệm cho đội ngũ kiểm sát viên, qua đó bảo đảm kiểm sát việc giải quyết tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm có căn cứ, đúng pháp luật, kịp thời; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay, bảo đảm an toàn, hạn chế rủi ro khi cho vay, sử dụng vốn vay đối với TCTD, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án được kết cấu thành 04 chương, 12 tiết.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2: Cơ sở lý luận kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân.

Chương 3: Các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam.

Chương 4: Quan điểm và giải pháp bảo đảm kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

1.1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến hợp đồng tín dụng, giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng

Để phục vụ cho quá trình nghiên cứu đề tài luận án, nghiên cứu sinh đã tập trung rà soát các loại tài liệu tham khảo có liên quan. Trong đó có một số công trình tiêu biểu trong lĩnh vực tín dụng, TSBĐ, giải quyết tranh chấp HĐTD, tranh chấp hợp đồng bảo đảm tài sản như:

Sách chuyên khảo *“Pháp luật về các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng ở Việt Nam và một số nước trên thế giới”* của PGS. TS. Lê Thị Thu Thủy (Chủ biên), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2017 [100], cuốn sách phân tích khá sâu sắc về bản chất hoạt động cho vay của các TCTD, những loại rủi ro, nguyên nhân của những rủi ro, rủi ro có thể kiểm soát, phòng ngừa và những rủi ro tiềm tàng gây nên những hậu quả không chỉ cho bản thân các TCTD do không thu hồi được vốn vay, không xử lý được TSBĐ, nguy cơ phá sản của TCTD; mà còn gây ra những hệ lụy có tính hệ thống, ảnh hưởng đến an ninh, an toàn của nền kinh tế, những giải pháp, kiến nghị hạn chế thấp nhất rủi ro. Đồng thời, sách chuyên khảo này còn đi sâu nghiên cứu, tham khảo những biện pháp hạn chế rủi ro của một số nước tiêu biểu trên thế giới như Anh, Mỹ, Nga, Úc. Qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý giá, thiết thực đối với Việt Nam nhằm hạn chế thấp nhất những rủi ro, giúp vận hành hoạt động cho vay có hiệu quả, lành mạnh, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

Sách chuyên khảo *“Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng theo pháp luật Việt Nam”* của Tiến sĩ Nguyễn Bích Thảo (Nhà xuất bản Tư pháp năm 2018) [97] đã phân tích lên những đặc điểm, đặc trưng của HĐTD, phân loại tranh chấp HĐTD, thực trạng pháp luật và thực tiễn về giải quyết tranh chấp

HĐTD ở Việt Nam. Những khó khăn, vướng mắc mà Tòa án và các cơ quan tiến hành tố tụng gặp phải khi giải quyết tranh chấp HĐTD, như vấn đề về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, sự phân biệt hợp đồng thế chấp của người thứ ba với hợp đồng bảo lãnh trong khi các quy định pháp luật về lĩnh vực này còn chưa hoàn thiện, có dẫn chứng những vụ án cụ thể minh họa sinh động, có tham khảo tổ chức và hoạt động của một số TCTD quốc tế, luật pháp quốc tế (như Luật mẫu về giao dịch bảo đảm của UNCITRAL), từ đó đề xuất một số giải pháp kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về tín dụng và nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD.

Sách chuyên khảo "*Pháp luật dân sự - kinh tế và thực tiễn xét xử*" (Nhà xuất bản Tư pháp năm 2020) của tác giả Tưởng Duy Lượng [64], nguyên Phó Chánh án TAND tối cao, người đã có nhiều năm kinh nghiệm trong giải quyết vụ án dân sự, kinh tế của ngành Tòa án, nhất là giải quyết vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, trong đó phần lớn nội dung đề cập đến vấn đề pháp lý của một số biện pháp bảo đảm phổ biến (thế chấp, cầm cố, bảo lãnh), vấn đề tiền lãi, lãi suất trong hạn, quá hạn, bình luận về phạt vi phạm, phạm vi nghĩa vụ bảo đảm của tài sản từ thực tiễn giải quyết một số tranh chấp HĐTD thông qua những bản án, quyết định bị cấp giám đốc thẩm tuyên hủy, sửa một phần hoặc toàn bộ; bình luận về một số vi phạm phổ biến rút ra thông qua thực tiễn xét xử. Đây là nguồn tư liệu tham khảo có giá trị, phục vụ cho hoạt động xét xử của Tòa án, công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát, trong đó có kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm.

Sách chuyên khảo "*9 biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng*" (Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật năm 2021) của Luật sư Trương Thanh Đức [36], một chuyên gia nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật về giao dịch bảo đảm, đã nêu lên chín biện pháp bảo đảm theo BLDS năm 2015, bao gồm: Cầm cố, thế chấp, đặc cọc, ký cược, ký quỹ, bảo lãnh, tín chấp, cầm giữ tài sản, bảo lưu quyền sở hữu; ý nghĩa, ưu điểm, hạn chế của từng biện pháp bảo đảm cho giao dịch vay tài sản, xác định vị trí rất quan trọng của biện

pháp bảo đảm khi cho vay, trong nhiều trường hợp lại có vai trò quan trọng hơn cả hợp đồng vay, vì nếu HĐTD bị vô hiệu thì hậu quả pháp lý xấu nhất là không thu được tiền lãi, nhưng nếu hợp đồng bảo đảm tiền vay bị vô hiệu thì TCTD có nguy cơ không thu hồi được cả nợ gốc và lãi, vì trong nhiều trường hợp, người vay không trả những khoản nợ không có tài sản bảo đảm. Vì vậy, cuốn sách đã đi sâu phân tích những khía cạnh pháp lý của từng biện pháp bảo đảm theo quy định của BLDS năm 2015 ở Việt Nam hiện nay và đưa ra những khuyến nghị trong việc sử dụng biện pháp bảo đảm nào cho hiệu quả, an toàn nhất.

Sách chuyên khảo “*Pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong quan hệ dân sự, thương mại và tín dụng ngân hàng*” của TS. LS. Lương Khải Ân- Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật năm 2022 [4]. Cuốn sách được kết tinh từ tập hợp những công trình nghiên cứu trong lĩnh vực tín dụng của chính tác giả từ năm 2012 đến năm 2022 được đăng tải trên các Tạp chí uy tín như Tạp chí Tòa án, Tạp chí Kiểm sát, Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học Pháp lý... Cuốn sách vừa có tính lý luận, khoa học vừa mang tính thực tiễn thông qua việc phân tích, bình luận những vụ án cụ thể về tranh chấp HĐTD xảy ra trên thực tế. Nội dung cuốn sách đã nêu bật những vấn đề trọng tâm, cơ bản của lĩnh vực tín dụng ngân hàng, đó là làm rõ khái niệm, bản chất pháp lý của tiền lãi, lãi suất, phạt vi phạm, các loại tranh chấp về tiền lãi, các loại tranh chấp về vay vốn; đặc biệt cuốn sách này cũng đi sâu phân tích nhận diện những trường hợp xác định phạt vi phạm không đúng, như phạt chồng phạt, tính lãi trái pháp luật, như tính lãi mẹ để lại con, lãi chồng lãi. Qua đó, tác giả đưa ra những giải pháp, kiến nghị có chất lượng chuyên môn sâu, góp phần khắc phục tình trạng vi phạm nêu trên.

Bên cạnh các sách chuyên khảo, sách tham khảo, có một số công trình nghiên cứu là luận án tiến sĩ luật học tiêu biểu, như:

Luận án tiến sĩ Luật học “*Pháp luật Việt Nam về hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng*” của tác giả Lương Khải Ân- Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh- năm 2019 [1]. Luận án góp phần làm rõ cơ

sở lý luận và thực tiễn của hợp đồng vay tài sản (hợp đồng tín dụng), những dấu hiệu đặc trưng của loại hợp đồng này, giúp người đọc nhận diện những đặc trưng của hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng, một dạng đặc biệt của hợp đồng vay tài sản; Luận án đi sâu phân tích những quy định pháp luật về nội dung và hình thức của loại hợp đồng đặc biệt này, mối quan hệ giữa hợp đồng vay và hợp đồng bảo đảm; vấn đề lãi, lãi suất, các loại phí; việc quản lý, giám sát hoạt động cho vay của TCTD; nghĩa vụ của khách hàng; nợ quá hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thu hồi vốn vay và xử lý tài sản thế chấp; phân tích những sai sót, nhằm lẫn trong quá trình cho vay, cảnh báo những rủi ro pháp lý đối với TCTD, khuyến nghị những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng và hoàn thiện quy định pháp luật về loại hợp đồng vay này.

Luận án tiến sĩ luật học “*Pháp luật về bảo đảm hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh*” của tác giả Phạm Văn Đàm- Học viện Khoa học Xã hội- năm 2017 [27]. Luận án góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cho vay thông qua HĐTD có sử dụng biện pháp bảo đảm là bảo lãnh; Luận án tập trung phân tích những đặc trưng của HĐTD, biện pháp bảo lãnh; khung pháp lý về bảo đảm thực hiện HĐTD bằng biện pháp bảo lãnh, với tư cách là biện pháp đối nhân và là một trong những biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của BLDS, dựa trên uy tín của người bảo lãnh và sự tự do ý chí, thoả thuận của người bảo lãnh và người nhận bảo lãnh; phân biệt biện pháp bảo đảm đối nhân với biện pháp bảo đảm đối vật; mối quan hệ giữa biện pháp bảo lãnh với HĐTD; những khó khăn, tồn tại, vướng mắc và những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về biện pháp bảo lãnh thực hiện hợp đồng tín dụng.

Luận án tiến sĩ luật học “*Giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo lãnh tiền vay tại tổ chức tín dụng từ thực tiễn xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân tối cao*” của tác giả Phạm Văn Lợi- Học viện Khoa học xã hội- năm 2020 [62]. Luận án này tập trung nghiên cứu những vấn đề phát sinh từ thực tiễn giải quyết tranh chấp một dạng cụ thể của hợp đồng bảo đảm tiền vay, đó là hợp đồng bảo lãnh và tranh chấp HĐTD của các TCTD đi kèm ở

giai đoạn tố tụng đặc biệt là giám đốc thẩm, tái thẩm của TAND tối cao. Luận án nêu lên những tranh chấp, vi phạm cụ thể phổ biến, khá đa dạng và việc giải quyết có nhiều quan điểm khác nhau, như bảo lãnh đôi nhân, bảo lãnh đôi vật, người bảo lãnh bị chết, lỗi chồng lỗi trong hạn, đặc biệt luận án cũng phân tích, bình luận về chất lượng những quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng VKSND tối cao đối với những bản án, quyết định của Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD, hợp đồng bảo lãnh và được giải quyết cuối cùng bằng các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao có hiệu lực pháp lý cao nhất trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2018, có tính chuẩn mực để Tòa án cấp dưới tham khảo, nhận diện vi phạm, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đưa ra những giải pháp, kiến nghị. Đồng thời, luận án cũng mở rộng phạm vi nghiên cứu, tham khảo mô hình, kinh nghiệm một số nước tiên tiến trên thế giới như Trung Quốc, Nga, Pháp, Nhật Bản giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục giám đốc thẩm và những giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

Luận án tiến sĩ luật học *“Tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành”* của tác giả Vũ Thị Hồng Yến- Trường Đại học Luật Hà Nội- năm 2013 [149]. Luận án đã tập trung phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn đối với tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp ở Việt Nam, tham chiếu pháp luật của một số nước trên thế giới, như Mỹ, Pháp, Nhật Bản... qua đó làm rõ bản chất, những khái niệm, đặc trưng pháp lý của tài sản thế chấp, phân tích, bình luận, đánh giá một số tranh chấp phổ biến liên quan đến việc xác định tài sản thế chấp và xử lý chúng. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm, đánh giá những rủi ro, vi phạm trong việc thế chấp và xử lý tài sản thế chấp; những phương thức xử lý tài sản thế chấp hiệu quả, đề ra những giải pháp phòng ngừa, hoàn thiện quy định pháp luật về bảo đảm sự an toàn về tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp trong điều kiện phát triển nền kinh tế và mở rộng hội nhập thương mại quốc tế. Tuy nhiên, Luận án này hoàn thành từ năm 2013, từ đó đến nay, đã có nhiều thay đổi, bổ sung về các quy định pháp luật, như BLDS năm 2015,

thay thế BLDS năm 2005, Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP, các Nghị định này đã được thay thế bởi Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành BLDS về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (viết tắt là Nghị định 21/2021/NĐ-CP) và nhiều văn bản liên quan mới được ban hành, nên một số nội dung, căn cứ pháp luật trong luận án không còn phù hợp.

Luận án tiến sĩ luật học *“Pháp luật về giao dịch bảo đảm bằng động sản tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam”* của tác giả Trương Thị Tuyết Minh, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh- năm 2022 [65]. Trong khi các TCTD đang có xu hướng thiên về sử dụng biện pháp giao dịch bảo đảm bằng bất động sản khi cho vay, thì tác giả luận án lại đề cập đến biện pháp giao dịch bảo đảm bằng động sản khi cho vay và phân tích sâu sắc, toàn diện về những ưu điểm, hạn chế của loại TSBĐ này, trên cơ sở tham khảo nhiều nguồn tài liệu quý ở trong nước và nước ngoài tiêu biểu như Mỹ, Anh, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... Từ đó, đưa ra các đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về giao dịch bảo đảm, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên nhận bảo đảm, bên bảo đảm và các chủ thể khác trong mối quan hệ với tài sản là động sản và khuyến nghị TCTD mở rộng khả năng tiếp cận tín dụng cho khách hàng thông qua giao dịch bảo đảm bằng động sản này. Luận án cho chúng ta có thêm cái nhìn đa dạng hơn về việc lựa chọn, sử dụng biện pháp bảo đảm có hiệu quả, an toàn và thúc đẩy sự phát triển của thị trường động sản ở Việt Nam.

Kỷ yếu Hội thảo khoa học (tháng 11/2021) *“Chiến lược phát triển pháp luật Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045: Lý luận và thực tiễn”*, trong đó đặc biệt bài viết *“Tư duy về xây dựng chiến lược phát triển pháp luật Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”* của GS.TS. Võ Khánh Vinh [119], đề cập đến thực trạng pháp luật hiện nay, những ưu điểm, hạn chế, bất cập của quy định pháp luật, từ đó đưa ra những định hướng lớn, cơ bản về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong thời gian

đến, làm cơ sở lý luận cho việc hoàn thiện pháp luật chuyên ngành, trong đó có pháp luật về tín dụng; về cải cách tư pháp, nhằm nghiên cứu đánh giá chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Việc nghiên cứu các công trình khoa học trên đã giúp cho Nghiên cứu sinh tích lũy được những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực tranh chấp HĐTD, hợp đồng bảo đảm và kiểm sát việc giải quyết tranh chấp, vừa có thể khái quát được những vấn đề lý luận phù hợp với đề tài luận án, như cơ sở lý luận, bản chất về HĐTD, hợp đồng bảo đảm, các loại tài sản bảo đảm, chỉ ra khái niệm, đặc điểm của HĐTD, lỗi suất trong hạn, quá hạn ... thực tiễn giải quyết tranh chấp HĐTD tại Tòa án Việt Nam, những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và những giải pháp, kiến nghị, các mô hình kiểm soát tốt trong việc cho vay và quản trị rủi ro của một số nước trên thế giới. Qua đó, tìm hướng đi riêng cho luận án của nghiên cứu sinh.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng của Viện kiểm sát nhân dân

Một số công trình khoa học tiêu biểu nghiên cứu liên quan đến kiểm sát giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm, gồm:

Đề án khoa học cấp Bộ: “*Nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*” năm 2021 của VKSND tối cao (Vụ Kiểm sát án hành chính, kinh doanh, thương mại) [134]. Đề án tập trung phân tích cơ sở lý luận, chức năng, nhiệm vụ, vị trí, vai trò của VKSND các cấp trong kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM tranh chấp HĐTD theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và cả thủ tục tái thẩm; những quan điểm, nhận định của lãnh đạo đơn vị, Kiểm sát viên Viện kiểm sát các cấp về kiểm sát việc giải quyết loại án này thông qua 465 bảng khảo sát trong toàn ngành Kiểm sát, những đặc điểm, nhận diện về tranh chấp HĐTD, các loại tranh chấp phát sinh từ HĐTD, thực

trạng công tác kiểm sát việc giải quyết loại án này, công tác kháng nghị, kiến nghị, thực hiện quyền yêu cầu của Viện kiểm sát các cấp nhằm khắc phục vi phạm, bảo đảm việc giải quyết loại án này của Tòa án đúng pháp luật, kịp thời, chính xác, bảo đảm lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Đề án dẫn chứng thực tiễn hoạt động kiểm sát giải quyết một số vụ án có tính điển hình minh họa; những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn hoạt động kiểm sát và các quy định của pháp luật. Đồng thời, Đề án đưa ra những giải pháp, kiến nghị có giá trị nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm sát giải quyết đối với loại án này và hoàn thiện quy định pháp luật có liên quan. Đặc biệt, Đề án đã cung cấp số liệu toàn quốc về tình hình, kết quả công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm trong thời gian 05 năm từ năm 2016 đến năm 2020, cụ thể:

Về kết quả kiểm sát việc giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD:

Tổng thụ lý năm 2016 là 155 vụ, đã giải quyết 130 vụ, trong đó Viện kiểm sát không kháng nghị 85 vụ, Viện kiểm sát kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm là 10 vụ, Tòa án kháng nghị 35 vụ.

Đến năm 2020, tổng thụ lý là 227 vụ, đã giải quyết 152 vụ, trong đó Viện kiểm sát không kháng nghị 109 vụ, Viện kiểm sát kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm là 23 vụ, Tòa án kháng nghị 20 vụ.

Tổng cộng trong 05 năm, từ năm 2016 đến năm 2020, tổng thụ lý là 991 vụ, đã giải quyết 720 vụ, trong đó Viện kiểm sát không kháng nghị 478 vụ, Viện kiểm sát kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm là 101 vụ, Tòa án kháng nghị 141 vụ.

Về kết quả kiểm sát xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD.

Năm 2016, tổng thụ lý 77 vụ (Viện kiểm sát kháng nghị 25 vụ, Tòa án kháng nghị 52 vụ), đã giải quyết 48 vụ, trong đó có 34 vụ do Tòa án kháng nghị đều được Hội đồng xét xử chấp nhận, 13 vụ do Viện kiểm sát kháng nghị

được Hội đồng xét xử chấp nhận 12 vụ, đạt tỷ lệ 92% (12/13), không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát 01 vụ.

Đến năm 2020, tổng thụ lý 68 vụ (Viện kiểm sát kháng nghị 40 vụ, Tòa án kháng nghị 28 vụ), đã giải quyết 49 vụ, trong đó có 16 vụ do Tòa án kháng nghị đều được Hội đồng xét xử chấp nhận, 29 vụ do Viện kiểm sát kháng nghị được Hội đồng xét xử chấp nhận 21 vụ, đạt tỷ lệ 72% (21/29), không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát 08 vụ.

Tổng cộng trong 05 năm, từ năm 2016 đến năm 2020, tổng thụ lý 291 vụ (Viện kiểm sát kháng nghị 159 vụ, Tòa án kháng nghị 207 vụ), đã giải quyết 272 vụ, trong đó có 156 vụ do Tòa án kháng nghị đều được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị; 103 vụ do Viện kiểm sát kháng nghị được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị 81 vụ, đạt tỷ lệ 78% (81/103), so với chỉ tiêu Quốc hội giao theo từng năm là tỷ lệ kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm được chấp nhận 75% thì đã vượt chỉ tiêu này; Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát 22 vụ.

Đây là những số liệu rất quan trọng phục vụ cho việc nhận định, đánh giá của nghiên cứu sinh về bức tranh tổng thể hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND tối cao và VKSND cấp cao từ năm 2016 đến năm 2020, trong đó có giai đoạn thuộc phạm vi nghiên cứu của nghiên cứu sinh (2017-2020), làm cơ sở để nghiên cứu những năm kế tiếp (2021- 2024).

Đề tài khoa học cấp Bộ: *“Đấu tranh phòng chống vi phạm, tội phạm trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng qua thực tiễn công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao- Thực trạng và giải pháp”*, năm 2021 của VKSND cấp cao tại Hà Nội [121]. Đề tài được xây dựng trên cơ sở thực tiễn công tác của các VKSND cấp cao, tập trung phân tích các dạng vi phạm, tội phạm trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng, vai trò vị trí của 03 VKSND cấp cao ở Việt Nam hiện nay trong đấu tranh phòng chống vi phạm (vi phạm về hợp đồng dân sự, hợp đồng kinh tế), tội phạm trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng ở giai đoạn phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Thực

trạng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử của các VKSND cấp cao trong lĩnh vực này, công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của VKSND cấp cao đối với những vi phạm, thiếu sót của Toà án, có dẫn chứng những vụ án cụ thể; những khó khăn, tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân phát sinh, dự báo tình hình vi phạm, tội phạm trong lĩnh vực tín dụng trong tương lai và đưa ra những giải pháp trong ngành Kiểm sát nhân dân, kiến nghị đối với Quốc hội, Chính phủ, TAND tối cao, Ngân hàng Nhà nước nhằm hoàn thiện pháp luật, khắc phục vi phạm, sơ hở thiếu sót trong hoạt động tín dụng.

Đề tài khoa học cấp Bộ: *“Chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn mới- Nhận thức và thực tiễn”* năm 2018 của VKSND tối cao (Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học) [131]. Đề tài phân tích chuyên sâu về hoạt động tư pháp, kiểm sát hoạt động tư pháp, cơ sở khoa học của kiểm sát hoạt động tư pháp, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với hoạt động này, vai trò của Viện kiểm sát/ Viện Công tố trong giám sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp ở một số quốc gia trên thế giới như Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc... và những kinh nghiệm rút ra đối với Việt Nam. Thực tiễn kiểm sát hoạt động tư pháp ở Việt Nam từ năm 1945 đến năm 2013 và trong giai đoạn mới; đồng thời, Đề tài đưa ra những định hướng, giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả kiểm sát hoạt động tư pháp. Đề tài cũng đã nêu lên được lịch sử kiểm sát hoạt động tư pháp ở Việt Nam trong các giai đoạn từ năm 1945 đến năm 2013 và trong giai đoạn mới; đồng thời, Đề tài nêu lên được những định hướng, giải pháp, kiến nghị xác đáng nhằm nâng cao hiệu quả kiểm sát hoạt động tư pháp.

Đề tài này, giúp Nghiên cứu sinh lập luận vững chắc về cơ sở lý luận, vai trò, vị trí của Viện kiểm sát trong kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và ở giai đoạn tổ tụng cụ thể (giám đốc thẩm) đối với kiểm sát việc giải quyết loại vụ án cụ thể. Hệ thống VKSND ra đời để kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, cơ quan nhà nước ở địa phương và tổ chức, công dân. Đây là nền tảng lý luận cho tổ chức và hoạt

động của ngành Kiểm sát [132, tr.108-109]. Đến năm 2001, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát có những biến động, thay đổi theo hướng VKSND tập trung làm tốt chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp (Viện kiểm sát không kiểm sát việc tuân theo pháp luật trên lĩnh vực kinh tế, xã hội nữa), song nguyên lý về việc phải bảo đảm pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh, triệt để, pháp chế phải thống nhất luôn là sợi chỉ nam xuyên suốt trong tổ chức và hoạt động của VKSND trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.

Kỷ yếu Hội thảo *“Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng”* [148] do VKSND tối cao phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tổ chức vào tháng 4/2023, với sự tham gia của 40 đơn vị Vụ, Viện kiểm sát toàn Ngành, cùng với Ngân hàng Nhà nước, Hiệp hội ngân hàng Việt Nam, hầu hết các Ngân hàng thương mại và các cơ quan liên quan... Hội thảo đã nêu lên thực trạng hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD của VKSND các cấp theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm; những vi phạm và thực trạng tham gia tố tụng của đương sự, trong đó có TCTD với tư cách là bên cho vay; tổ chức khác, cá nhân với tư cách là khách hàng vay vốn hoặc người có TSBĐ; những tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân, những giải pháp, kiến nghị và đặc biệt thông qua việc tích lũy từ thực tiễn hoạt động của mình tại mỗi địa phương, khu vực và trên toàn quốc, các đơn vị Viện kiểm sát đưa ra những khuyến nghị có giá trị đối với TCTD trong việc nâng cao hiệu quả cho vay, bảo đảm tính an toàn, tăng cường kiểm soát, quản lý hệ thống chặt chẽ, tránh những vi phạm, thiếu sót và cảnh báo rủi ro trong nhiều trường hợp cấp tín dụng.

Cũng tại Hội thảo này, VKSND tối cao, VKSND cấp cao đã nêu ra nhiều dạng vi phạm được phát hiện trong quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn giám đốc thẩm và đã ban hành nhiều quyết định kháng nghị đối với các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án; hoặc thực hiện quyền kiến nghị khắc phục vi phạm của Tòa án và cơ quan, tổ chức

liên quan, trong đó có TCTD, nhằm khắc phục những sở hữ, thiếu sót trong việc cho vay, xem xét, thẩm định tài sản bảo đảm, theo dõi vốn vay; ban hành nhiều thông báo rút kinh nghiệm cho Viện kiểm sát các cấp trong khu vực (đối với VKSND cấp cao theo phạm vi lãnh thổ) hoặc toàn ngành Kiểm sát (đối với VKSND tối cao) trong kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD... để tăng cường các kỹ năng phát hiện vi phạm, thiếu sót và có biện pháp, yêu cầu khắc phục ngay từ giai đoạn tố tụng đầu tiên, bảo đảm việc giải quyết đúng pháp luật, kịp thời, nhằm nâng cao chất lượng kiểm sát việc Tòa án giải quyết loại án này.

Bên cạnh đó, có nhiều bài viết có chất lượng chuyên môn sâu được đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc các tham luận tại các hội thảo quốc gia đề cập đến các nội dung liên quan đến đề tài luận án, như:

Bài viết *“Một số khó khăn, vướng mắc trong kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng”* của các tác giả Phạm Đình Cúc, Vũ Hồng Cường, VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trên Tạp chí Kiểm sát số 10-2023 [22]. Bài viết đã khái quát những dạng vi phạm phổ biến trong thực tiễn kiểm sát việc Tòa án giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm tại VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, như việc Tòa án giải quyết thiếu người tham gia tố tụng, vi phạm trong việc xác định thời điểm tính lãi, xử lý tài sản thế chấp, tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu không đúng..., đồng thời, các tác giả đã phân tích những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn kiểm sát việc giải quyết loại án này, như khung pháp lý về thế chấp tài sản hình thành trong tương lai, xác định thành viên hộ gia đình có quyền đối với TSBĐ, xác định lãi chậm trả và phạt vi phạm; để từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan. Bên cạnh đó, các tác giả còn đưa ra một số khuyến nghị có giá trị đối với TCTD để nâng cao hiệu quả cho vay thu hồi nợ, xử lý TSBĐ và những vấn đề cần lưu ý khi tham gia tố tụng.

Tham luận *“Thực tiễn kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Viện kiểm sát nhân dân cấp*

cao tại Đà Nẵng” tại Hội thảo “*Hoạt động kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng*” [126] vào tháng 4/2023 đã cung cấp những kết quả cụ thể về tình hình, kết quả kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/11/2022 tại VKSND cấp cao tại Đà Nẵng đã thụ lý theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm 118, chiếm tỷ lệ cao 48,36% (118/244 vụ án KDTM), trong đó phần lớn được thụ lý, giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm (79/118 vụ = 66,95%). Bên cạnh đó, Tham luận đã nêu lên những nguyên nhân phát sinh tranh chấp HĐTD, những dạng vi phạm phổ biến, những quyết định kháng nghị giám đốc thẩm có chất lượng của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng trong việc phát hiện những vi phạm của Tòa án cấp dưới (như TSBĐ không đúng thực tế, bản án, quyết định không thi hành án được, việc ký kết phụ lục hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho những khoản vay phát sinh khác không đúng quy định...) được Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị. Đồng thời Tham luận cũng nêu lên một số kiến nghị, khuyến nghị hoàn thiện quy trình cho vay, xử lý TSBĐ và tăng cường quan hệ phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan để phòng ngừa và xử lý tố tụng.

Và một số bài viết của tác giả Thái Văn Đoàn liên quan đến đề tài luận án, như:

Bài viết “*Một số vấn đề cần lưu ý khi kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của tác giả Thái Văn Đoàn, trên Tạp chí Kiểm sát số 19/2020 [3], thông qua công tác kiểm sát việc giải quyết loại án này trên thực tiễn, tác giả đã tập hợp, phân tích những lỗi, vi phạm, thiếu sót có tính phổ biến của Tòa án khi xác định tư cách tố tụng, chủ thể ký HĐTD, lãi suất, phạt vi phạm, TSBĐ... từ những vụ án cụ thể, từ đó đưa ra những lưu ý quan trọng khi kiểm sát giải quyết loại án này.

Bài viết “*Giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Tòa án - thực trạng và giải pháp*” của tác giả Thái Văn Đoàn và đồng tác giả Nguyễn Thị Thục, giảng viên Học viện Ngân hàng tại

Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia của Học viện Ngân hàng “*Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài và Hoà giải thương mại trong lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng ở Việt Nam*”- Nhà xuất bản Lao động năm 2022 [4]. Bài viết nhấn mạnh phương thức giải quyết tranh chấp HĐTD bằng con đường Toà án là phương thức được đương sự lựa chọn chủ yếu hiện nay, đặt trong mối quan hệ so sánh với các phương thức giải quyết tranh chấp khác: thương lượng; hoà giải thương mại theo Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hoà giải thương mại; phương thức hoà giải trước khi Toà án thụ lý vụ án theo Luật Hoà giải và đối thoại tại Toà án năm 2020 và phương thức giải quyết bằng Trọng tài thương mại theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Bài viết phân tích những ưu điểm và hạn chế của từng phương thức giải quyết tranh chấp, dẫn chứng các số liệu giải quyết tranh chấp bằng Toà án, từ đó nhấn mạnh vai trò, vị trí quan trọng của phương thức giải quyết bằng con đường Toà án trong việc giải quyết tranh chấp HĐTD theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Qua đó, công tác kiểm sát cũng cần nắm rõ quy định về các phương thức giải quyết tranh chấp này để kiểm sát chặt chẽ thẩm quyền của Toà án trong quá trình giải quyết tranh chấp HĐTD.

Bài viết “*Nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài tại Tòa án ở Việt Nam*” của tác giả Thái Văn Đoàn trên Tạp chí Cộng sản điện tử ngày 07/3/2023 [9]. Bài viết nhận diện những đặc trưng của tranh chấp KDTM có yếu tố nước ngoài (trong đó có tranh chấp HĐTD) đang phát sinh ngày càng nhiều trong bối cảnh thế giới đang “Toàn cầu hoá”, cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang diễn ra rất nhanh chóng và Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với thế giới trên hầu hết các lĩnh vực. Những vấn đề lưu ý về thẩm quyền giải quyết của TAND, về thu thập chứng cứ, áp dụng pháp luật tố tụng, nội dung để giải quyết. Đồng thời, đưa ra một số giải pháp, kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam tương thích với pháp luật thế giới trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; khấn trương nâng cao năng lực,

trình độ cho đội ngũ Thẩm phán, Kiểm sát viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới... [166].

Bài viết: “*Đề nghị bổ sung quy định liên quan đến chế định tài sản bảo đảm vào Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi*” của tác giả Thái Văn Đoàn tại Hội thảo “*Góp ý sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng*” do Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tháng 11/2023 [6]. Bài viết chỉ ra khoảng trống trong Luật Các tổ chức tín dụng khi hầu như Luật này không đề cập đến vấn đề tài sản bảo đảm, có vai trò rất quan trọng, không thể thiếu trong đa số hoạt động cho vay của các TCTD, nhằm bảo đảm việc khách hàng vay nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và các khoản phí (nếu có), trường hợp không trả được nợ, thì phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay. Qua đó, tác giả đề nghị bổ sung vào dự thảo quy trình xem xét, thẩm định, xử lý tài sản bảo đảm. Đồng thời, tác giả cũng tham gia bình luận làm rõ thêm cơ sở pháp lý về quyền thu giữ tài sản bảo đảm và vấn đề thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý TSBD trong dự thảo Luật các TCTD.

Bài viết “*Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp*” của tác giả Thái Văn Đoàn trên Tạp chí Cộng sản điện tử ngày 14/4/2024, Bài viết nhấn mạnh vị trí, tầm quan trọng của thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự; thực trạng thụ lý, giải quyết đơn của đương sự, thông báo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm (trong đó có đơn đề nghị kháng nghị đối với bản án, quyết định giải quyết tranh chấp HĐTD) ngày càng gia tăng lên đến trên chục ngàn đơn mỗi năm; những yêu cầu đặt ra của Đảng, Nhà nước đối với cơ quan tư pháp trong việc giải quyết đơn; những nỗ lực, cố gắng, quyết tâm của VKSND, TAND có thẩm quyền; những hạn chế, tồn tại của thủ tục này và những giải pháp hoàn thiện. Nhằm phục vụ nhiệm vụ “*Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*” mà Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (viết tắt là Nghị quyết 27-NQ/TW) đề ra.

Trên đây là một số công trình khoa học tiêu biểu có liên quan đến đề tài luận án. Với các cách tiếp cận khác nhau, các công trình nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực tín dụng ngân hàng, HĐTD, hợp đồng bảo đảm (chủ yếu là hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng cầm cố tài sản) trong nước và một số nước trên thế giới; liên quan đến việc giải quyết tranh chấp HĐTD. Đặc biệt có tài liệu đã đưa ra một số nhận định đánh giá về hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD. Tuy nhiên, các đề án, đề tài, luận án công trình khoa học trong nước nêu trên chưa đi sâu làm rõ cơ sở lý luận, chức năng, vị trí, vai trò của Viện kiểm sát và thực tiễn hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật, nhằm bảo đảm hoạt động giải quyết vụ án KDTM tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm được kịp thời, chính xác, đúng pháp luật, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và những giải pháp kiến nghị nhằm hoàn thiện, nâng cao chất lượng kiểm sát, qua đó góp phần bảo đảm sự an toàn của hệ thống tín dụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, lợi ích nhà nước. Mặt khác, có một số công trình khoa học, luận án được công bố đã lâu căn cứ vào những quy định pháp luật đã hết hiệu lực.

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở NƯỚC NGOÀI

1.2.1. Những công trình khoa học nghiên cứu về tín dụng

Một số công trình khoa học tiêu biểu ở nước ngoài liên quan đến đề tài luận án của tác giả, chẳng hạn như:

Tác giả Edward K. Reed, Edward K. Grill trong tác phẩm “*Commercial Banking*” (“*Ngân hàng thương mại*”) do Nhà xuất bản Prentice Hall- Mỹ xuất bản vào năm 1989 [153], Công trình đã tổng quan tương đối đầy đủ các quy định về hoạt động tín dụng, TSBD, xử lý khoản vay ngân hàng ở nước ngoài (nước có nền pháp luật tác động mạnh mẽ đến các quốc gia theo Hệ thống Thông luật- Common Law). Tài liệu có giá trị tham khảo, giúp luận án làm sáng tỏ những đặc trưng của giao dịch cho vay trong hoạt động tín dụng, những tiêu chí đánh giá hiệu quả của quy trình vay, cung cấp thêm những quy định của pháp luật nước ngoài để so sánh, đối chiếu với các quy định của pháp luật Việt Nam nhằm hoàn thiện pháp luật về tín dụng.

Nghiên cứu của các Luật sư Sealy và RJA Hooley trong tác phẩm “*Commercial Law -Text, Cases and Materials*” (dịch ra tiếng Việt là “*Luật Thương mại -Văn bản quy định, Những tình huống và Các trường hợp cụ thể*”) xuất bản năm 2003 [164]. Các tác giả đã tập trung phân tích các biện pháp nghiệp vụ tín dụng thương mại; doanh nghiệp; biện pháp bảo đảm bằng tài sản, biện pháp tín chấp... Nghiên cứu làm sáng tỏ những đặc trưng về từng nhóm khách hàng vay, những rủi ro tiềm ẩn đối với từng loại TSBD, đưa ra một số khuyến nghị có giá trị ứng dụng cao để bảo đảm khoản vay an toàn khi ngân hàng cho vay từng nhóm khách hàng vay có cùng lợi ích.

Tác giả Christopher L. Allen, David F. Freeman, Jr., Michael và nhóm tác giả trong Nghiên cứu: “*US Regulation of Bank Lending*” (dịch ra tiếng Việt là “*Luật Cho vay ngân hàng ở Mỹ*”), phát hành tháng 8/2015 [151], Nghiên cứu này đã nhấn mạnh đến vai trò cốt lõi của TCTD khi cho vay, hệ thống hóa tương đối đầy đủ các quy định về cho vay ở Mỹ; đồng thời tiếp cận, tìm hiểu thêm pháp luật điều chỉnh cho vay trong lĩnh vực tín dụng ở Mỹ; đối chiếu, so sánh với hoạt động tín dụng ở Việt Nam, từ đó rút ra những kinh nghiệm từ thực tiễn Việt Nam về các quy định: những chủ thể bị giới hạn cho vay, quyền tiếp cận cho vay, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động cho vay, bảo đảm khả năng thu hồi vốn, lãi hoặc xử lý TSBD trong trường hợp khách hàng không thanh toán tiền vay gốc và lãi.

Sách “*The modern contract of guarantees*” (“*Hợp đồng bảo lãnh hiện đại*”) của tác giả Thomson Reuters xuất bản năm 2003 [165] và được tái bản lần thứ 3 tại Australia, được coi là cuốn sách hàng đầu trong lĩnh vực tín dụng thương mại bảo lãnh, sách tập trung vào những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu lực của bảo lãnh thời hạn, thời hiệu xây dựng hợp đồng bảo lãnh, những điều khoản thông thường, những nguyên tắc đặc biệt có thể áp dụng cho hợp đồng bảo lãnh, quyền của người bảo lãnh... Đây là những kinh nghiệm quý cho Việt Nam trong việc nâng cao chất lượng hoạt động cho vay có sử dụng biện pháp bảo lãnh.

Về nguyên tắc, phương thức xử lý tài sản thế chấp, trong tác phẩm “*Mortgages in transition economies*” (“*Thế chấp trong các nền kinh tế chuyển đổi*”) của các tác giả John Simpson & Frederique Dahan do the European Bank for Reconstruction and Development (Ngân hàng tái thiết và phát triển Châu Âu (viết tắt là EBRD) xuất bản năm 2008 [154] có đề cập đến vấn đề thực thi quyền thế chấp tài sản. Theo đó, để thực thi một quyền thế chấp cần có 03 bước cơ bản: i) Bên nhận thế chấp phải thiết lập quyền được phép thực thi; ii) Thực hiện các biện pháp thực thi đối với tài sản thế chấp; iii) Thanh toán phân bổ số tiền thu được từ việc thực hiện quyền thực thi tài sản thế chấp. Việc xử lý tài sản thế chấp theo nguyên tắc: i) Bên nhận thế chấp nên được trao quyền tiến hành thực thi đối với tài sản thế chấp khi khoản nợ có bảo đảm đến hạn không được trả và số tiền bán tài sản thế chấp thu được sẽ dùng thoả mãn quyền của bên nhận thế chấp trước các chủ nợ khác; ii) Thủ tục thực thi phải đảm bảo để tài sản thế chấp được bám sát nhất với giá thị trường; iii) Việc thế chấp nên được tiếp tục và thực thi ngay cả khi bên thế chấp bị vỡ nợ hay phá sản... về vai trò của Toà án, cuốn sách cho rằng không nên có yêu cầu bắt buộc việc thực thi thế chấp phải thông qua Toà án. Nếu bên nhận thế chấp và bên thế chấp đồng thuận thì hoàn toàn do các bên quyết định việc xử lý tài sản thế chấp. Chỉ khi nào các bên không nhất trí hoặc một trong các bên gây thiệt hại cho bên kia thì Toà án giữ vai trò như trọng tài để phán xét công bằng. Cuốn sách là kinh nghiệm quý cho Việt Nam trong hoạt động cho vay có sử dụng biện pháp thế chấp tài sản là biện pháp mà các TCTD Việt Nam đang sử dụng khá phổ biến, nhưng hiện trạng cũng đang gặp rất nhiều khó khăn, rủi ro trong việc xử lý tài sản thế chấp và vai trò của Toà án trong giải quyết những tranh chấp về xử lý tài sản thế chấp mà các bên liên quan không thoả thuận được.

Cuốn sách “*A guide to bussiness law*” (“*Hướng dẫn Luật Doanh nghiệp*”) của tác giả Jonh Carvan & Jonh Gooley [155] chỉ ra rằng: Người nhận thế chấp không thể mua tài sản thế chấp cho chính bản thân mình. Người nhận thế chấp có thể bán tài sản cho một tập đoàn mà mình là cổ đông

nhưng trong trường hợp này phải hành động hết sức thận trọng. Chấn hạn như bên nhận thế chấp có thể sử dụng các chuyên gia độc lập để tiến hành việc bán tài sản, quá trình bán tài sản phải tuân thủ đầy đủ các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật và mức giá đã trả là thích hợp. Việc xử lý TSTC được nêu trong cuốn sách này cũng là tài liệu quý về phương thức, quy trình xử lý và việc bảo đảm giá trị tốt nhất của TSTC.

Về điều kiện của tài sản thế chấp, trong cuốn sách “*Problems and Materials on secured transactions*” (“*Vấn đề và tài liệu về giao dịch bảo đảm*”) năm 2010, Douglas J. Whaley and Stephen M. McJohn [152] có nhận định bên thế chấp khôn ngoan phải xác định được các vấn đề sau liên quan đến tài sản thế chấp: i) Kiểm tra tên chủ sở hữu của bên vay trên tài sản thế chấp trong hiện tại và quá khứ gần để bảo đảm sự phù hợp đối với tất cả văn bản, tài liệu; ii) Làm lại hồ sơ nếu tên của bên vay thay đổi; iii) Miêu tả cụ thể và đầy đủ về tài sản thế chấp trên tất cả các văn bản; iv) Yêu cầu tìm hiểu nguồn gốc của tài sản để chứng minh quyền sở hữu tài sản của bên thế chấp và để chắc chắn rằng quyền yêu cầu của các chủ nợ trước đó đối với tài sản đã không còn giá trị. Đây là những kinh nghiệm quý về việc xác định nguồn gốc TSBĐ, tính chất pháp lý, minh bạch của chủ sở hữu tài sản, đặc điểm của tài sản, qua đó góp phần bảo đảm sự an toàn của tài sản, tránh rủi ro, khiếm khuyết của TSBĐ.

Công trình nghiên cứu “*Asset- Based lending*” (“*Cho vay dựa trên tài sản bảo đảm*”) của tác giả Peter Clarke [161], đã phân tích sâu sắc mối liên hệ, vai trò, giá trị của TSBĐ đối với khoản vay, dựa vào quy định của Bộ luật Thương mại thống nhất UNIFORM COMMERCIAL CODE (UCC) về tiêu chuẩn hóa các giao dịch kinh doanh, giao dịch bảo đảm và thực tiễn trong hoạt động của TCTD; đồng thời chỉ rõ những phương pháp về cách thức định giá TSBĐ và sự tác động của kết quả định giá đối với giá trị của khoản vay. Đây là những vấn đề có tính cốt lõi trong mối quan hệ giữa hoạt động cho vay và biện pháp bảo đảm cần được Việt Nam nghiên cứu làm sáng tỏ về mặt lý luận và thực tiễn để bảo đảm tính an toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng.

1.2.2. Những công trình nghiên cứu về vai trò, vị trí của Viện kiểm sát (Viện công tố) một số nước trên thế giới

Trong tác phẩm *"Bàn về chế độ song trùng trực thuộc và pháp chế"* của V. I. Lê nin [59], Người viết *"Pháp chế sẽ không thể là pháp chế của tỉnh Ca-lu-ga hoặc của tỉnh Ca-dan được, mà phải là pháp chế duy nhất cho toàn nước Nga và cho cả toàn thể Liên bang Cộng hòa Xô-viết"* và để bảo đảm một nền pháp chế duy nhất đó, vai trò, nhiệm vụ của Viện công tố (Viện kiểm sát) có tính đặc thù: *"Ủy viên công tố có quyền và có bổn phận chỉ làm một công việc mà thôi tức là: Làm thế nào cho trong toàn nước Cộng hòa có một sự nhận thức thật sự nhất trí về pháp chế, dù là ở các địa phương có những đặc điểm và những ảnh hưởng như thế nào chăng nữa"*. Để thực hiện yêu cầu nhiệm vụ hết sức quan trọng đó, tổ chức và hoạt động của Viện công tố/ Viện kiểm sát phải được tổ chức độc lập, thông suốt từ trung ương đến địa phương, Lê nin đã đi đến đề nghị: *"trong trường hợp này, nên bác bỏ chế độ "song trùng" trực thuộc, nên quy định cho Viện công tố địa phương chỉ trực thuộc vào Trung ương"*.

Sau Cách mạng tháng Mười Nga, Viện kiểm sát ở Liên Xô được thành lập lại vào năm 1922, hệ thống cơ quan Viện kiểm sát Liên bang Xô viết có chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của chính quyền hành pháp, các Xô viết địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức quần chúng, hệ thống Tòa án.

Sau đó, mặc dù có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, song mục đích của việc thực hiện chức năng kiểm sát là để đảm bảo pháp luật được tuân thủ, thi hành nghiêm chỉnh và thống nhất, về cơ bản vẫn giữ vị trí, vai trò có tính đặc trưng, thể hiện: Viện kiểm sát tham gia tố tụng để bảo đảm vị thế tối cao của luật, củng cố, tăng cường và bảo đảm tính thống nhất của pháp chế trong toàn bộ liên bang, đồng thời, Viện kiểm sát kiểm sát việc Tòa án giải quyết vụ án phải bảo đảm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của những đối tượng mà sự vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp này có ảnh hưởng nghiêm trọng về phương diện xã hội... Từ đó, tổ chức và hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát Liên bang Nga về cơ bản được giữ nguyên cho đến ngày hôm nay và được khẳng định trong các Hiến pháp năm 1936, 1977, 1993 [56; 116]

Tại Đề án Khoa học cấp Bộ năm 2023 của VKSND tối cao: “*Nghiên cứu tổ tụng công ích ở Trung Quốc và vai trò của Viện kiểm sát nhân dân Trung Quốc trong tổ tụng công ích - Bài học kinh nghiệm và đề xuất, kiến nghị đối với Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam*” [136, tr.36] cho thấy, VKSND tối cao Trung Quốc nếu phát hiện bản án, quyết định tổ tụng công ích đã có hiệu lực pháp luật của TAND các cấp hoặc VKSND cấp trên phát hiện bản án, quyết định tổ tụng công ích (gồm 04 lĩnh vực trọng điểm, trong đó việc bảo vệ tài sản quốc gia, chuyển nhượng quyền sử dụng đất công) đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp dưới có sai phạm làm tổn hại đến lợi ích quốc gia thì phải kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm theo hướng đề nghị TAND có thẩm quyền của Trung Quốc xét xử huỷ sửa bản án, quyết định tổ tụng công ích đã có hiệu lực pháp luật nhưng có sai phạm. Liên hệ với Việt Nam, VKSND có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định liên quan đến lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng, lợi ích của người thứ 3 thuộc trường hợp phải ưu tiên kháng nghị để bảo vệ và trong trường hợp này không cần phải có đơn của đương sự. Về thẩm quyền kháng nghị của VKSND Trung Quốc theo Luật tổ chức VKSND, xét trên phạm vi rộng hơn, không chỉ dừng lại ở thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định tổ tụng công ích, mà VKSND Trung Quốc cấp có thẩm quyền kháng nghị đối với tất cả bản án, quyết định dân sự, thương mại.

Hơn nữa, VKSND Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng với VKSND Việt Nam, về chế độ chính trị XHCN do chính Đảng Cộng sản lãnh đạo, tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước hai nước đều thực hiện triệt để nguyên tắc tập trung, thống nhất trong lãnh đạo, song có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan Nhà nước (Quốc hội, Chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao) trong việc thực hiện các nhánh quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Về vị trí, vai trò của VKSND rất quan trọng trong hệ thống bộ máy nhà nước, tại Điều 136 Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1982, sửa đổi, bổ sung lần gần đây nhất năm 2018 quy định: “Viện kiểm sát nhân dân độc lập thực hiện quyền kiểm sát theo quy định của pháp

luật và không chịu sự can thiệp của các cơ quan hành chính, tổ chức xã hội và cá nhân”, Điều này thể hiện được chế định VKSND được tổ chức độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, không phụ thuộc vào cơ quan, tổ chức nào. Trong tố tụng dân sự, theo Luật Tố tụng dân sự năm 1991, sửa đổi, bổ sung lần gần đây nhất năm 2017 của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa quy định VKSND Trung Quốc có “quyền giám sát tư pháp đối với các vụ án dân sự” (Điều 14) và VKSND tối cao, VKSND địa phương có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án gây tổn hại đến quốc gia, lợi ích công cộng hoặc lợi ích xã hội (Điều 208) và để thực hiện quyền kháng nghị, Luật Tố tụng dân sự Trung Quốc cũng quy định Viện kiểm sát có quyền điều tra, xác minh các tình tiết liên quan với đương sự hoặc những người ngoài vụ án (Điều 210). Những quy định nêu trên đã tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho hoạt động một cách rất có hiệu quả của VKSND Trung Quốc trong tố tụng dân sự. Nghiên cứu này cho thấy, VKSND Việt Nam có nhiều điểm tương đồng với VKSND Trung Quốc đã mang đến cho Việt Nam những bài học kinh nghiệm quý giá trong việc tổ chức và hoạt động, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn... của VKSND ở Việt Nam.

Tác giả Nguyễn Ngọc Khánh trong bài viết về *“Vị trí, vai trò của Viện công tố Pháp, Viện kiểm sát Liên bang Nga và Viện kiểm sát Trung Quốc trong tố tụng dân sự”*, Tạp chí Kiểm sát số 01- 2008 [54] cho thấy, Viện công tố nước Cộng hòa Pháp tham gia khá sâu vào hoạt động tố tụng giải quyết vụ án dân sự với hai vị trí, với vị trí là bên Chính tố (là một bên đương sự chủ động phát động khởi kiện), Viện công tố Pháp tự mình khởi kiện (khởi tố) vụ án dân sự hoặc Viện Công tố tham gia tố tụng với tư cách bị đơn đại diện bảo vệ lợi ích của Nhà nước tại Tòa án khi bị kiện. Trong trường hợp này, Viện công tố Pháp là một bên đương sự thông thường trong vụ án dân sự và có đầy đủ quyền, nghĩa vụ như các bên khác (kể cả quyền kháng cáo theo thủ tục phá án - giám đốc thẩm). Bên cạnh đó, Viện công tố Pháp cũng được giao thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục phá án (giám đốc thẩm) trong TTDS [53]. Trong chiều dài lịch sử, Việt Nam cũng chịu nhiều ảnh hưởng của nước Pháp

trong việc xây dựng tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước nói chung và bộ máy cơ quan tư pháp nói riêng do thời gian dài gần 100 năm Thực dân Pháp đô hộ Việt Nam. Về tổ chức và hoạt động của hệ thống TCTD, Pháp đã thành lập tổ chức Ngân hàng Đông Dương đầu tiên ở Việt Nam vào năm 1875. Năm 1945, Việt Nam giành được độc lập và thay đổi tổ chức, hoạt động bộ máy nhà nước theo mô hình các nước XHCN, chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan nhà nước cũng nhiều thay đổi, song ít nhiều vẫn còn ảnh hưởng bởi tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Pháp, trong đó có việc tổ chức hoạt động của Viện công tố/ Viện kiểm sát.

Cũng theo nghiên cứu của tác giả Nguyễn Ngọc Khánh về *Vị trí, vai trò của Viện công tố Hoa Kỳ, Viện công tố Nhật Bản, Viện công tố Cộng hòa Indonesia trong tố tụng dân sự*, Tạp chí Kiểm sát số 03- 2008 [55] cho thấy:

Cơ quan Công tố Hoa Kỳ cũng được giao nhiệm vụ tham gia trong tố tụng dân sự để bảo vệ lợi ích Nhà nước Hoa Kỳ, lợi ích công cộng. Cụ thể:

Một là, thông qua chức năng đại diện cho Hợp chủng quốc Hoa Kỳ hay Chính phủ Hoa Kỳ, cũng như cho các cơ quan hành pháp liên bang, các cơ quan hành pháp tiểu bang trong các khiếu kiện dân sự nếu các đối tượng này là một bên tham gia tranh chấp (với tư cách là nguyên đơn hoặc với tư cách là bị đơn); và trong những trường hợp này, các Công tố viên tham gia tố tụng có vị trí như một bên đương sự.

Hai là, tham gia để bảo vệ và củng cố luật pháp, chương trình và chính sách của chính quyền liên bang trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, trong một số trường hợp nhất định, Văn phòng Tổng Chương lý có thể khởi kiện yêu cầu bãi bỏ các văn bản pháp luật, nếu việc áp dụng chúng làm hạn chế quyền và lợi ích hợp pháp của các công dân.

Ba là, với mục đích bảo đảm việc thực hiện công lý công bằng và trong sạch đối với tất cả công dân Mỹ, Văn phòng Tổng Chương lý có thể tiến hành kiện tụng nhằm bảo vệ chính sách “cơ hội ngang bằng”, không phân biệt đối xử đối với những nhóm người chịu thiệt thòi trong xã hội (như phụ nữ, người bị tàn tật, người dân tộc thiểu số, người da đen...).

Cơ quan Công tố Indonesia, nước theo hệ thống pháp luật Hồi giáo cũng được trao thẩm quyền khá rộng: Cơ quan Công tố Indonesia có quyền tiến hành các hoạt động pháp lý đại diện và phục vụ cho lợi ích của Nhà nước và Chính phủ trong và ngoài Tòa án với tư cách là nguyên đơn hoặc bị đơn trong các án kiện tại Tòa án hay là một bên tham gia đối với các vụ việc pháp lý giải quyết ngoài Tòa án. Cơ quan Công tố Indonesia cũng có thẩm quyền kháng nghị đối với các vụ án dân sự lên Tòa án tối cao. Theo quy định tại điểm d Điều 35 Luật Tổ chức cơ quan Công tố Indonesia (Luật số 16/2004 được Quốc hội thông qua ngày 26/7/2004).

Việc khảo sát một số công trình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến đề tài luận án cho thấy, tuy với tên gọi là Viện kiểm sát hay Viện Công tố, mỗi cơ quan ở các nước có chế độ chính trị khác nhau, tổ chức, hoạt động khác nhau, xuất phát từ các phương thức tổ chức quyền lực khác nhau, theo các hệ thống pháp luật khác nhau, song các cơ quan này có nhiều đặc điểm tương đồng, đó là không chỉ tham gia vào lĩnh vực tố tụng hình sự mà còn có vai trò, vị trí quan trọng trong lĩnh vực tố tụng dân sự, trong đó cơ quan này ở nhiều nước còn có thẩm quyền kháng nghị đối với những bản án, quyết định dân sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật do có vi phạm pháp luật. Những nghiên cứu trên, giúp Nghiên cứu sinh làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận về vị trí, vai trò của Viện kiểm sát/Viện công tố trong tố tụng dân sự nói chung ... Từ đó, rút ra những giá trị tham khảo cho tổ chức, hoạt động của VKSND của Việt Nam và cho hướng nghiên cứu của Nghiên cứu sinh trong việc xây dựng và hoàn thiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự, KDTM, kiểm sát việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC LÀM RÕ

1.3.1. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu

Có thể thấy, việc tổng quan tình hình nghiên cứu của các công trình khoa học trong nước và nước ngoài nêu trên, đã có những giá trị nhất định về lý luận và thực tiễn mà nghiên cứu sinh có thể tham khảo, kế thừa có chọn lọc

trong quá trình nghiên cứu hoàn thiện luận án của mình. Một số kết quả nghiên cứu trong các công trình có thể tham khảo, cụ thể như:

Một là, một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn về HĐTD, hợp đồng bảo đảm (chủ yếu là hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng cầm cố tài sản) trong nước và một số nước trên thế giới. Các quy định pháp luật liên quan, việc giải quyết tranh chấp HĐTD, hợp đồng bảo đảm, kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc, một số giải pháp hoàn thiện và kiến nghị sửa đổi, bổ sung những quy định pháp luật liên quan... Đây là những gợi ý hữu ích để Nghiên cứu sinh xây dựng khái niệm, đặc điểm về kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD.

Hai là, một số công trình nghiên cứu đã phân tích thực trạng pháp luật về tín dụng, về giải quyết tranh chấp HĐTD, như các quy định tại Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng, các nghị quyết, nghị định, thông tư hướng dẫn về hợp đồng vay tài sản trong đó có HĐTD và các biện pháp bảo đảm.

Ba là, một số công trình nghiên cứu đã có những gợi mở việc hoàn thiện pháp luật về tín dụng, về biện pháp bảo đảm, về vai trò, vị trí của VKSND trong kiểm sát giải quyết các vụ án KDTM, trong đó có tranh chấp HĐTD.

Tuy vậy, các công trình kể trên, với nhiều cách tiếp cận khác nhau mới chỉ đề cập đến một số khía cạnh cụ thể liên quan đến tín dụng, HĐTD, hợp đồng bảo đảm, giải quyết tranh chấp HĐTD, kiểm sát giải quyết vụ án KDTM trong nước và ngoài nước, vai trò, vị trí của Viện kiểm sát/ Viện công tố trong tổ tụng dân sự một số nước trên thế giới ... Đến nay, có thể nhận thấy, chưa có công trình nào nghiên cứu có hệ thống, toàn diện về cơ sở lý luận và thực tiễn kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra luận án cần tiếp tục làm rõ

Những kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học kể trên đã cung cấp cho Nghiên cứu sinh những thông tin, cách tiếp cận vấn đề khi nghiên cứu đề tài, cũng như việc lựa chọn và sử dụng một số phương pháp nghiên cứu. Tuy vậy, như đã trình bày ở trên, nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn về kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện.

Do đó, với cách tiếp cận nghiên cứu của ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, đề nghiên cứu toàn diện và hệ thống về cơ sở lý luận và thực tiễn kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam, Nghiên cứu sinh đã kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu của các công trình và xác định một số vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra cần tiếp tục làm rõ, cụ thể:

Về lý luận, nghiên cứu xây dựng khái niệm kiểm sát việc Tòa án giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND; chỉ ra các đặc điểm, vai trò của kiểm sát việc Tòa án giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND; phân tích các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục, phương thức kiểm sát việc giải quyết; các điều kiện bảo đảm và nghiên cứu có chọn lọc về Viện kiểm sát/ Viện công tố của một số nước trên thế giới trong tố tụng dân sự, để từ đó chỉ ra những giá trị có thể tham khảo cho Việt Nam.

Về thực tiễn, phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng kiểm sát việc Tòa án giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam hiện nay (nêu bật kết quả đạt được, chỉ rõ những hạn chế và nguyên nhân).

Về quan điểm, giải pháp, từ kết quả nghiên cứu toàn diện, hệ thống lý luận và thực tiễn về kiểm sát việc Tòa án giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam, luận án cần xác định được hệ thống các quan điểm và đề xuất các giải pháp bảo đảm kiểm sát việc giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam trong thời gian tới.

1.4. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.4.1. Giả thuyết nghiên cứu

Từ những phân tích, tổng hợp tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, nghiên cứu sinh xác định giả thuyết nghiên cứu như sau:

Ở Việt Nam, hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND đã đạt được những kết quả quan trọng, qua đó bảo đảm hoạt động tín dụng phát triển lành mạnh, góp phần thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển bền vững. Tuy vậy, tình trạng số lượng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới bị Tòa án

cấp trên huỷ, sửa theo thủ tục giám đốc thẩm chiếm tỷ lệ cao đã ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự; trong khi đó, VKSND chưa kịp thời phát hiện các vi phạm, thiếu sót của Toà án để thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị ngay từ giai đoạn tố tụng đầu tiên. Thực trạng trên đòi hỏi cần có những giải pháp toàn diện bảo đảm kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam trong thời gian tới.

1.4.2. Câu hỏi nghiên cứu

Từ giả thuyết nghiên cứu, luận án cần làm sáng tỏ các câu hỏi nghiên cứu sau:

1. Để đánh giá được thực trạng kiểm sát việc Tòa án giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam cần dựa trên hệ thống cơ sở lý luận nào?

2. Hệ thống lý luận liên quan đến hoạt động kiểm sát việc Tòa án giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam đã hoàn thiện hay chưa ? Nếu chưa hoàn thiện thì còn thiếu những vấn đề lý luận gì cần bổ sung?

3. Những yếu tố nào ảnh hưởng đến thực trạng kiểm sát việc giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam? Những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của kết quả, hạn chế trong hoạt động này như thế nào?

4. Để bảo đảm kiểm sát việc giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam trong thời gian tới cần quán triệt những quan điểm nào và cần những giải pháp gì?

Kết luận Chương 1

Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, đa số doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân ở Việt Nam thuộc mọi quy mô, mức độ khác nhau đều có nhu cầu vay vốn tín dụng để phục vụ sản xuất, kinh doanh, dẫn đến có tranh chấp phát sinh và việc giải quyết tranh chấp về HĐTD trong nhiều vụ án vẫn có những sai sót, vi phạm. Do vậy,

việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về kiểm sát việc giải quyết các vụ án KDTM đã thu hút sự quan tâm của các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước. Các công trình nghiên cứu khoa học, như đề án, đề tài khoa học cấp bộ, các luận án, sách chuyên khảo, bài viết trong nước, các công trình nghiên cứu nước ngoài chủ yếu nghiên cứu về HĐTD, giải quyết tranh chấp HĐTD, về vị trí, vai trò của Viện kiểm sát trong bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị ... Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, nghiên cứu sinh đã xác định được những nội dung có thể kế thừa, tiếp thu và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục tập trung nghiên cứu, làm rõ trong luận án. Đồng thời, đã xây dựng được giả thuyết nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu và sẽ được làm rõ ở các chương tiếp theo.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

2.1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

2.1.1. Những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân

2.1.1.1. Khái niệm tín dụng, tổ chức tín dụng, hợp đồng tín dụng, tranh chấp hợp đồng tín dụng, kinh doanh, thương mại

Để làm rõ những vấn đề lý luận về kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm, trước tiên, cần làm rõ các khái niệm thành phần cấu thành, khái niệm liên quan về tín dụng; tranh chấp HĐTD và khái niệm kinh doanh, thương mại.

** Khái niệm tín dụng*

Khái niệm “Tín dụng” thể hiện mối quan hệ giữa người cho vay (đa số là TCTD) và người vay có sự tin tưởng, tín nhiệm, khi chuyển giao một lượng tiền cho người đi vay (còn gọi là khách hàng gồm các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân), họ có cơ sở tin tưởng người đi vay sẽ trả nợ (cả vốn lẫn lãi) đúng hạn dựa trên cơ sở năng lực, uy tín của người vay, TSBĐ cho khoản vay... Trong mối quan hệ này, người cho vay có nghĩa vụ chuyển giao tiền (là chủ yếu) hoặc hàng hoá cho vay cho người đi vay trong một khoảng thời gian nhất định. Người đi vay có nghĩa vụ trả số tiền hoặc giá trị hàng hoá đã vay khi đến hạn trả nợ có kèm theo (đa số) hoặc không kèm theo một khoản lãi. Hoạt động tín dụng là một trong những hoạt động nghiệp vụ kinh doanh chính của TCTD [113, tr.286].

** Khái niệm hợp đồng tín dụng*

Hợp đồng tín dụng là hợp đồng cho vay có sự thoả thuận của các bên, theo đó bên cho vay là các ngân hàng thương mại hoặc các TCTD khác, như hợp tác xã tín dụng, công ty tài chính ... giao cho bên vay (gồm cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức khác) có đủ điều kiện được vay một khoản tiền, tài sản nhất định để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời hạn nhất định với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và trả lãi [27, tr.32].

** Khái niệm tổ chức tín dụng*

Tổ chức tín dụng là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng như cho vay, nhận tiền gửi, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. Hệ thống TCTD ở Việt Nam, bao gồm phần lớn là các ngân hàng thương mại, bên cạnh đó, còn có các ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính), tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân (khoản 38 Điều 4 Luật các TCTD năm 2024).

Khi nghiên cứu khái niệm này cũng cần tìm hiểu thêm về lịch sử hình thành của TCTD ở Việt Nam, Tổ chức tín dụng ở Việt Nam có lịch sử hình thành từ lâu, ngày 21/01/1875, Tổng thống Pháp ký Sắc lệnh thành lập Ngân hàng Đông Dương, sau đó thành lập các Chi nhánh tại Sài Gòn, Hải Phòng vào năm 1885, Hà Nội vào năm 1887... Sau khi giành được chính quyền, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ngày 6/5/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 15/SL về việc thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam. Tiếp đến, Nghị định số 53/HĐBT ngày 26/3/1988 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thiết lập hệ thống ngân hàng chuyên doanh tách ra khỏi Ngân hàng Nhà nước. Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước, Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính năm 1990, Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các TCTD năm 1997, tiếp đến là Luật các TCTD năm 2010, Luật các TCTD năm 2024 đã đánh dấu sự phát triển và ngày càng hoàn thiện của hệ thống TCTD ở Việt Nam [42, tr.19, 55].

** Khái niệm tranh chấp hợp đồng tín dụng*

Khái niệm tranh chấp hợp đồng tín dụng hiểu theo nghĩa hẹp chỉ bao gồm tranh chấp phát sinh trong quan hệ tín dụng giữa TCTD và người vay về tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi suất, các loại phí tín dụng, phạt vi phạm ...theo HĐTD. Tuy nhiên, xét về phạm vi, bản chất của loại quan hệ tín dụng hầu hết gắn liền với quan hệ bảo đảm tiền vay nên tranh chấp HĐTD được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả tranh chấp HĐTD và tranh chấp hợp đồng bảo đảm cho HĐTD, đây là một dạng tranh chấp hợp đồng dân sự (nói chung) và là một dạng cụ thể, có tính chất đặc biệt của tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo đảm trong lĩnh vực tín dụng, nên khi áp dụng pháp luật giải quyết phải căn cứ vào các quy định pháp luật nội dung về hợp đồng (được quy định chủ yếu tại BLDS), do đây là lĩnh vực chuyên ngành về tín dụng ngân hàng nên tranh chấp HĐTD còn phải chịu sự điều chỉnh của luật chuyên ngành, các nghị quyết, nghị định, thông tư và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến tín dụng. Tuy nhiên, nếu vụ việc có yếu tố gian dối, lạm dụng tín nhiệm hoặc vi phạm các quy định về cho vay của các TCTD... ở mức độ nghiêm trọng, có dấu hiệu hình sự, thì không giải quyết vụ án bằng tố tụng dân sự mà giải quyết theo thủ tục tố tụng hình sự.

Theo đó, *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là một trong những dạng của tranh chấp dân sự, là những mâu thuẫn, bất đồng phát sinh từ việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng tín dụng như nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm ... hoặc tranh chấp hợp đồng bảo đảm tiền vay như bất đồng về nghĩa vụ bàn giao tài sản, tính hợp pháp của tài sản bảo đảm, phạm vi bảo đảm, người thứ ba liên quan đến tài sản bảo đảm ...* Các bên trong quan hệ tranh chấp có thể là giữa TCTD với cá nhân, tổ chức vay vốn đồng thời là người có TSBĐ hoặc giữa TCTD với bên vay vốn và bên có TSBĐ là bên thứ ba bảo đảm cho người vay vốn tại TCTD và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến HĐTD, hợp đồng bảo đảm như vợ hoặc chồng, thành viên hộ gia đình, người đang quản lý, sử dụng TSBĐ...

** Khái niệm kinh doanh, thương mại*

Kinh doanh, thương mại được hiểu là các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh hoặc chưa có đăng ký kinh doanh với nhau nhằm mục đích sinh lợi nhuận. Chẳng hạn, Ngân hàng A ký HĐTD cho Công ty B vay 100 tỷ đồng để đầu tư dây chuyền sản xuất hải sản xuất khẩu, trong quan hệ này, giữa 2 bên đều có mục đích lợi nhuận, muốn sử dụng dòng tiền vay để phát sinh hiệu quả kinh doanh tối đa. Cần phân biệt quan hệ kinh doanh, thương mại với quan hệ dân sự đơn thuần mà một trong các bên tham gia quan hệ nhằm mục đích phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày hoặc không có mục đích lợi nhuận, như Ngân hàng B ký HĐTD cho ông Nguyễn Văn A vay tiền để sửa chữa nhà ở, phục vụ sinh hoạt hàng ngày. Sự phân biệt mục đích này để phân loại, xác định vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo quy định tại Điều 30 BLTTDS năm 2015 thuộc phạm vi nghiên cứu của luận án, khác với vụ án dân sự đơn thuần về tranh chấp HĐTD theo quy định tại Điều 26 BLTTDS năm 2015 không thuộc phạm vi nghiên cứu của luận án.

2.1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng

Từ những khái niệm thành phần ở tiêu mục 2.1.1.1 nêu trên có thể đi đến khái niệm đầy đủ “Vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng là vụ án dân sự phát sinh do mâu thuẫn, bất đồng giữa bên cho vay là các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức mua nợ của tổ chức tín dụng với bên vay (là cá nhân, cơ quan, tổ chức), các bên đều nhằm mục đích lợi nhuận, hoặc với bên có tài sản bảo đảm và các bên liên quan trong lĩnh vực kinh doanh thương mại về tín dụng, về nghĩa vụ thanh toán tiền vay, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm, nghĩa vụ bàn giao, xử lý tài sản bảo đảm, người liên quan đến việc vay vốn, tài sản bảo đảm ... trong đó một trong các bên đã khởi kiện và được Tòa án thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, cần phân biệt khái niệm “*vụ án kinh doanh, thương mại*” và khái niệm “*việc kinh doanh, thương mại*” có điểm khác nhau cơ bản: vụ án KDTM là những tranh chấp về lĩnh vực kinh doanh, thương mại, có nguyên đơn đứng ra khởi kiện đối với bị đơn được Tòa án thụ lý, giải quyết; còn việc KDTM là việc của cá nhân, tổ chức (người yêu cầu) yêu cầu Tòa án công nhận quyền và nghĩa vụ cho cá nhân, tổ chức đó theo quy định tại Điều 31 BLTTDS năm 2015, không có tranh chấp, không có nguyên đơn, bị đơn, ví dụ: việc KDTM “yêu cầu hủy nghị quyết của hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn” [50].

Từ khái niệm trên, có thể chỉ ra một số đặc điểm của vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng như sau:

Một là, đặc thù về người khởi kiện (nguyên đơn) và người bị kiện (bị đơn)

Về lý thuyết, nguyên đơn khởi kiện có thể bất kỳ tổ chức, cá nhân nào tham gia HĐTD hoặc hợp đồng bảo đảm, như TCTD, khách hàng vay vốn, người có TSBĐ.... Thực tiễn kiểm sát cho thấy, nguyên đơn thường là TCTD (gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) [70] hoặc doanh nghiệp mua bán nợ của các TCTD như Công ty Quản lý tài sản của các TCTD (VAMC); bị đơn thường là người vay tiền mà phổ biến nhất trong quan hệ tín dụng này là những doanh nghiệp có quy mô lớn, nhỏ khác nhau, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài vay vốn nhằm mục đích lợi nhuận, nhưng quá trình thực hiện HĐTD đã vi phạm trong việc thanh toán tiền vay gốc, lãi suất, tiền phạt và/ hoặc vi phạm hợp đồng bảo đảm như TSBĐ có tranh chấp với người thứ ba, tài sản chung, tài sản riêng, chống đối việc xử lý TSBĐ bằng nhiều thủ đoạn khác nhau ... Đây là đặc trưng của vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, khác so với vụ án KDTM khác như vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng xây dựng... có chủ thể bất kỳ những ai.

Hai là, bản chất quan hệ hợp đồng tín dụng và việc bảo đảm cho quan hệ hợp đồng tín dụng này

Quan hệ tín dụng cũng là quan hệ vay mượn đa số có tính lãi giống như các hợp đồng vay tài sản thông thường, nhưng các tranh chấp vay tài sản thông thường chủ yếu áp dụng quy định của BLDS để giải quyết, trong khi đó, các tranh chấp HĐTD áp dụng luật chuyên ngành là Luật các TCTD và các văn bản hướng dẫn thi hành về lĩnh vực tín dụng, đây cũng là đặc trưng phân biệt với các vụ án tranh chấp hợp đồng vay thông thường; bên cạnh HĐTD thường đi kèm các hợp đồng bảo đảm, phổ biến nhất hiện nay là hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố tài sản, tín chấp, bảo lãnh ... nên còn phải áp dụng các quy định pháp luật về dân sự, hôn nhân gia đình, pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về giao dịch bảo đảm ... để giải quyết. Trong mối quan hệ giữa HĐTD và hợp đồng bảo đảm, HĐTD làm phát sinh quan hệ hợp đồng bảo đảm, nhiều người còn cho rằng đây là mối quan hệ giữa hợp đồng chính và hợp đồng phụ, khi hợp đồng chính (HĐTD) bị vô hiệu, huỷ bỏ thì hợp đồng phụ (hợp đồng bảo đảm) cũng bị chấm dứt theo [77]. Nhận thức này không chính xác, vì giữa 02 hợp đồng này có tính độc lập tương đối, khi HĐTD vô hiệu thì hợp đồng bảo đảm cũng chấm dứt trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác, khi HĐTD vô hiệu một phần hoặc đã được thực hiện một phần hoặc toàn bộ thì hợp đồng bảo đảm vẫn còn hiệu lực; ngược lại khi hợp đồng bảo đảm vô hiệu thì HĐTD không vì thế vô hiệu theo, mà vẫn có hiệu lực; theo quy định của Điều 407 BLDS năm 2015 thì hợp đồng chính và hợp đồng phụ *“không áp dụng đối với biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”* [36, tr.66].

Tài sản bảo đảm là yếu tố rất quan trọng, không thể thiếu trong đa số HĐTD do hoạt động cho vay tiềm ẩn tính rủi ro cao, sau khi ký HĐTD, thì TCTD giao tiền của mình cho người vay sử dụng, việc thu hồi vốn vay phụ thuộc rất nhiều vào thiện chí trả nợ, khả năng kinh doanh, sự tác động của thị trường...), trong trường hợp không thu hồi được vốn và lãi hoặc chỉ thu hồi được một phần, TCTD sẽ xử lý TSBĐ để bảo vệ quyền lợi của mình, nếu không có TSBĐ thì khoản vay có nguy cơ không thu hồi được cả vốn, lẫn lãi hoặc chỉ thu hồi được một phần, thực tế cho thấy khi rơi vào trường hợp này,

đa số khách hàng không có khả năng tự trả nợ cho TCTD [6]; hơn nữa, TSBĐ còn có ý nghĩa làm cơ sở để TCTD quyết định hạn mức số tiền cho vay. Biện pháp bảo đảm chủ yếu phổ biến nhất là thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh bằng tài sản (hay còn gọi là thế chấp của người thứ ba).

Tranh chấp HĐTD cũng làm phát sinh những tranh chấp về hợp đồng bảo đảm như hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản, khiến loại tranh chấp trở nên phức tạp hơn nhiều so với những tranh chấp khác, vì liên quan đến nhiều chủ thể có quyền về tài sản, nhiều chế độ pháp lý đối với từng loại tài sản khác nhau (như động sản, bất động sản, tài sản hình thành trong tương lai, TSBĐ là tiền tiết kiệm, vàng, kim khí, đá quý, hàng hóa lưu động...), tài sản bảo đảm có giá trị rất lớn hoặc đặc biệt lớn. Đây là đặc trưng phân biệt với các tranh chấp hợp đồng khác thường không phát sinh tranh chấp hợp đồng bảo đảm.

Về căn cứ pháp luật về nội dung áp dụng để giải quyết, khác với hợp đồng vay thông thường căn cứ chủ yếu BLDS năm 2015, ví dụ trần lãi suất bị khống chế bởi Điều 468 BLDS năm 2015 quy định lãi suất theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay [86], còn đối với HĐTD không quy định giới hạn trần lãi suất, mà do các bên thỏa thuận theo khoản 2 Điều 91 Luật các TCTD năm 2010 (Điều 100 Luật các TCTD năm 2024), trừ trường hợp cho vay không vượt quá mức lãi suất cho vay tối đa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định cho một số lĩnh vực như phát triển nông nghiệp, nông thôn, hàng xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ ... trong từng thời kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (viết tắt là Thông tư 39/2016/TT-NHNN).

Ba là, đối tượng của tranh chấp hợp đồng tín dụng

Đối tượng của tranh chấp HĐTD là khoản tiền mà TCTD cho vay, nhưng đến hạn khách hàng không thanh toán, hoặc thanh toán không đầy đủ tiền gốc, tiền lãi và TSBĐ (đây cũng là một trong những đặc thù của loại tranh chấp này, khác với đa số tranh chấp KDTM khác có đối tượng tranh

chấp là hàng hoá thông thường, dịch vụ). Tiền vay bằng đồng Việt Nam (là phổ biến nhất) và ngoại tệ (Điều 11 Thông tư 39/2016/TT-NHNN). Đối với việc cho vay bằng ngoại tệ phải tuân thủ nhiều điều kiện hạn chế, chỉ được cho vay theo 05 trường hợp quy định tại Thông tư số 42/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định cho vay bằng ngoại tệ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú, như cho vay ngắn hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa để phục vụ nhu cầu trong nước; cho vay trung hạn và dài hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ. Đối với cho vay bằng vàng thì kể từ ngày 23/8/2012, ngày ban hành Thông tư số 24/2012/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của TCTD, theo đó TCTD không được cho vay vốn bằng vàng đối với khách hàng và các TCTD khác. Như vậy, trường hợp phát hiện HĐTD cho vay vốn bằng vàng hoặc ngoại tệ trái với quy định nêu trên thì phải giải quyết tuyên giao dịch vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Hoặc đối tượng tranh chấp là tài sản bảo đảm (phổ biến nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, kho xưởng, máy móc, xe ô tô, chứng khoán, cổ phiếu, trái phiếu...) phát sinh từ hợp đồng bảo đảm tài sản. Trường hợp khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không có khả năng trả nợ, thì TCTD sẽ xử lý TSBĐ theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm, HĐTD. Tuy nhiên, không ít trường hợp người có TSBĐ chây ỳ, trốn tránh hoặc chống đối quyết liệt việc xử lý tài sản của TCTD, tài sản có tranh chấp với người thứ ba ... do vậy TCTD phải khởi kiện ra Tòa án.

Bốn là, hình thức và thể loại hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm

Hình thức của HĐTD phải được thể hiện bằng văn bản, ngôn ngữ bằng tiếng Việt hoặc vừa bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (Điều 6 Thông tư 39/2016/TT-NHNN), với các tên gọi "*hợp đồng tín dụng*", "*hợp đồng cấp tín*

dụng", "*hợp đồng tín dụng hạn mức*", "*hợp đồng kiêm khế ước vay*", "*hợp đồng cho vay*". Xét về nguyên tắc chung của hợp đồng theo quy định của BLDS, thì mọi hợp đồng đều được soạn thảo, thiết lập trên cơ sở sự thoả thuận, tự nguyện và bình đẳng của các bên tham gia, phù hợp với quy định pháp luật. Song cần lưu ý, đối với HĐTD và hợp đồng bảo đảm tiền vay, khi đàm phán, ký kết hợp đồng, đa phần TCTD là chủ thể có quyền quyết định về hạn mức cho vay, thời hạn vay, lãi suất, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm, loại TSBĐ ... và gần như ấn định loại mẫu HĐTD, hợp đồng bảo đảm do TCTD cung cấp [42] với nội dung dài theo hướng có lợi cho bên cung cấp mẫu hợp đồng, vì vậy, khách hàng cần lưu ý đọc kỹ những điều khoản của hợp đồng trước khi ký kết, nhất là điều khoản về lãi suất, lãi suất quá hạn, những trường hợp chuyển sang lãi suất quá hạn, phạt vi phạm, thời hạn vay, phương thức xử lý TSBĐ...

Thể loại HĐTD, xét theo thời hạn vay, gồm HĐTD ngắn hạn (tối đa 01 năm), HĐTD trung hạn (từ trên một năm đến tối đa 5 năm) và HĐTD dài hạn trên 5 năm [70]; xét theo mức độ tín nhiệm thì có loại HĐTD có tài sản bảo đảm và HĐTD không có tài sản bảo đảm, xét theo đối tượng tín dụng cho vay thì có 2 loại HĐTD vốn cố định và HĐTD vốn lưu động. Phương thức cho vay phổ biến là cho vay theo hạn mức, giải ngân theo từng khế ước, cho vay từng lần, cho vay một lần, cho vay theo dự án.

Năm là, giá trị hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm

Hợp đồng tín dụng trong lĩnh vực KDTM thường có giá trị lớn hơn nhiều so với HĐTD trong lĩnh vực tiêu dùng, hoặc phi lợi nhuận; HĐTD trong lĩnh vực này có giá trị hàng trăm triệu, hàng tỷ đồng, thậm chí hàng ngàn tỷ đồng do nhu cầu vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh của những doanh nghiệp là rất lớn, nhất là những doanh nghiệp có quy mô lớn như Tập đoàn Vingroup, SunGroup, Trường Hải... để thực hiện các “siêu dự án” bất động sản có giá trị lên đến hàng ngàn tỷ đồng như Vinhomes Smart City, Vinhomes Ocean park, Bà Nà Hill...; các dây chuyền sản xuất, lắp ráp ô tô Thaco, Vinfast, xe máy, điện thoại, sản xuất, kinh doanh thép, đồ gỗ, xuất

nhập khẩu... rất đa dạng, diễn ra trên hầu hết các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại. Để bảo đảm cho các khoản vay này, tài sản bảo đảm cũng có giá trị lớn tương ứng, thông thường tỷ lệ giá trị khoản vay bằng 70% giá trị tài sản bảo đảm. Do đó nếu phát sinh tranh chấp sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của TCTD trực tiếp cấp tín dụng và thậm chí cả hệ thống TCTD vốn rất nhạy cảm với các khoản nợ xấu, thu hồi vốn như thời gian gần đây; đồng thời cũng tác động lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh và người có tài sản bảo đảm, khi hàng ngày phải đối mặt với những khoản tiền gốc và lãi lên đến hàng chục triệu, hàng trăm triệu, thậm chí hàng tỷ đồng, nhất là khi bị chuyển sang nợ quá hạn được tính lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn. Vì vậy, nếu để thời gian giải quyết vụ án kéo dài sẽ ảnh hưởng lớn đến nhiều chủ thể và xét trong tính hệ thống là ảnh hưởng đến nền kinh tế và sự lưu thông an toàn của dòng vốn tín dụng.

Từ đó, đặt ra yêu cầu đối với cơ quan tiến hành tố tụng phải giải quyết loại án này thật khẩn trương, nhanh chóng theo đúng quy định về tố tụng, không để kéo dài và phải hạn chế thấp nhất việc giải quyết qua nhiều cấp tố tụng do bị huỷ sửa nhiều lần để bảo đảm quyền và lợi ích của các bên, tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội.

Sáu là, phương thức, thẩm quyền giải quyết tranh chấp

Hiện nay, pháp luật quy định có nhiều phương thức giải quyết tranh chấp KDTM, như bằng tố tụng Tòa án, tố tụng Trọng tài Việt Nam, hoặc bằng Tòa án, Trọng tài nước ngoài giải quyết... Song, do đặc thù của loại án KDTM về tranh chấp HĐTD liên quan đến nhiều đương sự, nhiều vụ án có yếu tố nước ngoài và do tính chất phức tạp của loại án này phải xác minh, thu thập nhiều loại tài liệu, chứng cứ, việc xử lý tài sản bảo đảm trong nhiều trường hợp phải cưỡng chế thi hành án để bảo đảm tính khả thi..., các bên tham gia hợp đồng thường lựa chọn phương thức giải quyết bằng Tòa án Việt Nam theo quy định của BLTTDS (như là một thông lệ) mà ít khi lựa chọn phương thức giải quyết bằng trọng tài hay phương thức giải quyết tranh chấp khác... [36; 44]. Do vậy, kiểm sát về thẩm quyền giải quyết của Tòa án là rất cần

thiết, quan trọng nhằm bảo đảm việc giải quyết đúng pháp luật, có căn cứ và kịp thời. Theo phương thức Tòa án Việt Nam, đa số các tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp huyện theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015, trừ tranh chấp có yếu tố nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 464 BLTTDS năm 2015 và trường hợp “*xét thấy cần thiết*” quy định tại khoản 2 Điều 37 BLTTDS năm 2015 (như vụ án có tính chất phức tạp, nhiều đương sự, nhiều TSBĐ ở nhiều địa phương khác nhau, cần phải ủy thác, tổng đạt ra nước ngoài ...) thì thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc về Tòa án cấp tỉnh.

2.1.1.3. Khái niệm kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng và khái niệm giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự

** Khái niệm kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng*

Kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD là một bộ phận trong chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND, để tìm hiểu khái niệm này, trước hết cần hiểu khái niệm “*kiểm sát hoạt động tư pháp*” trong lĩnh vực tố tụng dân sự. Kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực tố tụng dân sự là hoạt động của VKSND để kiểm sát việc tuân theo pháp luật, nhằm bảo đảm tính hợp pháp, tính đúng đắn, có căn cứ của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện trong việc giải quyết vụ việc dân sự, trong đó có vụ án KDTM.

Với vị trí là bộ phận trong kiểm sát hoạt động tư pháp, có thể hiểu: *Kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng là một bộ phận của chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân, nhằm bảo đảm tính hợp pháp, tính đúng đắn, có căn cứ của các hành vi, quyết định của Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định của pháp luật.*

** Khái niệm thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự*

Thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự là một trong 04 thủ tục tố tụng (gồm sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm), trong đó giám đốc thẩm là thủ tục tố tụng dân sự đặc biệt nhằm xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật do có kháng nghị của những người có thẩm quyền (gồm Viện trưởng VKSND cấp cao và Viện trưởng VKSND tối cao, Chánh án TAND cấp cao và Chánh án TAND tối cao) trong quá trình xem xét giải quyết đơn của đương sự, thông báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc, khi có một trong các căn cứ sau:

Một là, kết luận trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Là trường hợp bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật tuyên không đúng thực tế, không đúng sự thật khách quan, không đúng bản chất của vụ án, không có tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, do Thẩm phán suy diễn và việc kết luận này phải gây thiệt hại, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án. Ví dụ, bản án phúc thẩm tuyên TSBĐ của ông X được phát mãi để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Y, nhưng thực tế tài sản của ông X này không còn, gây thiệt hại cho Ngân hàng Y không xử lý được TSBĐ để thu hồi nợ. Trường hợp kết luận trong bản án, quyết định không gây thiệt hại thì cũng không xem xét kháng nghị giám đốc thẩm mà chỉ dừng lại ở việc xem xét kiến nghị, để bảo đảm tính ổn định của bản án, quyết định.

Hai là, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, làm cho đương sự không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ không được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật.

Đây là trường hợp Tòa án thực hiện không đúng hoặc bỏ sót quy định của BLTTDS và các quy định khác liên quan, như không tổ chức phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đình chỉ xét xử phúc thẩm không đúng, bỏ sót người có quyền và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng (như

trường hợp TSBĐ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nhưng không đưa vợ hoặc chồng tham gia tố tụng, mà chỉ đưa chồng hoặc vợ đứng tên trong tài sản tham gia tố tụng)... dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người thứ ba, nhà nước không được bảo vệ theo quy định pháp luật, gây thiệt hại cho họ.

Ba là, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, gây thiệt hại, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người thứ ba, lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, [86]. Căn cứ này thể hiện việc Tòa án áp dụng không đúng văn bản pháp luật để giải quyết tranh chấp, như trong lĩnh vực tranh chấp HĐTD, Tòa án không áp dụng luật chuyên ngành là Luật các TCTD giải quyết tranh chấp đối với tiền lãi, phạt vi phạm mà lại áp dụng BLDS hoặc áp dụng Luật Thương mại để tính lãi ... Và việc áp dụng sai căn cứ pháp luật này gây ra hậu quả, xâm phạm đến những lợi ích nêu trên, thì sẽ bị Tòa án cấp giám đốc thẩm huỷ, sửa bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật trên cơ sở có kháng nghị giám đốc thẩm của người có thẩm quyền.

Tuy vậy, cần phân định hai thủ tục: Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, trong đó, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của Chánh án TAND, Viện trưởng VKSND có thẩm quyền đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD là một trong những thủ tục tố tụng trong giai đoạn giám đốc thẩm và là thủ tục quan trọng nhất, có kháng nghị giám đốc thẩm mới có căn cứ để Tòa án mở phiên toà giám đốc thẩm xét xử ban hành quyết định giám đốc thẩm chấp nhận hay không chấp nhận quyết định kháng nghị và VKSND có cơ sở để kiểm sát tuân theo pháp luật trong việc xét xử, giải quyết vụ án của Tòa án.

Trường hợp khác, qua xem xét đơn của đương sự, thông báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đề nghị giám đốc thẩm mà thấy không có các căn cứ để kháng nghị, thì Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền sẽ ban hành thông báo không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định

đã có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD trả lời cho người đề nghị. Thủ tục tố tụng này cũng được xem là kết thúc việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm. Thực tế, đây là hoạt động tố tụng phổ biến nhất trong quá trình xem xét giải quyết đơn của đương sự, thông báo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và VKSND có thẩm quyền phải thực hiện hoạt động kiểm sát việc thông báo này. Từ đó cho thấy, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm có phạm vi rộng hơn và bao gồm cả thủ tục kháng nghị và thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm, .

Như vậy, từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm: *“Kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm là bộ phận của kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, nhằm bảo đảm tính hợp pháp, tính đúng đắn, có căn cứ của các hành vi, quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân tối cao trong quá trình xem xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp dưới, thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nhằm khắc phục vi phạm pháp luật*

2.1.2. Đặc điểm của kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm

Trên cơ sở những phân tích các khái niệm, đặc trưng của vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD và các quy định pháp luật liên quan, có thể thấy, kiểm sát việc giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm có đặc điểm sau:

Thứ nhất, chủ thể kiểm sát là VKSND cấp cao và VKSND tối cao theo quy định tại các Điều 21, 329, 331 và Điều 338 BLTTDS năm 2015, trong bản thân mỗi chủ thể có đơn vị nghiệp vụ chuyên trách và những người tiến hành tố tụng là Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, cụ thể:

Tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện nhiệm vụ kiểm sát hoạt động tư pháp, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất

(khoản 1 Điều 41 Luật Tổ chức VKSND), trong đó có kiểm sát việc giải quyết các vụ án tranh chấp HĐTD thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tối cao.

Thông qua kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD, nếu phát hiện vi phạm là căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm thì Viện trưởng VKSND tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp cao; bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao (khoản 1 Điều 331 BLTTDS năm 2015). Trường hợp xét thấy không có căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm, Viện trưởng VKSND tối cao tự mình hoặc ủy quyền Kiểm sát viên VKSND tối cao ban hành thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm (khoản 3 Điều 329 BLTTDS).

Tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp cao [khoản 2 Điều 41, 73].

Về thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, Viện trưởng VKSND cấp cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện trong phạm vi lãnh thổ (khoản 2 Điều 331 BLTTDS năm 2015). Trường hợp xét thấy không đủ căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm, Kiểm sát viên cao cấp giữ chức vụ Viện trưởng Viện kiểm sát án hành chính, kinh doanh, thương mại (Viện 3) VKSND cấp cao thừa lệnh Viện trưởng cấp mình ký ban hành thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm.

Thứ hai, đối tượng kiểm sát là việc tuân theo pháp luật của Tòa án, người tham gia tố tụng, gồm TCTD, người vay, người có TSBĐ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm (như thành viên hộ gia đình, TSBĐ hình thành trong thời kỳ hôn nhân, người thuê, quản lý TSBĐ...).

Thứ ba, phạm vi kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm

Đối với VKSND cấp cao, phạm vi kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm bắt đầu từ khi TAND cấp cao, VKSND cấp cao tiếp nhận đơn, thông báo đề

nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp huyện hoặc TAND cấp tỉnh cho đến khi TAND cấp cao, VKSND cấp cao ban hành thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm chấm dứt việc giải quyết đơn, thông báo đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm. Hoặc đối với trường hợp Chánh án TAND cấp cao, Viện trưởng VKSND cấp cao ban hành quyết định kháng nghị giám đốc thẩm thì phạm vi kiểm sát được kéo dài cho đến khi Ủy ban thẩm phán TAND cấp cao xét xử, ban hành quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD mà không bị khiếu nại, kiến nghị gì.

Đối với VKSND tối cao, phạm vi kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm tương tự như phạm vi kiểm sát của VKSND cấp cao. Ngoài ra, phạm vi kiểm sát của VKSND tối cao còn kiểm sát theo thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao trong trường hợp quyết định này vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc phát hiện tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định và theo yêu cầu, đề nghị, kiến nghị của những cơ quan, người có thẩm quyền theo Điều 358 BLTTDS năm 2015 (gồm Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Viện trưởng VKSND tối cao hoặc đề nghị của Chánh án TAND tối cao). Tuy nhiên, thực tế từ năm 2017 đến nay chưa có trường hợp nào VKSND phải kiểm sát theo thủ tục đặc biệt này đối với loại án KDTM nói chung.

Thứ tư, kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm tuân theo trình tự đặc biệt.

Mặc dù kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm và kiểm sát theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm trong tố tụng dân sự có đặc điểm chung là kiểm sát việc tuân theo pháp luật và việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự và về nội dung giải quyết của Tòa án và các chủ thể khác có liên quan trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự theo các thủ tục tố tụng được quy định của BLTTDS và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Song giữa chúng có sự khác nhau cơ bản như sau:

Kiểm sát theo thủ tục sơ thẩm trong tố tụng dân sự là kiểm sát tuân theo pháp luật trong việc giải quyết của Tòa án ở giai đoạn tố tụng đầu tiên mà kết

quả giải quyết là việc Tòa án ban hành bản án, quyết định sơ thẩm; kiểm sát theo thủ tục phúc thẩm là kiểm sát tuân theo pháp luật trong việc giải quyết của Tòa án để xem xét lại bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Cả hai 2 thủ tục tố tụng này do 2 cấp xét xử của Tòa án tiến hành, trong khi đó kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm là kiểm sát việc giải quyết của Tòa án theo trình tự, thủ tục đặc biệt, không phải là cấp xét xử, mục đích để xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật do có kháng nghị giám đốc thẩm của người có thẩm quyền. Đương sự không còn quyền kháng cáo như thủ tục phúc thẩm.

Đối với kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm, chỉ có Viện trưởng VKSND, Chánh án TAND có thẩm quyền mới có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm; tại phiên tòa giám đốc thẩm đương sự chỉ được tham gia trong trường hợp Tòa án xét thấy thật sự cần thiết (song trên thực tế rất ít trường hợp Tòa án triệu tập đương sự tham gia phiên tòa giám đốc thẩm này), khác phiên tòa phúc thẩm, sơ thẩm hầu như phải có mặt các đương sự, người tham gia tố tụng khác.

Thứ năm, kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm có tính chất, căn cứ, điều kiện, thời hạn kháng nghị khác biệt so với kiểm sát theo thủ tục tái thẩm trong tố tụng dân sự.

Mặc dù có điểm chung của kiểm sát hai thủ tục này là kiểm sát việc giải quyết của Tòa án theo thủ tục đặc biệt để xem xét lại bản án, quyết định dân sự (nói chung) đã có hiệu lực pháp luật theo quy định của BLTTDS. Theo đó, chỉ có chủ thể đặc biệt mới có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm là Chánh án TAND cấp cao, Viện trưởng VKSND cấp cao và Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao và được xét xử bởi Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Ngoài ra, hai thủ tục này còn nhiều đặc điểm giống nhau về thủ tục, trình tự phiên tòa xét xử. Quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm đều có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Tuy nhiên, kiểm sát theo hai thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm này có sự khác nhau cơ bản:

Về tính chất: Kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm là kiểm sát việc Tòa án cấp trên xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị giám đốc thẩm khi có căn cứ xác định vi phạm pháp luật về nội dung giải quyết, vi phạm tố tụng nghiêm trọng (Điều 326 BLTTDS). Còn kiểm sát theo thủ tục tái thẩm là kiểm sát việc xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì có tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định mà Tòa án, các đương sự không biết được khi Tòa án ra bản án, quyết định đó (Điều 352 BLTTDS).

Về kiểm sát thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm là 03 năm hoặc 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (Điều 334 BLTTDS). Trong khi đó, kiểm sát thời kháng nghị theo thủ tục tái thẩm thì không xác định thời hạn bao lâu kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực mà chỉ kiểm sát việc kháng nghị trong thời hạn 01 năm kể từ ngày người có thẩm quyền kháng nghị tái thẩm biết được căn cứ để kháng nghị tái thẩm (Điều 355 BLTTDS).

2.1.3. Cơ sở lý luận về vai trò của kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân

Thứ nhất, kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm việc giải quyết KDTM về tranh chấp HĐTD của VKSND có thẩm quyền bảo đảm pháp luật trong lĩnh vực này được thực hiện nghiêm chỉnh, chính xác, thống nhất; trong trường hợp phát hiện vi phạm, thiếu sót của Tòa án thì VKSND thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị giám đốc thẩm khắc phục vi phạm, qua đó, góp phần bảo vệ pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của người cho vay, người vay tiền, người có TSBĐ, người quản lý, sử dụng TSBĐ ... Cụ thể như sau:

Đối với TCTD cho vay, do đa số trường hợp khách hàng vay vốn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và nghĩa vụ xử lý TSBĐ, nên họ thường là nguyên

đơn trong vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD chủ động khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, VKSND tối cao và VKSND cấp cao kiểm sát chặt chẽ việc giải quyết vụ án, bảo đảm đúng pháp luật, nhanh chóng, kịp thời làm cơ sở để TCTD nhanh chóng thu hồi vốn vay, tiền lãi, xử lý TSBĐ, hạn chế thấp nhất tình trạng nợ xấu, tồn đọng TSBĐ, kịp thời phát hiện những vi phạm, thiếu sót của Tòa án như vi phạm quá thời hạn giải quyết, giải quyết không đúng như tuyên hợp đồng bảo đảm vô hiệu không đúng, giải quyết không đầy đủ yêu cầu khởi kiện của TCTD... VKSND thực hiện quyền kháng nghị giám đốc thẩm hoặc nếu vi phạm không đáng kể, VKSND thực hiện quyền kiến nghị khắc phục vi phạm. Bên cạnh đó, thông qua công tác kiểm sát, VKSND phát hiện ra những sơ hở, thiếu sót trong tổ chức hệ thống, hoạt động quản lý, cho vay của TCTD để thực hiện quyền kiến nghị phòng ngừa, khắc phục vi phạm, cảnh báo rủi ro, qua đó góp phần bảo đảm về mặt thể chế, sự an toàn của hệ thống tín dụng, nâng cao hiệu năng, hiệu quả sử dụng dòng vốn tín dụng, làm lành mạnh kênh lưu chuyển tiền tệ- “mạch máu” của nền kinh tế quốc gia, phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Đối với người vay, thường là bị đơn trong vụ án, thường bị kiện do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay gốc, lãi và vi phạm hợp đồng bảo đảm, song không phải vì vi phạm của họ mà không bảo vệ đúng mức quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, VKSND thực sự khách quan trong bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vay vốn để phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề về các tính tiền lãi, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm, lãi chồng lãi, phạt chồng phạt không đúng quy định, nhưng thực tế vẫn còn tồn tại việc áp dụng pháp luật không thống nhất hiện nay, khiến cho nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nợ nần chồng chất, có nguy cơ bị phá sản, giải thể. Qua kiểm sát, VKSND cấp cao và VKSND tối cao phát hiện những vi phạm này kịp thời kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp cao hoặc TAND tối cao xét xử hủy, sửa bản án, quyết định của

Tòa án cấp dưới, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vay vốn.

Đối với TSBĐ, VKSND cũng chú trọng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có tài sản trong quan hệ bảo đảm cho HĐTD nhưng bị giải quyết không đúng pháp luật, như đối với những trường hợp TCTD nhận bảo đảm khoản vay không đúng quy định, như TCTD không xem xét, thẩm định TSBĐ là quyền sử dụng đất trước khi cho vay và trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án, không phát hiện tài sản chung của vợ chồng hoặc hộ gia đình, nhưng không có đủ chữ ký của các thành viên trong hợp đồng bảo đảm, hoặc trường hợp cho vay vượt quá phạm vi bảo đảm... nhưng vẫn bị Tòa án tuyên xử lý, phát mãi TSBĐ không đúng pháp luật, thì VKSND thực hiện quyền kháng nghị giám đốc thẩm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có tài sản, không bị xử lý phát mãi TSBĐ.

Thứ hai, thông qua kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD do những chủ thể ở cấp cao nhất, với các chuyên gia, Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên VKSND tối cao có năng lực và nhiều kinh nghiệm, góp phần bảo đảm cho TAND cấp cao và TAND tối cao ban hành những quyết định giám đốc thẩm làm khuôn mẫu, chuẩn mực, định hướng cho hoạt động xét xử của Tòa án và hoạt động kiểm sát của VKSND cấp dưới, đặc biệt là giúp tạo nguồn chính của các án lệ. Thực tiễn, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã lựa chọn phát triển được 04 Án lệ về giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD: Án lệ số 08/2016/AL, Án lệ số 11/2017/AL, Án lệ số 36/2020/AL và Án lệ số 43/2021/AL thông qua 04 quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD (*xem Phụ lục số 01*), nhằm thống nhất kiểm sát việc giải quyết đối với những vụ án tương tự mà pháp luật chưa quy định cụ thể, rõ ràng, còn nhiều quan điểm giải quyết khác nhau, nhất là những vụ án có tính chất phức tạp về xử lý tài sản thế chấp, cách tính lãi.

Thứ ba, thông qua công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, VKSND cấp cao và VKSND tối cao cũng đã giải quyết được khối lượng lớn đơn, thông báo đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc

thẩm đối với các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của TAND cấp dưới giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD bằng hai phương thức: quyết định kháng nghị và đưa ra xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc thông báo không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm với số lượng hàng trăm đơn hàng năm và xu hướng tăng theo các năm. Qua đó, góp phần bảo đảm việc giải quyết những yêu cầu, thắc mắc, kiến nghị, khiếu nại của người dân, cơ quan, tổ chức liên quan đối với những bản án, quyết định có hiệu lực giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD.

Thứ tư, kiểm sát giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm được coi là phương thức kiểm soát quyền lực đối với cơ quan thực hiện quyền tư pháp (Toà án nhân dân).

Quyền lực nhà nước nói chung và quyền tư pháp nói riêng khi được giao cho chủ thể nào luôn tiềm ẩn nguy cơ bị lạm dụng, tha hoá, nên cần có sự kiểm soát chặt chẽ quyền lực từ phía chủ thể khác để bảo đảm quyền lực phải được thực hiện đúng và đầy đủ, không bị thao túng, bảo đảm sự chỉ đạo, quản lý tập trung, thống nhất. Trong hoạt động tư pháp, Tòa án có vị trí là trung tâm, xét xử là hoạt động trọng tâm, được Quốc hội giao thẩm quyền là cơ quan duy nhất thực hiện chức năng xét xử, là loại quyền năng quan trọng có ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ cơ bản của con người, cơ quan, tổ chức về chính trị, kinh tế; trong đó phải kể đến việc giải quyết các vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD thông thường có giá trị tranh chấp lớn lên đến hàng chục, hàng trăm tỷ đồng... có khả năng ảnh hưởng lớn đến quyền lợi và nghĩa vụ của các đương sự, nên phải có vai trò quan trọng của VKSND, với tư cách cơ quan kiểm sát việc tuân theo pháp luật từ bên ngoài vào hệ thống Tòa án, tập trung nhất là tại phiên toà xét xử giám đốc thẩm (phiên toà giám đốc thẩm do tính chất đặc biệt hạn chế sự tham gia của các chủ thể, thường chỉ có hội đồng xét xử, thư ký và kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát, sự có mặt của Viện kiểm sát hầu như là bắt buộc, khác với phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm, luật quy định Viện kiểm sát không có mặt Toà án vẫn xét xử), góp phần bảo đảm Toà án khi xét xử, thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, bảo đảm việc xét xử được khách quan, toàn diện, có căn cứ, đúng pháp luật, tránh

xảy ra sai lầm, thiếu sót, ảnh hưởng đến công lý, lòng tin của nhân dân và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, lợi ích Nhà nước.

2.2. NGUYÊN TẮC, NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ PHƯƠNG THỨC KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

2.2.1. Các nguyên tắc kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân

Nguyên tắc kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm là những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình kiểm sát việc giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm mà VKSND tối cao, VKSND cấp cao phải tuân thủ. Theo đó, bên cạnh việc phải tuân theo các nguyên tắc chung trong tổ chức và hoạt động của VKSND (như bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc khách quan, công khai, minh bạch ...) VKSND còn phải tuân theo các nguyên tắc có tính đặc thù trong kiểm sát việc giải quyết loại án này như sau:

2.2.1.1. Nguyên tắc tập trung thống nhất lãnh đạo trong Ngành kiểm sát

Đây là nguyên tắc cơ bản, rất quan trọng, có tính đặc trưng tiêu biểu trong tổ chức và hoạt động của ngành Kiểm sát nhân dân. Nguyên tắc này yêu cầu tổ chức và hoạt động của VKSND có tính độc lập, chỉ chịu sự lãnh đạo từ trên xuống dưới theo hệ thống Ngành dọc, mà không chịu sự phụ thuộc vào bất kỳ cơ quan, tổ chức nào khác; Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức trong mỗi đơn vị của Viện kiểm sát chỉ chịu sự chỉ đạo, lãnh đạo của Viện trưởng VKSND đơn vị mình, Viện trưởng VKSND cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng VKSND cấp trên và chịu sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao (khoản 1 Điều 7 Luật Tổ chức VKSND năm 2014). Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát không chịu sự chỉ đạo của “ngành ngang”, không tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc “Song trùng, trực thuộc” (nguyên tắc phụ thuộc hai chiều) như nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị khác vừa chịu sự quản lý, chỉ đạo của ngành dọc là các Bộ chủ quản, vừa chịu sự chỉ đạo của ngành ngang tại địa phương là UBND.

Nguyên tắc này bảo đảm, khi kiểm sát hoạt động tư pháp, trong đó có kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm, Lãnh đạo Viện, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức chỉ độc lập, tuân theo pháp luật, không chịu sự lệ thuộc chi phối của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào làm ảnh hưởng đến tính đúng đắn, tuân theo pháp luật trong hoạt động của VKSND.

2.2.1.2. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Đây là nguyên tắc có tính Hiến định, theo đó tổ chức và hoạt động của VKSND phải: “góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất” (khoản 3 Điều 107 Hiến pháp năm 2013). Nguyên tắc này bảo đảm sự tuân thủ pháp luật một cách nghiêm chỉnh, chặt chẽ, triệt để và thống nhất, tôn trọng tính tối thượng của pháp luật, tính tối cao của hiến pháp, tính thứ bậc trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam, các đạo luật, luật, nghị quyết của Quốc hội, các văn bản dưới luật: pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định; chỉ thị, quyết định, thông tư ... bảo đảm mọi tổ chức, cá nhân đều bình đẳng trước pháp luật, mọi hành vi vi phạm phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, không có “vùng cấm”, không có ngoại lệ.

Áp dụng nguyên tắc này khi kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm, yêu cầu VKSND cấp cao và VKSND tối cao phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng theo BLTTDS năm 2015, Luật Tổ chức VKSND năm 2014, Quyết định số 10/QĐ-VKSTC-V10 ngày 20/11/2015 của Viện trưởng VKSND tối cao về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Vụ Kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật, đến ngày 22/4/2025, Quyết định này được thay thế bởi Quyết định số 174/QĐ-VKSTC của Viện trưởng VKSND tối cao ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Vụ Kiểm sát án hành chính, kinh doanh thương mại, Quyết định số 364/QĐ-VKSTC ngày 02/10/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao về việc ban hành Quy chế Công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự, KDTM...(Viết tắt là Quy chế 364/2017)

Về pháp luật nội dung, khi kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm phải theo nguyên tắc tuân thủ áp dụng đúng, đầy đủ pháp luật chuyên ngành tại thời điểm xảy ra tranh chấp, như lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, luật chuyên ngành là Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Luật các TCTD năm 2024 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2024), Thông tư 39/2016/TT-NHNN; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP. Đối với tranh chấp hợp đồng bảo đảm thì ngoài việc áp dụng BLDS năm 2015, còn phải áp dụng pháp luật chuyên ngành là Luật Đất đai năm 2013, Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023...

Khi phát hiện vi phạm trong quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm thì VKSND tối cao, VKSND cấp cao thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị giám đốc thẩm để khắc phục vi phạm, bảo đảm pháp luật trong lĩnh vực này phải được thực hiện chính xác, triệt để và thống nhất.

2.2.1.3. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư, khách quan, kịp thời trong tố tụng dân sự

Đây là nguyên tắc có tính đặc trưng trong tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp nói chung, trong đó có Viện kiểm sát, nguyên tắc này bảo đảm khi kiểm sát việc Tòa án giải quyết vụ án KDTM theo thủ tục tố tụng dân sự, phải thật sự công tâm, vô tư, khách quan, kiểm sát tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ án một cách toàn diện, công bằng, không bị phụ thuộc, chi phối bởi những lợi ích vật chất, nể nang, quen biết, mà thiên vị đương sự này, không công bằng đối với đương sự khác. Đặc biệt trong vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, mối quan hệ giữa TCTD và người vay tiền (doanh nghiệp, cá nhân) thường không bình đẳng, TCTD là tổ chức lớn, hoạt động trên quy mô rộng khắp có thể những ảnh hưởng, tác động nhất định lên cơ quan tiến hành tố tụng; ngược lại, có không ít doanh nghiệp, cá nhân (người vay tiền, người có TSBD) cũng lợi dụng những mối quan hệ nhất định tác động đến Tòa án, Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết. Do vậy, việc quán triệt thực hiện nguyên tắc này nhằm bảo đảm cho việc kiểm sát việc giải quyết thực sự khách quan, toàn diện,

công bằng. Đồng thời, Viện kiểm sát phải tăng cường trách nhiệm, năng lực chuyên môn nghiệp vụ kiểm sát chặt chẽ việc Tòa án giải quyết bảo đảm kịp thời hoặc trước thời hạn mà pháp luật quy định trong việc giải quyết vụ án, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2.2.1.4. Nguyên tắc tôn trọng quyền quyết định và quyền tự định đoạt của đương sự và trách nhiệm chứng minh thuộc về các đương sự

Nguyên tắc tôn trọng quyền quyết định và quyền tự định đoạt của đương sự là nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình tố tụng dân sự, khác với tố tụng hình sự phụ thuộc vào ý chí của Nhà nước, trong tố tụng dân sự, đương sự có quyền tự quyết định và tự định đoạt việc yêu cầu giải quyết hoặc không giải quyết vụ việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của chính đương sự. Theo đó, trong giai đoạn giám đốc thẩm, đương sự phải có đơn hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan phải thông báo đề nghị thì Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền mới thụ lý, xem xét và kiểm sát việc giải quyết theo trình tự giám đốc thẩm. Thậm chí trong quá trình kiểm sát việc giải quyết, đương sự thay đổi yêu cầu, đề nghị, như rút một phần hoặc toàn bộ đơn đề nghị giám đốc thẩm, dẫn đến việc Tòa án phải xem xét đình chỉ giải quyết đơn, đình chỉ giải quyết vụ án, trừ trường hợp vụ việc xâm phạm lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng, lợi ích của người thứ ba.

Đồng thời, khác với tố tụng hình sự, nguyên tắc trách nhiệm chứng minh thuộc cơ quan tiến hành tố tụng, trong tố tụng dân sự trách nhiệm chứng minh thuộc đương sự, khi đương sự đưa ra yêu cầu thì phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh bảo vệ cho yêu cầu của đương sự. Tòa án, Viện kiểm sát có trách nhiệm hỗ trợ đương sự thu thập chứng cứ và chỉ tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ trong những trường hợp nhất định do BLTTDS và các văn bản pháp luật khác quy định.

2.2.1.5. Nguyên tắc tuân thủ quy định bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác ngành Kiểm sát

Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước yêu cầu phải đặt dưới sự lãnh đạo của đảng, tuân thủ thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ bí mật nhà nước, bí

mật công tác theo Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước; Danh mục bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Kiểm sát nhân dân ban hành theo Quyết định số 1180/QĐ-TTg ngày 04/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đối với những vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD phức tạp, dư luận xã hội đặc biệt quan tâm, có yếu tố nước ngoài phải báo cáo cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đề tranh thủ sự lãnh đạo của đảng, nhà nước, song cần phải giữ bí mật những tài liệu này, không công khai. Đồng thời, phải bảo vệ bí mật quan điểm, ý kiến của kiểm sát viên VKSND tối cao, thành viên ủy ban kiểm sát; kết luận của lãnh đạo viện trong quá trình giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm chưa công khai; văn bản trao đổi nghiệp vụ của VKSND với các cơ quan tiến hành tố tụng về việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD; bảo vệ bí mật những thông tin, tình trạng hoạt động của TCTD như tỷ lệ nợ xấu, tồn kho TSBĐ tăng... có nguy cơ ảnh hưởng đến hệ thống an ninh tiền tệ, an ninh kinh tế.

Các nguyên tắc trên áp dụng trong kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, đó là:

Viện kiểm sát trong quá trình kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm phải tuyệt đối tuân theo những nguyên tắc nêu trên, để bảo đảm kiểm sát tuân theo pháp luật được chính xác, có căn cứ, đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, người thứ ba, lợi ích nhà nước. VKSND tối cao, VKSND cấp cao phải xác định thủ tục giám đốc thẩm là thủ tục đặc biệt theo Chương XX của Phần thứ V (Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật) của BLTTDS; kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm chỉ xem xét lại những bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng có vi phạm pháp luật nghiêm trọng được quy định tại Điều 326 BLTTDS năm 2015. Đối với trường hợp bản án, quyết định giải quyết loại án này tuy có vi phạm pháp luật nhưng chưa gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước, lợi ích người thứ ba thì cũng không thuộc căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

2.2.2. Cơ sở lý luận về kiểm sát nội dung việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân

Cơ sở pháp lý xác định nội dung kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân:

Về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục giám đốc thẩm:

Kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND là một bộ phận cấu thành của chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp được Hiến định: “Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp” (Điều 107 Hiến pháp), trên cơ sở đó, chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp được quy định tại Điều 2, Điều 27 Luật Tổ chức VKSND, bao gồm các nhiệm vụ: Thu thập tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên tòa kiểm sát việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử, thư ký, đương sự, phát biểu quan điểm của VKSND về việc giải quyết vụ án; kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án; kháng nghị, kiến nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật; kiến nghị, yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục vi phạm, phòng ngừa ...

Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, chức năng, nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKSND trong giai đoạn giám đốc thẩm được quy định tập trung tại Điều 21 BLTTDS năm 2015: VKSND thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị; tham gia phiên tòa giám đốc thẩm.

Để quy định cụ thể hơn về mối quan hệ giữa TAND và VKSND trong tố tụng dân sự, Thông tư số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 của TAND tối cao và VKSND tối cao quy định việc phối hợp giữa VKSND và TAND trong việc thi hành một số quy định của BLTTDS (viết tắt là Thông tư 02/2016), trong đó có quy định cụ thể việc chuyển hồ sơ để VKSND tham gia phiên tòa (Điều 4), chuyển hồ sơ theo yêu cầu để VKSND có thẩm quyền xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm (Điều 5), về nội dung trình bày, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa giám đốc thẩm

trong trường hợp VKSND kháng nghị hoặc TAND kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm (Điều 31)...

Triển khai các văn bản pháp luật nêu trên trong ngành Kiểm sát nhân dân, Viện trưởng VKSND tối cao có Quy chế 364/2017, trong đó dành cả Mục 4, Chương II quy định chi tiết về hoạt động của VKSND trong giai đoạn giám đốc thẩm này, từ khi Viện kiểm sát có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý đơn, yêu cầu chuyển hồ sơ, rút hồ sơ (Điều 41) đến khi giải quyết đơn bằng cách ban hành thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm (Điều 47) hoặc quyết định việc kháng nghị (Điều 48), tham gia kiểm sát việc tuân theo pháp luật, phát biểu quan điểm giải quyết tại phiên tòa (Điều 50, 51) và kiểm sát quyết định giám đốc thẩm (Điều 53)... Cụ thể hơn, trong từng khâu công tác, như hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa, VKSND tối cao có hướng dẫn cụ thể tại Quyết định số 371/QĐ-VKSTC ngày 15/10/2020 về hoạt động của kiểm sát viên tham gia phiên tòa vụ án dân sự; đối với hoạt động của VKSND trong kiểm sát quyết định giám đốc thẩm, VKSND tối cao cũng đã ban hành Quyết định số 399/QĐ-VKSTC ngày 06/9/2019 về quy trình, kỹ năng kiểm sát bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự ... (*xem Phụ lục số 01, phần các văn bản pháp luật và văn bản của Ngành về tổ tụng giai đoạn giám đốc thẩm*).

Trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, nội dung kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND tối cao và VKSND cấp cao, đó là kiểm sát về thủ tục tố tụng và nội dung áp dụng pháp luật của Tòa án.

2.2.2.1. Cơ sở pháp luật của kiểm sát về thủ tục tố tụng

Kiểm sát việc giải quyết của Tòa án bảo đảm tuân theo pháp luật về tố tụng quy định tại Chương XX của BLTTDS năm 2015 về thủ tục giám đốc thẩm, cụ thể là kiểm sát việc Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền tiếp nhận, thụ lý đơn của đương sự, thông báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD có đúng quy định về thời hạn gửi đơn 01 năm kể từ ngày ban hành bản án, quyết định (khoản 1

Điều 327); kiểm sát nội dung đơn đề nghị giám đốc thẩm có đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 328 hay không, kiểm sát thẩm quyền kháng nghị của Chánh án Tòa án và Viện trưởng Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 331; kiểm sát thời hạn kháng nghị 03 năm hoặc 05 năm theo Điều 334; kiểm sát thẩm quyền của Ủy ban thẩm phán TAND và Hội đồng thẩm phán TAND tối cao theo Điều 337; kiểm sát thời hạn mở phiên tòa của Tòa án không quá 04 tháng kể từ ngày nhận được kháng nghị và hồ sơ vụ án theo đúng quy định tại Điều 339; kiểm sát thủ tục xét xử tại phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 341; kiểm sát thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm quy định tại Điều 343 và sau khi kết thúc phiên tòa, Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát các quyết định của Hội đồng xét xử.

Trong các thủ tục nói trên, kiểm sát thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm là một trong những nội dung chính, tập trung nhất trong quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự, KDTM theo thủ tục giám đốc thẩm nói chung, trong đó có kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD, vì toàn bộ giai đoạn giám đốc thẩm được thể hiện tập trung, công khai với sự tham gia của cả Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký, đương sự và những người khác (nếu thấy cần thiết) tại phiên tòa để giải quyết vụ án bằng việc Hội đồng xét xử ban hành quyết định giám đốc thẩm chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng nghị, tuyên hủy hoặc sửa hoặc giữ nguyên bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới. Khác với sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát ở phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm không mang tính bắt buộc, ở phiên tòa giám đốc thẩm đại diện Viện kiểm sát bắt buộc tham gia phiên tòa (hay nói khác đi là BLTTDS không có quy định vắng mặt đại diện Viện kiểm sát thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử giám đốc thẩm như quy định tại phiên tòa sơ thẩm (Điều 232 BLTTDS), hoặc tại phiên tòa phúc thẩm (Điều 296 BLTTDS).

2.2.2.2. Cơ sở pháp luật của kiểm sát nội dung áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng của Tòa án nhân dân trong giai đoạn giám đốc thẩm

Thứ nhất, kiểm sát việc giải quyết về tiền gốc, lãi suất, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm.

Xuất phát từ đặc trưng trong quan hệ tín dụng là vấn đề tiền vay, lãi suất, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm do các bên tham gia thỏa thuận theo quy định tại Điều 92 Luật các TCTD năm 2010 (nay là Điều 100 Luật các TCTD năm 2024), trong quá trình thực hiện HĐTD xảy ra rất nhiều tranh chấp về tiền vay gốc, lãi suất, lãi trong hạn, lãi quá hạn... Thực tiễn kiểm sát việc giải quyết cho thấy, việc tính tiền gốc không khó và hầu như được hai bên ngân hàng và khách hàng thừa nhận, song việc tính tiền lãi trong hạn, quá hạn, phạt vi phạm thường rất khó khăn và việc Tòa án giải quyết vấn đề này cũng từ đó mà phát sinh nhiều vi phạm, như tuyên không đúng thời điểm tính lãi, tính lãi chồng lãi... Hoạt động kiểm sát việc giải quyết của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm phải căn cứ vào Luật các TCTD năm 2010 (nay là Luật các TCTD năm 2024), BLDS năm 2015, Thông tư 39/2016/TT-NHNN, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (viết tắt là Nghị quyết 01/2019), Án lệ số 08/2016 về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và các văn bản liên quan để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết có bảo đảm áp dụng chính xác, đầy đủ căn cứ pháp luật không, phương pháp tính toán tiền lãi có đúng không... từ đó thực hiện các quyền kiến nghị khắc phục vi phạm, kháng nghị giám đốc thẩm hoặc phát biểu kết luận tại phiên tòa (đối với trường hợp Chánh án Tòa án có thẩm quyền kháng nghị).

Thứ hai, kiểm sát việc giải quyết đối với biện pháp bảo đảm.

Trong hầu hết các HĐTD là hợp đồng có điều kiện, điều kiện ở đây là phải có biện pháp bảo đảm đi kèm, qua kiểm sát cho thấy biện pháp bảo đảm phổ biến nhất là biện pháp thế chấp tài sản (Điều 342 BLDS năm 2015), TSBĐ có thể là của chính người vay hoặc của người thứ ba (còn gọi là bảo lãnh bằng tài sản hay bảo lãnh đối vật). Xuất phát từ tính chất, mức độ phổ biến này mà nhiều tranh chấp cũng đã xảy ra, nhất là tranh chấp về tài sản thế chấp, trong đó tranh chấp về tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

và tài sản khác gắn liền với đất, cụ thể nghĩa vụ bàn giao tài sản, phạm vi bảo đảm, tính chất pháp lý của TSBĐ (tài sản chung vợ chồng, tài sản hộ gia đình, tài sản riêng), người thứ ba liên quan đến tài sản... Kế đến là biện pháp cầm cố tài sản (Điều 326 BLDS) để bảo đảm tiền vay (như cầm cố hàng hóa thủy sản, nông sản, máy móc, thiết bị...) phát sinh những vi phạm như việc quản lý tài sản của người cho vay không chặt chẽ, không đúng quy trình, gây thất thoát, hao hụt tài sản dẫn đến nhiều trường hợp TCTD lại phải bồi thường cho bên có TSBĐ và được cán trừ vào tiền vay gốc, lãi. Trong một số trường hợp, HĐTD có sử dụng biện pháp bảo đảm là bảo lãnh bằng uy tín, cam kết của người thứ ba (bảo lãnh đối nhân- Điều 361 BLDS), ví dụ Ngân hàng N bảo lãnh cho ông A vay của Ngân hàng C, hoặc doanh nghiệp A bảo lãnh cho công ty con vay vốn của ngân hàng K... Hoạt động kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm phải căn cứ vào quy định của BLDS (về biện pháp bảo đảm, chế độ sở hữu tài sản...), Luật Hôn nhân và Gia đình (tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng...), Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 về đăng ký biện pháp bảo đảm, Án lệ số 11/2017, Án lệ số 36/2020 hoặc Án lệ số 43/2021 liên quan đến việc xử lý TSBĐ... để bảo đảm việc tuân theo pháp luật được chính xác, nếu phát hiện Tòa án có vi phạm trong việc xử lý TSBĐ như tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu không đúng, xác định người thứ ba ngay tình không đúng, thì Viện kiểm sát thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị hoặc phát biểu kết luận tại phiên tòa đối với kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án.

Thứ ba, kiểm sát việc giải quyết những vấn đề khác có liên quan.

Ngoài kiểm sát hai nội dung giải quyết có tính đặc thù của tranh chấp HĐTD nêu trên, VKSND còn phải kiểm sát việc giải quyết những vấn đề khác có liên quan, như xét thấy vụ án có dấu hiệu hình sự thì phải kháng nghị hủy yêu cầu chuyển cơ quan điều tra xem xét về các tội như Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174), Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng,

hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (Điều 206)... mà không giải quyết theo thủ tục dân sự; kiểm sát về tư cách của đương sự, đương sự là doanh nghiệp thì phải căn cứ Luật Doanh nghiệp xác định thẩm quyền, trình tự, thủ tục ký kết hợp đồng tín dụng, đương sự là tổ chức tín dụng phải căn cứ Luật các TCTD và văn bản liên quan xác định thẩm quyền, hạn mức cho vay của các phòng giao dịch, chi nhánh ngân hàng; quan hệ mua bán nợ, loại tiền cho vay... hoặc kiểm sát việc giải quyết những vấn đề chung trong vụ án KDTM, dân sự như án phí, thành phần người tiến hành tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án..., nhằm bảo đảm việc tuân theo pháp luật chặt chẽ, nếu phát hiện Tòa án có vi phạm thì tùy tính chất, mức độ thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị khắc phục vi phạm.

2.2.3. Cơ sở pháp luật về trình tự, thủ tục kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm

Trên cơ sở Luật Tổ chức VKSND và BLTTDS, ngày 02/10/2017, Viện trưởng VKSND tối cao đã ký Quy chế 364/2017, trong đó có kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, được quy định tập trung ở mục 4, Chương 2 Quy chế 364/2017 (kiểm sát việc xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm). Hơn nữa, trong từng khâu kiểm sát, cũng có các quy định, hướng dẫn chi tiết về quy trình thực hiện nhiệm vụ của VKSND. Trình tự, thủ tục chi tiết được thể hiện qua 05 bước như sau:

Bước 1: Kiểm sát việc tiếp nhận, xử lý đơn, thông báo đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án, rút hồ sơ vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kiểm sát việc tiếp nhận đơn, thông báo đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm: Viện kiểm sát, Tòa án có thẩm quyền tiếp nhận đơn của đương sự (trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật); tiếp nhận thông báo của Tòa án, Viện kiểm sát cấp dưới hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện có vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo Điều 329 BLTTDS.

Yêu cầu chuyển hồ sơ: Sau khi thụ lý đơn, thông báo đề nghị, Viện kiểm sát, Tòa án có thẩm quyền có văn bản yêu cầu Tòa án đang quản lý hồ sơ vụ án chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát, Tòa án xem xét, giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm.

Rút hồ sơ: VKSND tối cao có thể rút hồ sơ để xem xét việc kháng nghị giám đốc thẩm đối với các vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND cấp cao theo Điều 41 Quy chế 364/2017.

Bước 2: Nghiên cứu hồ sơ vụ án, lập hồ sơ kiểm sát, báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ, xử lý yêu cầu hoãn thi hành án, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ.

Lập hồ sơ kiểm sát: Sau khi tiếp nhận hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên, công chức được phân công phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, trích cứ đầy đủ, trung thực, lập hồ sơ kiểm sát sao chụp chứng cứ cần thiết do nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cung cấp; đơn, thông báo đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, các tài liệu do Tòa án, Viện kiểm sát lập, quyết định kháng nghị; chứng cứ ở giai đoạn giám đốc thẩm và các tài liệu nghiệp vụ của Kiểm sát viên, công chức; ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, của Phó Viện trưởng, Viện trưởng VKSND..

Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, Kiểm sát viên được phân công phải lập báo cáo kết quả nghiên cứu phản ánh đầy đủ, trung thực, khách quan vụ án; nội dung báo cáo gồm:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình; ý kiến của bị đơn, tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình; ý kiến và tài liệu, chứng cứ do người liên quan xuất trình (nếu có); tài liệu, chứng cứ do Tòa án, Viện kiểm sát xác minh, thu thập; nội dung đơn, thông báo đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm; nội dung bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD ở từng giai đoạn tố tụng.

- Nhận xét và đề xuất quan điểm của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án về tố tụng; nội dung; về áp dụng pháp luật; đường lối giải quyết vụ án; ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị theo quy định tại Điều 43, 44 Quy chế 364/2017.

Yêu cầu hoãn thi hành án: Trường hợp xét thấy cần thiết, nhằm tránh hậu quả có thể xảy ra khó khắc phục được thì Viện kiểm sát, Tòa án có văn bản yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự hoãn thi hành bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đang bị đề nghị kháng nghị theo quy định tại Điều 45 Quy chế 364/2017.

Xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm việc kháng nghị giám đốc thẩm: Quá trình nghiên cứu hồ sơ, xét thấy việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án chưa đầy đủ, cần làm rõ thêm một số vấn đề, ví dụ, cần thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm rõ nguồn gốc diện tích đất đang thế chấp tại ngân hàng có liên quan đến người thứ ba, hoặc xem xét về thủ tục vay vốn của doanh nghiệp có thông qua hội đồng quản trị/ hội đồng thành viên hay không, thì Viện kiểm sát căn cứ khoản 6 Điều 97, Điều 106 và Điều 330 BLTTDS năm 2015, Điều 46 Quy chế 364/2017 về xác minh, thu thập chứng cứ yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ cung cấp chứng cứ cho Viện kiểm sát trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, để bảo đảm cho việc xem xét kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát. Trường hợp, Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ thì Viện kiểm sát kiểm tra việc Tòa án thực hiện tuân theo quy định tại Điều 97 BLTTDS năm 2015.

Bước 3: Giải quyết đơn, thông báo đề nghị xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm.

Đây là bước rất quan trọng, kết quả của việc giải quyết đơn, thông báo đề nghị giám đốc thẩm bằng việc Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền ban hành thông báo không kháng nghị hoặc quyết định kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Cụ thể:

Thông báo không kháng theo thủ tục nghị giám đốc thẩm: Sau khi nghiên cứu đơn, thông báo đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm và hồ sơ vụ án, xét thấy bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD có căn cứ, đúng pháp luật, không có cơ sở kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, Tòa án, VKSND cấp cao hoặc VKSND tối cao ban

hành thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm trả lời cho tổ chức, cá nhân có đơn, thông báo đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm theo quy định tại Điều 47 Quy chế 364/2017. Thông báo không kháng nghị của Viện kiểm sát phải được lập theo mẫu số 51/DS ban hành theo Quyết định số 410/QĐ-VKSTC ngày 25/11/2021 của VKSND tối cao về hệ thống biểu mẫu tố tụng, nghiệp vụ trong công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự... (viết tắt là Quyết định 410/QĐ-VKSTC).

Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm: Ở một trình tự, thủ tục cho ra kết quả khác, sau khi nghiên cứu đơn, thông báo đề nghị và hồ sơ vụ án, xét thấy bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD có vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, thì Chánh án Tòa án, Viện trưởng VKSND cấp cao hoặc VKSND tối cao quyết định kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo quy định tại Điều 48 Quy chế 364/2017. Quyết định kháng nghị phải nêu rõ căn cứ, điều kiện và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điều 326, 333 BLTTDS; Quyết định do Viện kiểm sát kháng nghị phải được lập theo mẫu số 52/DS ban hành kèm theo Quyết định 410/QĐ-VKSTC. Sau đó, Viện kiểm sát chuyển hồ sơ cùng quyết định kháng nghị sang Tòa án có thẩm quyền để mở phiên tòa xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm. Trường hợp, Chánh án Tòa án kháng nghị, thì Tòa án phải gửi quyết định kháng nghị và hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu trong thời hạn 15 ngày theo Điều 336 BLTTDS.

Bước 4: Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giám đốc thẩm (Điều 50, 51 Quy chế 364/2017).

Sau khi có quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, Tòa án phải mở phiên tòa giám đốc thẩm trong thời hạn 04 tháng. Tại phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án tranh chấp HĐTD, Kiểm sát viên theo dõi và ghi chép diễn biến phiên tòa, kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giám đốc thẩm, kiểm sát thành phần Hội đồng xét xử giám đốc thẩm (Hội đồng xét xử 3

Thẩm phán, Hội đồng xét xử 5 Thẩm phán hay Hội đồng xét xử toàn thể Thẩm phán Tòa án theo Điều 337 BLTTDS, kiểm sát thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm theo Điều 341 BLTTDS...; trình bày nội dung kháng nghị trong trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị, kiểm sát việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị (nếu có); xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ do Viện kiểm sát thu thập trong trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị hoặc kiểm sát việc bổ sung tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa do Tòa án kháng nghị (nếu có). Trường hợp đương sự, người tham gia tố tụng khác được Tòa án triệu tập đến phiên tòa trình bày ý kiến về kháng nghị, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về những vấn đề mà những người này đã nêu. Tiếp theo, Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quyết định kháng nghị, tuyên hủy, sửa bản án, quyết định bị kháng nghị hoặc đề nghị không chấp nhận kháng nghị và nêu rõ lý do của việc chấp nhận hoặc không chấp nhận hoặc Kiểm sát viên rút quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử rút quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nếu thấy không có căn cứ; kiểm sát về thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm theo Điều 343 đến 347 BLTTDS. Trình tự, thủ tục cụ thể, chi tiết đối với hoạt động kiểm sát tại phiên tòa được quy định từ Điều 13 đến Điều 17 Quy định về hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự được ban hành kèm theo Quyết định số 371/QĐ-VKSTC ngày 15/10/2020 của VKSND tối cao.

Bước 5: Kiểm sát quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Sau khi xét xử giám đốc thẩm, Tòa án ban hành quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên được phân công, căn cứ hướng dẫn tại Quy định về quy trình, kỹ năng kiểm sát bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của Tòa án ban hành kèm theo Quyết định số 399/QĐ-VKSTC ngày 06/9/2019 của VKSND tối cao (Điều 15) phải kiểm sát chặt chẽ nội dung, hình thức, thời hạn gửi quyết định theo quy định tại các Điều 348, 350 BLTTDS. Trong đó, tập trung kiểm sát việc Hội đồng

xét xử giám đốc thẩm phân tích quan điểm giải quyết vụ án và những căn cứ pháp lý để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng nghị (theo điểm, khoản, điều của BLTTDS, BLDS, Luật các TCTD, các văn bản pháp luật chuyên ngành khác). Chú ý kiểm sát việc Hội đồng xét xử giám đốc thẩm phân tích, giải thích các vấn đề, sự kiện pháp lý và chỉ ra nguyên nhân, đường lối xử lý, quy phạm pháp luật cần áp dụng (nếu có) phù hợp hay không... Trường hợp phát hiện vi phạm thuộc mức độ nghiêm trọng thì báo cáo Viện trưởng VKSND cấp mình để xử lý:

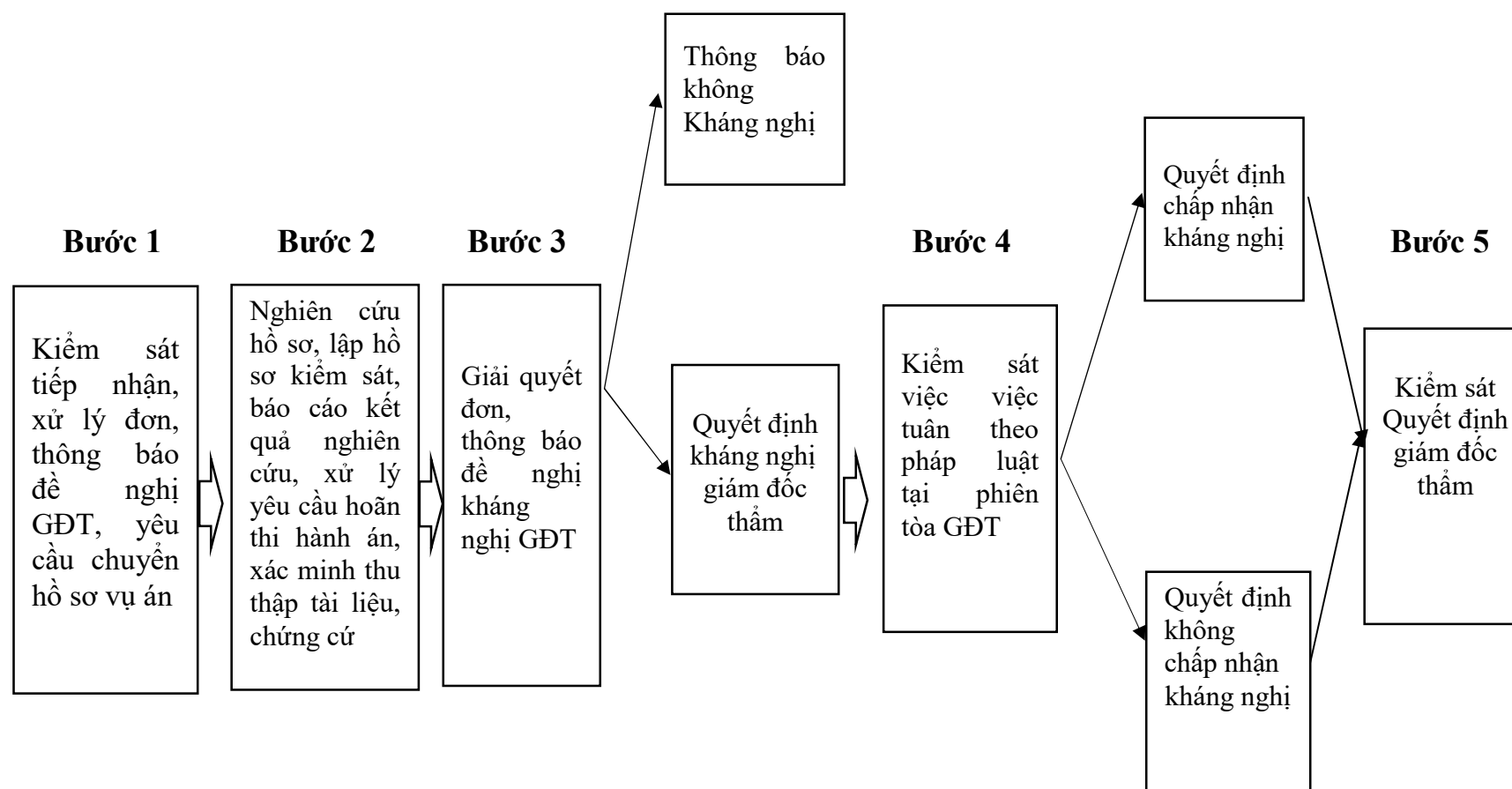
- Đối với quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao, Viện trưởng VKSND cấp cao báo cáo Viện trưởng VKSND tối cao xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Đối với quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao xem xét kiến nghị theo thủ tục đặc biệt.

Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật, nhưng ở mức độ ít nghiêm trọng, Viện trưởng Viện kiểm sát xem xét kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm.

Từ những bước chi tiết về trình tự, thủ tục kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm nêu trên, có thể trình bày khái quát lại theo sơ đồ dưới đây:

**Sơ đồ 2.1. Quy trình kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD
theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân**



2.2.4. Phương thức kiểm sát

2.2.4.1. Kiểm sát trực tiếp

Tùy từng vụ án tranh chấp HĐTD, Viện kiểm sát xét thấy tài liệu, chứng cứ chưa đủ cơ sở giải quyết vụ án thì Viện kiểm sát trên cơ sở căn cứ vào khoản 6 Điều 97 BLTTDS tiến hành trực tiếp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ tại các tổ chức, cá nhân liên quan; ví dụ Viện kiểm sát trực tiếp yêu cầu văn phòng đăng ký đất đai cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến việc xác định nguồn gốc TSBĐ, trực tiếp yêu cầu TCTD cung cấp hồ sơ cho khách hàng vay để xem xét quy trình cho vay có bảo đảm thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Luật các TCTD và các văn bản hướng dẫn thi hành hay không và căn cứ Điều 21 và Điều 341 BLTTDS trực tiếp tham gia phiên tòa, kiểm sát hoạt động xét xử giám đốc thẩm của Ủy ban thẩm phán TAND cấp cao và Hội đồng thẩm phán TAND tối cao bảo đảm việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử, thư ký và những chủ thể khác (nếu có), trình bày và bảo vệ kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát, phát biểu quan điểm kết luận về tính có căn cứ, tính hợp pháp của quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD.

2.2.4.2. Kiểm sát gián tiếp

Phương thức kiểm sát gián tiếp được thực hiện trên cơ sở căn cứ Điều 336 BLTTDS khi Tòa án kháng nghị giám đốc thẩm phải chuyển quyết định kháng nghị cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn 15 ngày hoặc yêu cầu Tòa án nơi ban hành bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật bị đề nghị kháng nghị chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu để giải quyết đơn, thông báo đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, kiểm sát quyết định giám đốc thẩm, kiểm sát bản án, quyết định khác đã có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD và kiểm sát các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng khác của Tòa án theo

thủ tục giám đốc thẩm, nếu phát hiện vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ thực hiện quyền kháng nghị hoặc kiến nghị khắc phục vi phạm, trường hợp không phát hiện được vi phạm thì ban hành thông báo không kháng nghị trên cơ sở căn cứ vào Điều 329, 331 BLTTDS.

2.3. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM

2.3.1. Điều kiện bảo đảm về chính trị

Từ Đại hội Đảng lần thứ VI đến Đại hội Đảng lần thứ XIII thể hiện chủ trương đường lối nhất quán của Đảng ta xác định nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, định hướng XHCN, có sự quản lý của Nhà nước, trong đó hệ thống các TCTD, thị trường tín dụng, thị trường vốn và sự an toàn của hệ thống tín dụng luôn đặt lên hàng đầu. Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khoá XII) về một số chủ trương, chính sách lớn về đổi mới mô hình tăng trưởng... xác định: *“Cơ cấu lại thị trường tài chính, trọng tâm là các tổ chức tín dụng đạt kết quả bước đầu, không để xảy ra tình trạng đổ vỡ, mất an toàn hệ thống”*, cho đến Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục đặt ra yêu cầu: *“Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng”* cho phù hợp với yêu cầu của thị trường và sự phát triển đất nước [33, tr.125].

Bên cạnh đó, vị trí, vai trò của VKSND luôn được khẳng định trong các Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam và các Nghị quyết riêng về công tác tư pháp hoặc nghị quyết riêng về VKSND, như ngay từ những ngày đầu thành lập ngành Kiểm sát, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết riêng về công tác kiểm sát (Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 01/02/1963); đến năm 2002, Bộ Chính trị đã quan tâm ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới; sau đó không lâu, ngày 24/5/2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Nghị

quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; gần đây nhất, năm 2022, Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XII ban hành Nghị quyết 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Các Nghị quyết này đều khẳng định và tăng cường chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, trong đó có nội dung kiểm sát tuân theo pháp luật trong việc giải quyết của Tòa án đối với các vụ việc dân sự, KDTM. Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang đẩy mạnh chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, quyết tâm thực hiện cải cách tư pháp, hướng đến việc xây dựng: “Nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân...” Đã tạo ra những điều kiện, yêu cầu rất lớn trong việc phải nâng cao chất lượng công tác kiểm sát hoạt động tư pháp, cải cách tư pháp [8].

Thực hiện sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ VKSND tối cao mà nòng cốt là Ban Cán sự đảng, sau này là Đảng ủy VKSND tối cao đã trực tiếp chỉ đạo công tác kiểm sát của toàn Ngành, là một trong những điều kiện bảo đảm quan trọng cho kiểm sát hoạt động tư pháp, kiểm sát việc Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, KDTM, trong đó có khâu công tác kiểm sát việc giải quyết tranh chấp HĐTD. Ngay sau khi Nghị quyết 27-NQ/TW được ban hành, Ban Cán sự đảng VKSND tối cao đã khẩn trương ban hành Kế hoạch số 14-KH/BCSD ngày 31/01/2023 để thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW này, trong đó yêu cầu tập trung nghiên cứu hoàn thiện lý luận về vị trí, vai trò, trách nhiệm của VKSND đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới; yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát hoạt động tư pháp. Những năm gần đây, Ban Cán sự đảng, gần đây là Đảng ủy VKSND tối cao đặc biệt quan tâm đến công tác kiểm sát trong lĩnh vực dân sự, KDTM, đã ban hành nhiều nghị quyết, kế hoạch về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm toàn ngành Kiểm sát nhân dân, trong đó có yêu cầu nâng cao chất lượng kiểm sát hoạt động tư pháp, kiểm sát trong lĩnh vực dân sự, KDTM, nâng cao chất lượng kháng nghị, không chạy theo số lượng kháng nghị ... (Nghị quyết

số 66-NQ/BCSD ngày 09/01/2023 của Ban Cán sự đảng VKSND tối cao về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2023); Năm 2024, Ban Cán sự đảng VKSND tối cao yêu cầu xác định khâu công tác kiểm sát giải quyết vụ án dân sự, KDTM ... là “nhiệm vụ trọng tâm, đột phá” của toàn Ngành, khắc phục ngay những hạn chế, yếu kém của khâu công tác này; xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại ... (Nghị quyết số 111-NQ/BCSD ngày 28/12/2023 về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2024).

2.3.2. Điều kiện bảo đảm về pháp lý

Cơ sở bảo đảm về pháp lý được hiểu là bảo đảm về hệ thống pháp luật liên quan đến kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND được xây dựng, ban hành bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, toàn diện, khả thi...

Hiện nay, trên cơ sở Hiến pháp năm 2013, các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của VKSND, về thẩm quyền, nguyên tắc, trình tự thủ tục kiểm sát việc giải quyết các vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm được quy định tại Luật Tổ chức VKSND năm 2014, BLTTDS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, các quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành về lĩnh vực tín dụng, biện pháp bảo đảm được quy định tại BLDS năm 2015, Luật Nhà ở năm 2023, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, Luật các TCTD năm 2024, Luật Đất đai năm 2024, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), Nghị định số 21/2021/NĐ-CP về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 về đăng ký biện pháp bảo đảm

Ngoài hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, còn có các quy định hướng dẫn của ngành Kiểm sát, Tòa án, như Quy chế 364/2017 về công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự; Hướng dẫn số 25/HD-VKSTC ngày 18/4/2022 của VKSND tối cao về một số nội dung kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về “*Tranh chấp hợp đồng tín*

dụng”; Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 về một số vấn đề nghiệp vụ; Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của TAND tối cao thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự... Nhìn chung, hệ thống pháp luật về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Viện kiểm sát trong kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM tranh chấp HĐTD và văn bản pháp luật về nội dung giải quyết trong lĩnh vực tín dụng và những vấn đề liên quan như chế độ pháp lý về tài sản bảo đảm là động sản, bất động sản, tài sản chung, tài sản riêng, tài sản vợ chồng, tài sản hộ gia đình, tài sản hình thành trong tương lai ... đã nhiều lần sửa đổi, bổ sung qua các thời kỳ đến nay tương đối hoàn thiện. Đây chính là những điều kiện bảo đảm quan trọng, tạo hành lang pháp lý quan trọng trong kiểm sát tuân theo pháp luật việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm (*Xem Hệ thống các văn bản pháp luật và văn bản của Ngành tại Phụ lục 01*).

2.3.3. Điều kiện bảo đảm về kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển nhanh, trong đó có sự đóng góp tích cực của hệ thống TCTD trong việc cho vay, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để tăng cường hoạt động sản xuất, kinh doanh, tuy nhiên hoạt động này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ trong việc thu hồi vốn cho vay, xử lý TSBĐ. Để bảo đảm cho sự an toàn của hệ thống TCTD, giải quyết tốt các tranh chấp HĐTD, nâng cao năng lực giải quyết của cơ quan pháp luật, hàng năm, nhà nước dành ngân sách lớn chi cho các hoạt động giải quyết tranh chấp HĐTD của Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan Thi hành án dân sự, Ngân hàng nhà nước, các doanh nghiệp ...

Đối với VKSND tối cao, VKSND cấp cao, bộ máy các cơ quan chuyên trách, trụ sở làm việc, biên chế, các phương tiện máy móc, trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm được bảo đảm hoạt động thường xuyên ổn định bằng ngân sách nhà nước. Ngoài ra, theo yêu cầu, nhiệm vụ của mỗi cơ quan và sự phối hợp của các cơ quan, nhà nước cũng bảo đảm kinh phí cho việc tổ chức các hội thảo chuyên đề chuyên sâu (như VKSND tối cao, phối

hợp với Ngân hàng Nhà nước tổ chức Hội thảo “*Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*” tháng 4/2023; VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phối hợp với Văn phòng đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Khu vực miền Trung tổ chức Hội nghị: “*Nhận diện vi phạm, tội phạm trong hoạt động ngân hàng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên*” vào tháng 9/2022 .

Bên cạnh đó, Nhà nước đầu tư trang thiết bị, khoa học công nghệ để nâng cấp hiện đại hoá hệ thống TCTD, nhất là ngân hàng nhà nước, bảo đảm năng lực cạnh tranh, năng lực kiểm soát rủi ro, bảo đảm sự an toàn của hệ thống tín dụng từ phía các TCTD.

Tuy nhiên, vẫn còn một số nơi trụ sở, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, VKSND cấp cao tại Hà Nội vẫn chưa có trụ sở mới, hoạt động trên cơ sở tiếp quản trụ sở cũ của đơn vị tiền thân là Viện Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm với biên chế chỉ bằng $\frac{1}{4}$ so với biên chế VKSND cấp cao, nên trụ sở ngày càng quá chật hẹp, xuống cấp, phòng làm việc chật chội, hồ sơ chồng chất, việc ứng dụng khoa học công nghệ trong công việc chưa cao... ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng công tác và sự an toàn của hồ sơ. Do vậy, các cấp, các ngành cần quan tâm hơn nữa trong đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại tương xứng với nhiệm vụ của VKSND, trong đó có nhiệm vụ kiểm sát giải quyết tranh chấp HĐTD ở giai đoạn giám đốc thẩm. Đây là một trong những điều kiện về kinh tế quan trọng góp phần bảo đảm hoạt động kiểm sát này ngày một chất lượng, hiệu quả hơn.

2.3.4. Điều kiện bảo đảm về tổ chức, nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực phục vụ cho công tác này ngày càng được chuyên môn hóa sâu rộng, nhất là ở giai đoạn giám đốc thẩm bao gồm cả VKSND cấp cao và VKSND cấp tối cao.

Tại VKSND tối cao do Viện trưởng chỉ đạo chung, phân công 01 đồng chí Phó Viện trưởng VKSND tối cao phụ trách trực tiếp lĩnh vực kiểm sát án hành chính, KDTM, trong đó có kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp

HĐTD; đơn vị nghiệp vụ chuyên trách là Vụ Kiểm sát án hành chính, kinh doanh, thương mại (viết tắt là Vụ 10).

Tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

Có 03 VKSND cấp cao: VKSND cấp cao tại Hà Nội (có phạm vi lãnh thổ gồm khu vực 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khu vực miền Bắc); VKSND cấp cao tại Đà Nẵng (có phạm vi lãnh thổ gồm khu vực 12 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khu vực miền Trung, Tây nguyên từ tỉnh Quảng Bình vào đến Khánh Hoà, Đắk Lắk); VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (có phạm vi lãnh thổ gồm khu vực 23 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khu vực miền Nam).

Tại mỗi VKSND cấp cao, đồng chí Viện trưởng trực tiếp chỉ đạo chung, phân công 01 đồng chí Phó Viện trưởng VKSND cấp cao phụ trách trực tiếp lĩnh vực kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, chỉ đạo giúp đồng chí Viện trưởng giải quyết những công việc hàng ngày. Viện nghiệp vụ chuyên trách là Viện Kiểm sát án hành chính, kinh doanh, thương mại (Viện 3). Tùy theo số lượng vụ việc KDTM, lao động ... mà biên chế của mỗi VKSND cấp cao có số lượng khác nhau.

Dưới đây là bảng tổng hợp tình hình biên chế của các đơn vị nghiệp vụ chuyên trách kiểm sát việc giải quyết vụ việc KDTM, lao động và những việc khác theo quy định pháp luật nói chung, trong đó có vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD như sau (bảng 2.1).

Nguồn lực đội ngũ Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức kiểm sát trong lĩnh vực KDTM nói chung ngày càng được đào tạo chuyên sâu, theo hướng phát triển thành các “chuyên gia”, Ở VKSND tối cao có 01 Kiểm sát viên VKSND tối cao trực tiếp tham gia phiên tòa giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Ở VKSND cấp cao có 19 Kiểm sát viên cao cấp trực tiếp tham gia phiên tòa giám đốc thẩm của Ủy ban thẩm phán TAND cấp cao. Về trình độ, Kiểm sát viên có trình độ tiến sĩ là đồng chí Vụ trưởng Vụ 10; trình độ thạc sĩ chiếm đa số trong biên chế đơn vị nghiệp vụ. Viện trưởng, người đứng đầu đơn vị trực tiếp chỉ đạo công tác kiểm sát giải quyết

vụ án KDTM, trong đó có vụ án tranh chấp HĐTD, có sự quan tâm bố trí nhân sự hợp lý, phù hợp với năng lực, sở trường của từng công chức, bảo đảm thời gian công tác ổn định, lâu dài, trong trường hợp cần thiết luân chuyển thì phải có đội ngũ kế thừa thay thế.

Tuy nhiên, vẫn còn một số Kiểm sát viên, công chức còn hạn chế về năng lực, trình độ nghiệp vụ, hoặc bị thay đổi vị trí việc làm, lãnh đạo đơn vị chưa thực sự quan tâm sát sao trong công việc, nên hiệu quả công tác chưa cao.

Bảng 2.1. Tổng hợp tình hình biên chế của các đơn vị nghiệp vụ chuyên trách kiểm sát giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD

TT	Đơn vị nghiệp vụ	Số lượng	Chức danh	Chức vụ	Trình độ
1	Vụ Kiểm sát án hành chính, kinh doanh, thương mại (Vụ 10) VKSND tối cao	24	01 Kiểm sát viên (KSV) VKSND tối cao, 08 KSV cao cấp, KSV trung cấp.	Vụ trưởng 03 Phó Vụ trưởng; 04 Trưởng phòng; 04 Phó Trưởng phòng	01 tiến sĩ, 14 thạc sĩ (01 nghiên cứu sinh). Còn lại là đại học
2	Viện kiểm sát án hành chính, kinh doanh, thương mại (Viện 3)- VKSND cấp cao tại Hà Nội	25	9 KSV cao cấp; 03 KSV trung cấp. Còn lại là KSV sơ cấp, chuyên viên	Viện trưởng 03 Phó Viện trưởng; 02 Trưởng phòng; 2 Phó Trưởng phòng	18 thạc sĩ. 07 đại học
3	Viện Kiểm sát án hành chính, kinh doanh, thương mại (Viện 3)- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng	10	4 KSV cao cấp; 1 KSV trung cấp. Còn lại là KSV sơ cấp, Kiểm tra viên	Viện trưởng 01 Phó Viện trưởng; 02 Trưởng phòng; 02 Phó Trưởng phòng	06 thạc sĩ. Còn lại là đại học
4	Viện Kiểm sát án hành chính, kinh doanh, thương mại (Viện 3)- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh	15	06 KSV cao cấp; 04 KSV trung cấp. Còn lại là KSV sơ cấp, chuyên viên	Viện trưởng 01 Phó Viện trưởng 02 Trưởng phòng	10 thạc sĩ. Còn lại là đại học
Tổng cộng		54	1 KSV VKSND tối cao. 25 KSV cao cấp Còn lại là công chức khác		01 tiến sĩ 48 thạc sĩ Còn lại là đại học

2.4. VỊ TRÍ VIỆN KIỂM SÁT/ VIỆN CÔNG TỐ Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ- NHỮNG GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

2.4.1. Vị trí của Viện kiểm sát/Viện công tố trong tố tụng dân sự ở một số nước trên thế giới

Ở nội dung này, nghiên cứu sinh nghiên cứu về vị trí của Viện kiểm sát/ Viện công tố ở một số nước trên thế giới mang tính đại diện theo các tiêu chí cơ bản: Nước có chế độ chính trị giống Việt Nam, tiêu biểu là VKSND Trung Quốc, hoặc nước trước đây có chế độ chính trị giống Việt Nam là Liên bang Nga; một số nước có hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa (Civil law) như Cộng hòa Pháp, trước đây trải qua 80 năm đô hộ Việt Nam có những ảnh hưởng nhất định đến tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Việt Nam, nước có hệ thống pháp luật án lệ (Common law), như Mỹ và nước hệ thống pháp luật theo tư tưởng Hồi giáo (Islamic Law), như Indonexia. Từ đó thấy được bức tranh toàn cảnh về vị trí của Viện kiểm sát/ Viện công tố trên thế giới trong tố tụng dân sự nói chung, kiểm sát việc giải quyết tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm nói riêng.

2.4.1.1. Viện kiểm sát nhân dân Trung Quốc trong tố tụng dân sự

Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có chế độ chính trị XHCN do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo, bộ máy Nhà nước Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam, được tổ chức theo nguyên tắc “*tập trung, thống nhất*”, chứ không phân chia quyền lực theo Học thuyết “*Tam quyền phân lập*” ở nhiều quốc gia trên thế giới, như Anh, Mỹ, Pháp, Đức. Ở Trung Quốc, toàn bộ quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân mà đại diện là Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc (Quốc hội) và Đại hội đại biểu nhân dân địa phương (Hội đồng nhân dân), là những cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương; Chính phủ được xác định là cơ quan chấp hành, cơ quan hành chính cao nhất; Tòa án là cơ quan xét xử và Viện kiểm sát là cơ quan giám sát việc tuân theo pháp luật. Thủ tướng Chính phủ, Chánh án TAND tối cao và Viện trưởng VKSND tối cao đều do Quốc hội bầu theo nhiệm kỳ Quốc

hội và chịu trách nhiệm trước cơ quan này. Các cơ quan nhà nước này chỉ phối hợp với nhau chứ không có chức năng chế ước lẫn nhau như trong cơ chế phân quyền ở nhiều nước trên thế giới.

Về mô hình VKSND Trung Quốc cũng được tổ chức theo nguyên tắc đặc thù: Viện trưởng VKSND cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng VKSND cấp trên và chịu sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao, chứ không tổ chức theo nguyên tắc “*song trùng trực thuộc*” như đa số cơ quan Nhà nước khác. Vai trò kiểm sát việc giải quyết tranh chấp HĐTD nói riêng và kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung tập trung nhiệm vụ giám sát pháp luật đối với các hoạt động xét xử (Điều 14 Luật Tổ tụng dân sự Trung Quốc). Trên thực tế, VKSND Trung Quốc tập trung kiểm sát các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nếu phát hiện bản án, quyết định đó có vi phạm pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng cho lợi ích xã hội thì kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm để yêu cầu Toà án xét xử lại theo trình tự giám đốc thẩm [110].

Liên quan đến thẩm quyền kháng nghị này của VKSND Trung Quốc, có ba điểm đặc biệt cần lưu ý:

Một là, khác với thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự Việt Nam, thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự Trung Quốc có phạm vi rộng hơn, bao gồm cả thủ tục mà Việt Nam xác định là tái thẩm. Có nghĩa là: Thủ tục giám đốc thẩm ở Trung Quốc không chỉ áp dụng trong trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà còn áp dụng cả trong trường hợp phát hiện “tình tiết mới” làm thay đổi cơ bản nội dung phán quyết mà Toà án không biết được khi ra phán quyết đó. Vì vậy, Luật Tố tụng dân sự Trung Quốc (Điều 185) không phân biệt giữa căn cứ tiến hành kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và thủ tục tái thẩm như ở nước ta.

Hai là, bên cạnh việc quy định về thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của Toà án, VKSND như Việt Nam, Luật Tố tụng dân sự Trung Quốc còn ghi nhận quyền kháng cáo theo thủ tục giám đốc thẩm của đương sự.

Ba là, thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự ở Việt Nam và Trung Quốc, cả Toà án và Viện kiểm sát đều có quyền theo thủ tục giám đốc thẩm tại Toà án cấp dưới hoặc cấp tương đương; TAND tối cao cũng như VKSND tối cao đều có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm tại TAND các cấp. Tuy nhiên, cũng có điểm khác Việt Nam, tố tụng dân sự Trung Quốc không quy định cụ thể về chức danh của những người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND. Có nghĩa là, trong tố tụng dân sự Trung Quốc, không chỉ có Viện trưởng, Phó Viện trưởng mà có thể cả Kiểm sát viên VKSND cũng có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm [54].

Về cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc VKSND tối cao ở Trung Quốc gồm 10 Vụ Nghiệp vụ, Văn phòng và một số đơn vị liên quan; trong đó có Vụ Kiểm sát số VI (Vụ Kiểm sát Dân sự) có chức năng, nhiệm vụ kháng nghị các vụ án dân sự được đề nghị giám sát hoặc đề nghị VKSND tối cao kháng nghị, giám sát việc tuân theo pháp luật đối với hoạt động tố tụng dân sự của TAND tối cao, giải quyết các vụ việc khiếu nại dân sự thuộc thẩm quyền của VKSND tối cao ban hành kiến nghị đối với hành vi vi phạm pháp luật của Thẩm phán, hỗ trợ khởi kiện dân sự.

Ngoài ra, cũng cần nghiên cứu về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số rất thành công ở VKSND Trung Quốc trước sự bùng nổ của thời đại công nghệ hiện nay. VKSND đã xây dựng được hệ thống mạng WAN diện rộng, tách biệt Internet để bảo đảm sự tiện dụng, chủ động và an toàn hệ thống, được dùng trong tất cả các khâu công tác, liên thông trong cả VKSND các cấp, trong đó có khâu kiểm sát dân sự, ứng dụng thúc đẩy công tác kháng nghị bằng phần mềm tự động phát hiện bất thường trong xét xử dân sự thông qua công nghệ dữ liệu lớn (big data), công cụ hỗ trợ kiểm sát án dân sự bao gồm hệ thống phân tích bản án, quyết định giải quyết của Toà án và hệ thống chia sẻ thông tin xét xử... đã hỗ trợ đắc lực cho Viện kiểm sát trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự, KDTM, trong đó có vụ án về tranh chấp HĐTD, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

2.4.1.2. Vị trí, vai trò của Viện kiểm sát Liên bang Nga

Tại Điều 1 Luật Viện kiểm sát Liên bang Nga năm 1996 quy định việc tham gia của Viện kiểm sát trong tố tụng dân sự có vị trí quan trọng, thể hiện ở chỗ: Viện kiểm sát hướng tới Tòa án như một phương tiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của những đối tượng mà sự vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp ấy có ảnh hưởng nghiêm trọng về phương diện xã hội. Cụ thể hóa quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Viện kiểm sát liên bang Nga năm 1996, Điều 45 BLTTDS Liên bang Nga có hiệu lực thi hành ngày 01/02/2003 có hai hình thức tham gia của Kiểm sát viên trong tố tụng dân sự:

Thứ nhất, Kiểm sát viên tham gia tố tụng dân sự với vai trò là tích cực là khởi kiện (nguyên đơn) phát động vụ kiện dân sự theo thủ tục sơ thẩm và là người kháng kiện (đơn đề nghị chống án, đơn đề nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định không có căn cứ của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm.

Thứ hai, Kiểm sát viên tham gia tố tụng dân sự với vai trò là người bị kiện (bị đơn) hoặc là người có quyền và nghĩa vụ liên quan, do người khác khởi kiện và phát biểu quan điểm đối với các vụ án yêu cầu khôi phục việc làm, đòi bồi thường thiệt hại do bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe và những trường hợp khác do Luật Tố tụng dân sự của Liên bang Nga và luật liên bang quy định..

Đối với thủ tục giám đốc thẩm, Viện kiểm sát Liên bang Nga có quyền đề nghị giám đốc thẩm theo Điều 376 BLTTDS trong đối với những vụ án có sự tham gia của Kiểm sát viên, việc đề nghị xét lại những bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm do những Kiểm sát viên có chức vụ của Viện kiểm sát thực hiện theo Điều 377 BLTTDS, bao gồm Tổng Kiểm sát trưởng, Phó tổng Kiểm sát trưởng có quyền đề nghị giám đốc thẩm đến Tòa án cấp giám đốc thẩm. Kiểm sát viên của nước cộng hoà, vùng, khu vực, thành phố thuộc liên bang, khu tự trị, vùng quân sự (hạm đội) có quyền đề nghị đến Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao nước cộng hoà, Tòa án vùng, Tòa án khu vực...

Tại phiên tòa giám đốc thẩm có sự tham gia của Tổng Kiểm sát trưởng, Phó tổng Kiểm sát trưởng tại Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang Nga, Kiểm sát viên có chức vụ theo sự uỷ nhiệm của Tổng Kiểm sát trưởng tham gia phiên tòa tại Uỷ ban Thẩm phán về dân sự của Toà án tối cao Liên bang Nga. Kiểm sát viên của nước cộng hoà, vùng tự trị, thành phố thuộc liên bang, khu tự trị, vùng quân sự (hạm đội) được tham gia phiên tòa giám đốc thẩm tại Hội đồng thẩm phán Toà án tối cao nước cộng hoà, Toà án vùng, Toà án khu tự trị.

Dù tham gia tố tụng dân sự dưới hình thức nào và việc thực hiện quyền đề nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát đều thể hiện vai trò, vị trí nổi bật trong việc bảo vệ lợi ích Nhà nước, lợi ích công, lợi ích của nhóm người khác và có ý nghĩa xã hội sâu sắc, chứ không phải để bảo vệ lợi ích của bản thân Viện kiểm sát. Điều này khẳng định những mục đích hoạt động của Viện kiểm sát Liên bang Nga là nhằm *“bảo đảm tính tối cao của luật pháp, sự thống nhất và củng cố pháp chế, bảo vệ quyền tự do và các quyền khác của con người và của công dân, cũng như các lợi ích của xã hội và nhà nước được luật pháp bảo vệ”* (khoản 2 Điều 1 Luật Viện kiểm sát Liên bang Nga năm 1996).

2.4.1.3. Vị trí, vai trò của Viện công tố Cộng hoà Pháp

Trong TTDS, theo quy định của BLDS và BLTTDS Cộng hòa Pháp, Viện công tố Pháp tham gia tố tụng giải quyết vụ việc dân sự, thương mại với hai vị trí:

Thứ nhất, với vai trò đại diện bảo vệ lợi ích chung, trật tự công, Viện công tố Cộng hòa Pháp tham gia tố tụng với vị trí là bên “chính tố” (tức là với tư cách như một bên đương sự chính);

Thứ hai, với vai trò bảo đảm pháp luật được tuân thủ nghiêm chỉnh, thống nhất, vì lợi ích của Luật, Viện công tố Pháp tham gia tố tụng với vị trí là bên “phụ tố” (là cơ quan tiến hành tố tụng hoặc người tiến hành tố tụng), Viện công tố Pháp có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục phá án (giám đốc thẩm) và tham gia tố tụng để cho ý kiến về việc áp dụng pháp luật.

Về căn cứ kháng nghị theo thủ tục phá án (giám đốc thẩm), BLTTDS Cộng hòa Pháp không đưa ra một giới hạn chặt chẽ mà chỉ quy định một cách chung chung là “*Toà Phá án có thể giám đốc bản án chung thẩm bị kháng cáo, kháng nghị vì đã xét xử không đúng pháp luật*” (Điều 604 BLTTDS Cộng hòa Pháp).

Để có cơ sở theo dõi, giám sát việc giải quyết của Tòa án, BLTTDS quy định trong những trường hợp Tòa án phải chủ động thông báo việc giải quyết cho Viện Công tố Pháp để cho ý kiến (Điều 427 BLTTDS), thông báo theo quy định của pháp luật, thông báo theo yêu cầu của Viện công tố về những vụ việc mà Viện công tố xét thấy cần thiết phải tham gia ý kiến (Điều 426 BLTTDS), thông báo theo quy định của pháp luật [54].

2.4.1.4. Vị trí, vai trò của Cơ quan Công tố Hoa Kỳ

Vị trí, vai trò của cơ quan Công tố Hoa Kỳ trong tố tụng dân sự được thể hiện tập trung và rõ nét thông qua chức năng đại diện cho Hợp chủng quốc Hoa Kỳ hay Chính phủ Hoa Kỳ, cũng như cho các cơ quan hành pháp liên bang, các cơ quan hành pháp tiểu bang trong các khiếu kiện dân sự nếu các đối tượng này là một bên tham gia tranh chấp (với tư cách là nguyên đơn hoặc với tư cách là bị đơn). Cụ thể là những dạng khiếu kiện: Đại diện và trực tiếp bảo vệ lợi ích cho Hợp chủng quốc Hoa Kỳ trong các vụ kiện dân sự mà các đối tượng này là một bên tham gia tranh chấp; bảo vệ và củng cố luật pháp, chương trình và chính sách của Chính quyền liên bang trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội; bảo vệ môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh, bảo vệ và thực thi các luật điều chỉnh các hành vi thương mại gian dối và không trong sạch tại các bang; bảo đảm việc thực hiện công lý công bằng và trong sạch đối với tất cả công dân Mỹ; bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ môi trường; đấu tranh với chủ nghĩa khủng bố [76].

2.4.1.5. Vị trí, vai trò của Cơ quan Công tố Indonesia

Cộng hòa Indonesia là nước có hệ thống pháp luật theo tư tưởng Hồi giáo. Trong tố tụng dân sự, cơ quan Công tố Indonesia được trao thẩm quyền khá rộng. Ngoài các nhiệm vụ tham gia vào các hoạt động tăng cường nhận thức pháp luật trong xã hội, tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm

việc thi hành các chính sách pháp luật, tư vấn và hỗ trợ thông tin về mặt pháp lý cho các cơ quan nhà nước, cơ quan Công tố Indonesia còn có thẩm quyền:

Thứ nhất, tiến hành các hoạt động pháp lý đại diện và phục vụ cho lợi ích của Nhà nước và Chính phủ trong và ngoài Toà án. Công tố viên có thể đại diện cho Nhà nước và Chính phủ với tư cách là nguyên đơn hoặc bị đơn trong các án kiện tại Toà án hay là một bên tham gia đối với các vụ việc pháp lý giải quyết ngoài Toà án.

Thứ hai, kháng nghị đối với các vụ án dân sự lên Toà án tối cao. Theo quy định tại điểm d Điều 35 Luật Tổ chức cơ quan Công tố Indonesia (Luật số 16/2004 được Quốc hội Indonesia thông qua ngày 26/7/2004), thẩm quyền kháng nghị này thuộc về Tổng Chương lý [76].

2.4.2. Những giá trị tham khảo cho Việt Nam

Qua nghiên cứu vị trí, vai trò của Viện kiểm sát/Viện công tố của một số nước có tính đại diện nêu trên cho thấy:

Một là, mặc dù các nước có thể chế chính trị, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khác nhau, truyền thống hệ thống pháp luật và cách thức tổ chức quyền lực Nhà nước cũng khác nhau, tên gọi cũng khác nhau (Viện kiểm sát hay Viện công tố) và thậm chí việc thực hiện chức năng cũng có những nét đặc thù như Viện kiểm sát/Viện công tố các nước có thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp hay không, nhưng xét trên từng lĩnh vực cụ thể, các quốc gia đều rất coi trọng vị trí, vai trò của Viện kiểm sát/ Viện công tố trong tổ tụng dân sự như là một thiết chế hữu hiệu bảo vệ lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng, bảo đảm pháp chế thống nhất, bảo vệ luật pháp công bằng, bình đẳng. Bên cạnh đó, luật pháp nhiều nước (Trung Quốc, Pháp, Indonesia) còn dành cho Viện kiểm sát/Viện công tố thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật, trong đó có cả bản án, quyết định giải quyết tranh chấp HĐTD.

Hai là, tham khảo mô hình VKSND Trung Quốc về tổ chức và hoạt động kiểm sát trong tổ tụng dân sự, như quy định về thủ tục giám đốc thẩm (bao gồm cả thủ tục tái thẩm); về thẩm quyền kháng nghị; về quyền kháng cáo theo thủ tục giám đốc thẩm của đương sự.

Trong giai đoạn Việt Nam đang tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, quyết tâm thực hiện cải cách tư pháp, phát huy tối đa ưu thế tính độc đáo của hệ thống tổ chức Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, thực hiện cơ chế giám sát, kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc Hiến định “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”; thì việc nghiên cứu tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của Trung Quốc càng khẳng định cơ sở lý luận về vị trí, vai trò quan trọng của VKSND trong tổ tụng dân sự là thực tế khách quan không thể thiếu. Theo kết quả khảo sát (105 Phiếu - *Phụ lục 04*), khi được hỏi về việc tham khảo mô hình VKSND của các nước, thì có 27% người được hỏi chọn nên tham khảo mô hình VKSND Trung Quốc (chiếm tỷ lệ cao nhất), kế đến là nên theo đặc riêng của Việt Nam, với tỉ lệ 25%, kế tiếp là Viện Công tố Pháp tỉ lệ 18%, Cơ quan Công tố Hoa Kỳ 17%, VKSND liên bang Nga: 10,8%. Đối với kết quả phỏng vấn Chuyên gia, có đến 70% chuyên gia trả lời nên tham khảo mô hình VKSND Trung Quốc trong tổ chức hệ thống Viện kiểm sát trong tổ tụng dân sự.

Kết luận Chương 2

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án tại Chương 1, ở Chương 2 này, nghiên cứu sinh tập trung làm rõ những vấn đề lý luận của kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, thông qua việc phân tích nêu bật những khái niệm cơ bản liên quan đến hoạt động tín dụng, TCTD, khái niệm, đặc trưng của “*Vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, khái niệm, đặc điểm của “*Kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; phân biệt rõ ràng kiểm sát việc giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, tái thẩm với kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ án tranh chấp HĐTD; đặc điểm, vai trò của kiểm sát việc giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm; nội dung kiểm sát và các nguyên tắc,

trình tự, thủ tục, phương thức kiểm sát; các điều kiện bảo đảm kiểm sát việc giải quyết loại án này theo thủ tục giám đốc thẩm. Tại Chương quan trọng này, nghiên cứu sinh cũng đi sâu phân tích những cơ sở lý luận về điều kiện bảo đảm kiểm sát việc Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD trên các phương diện chính trị, pháp lý, hệ thống cơ quan chuyên trách, cơ sở vật chất, kỹ thuật. Đồng thời, nghiên cứu vị trí, vai trò của Viện kiểm sát/Viện công tố một số nước trên thế giới trong tổ tụng dân sự (Trung Quốc, Nga, Mỹ, Pháp, Indonesia) có tính đại diện, tiêu biểu cho các hệ thống pháp luật Common Law, Civil Law... trên thế giới, qua đó rút ra những giá trị tham khảo quý báu cho Việt Nam. Do vậy, việc làm sáng tỏ cơ sở lý luận của kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam có ý nghĩa quan trọng, làm tiền đề cần thiết để đánh giá thực trạng kiểm sát giải quyết loại án này ở Chương tiếp theo của luận án.

Chương 3

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

3.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

3.1.1. Sự hình thành và phát triển của pháp luật về giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm

3.1.1.1. Pháp luật về giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng trước khi Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp dân sự, trong đó có tranh chấp HĐTD được thực hiện theo Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989; Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế năm 1994; tiếp đó là BLTTDS năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011); các văn bản hướng dẫn dưới luật như Thông tư số 03/2013/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/10/2013 của TAND tối cao và VKSND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao (viết tắt là Thông tư 03/2013); Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định tại phần chung của BLTTDS...

Thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định dân sự đã có hiệu lực pháp luật, trong đó có tranh chấp HĐTD trong giai đoạn này thuộc về Chánh án TAND cấp tỉnh và Viện trưởng VKSND cấp tỉnh và Chánh án TAND tối cao và Viện trưởng VKSND tối cao [85] và việc xét xử

giám đốc thẩm thuộc về Ủy ban Thẩm phán TAND cấp tỉnh và Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Giai đoạn này, VKSND cấp cao và TAND cấp cao chưa được thành lập.

Về nội dung pháp luật giải quyết: Phụ thuộc vào thời điểm xảy ra tranh chấp pháp luật về nội dung được áp dụng giải quyết tranh chấp HĐTD gồm Luật các TCTD năm 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2004; BLDS năm 1995, BLDS năm 2005; Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty tài chính do Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 23/05/1990, Luật Doanh nghiệp năm 1999, 2005, Luật Đất đai năm 1993, 2003, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959, 1986, 2000, một số văn bản dưới luật khác có liên quan.

3.1.1.2. Pháp luật về giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng khi Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực đến nay

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp dân sự, trong đó có tranh chấp HĐTD thực hiện theo BLTTDS năm 2015, theo đó, thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm thuộc về Viện trưởng VKSND cấp cao, Chánh án TAND cấp cao, Viện trưởng VKSND tối cao, Chánh án TAND tối cao và thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm thuộc về Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao và Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Chánh án TAND cấp tỉnh, Viện trưởng VKSND cấp tỉnh không còn thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm và TAND cấp tỉnh cũng không còn Ủy ban Thẩm phán với chức năng xét xử giám đốc thẩm.

Các văn bản dưới luật hướng dẫn chi tiết có liên quan bao gồm: Thông tư 02/2016, Luật Giám định tư pháp sửa đổi bổ sung năm 2020, một số nghị quyết, thông tư hướng dẫn áp dụng BLTTDS năm 2004, sửa đổi, bổ sung 2011 vẫn còn giá trị tham khảo vận dụng trong khi chưa có văn bản pháp luật mới thay thế như Nghị quyết số 03/2012, Thông tư 03/2013... nêu trên.

Về nội dung pháp luật giải quyết: Trong giai đoạn này, có rất nhiều văn bản pháp luật về nội dung được áp dụng để giải quyết vụ án tranh chấp

HĐTD so với giai đoạn trước đó, gồm có BLDS năm 2015, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Đất đai năm 2013; Luật Nhà ở năm 2014, Luật Doanh nghiệp năm 2020, Nghị quyết 01/2019, Thông tư số 39/2016; 04 Án lệ liên quan đến giải quyết tranh chấp HĐTD, các hướng dẫn của VKSND tối cao, TAND tối cao ... (xem Phụ lục số 01).

Hệ thống các văn bản pháp luật về nội dung liên quan đến hoạt động tín dụng mặc dù ngày càng được hoàn thiện, song vẫn còn nhiều nội dung cần được sửa đổi, bổ sung, như vấn đề về lãi suất, phạt vi phạm, bảo vệ người thứ ba ngay tình, tài sản của hộ gia đình, tài sản chung, tài sản riêng, quy trình xem xét thẩm định tài sản bảo đảm, định giá tài sản ...

3.1.2. Cơ quan chuyên trách của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

Cơ quan chuyên trách của VKSND tối cao là Vụ Kiểm sát án hành chính, kinh doanh, thương mại (Vụ 10), cơ quan chuyên trách của VKSND cấp cao là Viện Kiểm sát án hành chính, kinh doanh, thương mại (Viện 3), gồm đội ngũ công chức: Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên và chuyên viên các ngạch khác và Lãnh đạo Viện là những chủ thể tiến hành tổ tụng kiểm sát việc giải quyết loại án này ý thức được vị trí, tầm quan trọng của công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD là loại án khó, phức tạp, giá trị tranh chấp lớn lên đến hàng trăm triệu, hàng tỷ, hàng chục tỷ đồng hoặc hàng trăm tỷ đồng, lại xảy ra nhiều, chiếm tỷ lệ hầu như cao nhất trong số các tranh chấp KDTM nói chung, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển sống còn của người vay là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, thậm chí dẫn đến bờ vực phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, về phía TCTD khi xảy ra tranh chấp cũng rất khó thu hồi được vốn vay, khó khăn trong việc xử lý TSBĐ, trong tình trạng hiện nay nhiều vụ án xảy ra khiến cho nợ xấu, TSBĐ bị tồn đọng, ảnh hưởng đến an ninh, an toàn của TCTD, gây hệ lụy bất ổn cho nền kinh tế, chính trị quốc gia. Vì vậy, công chức nghiệp vụ ý thức được tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết đã tham mưu tốt và được sự quan

tâm chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Viện đã tiến hành kiểm sát chặt chẽ trong từng khâu công tác kiểm sát, từ kiểm sát việc thụ lý, kiểm sát thời hạn, thẩm quyền kháng nghị, thời hạn mở phiên tòa, kiểm sát tại phiên tòa giám đốc thẩm, kiểm sát quyết định giám đốc thẩm... bảo đảm kiểm sát việc giải quyết loại án này chính xác, đúng pháp luật, có tính chuẩn mực theo thủ tục có tính chất đặc biệt và cao nhất trong các thủ tục tố tụng dân sự. Cụ thể về tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên trách như sau:

3.1.2.1. Cơ quan chuyên trách của Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Cơ cấu tổ chức bộ máy của các đơn vị thuộc VKSND tối cao theo Nghị quyết 1403/NQ-UBTVQH ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao bao gồm 24 đơn vị: các Cục, Vụ, Viện, Văn phòng, Thanh tra... Trong đó có Vụ Kiểm sát án hành chính, kinh doanh, thương mại (trước đây là Vụ Kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại...), được tổ chức và hoạt động theo Luật Tổ chức VKSND năm 2014, Quyết định số 174/QĐ-VKSTC ngày 22/4/2025 của Viện trưởng VKSND tối cao ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Vụ Kiểm sát án hành chính, kinh doanh thương mại. Theo đó, Vụ 10 là Vụ nghiệp vụ chuyên trách kiểm sát giải quyết án hành chính, KDTM, một trong những chức năng, nhiệm vụ cơ bản của Vụ 10 là tham mưu cho Lãnh đạo VKSND tối cao về kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM (trong đó có vụ án tranh chấp HĐTD) của TAND tối cao; đề xuất kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp dưới; giải quyết đơn, thông báo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với các bản án, quyết định về KDTM của các TAND cấp dưới đã có hiệu lực pháp luật... (Điều 3).

3.1.2.2. Cơ quan chuyên trách của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

Bộ máy VKSND cấp cao có Viện nghiệp vụ chuyên trách là Viện Kiểm sát án hành chính, kinh doanh, thương mại (trước đây là Viện Kiểm sát việc giải quyết vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật)-(viết tắt là Viện 3), một trong những chức năng,

nhệm vụ quan trọng của Viện 3 là tham mưu cho lãnh đạo VKSND cấp cao trong công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM, trong đó có vụ án về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm.

Trên toàn quốc có 03 VKSND cấp cao: VKSND cấp cao tại Hà Nội; VKSND cấp cao tại Đà Nẵng; VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. VKSND cấp cao là cấp kiểm sát thứ hai trong hệ thống 4 cấp kiểm sát được thành lập và hoạt động từ khi có Luật Tổ chức VKSND năm 2014, có tính chất đặc biệt, chỉ tập trung công tác nghiệp vụ chuyên sâu là kiểm sát việc giải quyết án ở giai đoạn phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm (mà không thực hiện chức năng kiểm sát việc giải quyết án ở giai đoạn sơ thẩm). Mặt khác, VKSND cấp cao được tổ chức hoàn toàn độc lập với cơ quan hành chính, không chịu sự ràng buộc, chi phối, áp lực nào bởi bất cứ cơ quan nhà nước nào ở địa phương, mà chỉ chịu sự lãnh đạo trực tiếp, tập trung thống nhất toàn diện của VKSND tối cao (kể cả tổ chức Đảng của VKSND cấp cao cũng trực thuộc Đảng bộ VKSND tối cao). Cách thức tổ chức này thể hiện rõ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của VKSND “*không lệ thuộc vào cơ quan Nhà nước nào ở địa phương*”, không “*song trùng trực thuộc*”[2].

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của VKSND cấp cao (ban hành kèm theo Quyết định số 222/QĐ-VKSTC ngày 17/6/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao), một trong những nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản của VKSND cấp cao trong lĩnh vực dân sự, KDTM là kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm đối với vụ án dân sự, KDTM thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp cao; giải quyết đơn, thông báo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, thực hiện quyền kháng nghị đối với bản án, quyết định dân sự, KDTM đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện, trong đó có bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD.

3.1.2.3. Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo VKSND tối cao rất quan trọng thể hiện ở khâu phân công, bố trí Kiểm sát viên, công chức có

năng lực, kinh nghiệm, chế độ đãi ngộ, bảo đảm công tác ổn định, tăng cường tập huấn, hội thảo, tọa đàm chuyên đề, quán triệt, phổ biến các quy định pháp luật liên quan, thông báo rút kinh nghiệm, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác kiểm sát việc giải quyết loại án này.

Trong thời gian qua, Viện trưởng VKSND tối cao ngày càng quan tâm đến khâu công tác kiểm sát giải quyết vụ việc dân sự, KDTM, ngay từ đầu năm 2021 đồng chí Viện trưởng VKSND tối cao đã nhấn mạnh: *“Công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong năm 2021 và nhiệm kỳ tới”* [133]. Tiếp đó, Viện trưởng VKSND tối cao ban hành Chỉ thị số 07/CT-VKSTC ngày 06/8/2021 về tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm, yêu cầu Viện trưởng VKSND các cấp trực tiếp phụ trách khâu công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự, KDTM.

Gần đây, tại Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 18/12/2023 về công tác kiểm sát năm 2024, Viện trưởng VKSND tối cao tiếp tục xác định: Công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại là nhiệm vụ *“trọng tâm, đột phá”* và giao nhiệm vụ mới cho Vụ 10 xây dựng kế hoạch trọng tâm, đột phá toàn Ngành.

Qua đó cho thấy, lãnh đạo VKSND tối cao ngày càng quan tâm hơn công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự, KDTM, trong đó có vụ án tranh chấp HĐTD. Do đó, đã tạo nên những chuyển biến tích cực, sâu rộng, hiệu quả hơn.

Đặc biệt, trong kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD, ngay từ đầu năm 2023, Viện trưởng VKSND tối cao ban hành Kế hoạch số 07/KH-VKSTC ngày 01/02/2023 về tổ chức các hội nghị, hội thảo, đã giao cho Vụ 10 phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Hiệp hội các Ngân hàng Việt Nam tổ chức Hội thảo: *“Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng”* vào tháng 4/2023, dưới sự chủ trì của Lãnh đạo VKSND tối cao, Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; có sự tham dự đông đảo của đơn vị, ban ngành, như Vụ Pháp chế, Vụ

Chính sách tiền tệ; Vụ Truyền thông thuộc Ngân hàng Nhà nước; hầu hết các Ngân hàng thương mại tại Việt Nam, đại diện TAND tối cao, Cục Đăng ký Quốc gia giao dịch bảo đảm, Tổng cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp; các phương tiện truyền thông như Báo Nhân dân, Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ; Báo Pháp luật, Thời báo Ngân hàng; cùng các đơn vị nghiệp vụ liên quan thuộc VKSND tối cao, 03 VKSND cấp cao; 32 VKSND cấp tỉnh, Tạp chí Kiểm sát, Báo Bảo vệ pháp luật ... nhằm nêu lên thực trạng kiểm sát việc giải quyết tranh chấp HĐTD kể từ ngày 01/01/2017 (ngày BLDS năm 2015 có hiệu lực thi hành) đến ngày 31/12/2022, tình trạng nợ xấu tăng cao, tồn đọng trong thi hành án tín dụng, nêu lên những dạng vi phạm phổ biến trong giải quyết án, dẫn đến tình trạng huỷ sửa án để giải lại, những sơ hở thiếu sót trong quản trị nội bộ và quản trị cho vay của các TCTD; chia sẻ những kinh nghiệm, biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đưa ra những khuyến nghị đối với TCTD để nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn vay, hạn chế tranh chấp, trường hợp có tranh chấp thì có biện pháp giải quyết kịp thời, dứt điểm. Đồng thời, Hội thảo cũng là nơi TCTD nói lên tiếng nói của mình về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tham gia tố tụng, nhận xét, đánh giá về vai trò của Viện kiểm sát trong kiểm sát việc giải quyết loại án này, đã bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, trong đó có TCTD; những đề xuất, kiến nghị đối với cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có VKSND, nhằm tạo ra chuyển biến hiệu quả hơn, tháo gỡ những tồn đọng, khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết tranh chấp HĐTD.

Lãnh đạo các VKSND cấp cao đã quan tâm, trực tiếp chỉ đạo khâu công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD và phân công 01 đồng chí Phó Viện trưởng trực tiếp phụ trách giúp Viện trưởng chỉ đạo, giải quyết những nhiệm vụ thường xuyên khâu công tác này. Đồng thời, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của khâu công tác này, lãnh đạo VKSND cấp cao cũng đã tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về tín dụng, như VKSND cấp cao tại Hà Nội tổ chức Hội nghị “*Nhận diện vi phạm, tội phạm thông qua thực tiễn kiểm sát việc giải quyết các vụ án trong lĩnh vực tín dụng*”

ngân hàng khu vực phía Bắc” vào tháng 11/2019, VKSND cấp cao tại Đà Nẵng tổ chức Hội nghị chuyên đề: “Nhận diện vi phạm, tội phạm trong hoạt động ngân hàng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên” vào tháng 9/2022. Lãnh đạo VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quan tâm chỉ đạo ban hành nhiều thông báo rút kinh nghiệm có chất lượng hiệu quả trong kiểm sát việc giải quyết loại án này, như Thông báo số 49/TB-VC3-V4 ngày 15/9/2022 rút kinh nghiệm các bản án, quyết định trong lĩnh vực giải quyết án kinh doanh, thương mại, lao động bị TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên huỷ, sửa 6 tháng đầu năm 2022, trong đó, nhiều nhất là rút kinh nghiệm đối với kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD (03 vụ án)...

3.1.3. Môi quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân với Tòa án nhân dân và các cơ quan liên quan

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Viện kiểm sát, Toà án và các cơ quan liên quan có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng và có tính độc lập, song không vì thế mà các cơ quan này hoạt động tách rời nhau; ngược lại mỗi cơ quan là một mắt xích trong từng công đoạn của quá trình giải quyết vụ án, nên phải phối hợp, tạo điều kiện cho nhau hoàn thành nhiệm vụ chung trong giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD nhanh chóng, đúng quy định pháp luật, cùng phối hợp trong việc giao nhận hồ sơ, bổ sung tài liệu, chứng cứ, trao đổi nghiệp vụ đối với một số vấn đề cụ thể còn có nhiều quan điểm giải quyết khác nhau như vấn đề về lãi chồng lãi, phạt chồng phạt, giải quyết trường hợp một hoặc một số thành viên hộ gia đình không ký vào hợp đồng thế chấp, người thứ ba ngay tình... nhằm đi đến việc ký kết hoặc sửa đổi, bổ sung các thông tư liên ngành, quy chế phối hợp, nghị quyết hướng dẫn áp dụng pháp luật, để bảo đảm công tác phối hợp đi vào nề nếp, chuyên nghiệp và tạo hành lang pháp lý cho các bên trong quan hệ phối hợp. Đây là những yếu tố quan trọng để mỗi ngành Kiểm sát, Toà án hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình và hoàn thành nhiệm vụ chung. Điển hình: Nghị quyết liên tịch số 01-NQLT/BCS ngày 15/5/2023 của Ban cán sự Đảng TAND tối cao và Ban cán sự Đảng

VKSND tối cao; Quy chế phối hợp số 01/2017/QCPH-VKSCC-TACC ngày 10/4/2017 giữa VKSND cấp cao và TAND cấp cao tại Đà Nẵng ...

3.1.4. Tính chất phức tạp của vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng ở Việt Nam

Vụ án tranh chấp HĐTD xảy ra tương đối nhiều, qua kiểm sát cho thấy, thực tế có nhiều vụ án có tính chất đơn giản, giá trị tranh chấp không lớn, TSBĐ rõ ràng, ít người có liên quan, chỉ căn cứ vào các nội dung thoả thuận của các bên tại HĐTD, hợp đồng bảo đảm dựa theo mẫu do TCTD ban hành, các đương sự có thể đạt được sự thoả thuận với nhau về việc thanh toán tiền nợ gốc, lãi, các loại phí và việc xử lý TSBĐ, trên cơ sở đó Toà án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự, hoặc nếu đương sự không thoả thuận được về việc giải quyết vụ án, thì Tòa án căn cứ nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng ban hành bản án giải quyết các vấn đề về tiền gốc, lãi, lãi suất và xử lý tài sản bảo đảm, bản án có hiệu lực thi hành.

Tuy nhiên, không phải vụ án tranh chấp HĐTD nào cũng đơn giản, mà có không ít vụ án có tính chất phức tạp, nhất là những vụ án có giá trị tranh chấp lớn, nhiều đương sự, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, nhiều loại TSBĐ, thường phát sinh những tranh chấp phức tạp về khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn; phạt vi phạm, lãi chồng lãi, phạt chồng phạt; tài sản bảo đảm có nguồn gốc không rõ ràng, phạm vi bảo đảm nghĩa vụ của người có tài sản, vấn đề người thứ ba có ngay tình hay không ngay tình, có nhiều người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có nhiều loại tài sản bảo đảm có chế độ pháp lý khác nhau (đất đai, nhà máy, công trình gắn liền với đất, xe ô tô, tàu thuyền, cổ phiếu, trái phiếu, tài sản hình thành trong tương lai...); vụ án có yếu tố nước ngoài, hoặc từ quan hệ tranh chấp HĐTD phát sinh các quan hệ tranh chấp khác như tranh chấp hợp đồng bảo lãnh, yêu cầu bồi thường thiệt hại, yêu cầu huỷ kết quả bán đấu giá tài sản bảo đảm, yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán nợ vô hiệu, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa các thành viên công ty... nên việc giải quyết chịu sự điều chỉnh không chỉ luật chuyên ngành là Luật các TCTD, mà còn áp dụng nhiều luật chuyên ngành

khác nhau, đó là BLDS, Luật Hôn nhân và gia đình (liên quan đến chế độ pháp lý về tài sản chung và tài sản riêng của vợ chồng dùng làm tài sản bảo đảm), Luật Doanh nghiệp (liên quan đến tư cách pháp nhân, chủ thể vay vốn là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hay người được ủy quyền, phạm vi quyền hạn của giám đốc doanh nghiệp, hội đồng thành viên, hội đồng quản trị, chế độ pháp lý của loại hình doanh nghiệp, cổ phần, vốn góp vào doanh nghiệp...); Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Chứng khoán... (liên quan đến chế độ pháp lý của các loại tài sản bảo đảm...), Luật Thương mại (liên quan đến đương sự, tài sản có yếu tố nước ngoài...) và các nghị quyết, nghị định, thông tư... hướng dẫn thi hành các luật nêu trên.

Do tính chất phức tạp của loại án này, nên qua kiểm sát ở giai đoạn giám đốc thẩm cho thấy nhiều bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật bị TAND cấp cao, TAND tối cao tuyên hủy, sửa do áp dụng không đúng pháp luật chuyên ngành, áp dụng sai thời điểm có hiệu lực của văn bản pháp luật..., thậm chí, nhiều trường hợp phải giải quyết nhiều lần, nhiều cấp giải quyết; có trường hợp vụ án bị hủy đến 02 lần theo trình tự giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, trong đó có 1 lần đã được phát triển thành án lệ (Quyết định giám đốc thẩm 01/2017/KDTM-GĐT ngày 01/3/2017) nhưng Tòa án cấp dưới vẫn giải quyết không đúng với án lệ nên bị Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hủy theo trình tự giám đốc thẩm để xét xử lại (Quyết định giám đốc thẩm số 01/2020/KDTM-GĐT ngày 13/2/2020 - *Xem Quyết định giám đốc thẩm số thứ 01 và 25 của Phụ lục số 02*).

Theo kết quả khảo sát (*xem Phụ lục số 03*), khi được hỏi minh chứng về tính phức tạp, giá trị tranh chấp, qua nhiều cấp tố tụng của vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD thì phần lớn các câu trả lời đều đồng ý.

3.1.5. Tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm

Công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD phải bảo đảm tính chính xác cao, tính có căn cứ, đúng quy định pháp luật,

đúng trình tự thủ tục; việc kháng nghị, kiến nghị, giải quyết đơn, thông báo đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát, Tòa án phải bảo đảm chất lượng, có căn cứ, đúng pháp luật và phải giải quyết khối lượng lớn công việc, đạt tỷ lệ hiệu quả cao. Thể hiện qua các tiêu chí đánh giá như sau:

Một là, phải bảo đảm đúng thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp cao; bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao (khoản 1 Điều 331 BLTTDS). Trường hợp không kháng nghị giám đốc thẩm, Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao tự mình hoặc ủy quyền cho Thẩm phán TAND tối cao, Kiểm sát viên VKSND tối cao thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có văn bản thông báo, kiến nghị (khoản 3 Điều 329 BLTTDS).

Chánh án TAND cấp cao, Viện trưởng VKSND cấp cao có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ (khoản 2 Điều 331 BLTTDS).

Hai là, phải bảo đảm kiểm sát việc Tòa án, Viện kiểm sát thụ lý, giải quyết trên cơ sở có đơn của đương sự (trong thời hạn 01 năm), văn bản thông báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đề nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đã có hiệu lực pháp luật (Điều 327 BLTTDS).

Ba là, phải bảo đảm kiểm sát đúng thời hạn giám đốc thẩm, người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày

bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD có hiệu lực pháp luật (khoản 1 Điều 334 BLTTDS). Trường hợp hết thời hạn 03 năm này, nhưng thuộc hai trường hợp sau: (i) đương sự tiếp tục có đơn đề nghị kháng nghị, (ii) bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD xâm phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người thứ ba, lợi ích công, lợi ích của Nhà nước, thì thời hạn kháng nghị được kéo dài thêm 02 năm (khoản 2 Điều 334 BLTTDS).

Bốn là, phải bảo đảm kiểm sát việc giải quyết của Tòa án có chất lượng, có căn cứ, đúng pháp luật, phải phát hiện chính xác, khách quan những vi phạm, hạn chế, thiếu sót, sai lầm trong các bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đã có hiệu lực pháp luật (Điều 326 BLTTDS); việc kháng nghị giám đốc thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị. Nếu không kháng nghị giám đốc thẩm, phải bảo đảm tính khách quan, đã xem xét thận trọng bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD thấy không có căn cứ kháng nghị, không vì nể nang, bảo vệ cấp dưới, không để xảy ra trường hợp Viện kiểm sát, Tòa án thông báo không kháng nghị, sau đó lại kháng nghị giám đốc thẩm.

Năm là, kết quả kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm phải đạt các chỉ tiêu về số lượng, chất lượng kiểm sát theo yêu cầu tại Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của VKSND, TAND và công tác thi hành án, Nghị quyết này yêu cầu ngành Kiểm sát phải đạt tiêu chí về kháng nghị giám đốc thẩm, kiến nghị, giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm. Cụ thể là tỷ lệ kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát đối với các loại án (trong đó có tranh chấp HĐTD) được Tòa án chấp nhận phải đạt chỉ tiêu trên 75%; tỷ lệ các kiến nghị được các cơ quan, đơn vị hữu quan chấp nhận đạt chỉ tiêu trên 80%. Tỷ lệ giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm phải đạt chỉ tiêu từ 60% trở lên; phải bảo đảm việc trả lời đơn đề nghị giám đốc thẩm có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, VKSND tối cao ban hành Quyết định số 139/QĐ-VKSTC ngày 29/4/2020 về Hệ thống chỉ tiêu cơ bản đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân. Theo đó, trong lĩnh vực kiểm sát việc giải quyết vụ việc KDTM ... (trong đó có vụ án tranh chấp HĐTD) yêu cầu phải đạt tiêu chí: tỷ lệ vụ, việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đã có hồ sơ được giải quyết trên tổng số vụ, việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm Viện kiểm sát đã có hồ sơ xem xét, giải quyết (trong đó có vụ án tranh chấp HĐTD) phải đạt $\geq 80\%$; ban hành kiến nghị yêu cầu Tòa án và các cơ quan khác khắc phục vi phạm pháp luật được chấp nhận, tiếp thu phải đạt $\geq 90\%$. Những chỉ tiêu này tạo áp lực rất lớn để hoàn thành có chất lượng, số lượng chỉ tiêu, vì số lượng đơn, văn bản đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm ngày càng nhiều, công tác kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát ngày càng yêu cầu cao về tính chuyên môn, nghiệp vụ và phần nào phụ thuộc vào quyền của Tòa án trong việc xem xét chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát. Trong khi đó, số lượng Kiểm sát viên, công chức làm việc khâu công tác này hầu như không tăng qua nhiều năm. Do đó, đòi hỏi sự các nỗ lực, cố gắng, tinh thần trách nhiệm và quyết tâm chính trị, nghiệp vụ của VKSND cấp cao và VKSND tối cao trong việc đảm bảo chất lượng kiểm sát, chất lượng kháng nghị giám đốc thẩm và việc giải quyết đơn, thông báo đề nghị giám đốc thẩm.

3.1.6. Đánh giá chung về những tác động tích cực và tiêu cực của các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm

3.1.6.1. Những ảnh hưởng tích cực

Các quy định pháp luật về tố tụng và pháp luật nội dung liên quan đến kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm ở Việt Nam có lịch sử hình thành từ lâu và ngày càng hoàn thiện, đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc, đầy đủ bảo đảm cho hoạt động kiểm sát được thuận lợi. Song song với việc này, các cơ quan

chuyên trách của Viện kiểm sát cũng đã được thành lập cùng với lịch sử hình thành của ngành Kiểm sát từ những năm 1960 và phát triển ngày càng nhiều về đội ngũ công chức, đã được rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm, kỹ năng. Cùng với sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo Viện kiểm sát ngày càng sâu sát, quyết liệt hơn, khắc phục dần tình trạng trước đây chủ yếu quan tâm đến lĩnh vực thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án hình sự, mà coi nhẹ công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự nói chung. Hiện nay, công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự, trong đó có vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD được chú trọng nâng lên thành một trong nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của ngành Kiểm sát, bối cảnh đó đã đào tạo được các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành và giúp nâng cao chất lượng hoạt động kiểm sát việc giải quyết loại án này.

Mối quan hệ phối hợp giữa Tòa án - Viện kiểm sát ngày càng chặt chẽ, thể hiện qua hoạt động ký kết, sửa đổi, bổ sung nhiều thông tư liên tịch, quy chế phối hợp giữa TAND – VKSND trong việc giải quyết án, trong đó có vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đã tạo điều kiện cho mỗi bên hoàn thành nhiệm vụ của mình và nhiệm vụ chung trong giải quyết vụ án có chất lượng, có căn cứ, đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, bảo vệ pháp luật. Ngoài ra, VKSND còn phối hợp với Ngân hàng Nhà nước hoặc các ngân hàng thương mại tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề, qua đó đã tạo điều kiện cho mỗi bên chia sẻ những kinh nghiệm, khó khăn vướng mắc, những sở hữ, thiếu sót trong việc cho vay dẫn đến phát sinh tranh chấp và đưa ra được nhiều giải pháp hoàn thiện có giá trị ứng dụng cao, thiết thực, giúp nâng cao chất lượng, đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án.

Các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá chất lượng công tác kiểm sát theo Nghị quyết 96/2019/QH14 của Quốc hội và Quyết định số 139/QĐ-VKSTC của Ngành kiểm sát nhìn chung bảo đảm sự hợp lý về tỷ lệ kháng nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận, tỷ lệ giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, đã tạo

động lực, tăng cường trách nhiệm cho VKSND cấp cao và VKSND tối cao phấn đấu đạt và vượt mức nhiệm vụ, chỉ tiêu công tác.

3.1.6.2. Những ảnh hưởng tiêu cực

Nhiều quy định pháp luật qua thời gian áp dụng trở nên lạc hậu, bất cập; bên cạnh đó, hệ thống pháp luật vẫn còn nhiều khe hở, khoảng trống pháp luật, nhiều quy định pháp luật vẫn còn nhiều quan điểm áp dụng giải quyết khác nhau, ví dụ vấn đề lỗi phạt lỗi, tiêu chí xác định người thứ ba ngay tình, hợp đồng vô hiệu toàn bộ hay vô hiệu một phần... dẫn đến những khó khăn, vướng mắc, lúng túng, kéo dài thời gian giải quyết, do đó vẫn còn nhiều bản án, quyết định giải quyết tranh chấp HĐTD bị hủy, sửa nhiều lần.

Về cơ quan chuyên trách của VKSND cấp cao, do VKSND cấp cao là cấp kiểm sát mới được thành lập từ ngày 01/6/2015 đến nay, kinh nghiệm kiểm sát việc giải quyết của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm còn hạn chế nên trong giai đoạn đầu còn có những khó khăn, lúng túng nhất định, một số kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng VKSND cấp cao không được Tòa án cùng cấp chấp nhận, hoặc một số trường hợp, VKSND cấp cao ban hành thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm trong quá trình giải quyết đơn, nhưng sau đó Tòa án cùng cấp lại ban hành quyết định kháng nghị giám đốc thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận (kết quả ngược lại với việc thông báo không kháng nghị), hoặc có trường hợp VKSND cấp cao kháng nghị giám đốc thẩm, Tòa án cấp cao ban hành quyết định giám đốc thẩm chấp nhận quyết định kháng nghị, nhưng sau đó, chính quyết định giám đốc thẩm của Tòa án cấp cao lại bị Viện trưởng VKSND tối cao hoặc Chánh án TAND tối cao kháng nghị giám đốc thẩm và bị Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hủy quyết định giám đốc thẩm này của TAND cấp cao (Quyết định số 16/2020/KDTM-GĐT ngày 15/9/2020 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao- Phụ lục 02, số thứ tự 30).

Tình trạng hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát 4 cấp, trong đó có cấp giám đốc thẩm cấp cao và giám đốc thẩm tối cao bên cạnh việc phát hiện nhiều vi phạm, thiếu sót của Tòa án cấp dưới, cũng bộc lộ tình trạng nhiều cấp giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD đã có

hiệu lực pháp luật (trong khi chỉ có 1 cấp sơ thẩm, 1 cấp phúc thẩm), dẫn đến còn dàn trải, nhiều thủ tục tố tụng, nhiều tầng nấc, trong không ít trường hợp, chất lượng giải quyết ở cấp giám đốc thẩm cấp cao còn hạn chế, bị TAND tối cao hủy quyết định của TAND cấp cao, điều này cũng ảnh hưởng đến tính ổn định của bản án, quyết định và ảnh hưởng đến tính khả thi của việc thi hành án, do đương sự vẫn quyết tâm theo đuổi đến cùng các giai đoạn tố tụng theo quy định hiện hành và đề nghị tạm hoãn và tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định để đề nghị xem xét giám đốc thẩm ở cấp cao và tối cao.

Các khoản vay trong HĐTD, TSBĐ thường có giá trị lớn từ hàng tỷ đến hàng trăm tỷ đồng, đương sự đa số là TCTD, các doanh nghiệp cũng những mối quan hệ rộng, nhiều trường hợp có những tác động, ảnh hưởng nhất định đến cơ quan tố tụng, khiến một số trường hợp việc giải quyết chưa bảo đảm tính khách quan, công bằng, chưa toàn diện, còn thiếu sót.

Tính chất phức tạp của vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD tác động không nhỏ đến chất lượng kiểm sát giải quyết án, do án tín dụng nhạy cảm, có tính hệ thống, đường lối giải quyết vụ án này có ảnh hưởng đến việc giải quyết nhiều vụ án khác; mặc dù tên gọi là tranh chấp HĐTD, song về bản chất cũng như thực tiễn kiểm sát cho thấy phạm vi tranh chấp không chỉ tranh chấp về lĩnh vực tín dụng, mà phần lớn là tranh chấp hợp đồng bảo đảm, liên quan đến nhiều luật chuyên ngành về đất đai, hôn nhân và gia đình, doanh nghiệp, chứng khoán, ngoại hối, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; vụ án có đông người tham gia, trong đó nhiều đương sự có tầm ảnh hưởng nhất định nên tác động không nhỏ đến tính khách quan, đúng đắn trong đường lối giải quyết án của Tòa án và việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát.

Một số đơn vị, có lúc, có nơi chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự nói chung, trong đó có vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm, nên chất lượng công tác trong lĩnh vực này ở đơn vị đó chưa cao, như chưa kịp thời phát hiện vi phạm để thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị; chất lượng một số kháng nghị, thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm chưa cao, chưa đạt được các chỉ

tiêu theo yêu cầu của Nghị quyết 96/2019/QH14 của Quốc hội và Quyết định số 139/QĐ-VKSTC của ngành Kiểm sát.

3.2. THỰC TRẠNG KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

3.2.1. Kết quả kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm và nguyên nhân

3.2.1.1. Những kết quả đạt được

Những nguyên tắc, nội dung và trình tự thủ tục kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD được nêu ở Chương II làm cơ sở lý luận để áp dụng pháp luật vào thực tiễn kiểm sát việc vụ án tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm. Qua kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm loại án này trên thực tiễn cho thấy, tình hình thụ lý, kiểm sát giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND cấp cao và VKSND tối cao từ năm 2017 đến năm 2023 (một số số liệu, vụ án được bổ sung thêm trong năm 2024) như sau:

Thứ nhất, tình hình thụ lý, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm ở Tòa án nhân dân tối cao đạt được những kết quả nhất định.

Kiểm sát về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án có thẩm quyền tiếp nhận, thụ lý đơn, văn bản đề nghị, nội dung đơn đề nghị giám đốc thẩm; thẩm quyền, thời hạn kháng nghị của Chánh án TAND tối cao, Chánh án TAND cấp cao; thời hạn mở phiên tòa; thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm; thẩm quyền của hội đồng xét xử và những quy định khác có liên quan được VKSND cấp cao và VKSND tối cao kiểm sát chặt chẽ. Qua kiểm sát cho thấy đa số các quy định về tố tụng được TAND cấp cao và TAND tối cao thực hiện đúng pháp luật. Cụ thể:

- Kiểm sát việc thụ lý: Việc Tòa án có thẩm quyền tiếp nhận, thụ lý đơn đúng quy định về thời hạn gửi đơn 01 năm theo khoản 1 Điều 327 BLTTDS; nội dung đơn, thông báo đề nghị giám đốc thẩm đầy đủ nội dung theo Điều 328 BLTTDS, trường hợp chưa đầy đủ nội dung, Tòa án kịp thời yêu cầu sửa đổi, bổ sung, rồi sau đó mới thụ lý, giải quyết;

- Kiểm sát thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án TAND cấp cao đối với bản án quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp tỉnh và Tòa án cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ; thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án TAND tối cao đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp cao; bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết (trừ quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao) được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 331 BLTTDS;

- Kiểm sát thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm, đa số quyết định kháng nghị giám đốc thẩm được Tòa án thực hiện trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày ban hành bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bên cạnh đó, cũng có một số quyết định kháng nghị giám đốc thẩm được ban hành trong thời hạn 05 năm theo những điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 334 BLTTDS.

- Kiểm sát thẩm quyền giám đốc thẩm của Ủy ban thẩm phán TAND cấp cao và của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao:

- + Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng việc xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp tỉnh, Tòa án cấp huyện giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm;

- + Việc xét xử giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 337 BLTTDS, nhưng có tính chất phức tạp (được hướng dẫn tại khoản 3 Điều 337 BLTTDS) hoặc bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đã được Ủy ban thẩm phán TAND cấp cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán nhưng không đạt được sự thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án thì được Toàn thể Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao xét xử giám đốc thẩm theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 337 BLTTDS.

- + Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thực hiện đúng việc xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm 05 Thẩm phán đối với bản án, quyết

định của TAND cấp cao giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm;

+ Việc xét xử giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đã có hiệu lực pháp luật quy định tại điểm a khoản 2 Điều 337 BLTTDS nhưng có tính chất phức tạp (được hướng dẫn tại khoản 3 Điều 337 BLTTDS) hoặc bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đã được Hội đồng thẩm phán TAND tối cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm 05 Thẩm phán nhưng không đạt được sự thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án thì toàn thể Hội đồng thẩm phán TAND tối cao xét xử giám đốc thẩm theo đúng quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 337 BLTTDS.

- Kiểm sát thời hạn mở phiên tòa giám đốc thẩm: Được 03 TAND cấp cao và TAND tối cao thực hiện việc mở phiên tòa không quá 04 tháng, kể từ ngày nhận được kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án (Điều 339 BLTTDS). Tuy nhiên, thực tế cũng có một số trường hợp quá thời hạn 04 tháng, Tòa án chưa mở phiên tòa, nhất là phiên tòa xét xử đối với quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát. Viện kiểm sát đã có biện pháp kiểm sát như kiến nghị từng vụ việc bằng văn bản, hoặc tập hợp kiến nghị chung bằng văn bản.

- Kiểm sát thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm (Điều 341): Được tiến hành theo phương thức kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa do Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao mở, Kiểm sát viên cao cấp đại diện VKSND cấp cao tham gia, tại phiên tòa do Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao mở, Kiểm sát viên VKSND tối cao tham gia. Kiểm sát viên 2 cấp tham gia đầy đủ 100% phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án tranh chấp HĐTD, ghi chép đầy đủ diễn biến phiên tòa, đảm bảo kiểm sát chặt chẽ mọi thủ tục tố tụng tại phiên tòa theo quy định tại Điều 341 BLTTDS và các quy định có liên quan, trình bày kháng nghị (đối với kháng nghị do Viện kiểm sát ban hành); bổ sung, thay thế hoặc rút quyết định kháng nghị (nếu có), phát biểu có chất lượng đối với quyết định kháng nghị do Tòa án ban hành và quan điểm giải quyết vụ án. Trong đó, hầu hết nội dung phát biểu về tính có căn cứ, tính hợp pháp của quyết định kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án cấp dưới. Qua kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa

giám đốc thẩm, nhìn chung thủ tục tại phiên toà được tiến hành ngắn gọn, không phức tạp như tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm có nhiều đương sự tham gia, tại phiên toà giám đốc thẩm, hầu như không có đương sự tham gia (Điều 338 BLTTDS quy định trong trường hợp cần thiết Toà án triệu tập đương sự tham gia phiên toà, nhưng thực tế hầu hết các phiên toà giám đốc thẩm, Toà án triệu tập đương sự), nên phần thủ tục tại phiên toà được tiến hành nhanh, gọn, song vẫn bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Kiểm sát phạm vi và thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm: Sau khi thảo luận và Hội đồng xét xử nghị án, Kiểm sát viên kiểm sát phạm vi Hội đồng xét xử chỉ xem xét lại phần quyết định của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng nghị (Điều 342 BLTTDS)

- Kiểm sát thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm có một trong các thẩm quyền: i) Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (Điều 343 BLTTDS). Thực tế kiểm sát cho thấy, Hội đồng xét xử thường ít áp dụng thẩm quyền này đối với kháng nghị của Chánh án Tòa án, mà áp dụng thẩm quyền này đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát và xảy ra nhiều hơn đối với kháng nghị của Viện trưởng VKSND cấp cao, thực trạng này ít nhiều cũng có sự không công bằng và quyền của Tòa án. ii) Hội đồng xét xử quyết định hủy bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa (Điều 344 BLTTDS). Thẩm quyền này Hội đồng xét xử áp dụng trong trường hợp bản án, quyết định sơ thẩm hoặc phúc thẩm giải quyết đúng quy định, nhưng lại bị bản án, quyết định phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm (cấp cao) hủy, sửa không đúng pháp luật, nên trên cơ sở có quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao tuyên hủy, sửa bản án, quyết định phúc thẩm hoặc quyết định giám đốc thẩm (cấp cao) và giữ nguyên bản án, quyết định đã giải quyết đúng pháp luật, chứ không thuộc trường hợp hủy án để giải quyết lại như nhiều người vẫn bị nhầm. iii) Hội đồng xét xử quyết định hủy một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật để xét xử lại theo thủ tục

sơ thẩm hoặc phúc thẩm (Điều 345 BLTTDS). Thực tế kiểm sát cho thấy, thẩm quyền này được Hội đồng xét xử áp dụng nhiều nhất, vì bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới thường mắc lỗi vi phạm có tính hệ thống. iv) Hội đồng xét xử quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án (Điều 346 BLTTDS). Thực tế kiểm sát cho thấy, thẩm quyền này áp dụng trong trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền của Tòa án mà thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài hoặc cơ quan, tổ chức khác, hoặc sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định khác, thì Hội đồng xét xử sẽ hủy bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới, đồng thời quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Thực tế, ít gặp trường hợp Hội đồng xét xử áp dụng thẩm quyền này. v) Hội đồng xét xử quyết định sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (Điều 347 BLTTDS). Thực tế kiểm sát cho thấy, Hội đồng xét xử áp dụng trường hợp này khi sự việc tranh chấp đã rõ, không cần thu thập thêm tài liệu, chứng cứ gì thêm, như sửa án phí...

Về tổ tụng, cơ bản Hội đồng xét xử giám đốc thẩm TAND cấp cao và TAND tối cao đã thực hiện đúng quy định pháp luật về thẩm quyền xét xử này trong từng quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD cụ thể, không có những vi phạm đến mức nghiêm trọng.

- Kiểm sát quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD: Kiểm sát 100% quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD nhằm đảm bảo nội dung của quyết định theo Điều 348 BLTTDS, thời hạn gửi quyết định và những quy định khác. Qua kiểm sát cho thấy, nhiều trường hợp Tòa án gửi chậm quyết định giám đốc thẩm (theo quy định tại Điều 350 BLTTDS thì quyết định giám đốc thẩm phải được gửi cho Viện kiểm sát trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định), Viện kiểm sát đã trao đổi, kiến nghị hoặc ban hành văn bản kiến nghị tổng hợp.

- Kiểm sát các quyết định tố tụng khác: Một số quyết định, văn bản tố tụng khác có thể phát sinh trong giai đoạn giám đốc thẩm giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đó là quyết định rút kháng nghị, quyết định bổ sung, thay đổi kháng nghị, quyết định đình chỉ xét xử, yêu cầu hoãn thi hành án.

Thực tế kiểm sát cho thấy, hầu hết các quyết định, văn bản tố tụng này đều được ban hành đúng mẫu, thể thức, thẩm quyền, về nội dung đúng căn cứ pháp luật và sự kiện pháp lý phát sinh dẫn đến việc ban hành quyết định, văn bản, như quyết định đình chỉ xét xử giám đốc thẩm dựa trên cơ sở đương sự tự nguyện rút đơn trong trường hợp bắt buộc phải có đơn của đương sự. Ví dụ, trong một vụ án tranh chấp HĐTD, Ngân hàng S có đơn đề nghị, Chánh án TAND đã quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là Võ Văn V (khách hàng vay vốn) đã thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc và tiền lãi, nên Ngân hàng S đã có đơn xin rút lại đơn đề nghị giám đốc thẩm. Hội đồng xét xử TAND tối cao đã quyết định đình chỉ xét xử giám đốc thẩm.

Tình hình thụ lý, giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm ở TAND tối cao, số quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD hủy sửa bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới trong 08 năm từ năm 2017 đến năm 2024 trong tổng số quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án KDTM nói chung như sau:

Bảng 3.1: Tổng hợp tình hình thụ lý, kết quả kiểm sát các quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao từ 2017-2024

Năm	QĐ giám đốc thẩm vụ việc KDTM	Trong đó, QĐ giám đốc thẩm vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD	Tỷ lệ
2017	28	13	46%
2018	13	05	38%
2019	12	06	50%
2020	22	07	32%
2021	22	05	55%
2022	19	07	37%
2023	06	02	33%
2024	15	02	13%
Tổng cộng	137	47	34%

Nguồn: [143].

Nhìn vào bảng thống kê trên cho thấy, thực trạng số lượng quyết định giám đốc thẩm giải quyết loại án này chiếm tỷ lệ cao trong tổng số vụ việc KDTM, (kể đến là quyết định giám đốc thẩm giải quyết tranh chấp KDTM về hợp đồng mua

bán hàng hóa, tranh chấp hợp đồng xây dựng, tranh chấp thành viên công ty, xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, phán quyết của Trọng tài nước ngoài ... ở TAND tối cao), tỷ lệ cao nhất là năm 2019 lên đến 50% (6/12), còn số lượng quyết định giám đốc thẩm giải quyết loại án này theo năm cao nhất là 2017 với con số là 13 quyết định (xem Phụ lục số 02). Tổng hợp các quyết định giám đốc thẩm của TAND tối cao trong 08 năm (từ năm 2017 đến năm 2024), thấy rằng, số bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD của TAND cấp dưới bị cấp giám đốc thẩm của TAND tối cao hủy chiếm tỷ lệ đáng kể trong số các vụ việc KDTM bị hủy, với mức trung bình là: 34% (47/137), số lượng quyết định giám đốc thẩm về vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD ở mức đều theo từng năm từ 2018- 2022 (hàng năm 05-07 quyết định), năm 2023, 2024, số lượng có xu hướng giảm (mỗi năm có 02 quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD).

Thứ hai, tình hình thụ lý, kết quả kiểm sát việc giải quyết ở các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2023.

Tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội

Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2023, VKSND cấp cao tại Hà Nội đã thụ lý theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm 148 vụ (chủ yếu là theo thủ tục giám đốc thẩm, trong đó, Viện trưởng VKSND cấp cao tại Hà Nội kháng nghị giám đốc thẩm 31 vụ). Tòa án đã đưa ra xét xử 90 vụ. Kết quả chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm 81 vụ, không chấp nhận kháng nghị 09 vụ.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý, giải quyết 580 đơn/503 việc, đã ban hành văn bản yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ để xem xét giải quyết theo thẩm quyền và đã nhận được 193 hồ sơ. Đã giải quyết 153 hồ sơ, trong đó ban hành 31 kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; trả lời không kháng nghị 122 vụ việc [123].

Tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2023, VKSND cấp cao tại Đà Nẵng thụ lý kiểm sát xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm 79 vụ (chủ yếu là theo thủ tục giám đốc thẩm), đã giải quyết:

Tòa án chấp nhận kháng nghị, tuyên hủy sửa bản án sơ thẩm, phúc thẩm: 67 vụ (chiếm 84,82%).

Tòa án không chấp nhận kháng nghị, giữ nguyên bản án đã có hiệu lực: 06 vụ (chiếm 7,59%).

Tòa đình chỉ xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm: 06 vụ (chiếm 7,59%) [123].

Tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị giám đốc thẩm 101 vụ, Chánh án TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị 72 vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD. Tổng cộng 173 kháng nghị (Bảng 3.2).

Bảng 3.2: Tình hình thụ lý, kết quả kiểm sát việc giải quyết ở VKSND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (2017-2024)

Năm	Viện kiểm sát kháng nghị	Tòa án Kháng nghị	Tổng cộng
2017	6	14	20
2018	21	8	29
2019	13	11	24
2020	19	9	28
2021	17	17	34
2022	18	13	31
2023	04	00	04
2024	03	00	03
Tổng cộng	101	72	173

Nguồn: [127].

Về chất lượng kháng nghị giám đốc thẩm của VKSND cấp cao và VKSND tối cao đối với vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đã được nâng lên, số lượng kháng nghị đưa ra xét xử được Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận đạt tỷ lệ cao.

Thực tiễn kiểm sát các quyết định giám đốc thẩm của Ủy ban thẩm phán TAND cấp cao và của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao cho thấy loại vi phạm bị huỷ nhiều nhất liên quan đến giải quyết TSBĐ như không xem xét thẩm định tại chỗ, tài sản trên giấy, khác với tài sản trên thực tế, xác định không đúng tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng, hộ gia đình, xác định

không đúng về người thứ ba ngay tình nhận TSBĐ, phạm vi bảo đảm khoản vay, TSBĐ đã được bán, thế chấp, cầm cố cho khoản vay khác, thiếu sót đương sự tham gia tố tụng... Kể đến mới là các vi phạm về tín dụng, như phạt vi phạm không đúng (lãi chồng lãi, phạt chồng phạt), xác định thời điểm chịu lãi không đúng, xác định lãi suất không đúng. Ngoài ra, còn có những vi phạm khác như xác định không đúng tư cách đương sự, tính sai án phí...

Một số vụ án điển hình có quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng VKSND cấp cao hoặc Viện trưởng VKSND tối cao được Hội đồng xét xử TAND cùng cấp chấp nhận

Vụ thứ nhất: Viện kiểm sát phát hiện vi phạm trong việc bản án tuyên hợp đồng thế chấp có hiệu lực trong khi thiếu thành viên hộ gia đình ký hợp đồng thế chấp đối với quyền sử dụng đất đứng tên hộ gia đình, nên đã kháng nghị giám đốc thẩm, được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, huỷ bản án phúc thẩm. Đó là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là Ngân hàng A với bị đơn là Công ty VT. Ngày 13/5/2016, Ngân hàng A ký 03 HĐTD cho Công ty VT vay 3.520.000.000 đồng, tài sản thế chấp gồm 03 loại, trong đó có thửa đất số 19, tại phường ĐP, thành phố Đ, tỉnh Q đứng tên hộ gia đình ông Hà Công D. Do Công ty VT vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền 4.849.554.305 đồng (gốc và lãi) và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bản án sơ thẩm số 27/2019/KDTM-ST ngày 16/12/2019 của TAND thành phố Đ, tỉnh Q quyết định: *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông D, bà Q. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp đối với thửa đất số 19 vô hiệu.*

Tuy nhiên, Bản án phúc thẩm số 02/2020/KDTM-PT ngày 20/7/2020 của TAND tỉnh Q tuyên *sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc xử lý tài sản thế chấp đối với thửa đất số 19.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị Hải Y có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng có quyết định kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 21/2021/KDTM-GĐT ngày 30/11/2021, Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Đà Nẵng tuyên chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND cấp cao, quyết định hủy toàn bộ bản án phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm nêu trên. Lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 347167 cấp ngày 04/12/2003 đứng tên hộ gia đình ông D. Tuy nhiên, khi ký hợp đồng thế chấp chỉ có vợ chồng ông D ký, các thành viên khác trong hộ gia đình không ký, cũng không ủy quyền ký hợp đồng thế chấp, là trái quy định tại khoản 2 Điều 109 BLDS năm 2005; khoản 29 Điều 3, Điều 179 Luật Đất đai năm 2013. Trên cơ sở kháng nghị của Viện kiểm sát và Quyết định giám đốc thẩm của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao, VKSND cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Thông báo rút kinh nghiệm trong quá trình kiểm sát việc giải quyết loại án này nhằm nâng cao kỹ năng nhận diện, phát hiện vi phạm để thực hiện quyền kháng nghị và nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM nói chung[135].

Vụ thứ hai, Viện kiểm sát phát hiện vụ án có dấu hiệu hình sự, nhưng Tòa án không tạm đình chỉ mà tiếp tục giải quyết ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự không đúng, nên đã kháng nghị, được hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, hủy quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự để giải quyết lại. Đó là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa VAMC (mua lại khoản nợ của Ngân hàng N) với Công ty D. Ngân hàng N-Chi nhánh Cà Mau cho Công ty D vay tiền theo 03 HĐTD, với số tiền 248.018.000.000đ và 385.000 USD, tài sản thế chấp là Xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu thuộc Công ty D trên lô đất diện tích 16.884m² ... do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, VAMC khởi kiện, Tòa án thụ lý ngày 25/5/2016, quá trình giải quyết, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2018/QĐST-KDTM, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, theo đó, Công ty D phải trả cho VAMC số tiền 348 tỷ đồng... và xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp không trả được nợ.

Viện trưởng VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị tái thẩm số 26/QĐKN TT-VKS-KDTM ngày 07/11/2019. Tại Quyết định

giám đốc thẩm số 04/2020 ngày 14/01/2020 của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận một phần kháng nghị của VKS, tuyên huỷ quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Lý do: Trước ngày Tòa án thụ lý vụ án, ngày 24/5/2016, cơ quan điều tra đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Ngân hàng N- Chi nhánh Cà Mau do người của Công ty D gây ra. Tại Bản Kết luận điều tra số 17/KLĐT-PC03 ngày 27/5/2019 đã xác định bị can Nguyễn Hữu T, Đoàn Thanh S và Nguyễn Hải S người của Công ty D lừa đảo chiếm đoạt của Ngân hàng N- Chi nhánh Cà Mau số tiền 10.382.000.000đ (thuộc 1 trong 3 HĐTD nêu trên). Như vậy, chưa đủ căn cứ xác định Công ty D phải trả cho VAMC số tiền 348 tỷ đồng nêu trên. Lẽ ra, khi cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án hình sự liên quan đến vụ án này, Toà án phải tạm đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD, đợi kết quả giải quyết vụ án hình sự mới có thể giải quyết vụ án KDTM này. Nhưng Toà án lại chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự, ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là không đúng.

Vụ thứ ba: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn là Ngân hàng S với bị đơn là ông Hoàng Văn T, bà Trần Thị P. Ngày 25/5/2018, Ngân hàng S và ông T, bà P ký HĐTD hạn mức cho vay là 500.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (là nhà cấp 4) tại thửa đất số 696, diện tích 167m², ở thôn PĐ, xã TĐ, huyện Y, tỉnh BN, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Y cấp cho hộ ông Hoàng Văn T.

Bản án sơ thẩm (đã có hiệu lực) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu trả nợ gốc, lãi và phát mại tài sản thế chấp.

Quá trình thi hành án, Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành xác minh và phát hiện thửa đất số 696 và thửa đất số 205 mà Bản án nêu là hai thửa đất hoàn toàn khác nhau cả về diện tích, vị trí và tứ cận. Tại Công văn số 227/CV-UBND ngày 25/8/2021 của UBND xã TĐ thể hiện thửa đất số 696, diện tích 167m² nằm trong thửa đất số 214 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn thửa đất số 205, diện tích 152m², tờ bản đồ 29 mang

tên ông Hoàng Văn T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi trước đó, công chức địa chính xã TĐ và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y lại xác nhận thửa đất số 696 chính là thửa đất số 205 và sự chênh lệch về diện tích là do kỹ thuật đo đạc, còn ranh giới, mốc giới thửa đất không thay đổi. Chính sự cung cấp thông tin về thửa đất thể chấp không chính xác dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử lý tài sản thế chấp không có căn cứ. Viện trưởng VKSND cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án sơ thẩm để xác minh xét xử lại. Vi phạm của cán bộ địa chính và UBND xã là không kiểm tra đầy đủ thông tin liên quan đến thửa đất, cung cấp thông tin tùy tiện dẫn đến việc bản án không thể thi hành được. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Vụ thứ tư: Viện trưởng VKSND tối cao quyết định kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng P với bà Đoàn Minh H- Chủ Doanh nghiệp tư nhân L, người liên quan ông Đoàn Văn A, Ngân hàng D.

Ngày 20/10/2010, Ngân hàng P cho bà H vay 42 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 148/10/10 ngày 22/10/2010, ông A cầm cố 4.650.000 cổ phần, tương đương số tiền 46,5 tỷ đồng tại Ngân hàng D ngày 27/10/2010 để bảo đảm khoản vay. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán tiền 63.306.064.747 đồng (gốc 42 tỷ đồng, lãi trong hạn 8.862.000.000đ, phạt chậm trả 2.753.864.747đ, lãi quá hạn 11.890.000.000đ).

Bản án sơ thẩm, phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng P, buộc bà H phải thanh toán tiền gốc và lãi như trên và xử lý TSBĐ. Sau khi xét xử phúc thẩm, Ngân hàng D có đơn đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Qua kiểm sát, VKSND tối cao đã trực tiếp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, thấy rằng:

Theo khoản 4 Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 148/10/10 ngày 22/10/2010, Ngân hàng P và bà H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân L thỏa thuận: Nếu bà H không trả lãi đúng hạn thì bà H phải chịu phạt chậm trả lãi vay tính trên số tiền lãi vay chậm trả và số ngày chậm trả với lãi suất phạt theo công

thức: số tiền phạt = (số tiền lãi chậm trả x 150% lãi suất vay x số ngày chậm trả)/30 ngày. Thực tế, bà H phải trả tiền lãi trong hạn theo lãi suất cho vay và tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Việc hai bên thỏa thuận tiền phạt chậm trả lãi vay tính theo 150% lãi suất cho vay là không đúng pháp luật, lãi chồng lãi. Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm buộc bà H phải trả cho Ngân hàng P toàn bộ tiền gốc và lãi là 63.306.064.747 đồng, trong đó có 2.753.864.747 đồng tiền phạt chậm trả lãi là không đúng.

Việc ông A cầm cố 4.650.100 cổ phần tương đương 46.501.000.000 đồng tại Ngân hàng D cho Ngân hàng P theo Hợp đồng cầm cố cổ phần ngày 27/10/2010. Tại Giấy cam đoan ngày 28/10/2010, bà H (vợ ông A) cam đoan toàn bộ cổ phần nêu trên là tài sản riêng của ông A nên ông A có toàn quyền định đoạt và bà H không có quyền lợi, nghĩa vụ đối với toàn bộ số cổ phần này (được công chứng). Ngày 29/10/2010, Hợp đồng cầm cố cổ phần nêu trên được đăng ký giao dịch bảo đảm. Như vậy, Hợp đồng cầm cố cổ phần đảm bảo điều kiện về chủ thể và tuân thủ các quy định về hình thức. Lẽ ra, Tòa án cần có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định rõ tại thời điểm tháng 10/2010, ông A, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng D có được cầm cố toàn bộ cổ phần của mình hay không, để có căn cứ giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chỉ căn cứ các quy định pháp luật về chuyển nhượng cổ phần, đồng thời cho rằng ông A tự ý lấy tài sản chung vợ chồng (toàn bộ số cổ phần trên) để cầm cố, trước khi bà H có Giấy cam đoan ngày 28/10/2010 và giấy này không còn giá trị pháp lý do đã bị Tòa án có thẩm quyền hủy, từ đó tuyên bố Hợp đồng cầm cố cổ phần vô hiệu, là chưa đủ căn cứ vững chắc.

Do Ngân hàng D đã nhiều năm kinh doanh thua lỗ, ngày 07/7/2015, Ngân hàng Nhà nước ra Quyết định số 1304/QĐ-NHNN về việc mua bắt buộc toàn bộ (100%) cổ phần của Ngân hàng D với giá 0 đồng/01 cổ phiếu; chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích và tư cách cổ đông của các cổ đông hiện hữu của Ngân hàng D. Ông Tạ Bá L (Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng D) và ông A (Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng D) là những người phải biết rõ

tình trạng kinh doanh thua lỗ của Ngân hàng D. Tại Tòa án, bà H xác nhận thực chất bà H vay 42.000.000.000 đồng của Ngân hàng P là vay cho ông A, do ông A không thể trực tiếp đi vay; khi nhận được tiền, bà H chuyển vào tài khoản của ông A 18 tỷ đồng, số tiền còn lại chuyển trả lãi cho Công ty M tại Ngân hàng D, chuyển một phần cho ông A mua mở quặng tại Lâm Đồng và một phần trả nợ cho cá nhân ông A. Do đó, khi giải quyết lại, Tòa án cần tạm đình chỉ giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét có hành vi lừa dối để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng hay không? Trường hợp cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự thì Tòa án tiếp tục giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định.

Phát hiện những vi phạm trên, ngày 24/5/2016, Viện trưởng VKSND tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 02/2016/KN-KDTM đối với bản án phúc thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 07/2017/KDTM-GĐT ngày 12/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao chấp nhận toàn bộ kháng nghị, hủy toàn bộ bản án phúc thẩm, bản án sơ thẩm đã giải quyết lại.

Viện kiểm sát nhân dân thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm

Thực tiễn kiểm sát cho thấy, trong quá trình xem xét, giải quyết đơn, thông báo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án giải quyết tranh chấp HĐTD, tỷ lệ ban hành thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm chiếm phần lớn so với tỷ lệ kháng nghị giám đốc thẩm, do phần nhiều bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới giải quyết có căn cứ, đúng quy định pháp luật, không có cơ sở kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Qua đó, góp phần bảo đảm ổn định và có hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án, bảo đảm khả năng thi hành án, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. (Vì khi kháng nghị giám đốc thẩm, thì cùng với việc đề nghị hội đồng xét xử xem xét theo hướng hủy, sửa bản án, quyết định để giải quyết lại, kháng nghị còn yêu cầu tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới bị kháng nghị giám đốc thẩm).

Chẳng hạn, vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn Ngân hàng K với bị đơn Công ty ĐP, người liên quan là Công ty KT, Công ty

PTP... Ngân hàng K cho Công ty ĐP vay theo 05 hợp đồng thế chấp, trong đó có hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 34/02/09/HĐTCTSTL/TSBĐN ngày 20/02/2009, tài sản là quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai tại Lô số C1.7 Khu Công nghiệp và Dịch vụ thủy sản TQ, thành phố Đ chưa được cấp GCNQSD đất. Việc ký hợp đồng thế chấp này là vi phạm điều cấm của pháp luật (Luật Đất đai năm 2003 không có quy định nào cho phép quyền sử dụng đất là tài sản được hình thành trong tương lai được sử dụng làm tài sản bảo đảm, qua đó cho thấy, không phải loại tài sản hình thành trong tương lai nào cũng được bảo đảm cho HĐTD, như quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai pháp luật không cho phép sử dụng làm tài sản bảo đảm khoản vay (khoản 4 Điều 10 Nghị định 21/2021/NĐ-CP nêu trên, trước đây quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm). Vì vậy, tại Bản án phúc thẩm số 06/KDTM-PT ngày 07/5/2020 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên vô hiệu giao dịch này là có cơ sở. Quá trình giải quyết đơn đề nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của bị đơn đối với bản án phúc thẩm này, VKSND tối cao thấy bản án phúc thẩm giải quyết đúng pháp luật, nên đã ban hành Thông báo số 10/TB-VKS-KDTM ngày 07/12/2021 không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên, qua đó cơ quan thi hành có cơ sở tiếp tục thi hành bản án phúc thẩm này, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nhất là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

3.2.1.2. Nguyên nhân của kết quả đạt được

Kiểm sát giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm ở Việt Nam đạt được những kết quả trên là do những nguyên nhân cơ bản sau:

Một là, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Lãnh đạo VKSND tối cao, lãnh đạo VKSND cấp cao, với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm không nể nan, không ngại va chạm, trong nhiều năm liền gần đây, Lãnh đạo Viện xác định công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính

nói chung, trong đó có kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD là “công tác trọng tâm, đột phá” của Ngành kiểm sát nhân dân.

Hai là, các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp thắc mắc, thông báo rút kinh nghiệm, tập huấn, hội nghị, hội thảo chuyên đề của Ngành kiểm sát về kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD ngày càng nhiều, mang tính chuyên sâu và thiết thực đã giúp đội ngũ Kiểm sát viên, công chức nâng cao nhận thức, kỹ năng, kinh nghiệm, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bảo đảm kiểm sát chặt chẽ, có căn cứ, đúng pháp luật, kịp thời việc giải quyết loại án này của Tòa án.

Ba là, tinh thần trách nhiệm, quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ Kiểm sát viên, công chức công tác tại các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ của VKSND tối cao, VKSND cấp cao ngày càng được đào tạo chuyên nghiệp, có kiến thức chuyên môn sâu về lĩnh vực tín dụng, xử lý TSBĐ, tích lũy được nhiều kinh nghiệm, kỹ năng...

Bốn là, sự phối hợp ngày càng chặt chẽ, đi vào chiều sâu giữa VKSND cấp cao với TAND cấp cao, giữa VKSND tối cao với TAND tối cao và các cơ quan có liên quan giúp giải quyết nhanh, thống nhất quan điểm, đường lối giải quyết đối với những vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm có tính chất phức tạp.

3.2.2. Những hạn chế trong kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm và nguyên nhân

3.2.2.1. Những hạn chế

Thứ nhất, vẫn còn nhiều bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD có hiệu lực pháp luật của Tòa án có vi phạm pháp luật, nhưng Viện kiểm sát chưa kịp thời phát hiện.

Qua kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm cho thấy, nhiều bản án, quyết định giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới có vi phạm pháp luật, bị Tòa án cấp trên huỷ sửa theo trình tự giám đốc thẩm, song quá trình kiểm sát, VKSND đã không phát hiện được nên không

thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị. Trong khi đó, Chánh án Toà án cấp giám đốc thẩm phát hiện nhiều vi phạm, quyết định kháng nghị, chuyển hồ sơ và quyết định kháng nghị cho Viện kiểm sát để thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật, quá trình kiểm sát và tại phiên toà giám đốc thẩm, Kiểm sát viên VKSND cấp giám đốc thẩm đã phát biểu quan điểm kháng nghị có căn cứ. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm đã tuyên huỷ hoặc sửa bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Toà án cấp dưới, thậm chí có vụ án phải huỷ nhiều lần do có những vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Thông qua công tác kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm cho thấy, có những dạng vi phạm phổ biến như: Không đưa người có quyền lợi liên quan vào tham gia tố tụng (như không đưa vợ hoặc chồng có liên quan đến TSBĐ), không xem xét thẩm định tại chỗ TSBĐ là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, xác định người thứ ba ngay tình không đúng, phạt vi phạm không đúng (thuộc trường hợp “*phạt chồng phạt, lãi chồng lãi*”), xác định không đúng phạm vi trách nhiệm bảo lãnh thế chấp của người thứ ba, vụ án có dấu hiệu hình sự nhưng vẫn giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự... Cụ thể như sau:

Một là, quá trình kiểm sát, chưa kịp thời phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ không đầy đủ, bỏ sót đương sự tham gia tố tụng

Việc xem xét, thẩm định tại chỗ TSBĐ được quy định tại Điều 101 BLTTDS năm 2015 là hoạt động tố tụng thu thập tài liệu, chứng cứ rất quan trọng trong việc giải quyết TSBĐ trong vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, nhất là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, nhằm xác định TSBĐ có thực hay không, có đúng như trên giấy tờ chứng nhận về tài sản hay không, quá trình sử dụng tài sản có thay đổi gì không, có phát sinh người nào đang quản lý, sử dụng TSBĐ ngoài chủ sử dụng, chủ sở hữu tài sản không ... để bảo đảm việc xử lý TSBĐ đúng thực tế và bảo đảm việc thi hành án. Nếu không xem xét, thẩm định hoặc xem xét, thẩm định không đầy đủ, có nguy cơ nhiều bản án, quyết định bị huỷ, sửa để giải quyết lại phần TSBĐ.

Diễn hình, vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là Công ty VAMC với bị đơn là Công ty HS. Ngân hàng S cho Công ty HS vay tiền bằng nhiều HĐTD (trong đó có 07 HĐTD các đương sự tranh chấp). Do Công ty HS vi phạm nghĩa vụ thanh toán dẫn đến nợ xấu, ngày 02/4/2014 Ngân hàng S bán nợ toàn bộ các khoản nợ xấu cho Công ty VAMC. Sau khi mua nợ, VAMC khởi kiện yêu cầu Công ty HS trả số tiền dư nợ của 07 HĐTD từ ngày 29/3/2007 với tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 26/7/2016 là: 297.858.017.955 đồng và 6.433.553,43 USD và xử lý TSBĐ gồm: Quyền sử dụng 157.658,3m² đất thuê và công trình, nhà xưởng, máy móc trên đất tại Lô A1 (1-7) Khu công nghiệp X; máy móc thiết bị chế biến gỗ; 04 xe ô tô thuộc quyền sở hữu của Công ty HS.

Quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm lập Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/02/2016 chỉ ghi nhận tài sản thế chấp là 04 xe ô tô, ngoài ra không xác định được hiện trạng đất, tài sản trên đất tại thời điểm thế chấp và tại thời điểm thẩm định có phù hợp, thay đổi hay không? Kết quả xác minh trong giai đoạn giám đốc thẩm cho thấy: Ngày 29/12/2015, Công ty HS ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với ông Lương Quốc T, ông T đã đầu tư hơn 80 tỷ đồng vào Công ty HS để tái cơ cấu theo phương án của VAMC, gồm 50 tỷ đồng xây dựng nhà xưởng, mua máy móc, thiết bị sản xuất, chế biến gỗ; đầu tư đường nhựa, trụ điện vận hành nhà máy ... và 30 tỷ đồng góp vốn lưu động. Bên cạnh đó, ngày 15/10/2015, Công ty HS ký Hợp đồng nguyên tắc số 03/2015/HĐKT/MA-HS thuê máy móc thiết bị, công cụ, dụng cụ, xe và các loại tài sản để sản xuất gỗ và Hợp đồng gia công với Công ty MA.

Bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm căn cứ các hợp đồng thế chấp của Công ty HS với Ngân hàng S để tuyên phát mãi các tài sản thế chấp trên cho VAMC thu hồi nợ. Tuy nhiên, đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà xưởng, máy móc, thiết bị theo Biên bản định giá tài sản thế chấp số 142/BBĐG-2008 ngày 29/12/2008 thì các công trình, nhà xưởng, máy móc, thiết bị chế biến gỗ và cơ sở vật chất như đường nhựa, hệ thống cống thoát nước, hàng rào từ năm 2008 đến ngày xét xử sơ thẩm có thay đổi rất lớn về số

lượng và chất lượng, do có 02 cổ đông là ông Lương Quốc T và Công ty MA đã góp vốn đầu tư làm tăng giá trị rất nhiều so với tài sản thế chấp ban đầu trước khi Tòa thụ lý vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm không đưa ông Lương Quốc T và Công ty MA vào tham gia vụ án là vi phạm tố tụng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Quá trình kiểm sát, VKSND cấp sơ thẩm, phúc thẩm cũng không phát hiện ra những vi phạm này để thực hiện quyền kháng nghị. Quá trình kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm, VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm quyết định kháng nghị của Chánh án TAND cấp cao là có căn cứ. Trên cơ sở đó, tại Quyết định giám đốc thẩm số 42/2020/KDTM-GĐT ngày 29/9/2020 của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã huỷ phần xử lý tài sản thế chấp của bản án sơ thẩm, phúc thẩm để giải quyết lại [128].

Hai là, quá trình kiểm sát chưa phát hiện bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật tuyên chấp nhận phạt vi phạm không đúng.

Qua kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm cho thấy, trường hợp người vay vi phạm nghĩa vụ quá hạn thanh toán, TCTD đã chuyển sang tính tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; bên cạnh đó, một số HĐTD còn quy định phạt vi phạm đối với tiền lãi quá hạn thanh toán này, khi phát sinh tranh chấp, nhiều Tòa án chấp nhận việc phạt vi phạm này, là không đúng. Vì xét về bản chất, đây là việc phạt chồng phạt, khi tính lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn là đã tính một lần phạt và còn tính phạt vi phạm đối với tiền lãi quá hạn thanh toán (dân gian thường gọi là “*lãi mẹ đẻ lãi con*”) là tính 2 lần phạt, hoặc trường hợp tính gộp lãi vào nợ gốc sau đó tiếp tục tính lãi trên tổng số tiền cộng dồn này, tạo nên mức lãi suất cao hơn nhiều lần so với quy định, nguy cơ người vay rơi vào tình cảnh khó khăn hơn, không có khả năng trả nợ. Việc tính lãi như vậy không được nhà làm luật ủng hộ và có nhiều quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao đã huỷ bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới về việc này [86, tr.92].

Ví dụ: Vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là Ngân hàng X với bị đơn là Công ty V. Ngân hàng X cho Công ty V vay tiền, do Công ty V vi phạm nghĩa vụ HĐTD, Ngân hàng X khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Công ty V thanh toán tiền gốc, lãi, lãi phạt.

Quá trình giải quyết, tại Bản án KDTM sơ thẩm số 59/2013/KDTM-ST ngày 24/9/2013, TAND tỉnh B tuyên buộc Công ty V phải trả cho Ngân hàng X tổng cộng là 6.054.407.123 đồng, trong đó có tiền lãi phạt chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 123.254.156 đồng. Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm về nội dung này.

Vi phạm của Tòa án: Việc Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm tuyên tiền lãi phạt chậm trả số tiền 123.254.156 đồng được tính *trên số lãi chưa thanh toán; quá 30 ngày kể từ ngày đáo hạn, mức lãi phạt là 5% trên số lãi chưa thanh toán*” theo thỏa thuận tại HĐTD thực chất lãi chồng lãi. .

Quá trình kiểm sát, VKSND cấp sơ thẩm, phúc thẩm cũng không phát hiện được vi phạm này để thực hiện quyền kháng nghị hoặc thông báo đề nghị giám đốc thẩm là thiếu sót. Ngày 12/4/2016, Chánh án TAND tối cao đã có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 4/2016/KDTM-KN. Tại phiên tòa xét xử, Kiểm sát viên VKSND tối cao đã phát biểu quan điểm kiểm sát quyết định kháng nghị của Tòa án là có căn cứ. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2017/KDTM-GĐT ngày 01/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã chấp nhận kháng nghị, tuyên hủy cả hai bản án sơ thẩm, phúc thẩm để giải quyết lại (xem *Phụ lục 02, số thứ tự 01*).

Ba là, quá trình kiểm sát chưa phát hiện bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD xác định người thứ ba ngay tình không đúng.

Vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu hủy quyết định cá biệt*” giữa nguyên đơn là Ngân hàng A với bị đơn là ông Tổng Hoàng A và 15 người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Ngân hàng A cho ông Tổng Hoàng A vay tiền, TSBĐ là nhà đất tại 149/24 Bành Văn Trân, quận T, Thành phố H. Theo khoản 3 Điều 3 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của

Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì: "Bên nhận bảo đảm ngay tình là bên nhận bảo đảm trong trường hợp không biết và không thể biết về việc bên bảo đảm không có quyền dùng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự". Thực tế, gia đình ông A, gia đình ông D, gia đình ông Th, gia đình bà B với 14 nhân khẩu đã sinh sống ổn định, liên tục tại nhà đất trên từ trước khi ký hợp đồng thuê nhà với Công ty Quản lý kinh doanh nhà Thành phố H cho đến khi giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm chưa đánh giá, xác minh làm rõ thời điểm vợ chồng ông A và Ngân hàng ký Hợp đồng thế chấp ngày 10/11/2008, Ngân hàng đã không xem xét, thẩm định, nên không biết ngoài gia đình ông A, còn có những người khác đang quản lý, sử dụng nhà đất thế chấp hoặc nếu có thẩm định thì phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh những người đang quản lý, sử dụng nhà đất biết việc thế chấp nhà đất này, nhưng đã cho rằng: Ngân hàng là người ngay tình khi nhận thế chấp tài sản và Hợp đồng thế chấp ngày 10/11/2008 có hiệu lực, từ đó quyết định xử lý TSBD, là chưa đủ căn cứ vững chắc và không đảm bảo được quyền lợi của các đương sự. Do vậy, tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2023/KDTM-GĐT ngày 22/9/2023, Hội đồng thẩm phán TAND tối cao đã tuyên hủy bản án phúc thẩm, bản án sơ thẩm để giải quyết lại (xem *Phụ lục 02, số thứ tự 45*).

Bốn là, quá trình kiểm sát chưa phát hiện bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD tuyên hợp đồng thế chấp bị vô hiệu không đúng.

Qua kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm cho thấy, không ít vụ án về HĐTD có tranh chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất bị thu hồi. Khi giải quyết, một số Tòa án chưa làm rõ bản chất của việc tranh chấp, việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất của người thế chấp có bị ảnh hưởng không, nhưng đã tuyên hợp đồng bảo đảm bị vô hiệu toàn bộ hoặc một phần, trong khi hợp đồng bảo đảm có nội dung và hình thức đúng quy định pháp luật, nên việc tuyên vô hiệu như vậy là không đúng. Quá trình kiểm sát, VKSND cấp sơ thẩm, phúc thẩm cũng không phát hiện được vi phạm để thực hiện quyền

kháng nghị, kiến nghị là thiếu sót, bị cấp giám đốc thẩm tuyên hủy để giải quyết lại. Đáng chú ý là, có trường hợp đã phát triển thành Án lệ từ những quyết định giám đốc thẩm này để hướng dẫn và thống nhất quan điểm giải quyết đối với những trường hợp tương tự. Dưới đây là một số ví dụ.

Ví dụ thứ nhất: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn là Ngân hàng V với bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Vũ Thị T. Ngày 22/3/2010, Ngân hàng V cho ông C, bà T vay 900.000.000 đồng tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất diện tích 3.989,7m² đứng tên ông C, bà T (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ544493 do UBND thị xã B cấp ngày 14/7/2004) theo Hợp đồng thế chấp số 10.36.0015 ngày 18/3/2010. Do ông C, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng V khởi kiện ra Tòa án.

Trong khi hợp đồng thế chấp đang có hiệu lực, Tòa án đang giải quyết vụ án, thì UBND thị xã B thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ544493 nêu trên.

Quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm tuyên Hợp đồng thế chấp số 10.36.0015 ngày 18/3/2010 vô hiệu do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không còn.

Vi phạm của Tòa án: Việc UBND thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do có sai sót về diện tích đất và trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận, chứ không làm mất đi quyền sử dụng hợp pháp của ông C, bà T đối với thửa đất đã nhận chuyển nhượng từ vợ chồng bà Trần Thị Ngọc H, ông Trần Huỳnh L (bên chuyển nhượng) đã hoàn tất, các bên không có tranh chấp gì về Hợp đồng chuyển nhượng. Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng V với ông C, bà T được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm và thực hiện đúng các quy định pháp luật nên Hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Nên Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu là không đúng.

Quá trình kiểm sát, VKSND cấp sơ thẩm, phúc thẩm cũng không phát hiện được vi phạm này để thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị là thiếu sót. Ngày 04/8/2017 Chánh án TAND tối cao đã có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 17/2017/KN-KDTM kháng nghị nội dung này.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, VKSND tối cao đã phát biểu quan điểm kiểm sát quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Tòa án là có căn cứ. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 05/2018/KDTM-GĐT ngày 18/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đã chấp nhận quyết định kháng nghị, tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm, phúc thẩm về phần tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu để giải quyết lại. Quyết định giám đốc thẩm này được phát triển thành Án lệ số 36/2020/AL (xem *Phụ lục số 02, số thứ tự 16*).

Ví dụ thứ hai: Vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa Ngân hàng N với bà Nguyễn Thị L, Chủ doanh nghiệp tư nhân N, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Dương Quốc K và bà Phạm Thị Kim H.

Nội dung vụ án: Ngày 04/12/2009, Ngân hàng N cho bà Nguyễn Thị L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân N vay 8 tỷ đồng. TSBĐ là quyền sử dụng 298,3m² đất tại số 26Đ, phường Q, quận P, Thành phố H và quyền sử dụng 113,16m² đất và nhà ở tại 20/2T, phường Q, quận P, Thành phố H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà L. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc, lãi và xử lý tài sản thế chấp. Quá trình giải quyết, tài sản thế chấp có phát sinh tranh chấp do trước đó bà L nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông K, bà H với giá 5,5 tỷ đồng, đã chuyển tên bà L, nhưng bà L chỉ mới thanh toán được 3 tỷ đồng, còn nợ 2,5 tỷ đồng. Nên ông K, bà H yêu cầu lấy lại đất, trả lại số tiền 3 tỷ đồng đã nhận cho bà L.

Quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc thanh toán tiền nợ gốc, lãi và xử lý tài sản thế chấp. Song Tòa án phúc thẩm chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về phần thanh toán tiền nợ gốc, lãi, còn hợp đồng thế chấp thì tuyên vô hiệu. Ngày 15/8/2016, Chánh án TAND tối cao đã có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 24/2016/KN-KDTM kháng nghị đối với bản án phúc thẩm này. Tại phiên tòa giám đốc thẩm, VKSND tối cao đã phát biểu quan điểm kiểm sát Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm là có căn cứ. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2019/KDTM-GĐT ngày 11/01/2019, Hội đồng thẩm phán TAND

tối cao đã chấp nhận kháng nghị, tuyên hủy bản án phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quyết định giám đốc thẩm này được phát triển thành Án lệ số 43/2021/AL (xem *Phụ lục số 02, số thứ tự 19*).

Những vi phạm của Tòa án cấp phúc thẩm: Đối với tài sản thế chấp có nguồn gốc từ việc bà L nhận chuyển nhượng của ông K, bà H theo đúng thủ tục, đã sang tên cho bà L, nên việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã hoàn thành. Trên cơ sở đó, bà L ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng N được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật nên hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực. Việc Tòa án phúc thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp với lý do chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho người bán như vậy là không đúng quy định (ông K và bà H có quyền khởi kiện một vụ án khác để yêu cầu bà L thanh toán khoản tiền này). Quá trình kiểm sát, VKSND cấp phúc thẩm cũng không phát hiện được vi phạm này để thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị là thiếu sót.

Năm là, quá trình kiểm sát chưa phát hiện bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD tuyên không đúng với phạm vi bảo đảm bằng tài sản cho khoản tiền vay.

Qua kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm cho thấy, một số trường hợp, theo yêu cầu của người có TSBĐ, hai bên thỏa thuận giới hạn nghĩa vụ bảo đảm thanh toán trong phạm vi hạn mức số tiền vay nhất định của người đi vay tiền, chứ không phải toàn bộ nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, khi phát sinh tranh chấp, Tòa án không xem xét đến phạm vi nghĩa vụ thanh toán được bảo đảm, mà vẫn xác định người có TSBĐ phải chịu thực hiện đối với toàn bộ khoản vay là không đúng thỏa thuận tại HĐTC, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có TSBĐ. Ngược lại, cũng có trường hợp TAND lại xác định phạm vi nghĩa vụ bảo đảm bị hạn chế không đúng.

Diễn hình là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Công ty V với Công ty QM, người liên quan là ông Phạm D và bà Nguyễn Thị B. Nội dung vụ án: Ngân hàng E cho Công ty QM vay số tiền 16.296.000.000 đồng; tài sản thế chấp (bảo lãnh) là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại

288/7 Lê Văn Q, phường B, quận BT, Thành phố H của bên thứ ba là ông Phạm D và bà Nguyễn Thị B theo Hợp đồng thế chấp số 77 ngày 13/6/2012. Ngày 28/10/2014, Ngân hàng E đã bán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Công ty V. Do Công ty QM vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty V khởi kiện yêu cầu Công ty QM thanh toán nợ gốc, lãi và xử lý tài sản thế chấp.

Bản án sơ thẩm tuyên nghĩa vụ bảo lãnh của ông D, bà B giới hạn trong phạm vi số tiền gốc 16.296.000.000 đồng. Bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định phạm vi bảo lãnh tài sản gồm cả gốc và lãi tổng cộng số tiền 31.888.935.399 đồng (tính lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm). Quyết định giám đốc thẩm của TAND cấp cao huỷ bản án phúc thẩm về phần này. Quyết định giám đốc thẩm này bị Chánh án TAND tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Kiểm sát viên VKSND tối cao đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quyết định kháng nghị, trên cơ sở đó, tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2023/QĐ-KDTM ngày 06/3/2023 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao huỷ Quyết định giám đốc thẩm nêu trên của TAND cấp cao, giữ nguyên Bản án phúc thẩm [107].

Những vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm, việc xem xét đánh giá phạm vi bảo lãnh tài sản thế chấp bảo đảm cho việc vay vốn được các bên thỏa thuận như thế nào? Xét toàn bộ Hợp đồng thế chấp số 77 xác định nghĩa vụ bên vay (bị đơn) và bên bảo lãnh (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan):

Khoản 1 Điều 1 Hợp đồng thế chấp số 77 thể hiện: *Nghĩa vụ được bảo đảm là các nghĩa vụ của bên C (người liên quan) và (hoặc) bên B- bị đơn (nếu có) tại bên A (nguyên đơn) bao gồm nhưng không giới hạn nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn... theo hợp đồng này và các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh... Nội dung này xác định trách nhiệm của bên C và (hoặc) bên B đối với bên A bao gồm nhưng không giới hạn nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn...*

Tiếp đó, tại Điều 3 Hợp đồng thế chấp số 77 thể hiện về *giá trị tài sản bảo đảm được tạm tính là 16.296.000.000đ. “Việc thỏa thuận giá trị trên chỉ để làm cơ sở xác định mức cấp tín dụng, trong trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ thì toàn bộ số tiền thu được sẽ dùng để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ còn lại của bên C, bên B tại bên A”*.

Như vậy, tổng nghĩa vụ bảo đảm, bao gồm nợ gốc và nợ lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm là 31.888.935.399 đồng (gốc 16.296.000.000 đồng, lãi 15.592.935.000 đồng) và được bảo đảm thực hiện bằng tài sản thế chấp là nhà đất tại 288/7 Lê Văn Q. Chứ không phải chỉ bao gồm khoản nợ gốc như bản án sơ thẩm và quyết định giám đốc thẩm của TAND cấp cao nhận định và tuyên án.

Ngoài ra, vẫn còn nhiều vi phạm, thiếu sót khác, như xác định thời điểm phát sinh lãi không đúng, tuyên xử lý cả phần tài sản là quyền sử dụng đất không đúng (do đương sự chỉ thế chấp phần tài sản trên đất), hợp đồng thế chấp đối với quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm là vi phạm khoản 2 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013, hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là quyền sử dụng đất vi phạm Luật Đất đai... Bên cạnh đó, vẫn còn những vi phạm về tố tụng và nội dung nói chung không phải là vi phạm trong lĩnh vực tín dụng, như vi phạm trong việc tính án phí, xác định không đúng nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ... trong phạm vi của luận án, nghiên cứu sinh xin phép không trình bày, mà chỉ giới hạn trong những vi phạm có tính phổ biến nêu trên.

Thứ hai, vẫn còn một số kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát không được Tòa án chấp nhận do chất lượng kháng nghị chưa bảo đảm.

Đa số các quyết định kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD của Viện trưởng VKSND cấp cao, hoặc của Viện trưởng VKSND tối cao được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, có một số quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND không được Tòa án chấp nhận. Thực tế cho thấy, trong đó số kháng nghị không được chấp nhận này, chưa thể đánh giá hết được chất lượng kháng nghị của Viện kiểm sát mà có phần phụ thuộc vào quyền hạn và quan điểm nhận thức pháp luật chưa thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, do có trường hợp quyết định giám đốc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND cấp cao lại bị Chánh án TAND tối cao hoặc Viện trưởng VKSND tối cao kháng nghị giám đốc thẩm và được Hội đồng Thẩm

phán TAND tối cao chấp nhận kháng nghị (như vụ Ngân hàng NT kiện Công ty T, Viện trưởng VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, nhưng Quyết định giám đốc thẩm số 57/2016/QĐ-GĐT ngày 31/8/2016 của TAND cấp cao không chấp nhận kháng nghị. Tuy nhiên, tại Quyết định giám đốc thẩm số 02/2018/KDTM-GĐT ngày 16/5/2018, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao tuyên huỷ Quyết định giám đốc thẩm của TAND cấp cao- Xem Phụ lục số 02, số thứ tự 14),. Song đánh giá khách quan thì thấy cũng có trường hợp một số quyết định kháng nghị của VKSND cấp cao chỉ kháng nghị đối với những vi phạm không nghiêm trọng, không làm thay đổi bản chất của vụ án, nếu Toà án có chấp nhận kháng nghị huỷ bản án, quyết định có hiệu lực để giải quyết lại cũng không giải quyết được gì thêm (ví dụ bỏ sót người tham gia tố tụng, nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của họ, như người thuê nhà đã gần hết thời hạn hợp đồng thuê), hoặc kháng nghị chưa chính xác, chưa áp dụng đúng quy định pháp luật.

Ví dụ: vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là Ngân hàng N với bị đơn là Công ty V. Từ ngày 12/10/2009 đến ngày 05/12/2012, Ngân hàng N đã ký kết 150 HĐTD cho nhóm Công ty V, Công ty V- Nhà máy ô tô số 1 và Công ty V- Chi nhánh Đắk Nông vay số tiền 815.464.762.834 đồng (gồm 7.204.598 USD tương đương 167.182.696.590 đồng và 648.282.066.244 đồng), để kinh doanh, đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc thiết bị ô tô; tài sản thế chấp là nhà máy sản xuất, máy đào, máy xúc, máy ủi, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất... theo 44 hợp đồng thế chấp tài sản.

Ngân hàng N đã giải ngân cho nhóm Công ty V số tiền 3.075.064 USD, tương đương 71.356.860.120 đồng và 700.279.880.283 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, nhóm Công ty V vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền gốc và lãi tổng cộng: 1.033.714.164.284 đồng.

Bản án phúc thẩm số 154/2021/KDTM-PT của TAND thành phố H tuyên (tóm tắt): Buộc Công ty V trả cho Ngân hàng N số tiền 299.142.520.817 đồng; Công ty V- Nhà máy ô tô số 1 phải trả số tiền 580.114.013.794 đồng. Công ty V-

Chi nhánh Đắk Nông phải trả số tiền 154.457.629.673 đồng. Nếu không trả hoặc trả không đầy đủ sẽ xử lý tài sản thế chấp.

Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 14/QĐ-VKS-KDTM ngày 22/11/2022 của Viện trưởng VKSND cấp cao:

Về tố tụng: Tòa án xác định tư cách tố tụng 02 chi nhánh của Công ty V- Nhà máy ô tô số 1 và Công ty V- Chi nhánh Đắk Nông là đồng bị đơn cùng với bị đơn là Công ty V là vi phạm Điều 68, 69 BLTTDS và Điều 84 BLDS, vì chi nhánh không có tư cách pháp nhân...

Về nội dung

Tòa án tuyên buộc 02 chi nhánh Công ty V phải trả cho Ngân hàng N: Công ty V- Nhà máy ô tô số 1 phải trả số tiền 580.114.013.794 đồng. Công ty V- Chi nhánh Đắk Nông trả 154.457.629.673 đồng là không đúng, đồng thời tuyên buộc thanh toán đơn vị tiền tệ không nhất quán (tổng là VNĐ, chi tiết là VNĐ và USD) là không đúng quy định của pháp luật, khó thi hành án, không bảo đảm quyền đòi nợ của ngân hàng (là doanh nghiệp nhà nước).

Bản án phúc thẩm tuyên xử lý TSBĐ của 17 hợp đồng thế chấp, trong đó có 06 hợp đồng thế chấp (thứ tự 5, 6, 7, 8, 9, 11 được nêu trong bản án), tài sản không được xem xét thẩm định để xác định có hay không, hiện ở đâu, ai quản lý cũng gây khó khăn cho thi hành án và ảnh hưởng đến quyền và lợi của đương sự.

Quyết định giám đốc thẩm số 12/2023/KDTM-GĐT ngày 22/4/2023 của TAND cấp cao không chấp nhận kháng nghị với các lý do:

Theo Điều 4 Thông tư số 32/2013/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư 03/2019/TT-NHNN) và khoản 1 Điều 1 Thông tư số 16/2015/TT-NHNN, thì TCTD được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối. Tại các HĐTD và khế ước nhận nợ, đồng tiền được các bên sử dụng trong giao dịch là VNĐ và USD nên theo quy định tại Điều 11 Thông tư 39/2016 (đồng tiền trả nợ là đồng tiền cho vay của khoản vay) thì Tòa án cấp phúc thẩm khi tuyên án xác định số dư nợ theo từng HĐTD, từng loại tiền mà các bên giao dịch sau đó quy đổi đồng ngoại tệ ra VNĐ và tuyên tổng số tiền các bên phải thực hiện bằng VNĐ đúng quy định của pháp luật.

Việc xác định tư cách tổ tụng của 2 chi nhánh Công ty V- Nhà máy ô tô số 1 và Chi nhánh Đắc Nông không có tư cách pháp nhân, không phải là bị đơn trong vụ án, Tòa án chia nghĩa vụ ra cho từng chi nhánh là không chính xác đúng như nhận định của VKSND cấp cao. Tuy nhiên, trong 17 TSBĐ còn lại mà Tòa án cấp phúc thẩm công nhận tại mục 4 của bản án, có nhiều tài sản thuộc Chi nhánh Đắc Nông và chi nhánh Công ty V-Nhà máy ô tô số 1 nên việc tuyên tách từng nghĩa vụ có kèm theo TSBĐ cho từng chi nhánh không ảnh hưởng đến Ngân hàng và việc thi hành án, không phải là vi phạm nghiêm trọng tổ tụng.

Việc Tòa án không thẩm định đối với các TSBĐ số 5, 6, 7, 8, 9, 11: Tòa án đã tiến hành thẩm định một số TSBĐ thể hiện tại các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ (Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ số 07/2019-BBXXTĐ ngày 14/6/2019 đối với TSBĐ của Chi nhánh Đắc Nông, Biên bản xem xét và thẩm định tại chỗ thực tế nhà đất ngày 11/9/2019, TAND quận C xem xét, thẩm định tài sản tại Nhà máy sản xuất ô tô số 1). Hơn nữa, theo Điều 101 BLTTDS thì việc xem xét thẩm định tại chỗ sẽ được thực hiện khi có yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết. Do đó, kháng nghị cho rằng Tòa án không thẩm định tài sản, gây khó khăn cho thi hành án, trong khi cơ quan thi hành án không có kiến nghị về vấn đề này là chưa có cơ sở.

Nhận xét: Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm nhận định 02 chi nhánh Công ty V tham gia tổ tụng và tuyên buộc 2 chi nhánh này phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm tổ tụng, kháng nghị nhận định nội dung này là đúng. Tuy nhiên, đặt trong vụ án này, ngoài 2 chi nhánh nêu trên còn có cả Công ty V mà 2 Chi nhánh nêu trên là đơn vị phụ thuộc gắn với việc xử lý TSBĐ nên cũng không ảnh hưởng đến nghĩa vụ trả nợ của Công ty V đối với toàn bộ khoản nợ của Ngân hàng.

Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm nhận định: Tòa án không xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp... tuy nhiên kháng nghị chưa làm rõ tài sản này có dấu hiệu vi phạm gì không, mà chỉ nêu chung chung, không gắn với hậu quả gì, trong khi cơ quan thi hành án không có ý kiến về việc xử lý TSBĐ, nên kháng nghị nội dung này chưa thuyết phục.

Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm nhận định: Tòa án buộc bị đơn thanh toán đơn vị tiền tệ không nhất quán (tổng là VNĐ, chi tiết là VNĐ và USD), không đúng quy định pháp luật, khó thi hành án. Song kháng nghị không nêu cụ thể không đúng quy định của pháp luật tại văn bản nào và khó thi hành án thì cơ quan thi hành án chưa có ý kiến gì không. Tại quyết định giám đốc thẩm, Tòa án cấp giám đốc thẩm đã nêu ra 03 văn bản pháp luật cho phép Tòa án cấp phúc thẩm, sơ thẩm tuyên buộc thanh toán đơn vị tiền tệ: tổng là VNĐ, chi tiết là VNĐ và USD để không chấp nhận kháng nghị. Nội dung kháng nghị này là không căn cứ pháp luật.

Thứ ba, việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chưa nhiều, chưa tương xứng với kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và việc kiểm sát các thủ tục tố tụng giám đốc thẩm cũng còn hạn chế

Trong quá trình kiểm sát tuân theo pháp luật giai đoạn giám đốc thẩm, ngoài nhiệm vụ kiểm sát việc giải quyết của TAND tối cao theo thủ tục giám đốc thẩm, như kiểm sát việc thụ lý, tiếp nhận đơn, thời hạn, thẩm quyền và nội dung quyết định kháng nghị của Tòa án..., VKSND tối cao cũng đã trực tiếp giải quyết nhiều đơn, thông báo đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD của Tòa án, song đa số vụ việc, VKSND tối cao giải quyết bằng việc ban hành thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm; còn việc giải quyết đơn đề nghị bằng việc ban hành quyết định kháng nghị giám đốc thẩm tại VKSND tối cao còn khá khiêm tốn. Theo thống kê thì có 07/47 quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng VKSND tối cao, trong đó đã được xét xử 06/07 kháng nghị, kết quả: 04 kháng nghị được Hội đồng thẩm phán TAND tối cao chấp nhận 02 kháng nghị không được chấp nhận. Trong khi đó, hầu hết các quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án TAND tối cao đều được hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị. Tình trạng trên có nhiều nguyên nhân, như nguồn kháng nghị của Viện kiểm sát còn hạn chế, do đương sự không gửi đơn đến Viện kiểm sát, mà chỉ gửi Tòa án, song cũng phải thừa nhận trong đó có nguyên nhân do việc phát hiện vi phạm để thực hiện quyền

kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát cũng còn có những hạn chế nhất định cần có những giải pháp khắc phục.

Thứ tư, vẫn còn không ít trường hợp bản án, quyết định bị huỷ nhiều lần trong cùng vụ án, nhưng Viện kiểm sát chưa có biện pháp kiến nghị, kháng nghị khắc phục vi phạm

Qua kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm cho thấy, vẫn còn nhiều bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Toà án giải quyết loại án này bị cấp giám đốc thẩm huỷ lần thứ nhất để xét xử sơ thẩm, phúc thẩm lại, nhưng sau khi xét xử lại vẫn bị huỷ lần thứ hai, nên thời gian giải quyết bị kéo dài. Như vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là Ngân hàng X với bị đơn là Công ty VT, vụ này có 02 Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TATD tối cao là Quyết định giám đốc thẩm số 01/2017/KDTM-GĐT ngày 01/3/2017 do bản án phúc thẩm (lần 1) tuyên huỷ một phần hợp đồng thế chấp không đúng. Quyết định giám đốc thẩm này được phát triển thành Án lệ số 11/AL/2017 và Quyết định giám đốc thẩm số 01/2020/KDTM-GĐT ngày 13/02/2020 huỷ bản án phúc thẩm (lần 2) do bản án phúc thẩm này tuyên huỷ bản án sơ thẩm là không đúng với Án lệ số 11/AL/2017 này (xem *Phụ lục số 02, số thứ tự 01*). Tuy nhiên, quá trình kiểm sát việc giải quyết của Tòa án, VKSND cấp phúc thẩm cũng không kịp thời phát hiện vi phạm của Tòa án. Những vi phạm này đều do Chánh án TAND tối cao phát hiện kháng nghị giám đốc thẩm.

Hoặc vẫn còn tình trạng xét xử qua 4 thủ tục tố tụng: xét xử sơ thẩm ở Tòa án cấp huyện, xét xử phúc thẩm ở Tòa án cấp tỉnh, xét xử giám đốc thẩm ở Toà án cấp cao và xét xử giám đốc thẩm ở Toà án tối cao gây kéo dài thời gian giải quyết và ảnh hưởng đến chất lượng xét xử, nhưng Viện kiểm sát không kịp thời phát hiện vi phạm để thực hiện quyền kháng nghị hoặc thông báo phát hiện vi phạm. Vẫn có không ít trường hợp quyết định giám đốc thẩm của TAND cấp cao bị quyết định giám đốc thẩm của TAND tối cao huỷ để giải quyết lại, nhưng VKSND cấp cao không kịp thời phát hiện vi phạm để thông báo VKSND tối cao xem xét, kháng nghị.

Một số trường hợp, sau khi có quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, đương sự vẫn không đồng ý, tiếp tục khiếu nại, đề nghị xem xét lại theo thủ tục đặc biệt, như vụ án có bị đơn là Công ty TH nêu trên, sau khi có Quyết định giám đốc thẩm số 16/2020/KDTM- GĐT ngày 15/9/2020 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, Ngân hàng N vẫn tiếp tục có Văn bản số 189a ngày 06/11/2020 đề nghị Viện trưởng VKSND tối cao kiến nghị theo thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định giám đốc thẩm này. Mặc dù, VKSND tối cao đã không chấp nhận việc đề nghị này, song qua đó cho thấy, một số quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD vẫn chưa mang tính thuyết phục cao, một số đương sự vẫn có tâm lý theo đuổi công lý đến cùng, không có điểm dừng.

3.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

*** Nguyên nhân khách quan**

Pháp luật tổ tụng về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát kiểm soát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp nói chung và kiểm soát việc giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD nói riêng vẫn còn một số hạn chế. Bên cạnh đó, pháp luật về nội dung có nhiều quy định còn chung chung, khó hiểu; vấn đề lẫn, lẫn suất, phạt vi phạm, xử lý TSBĐ, bảo vệ người thứ ba ngay tình cũng chưa đồng bộ, chưa thống nhất, còn quy định đan xen nhiều văn bản pháp luật khác nhau, như Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Doanh nghiệp, Luật các TCTD, các Nghị định, Thông tư, văn bản nghiệp vụ hướng dẫn; bên cạnh đó, còn chịu tác động bởi điều kiện vật chất, kỹ thuật, việc nghiên cứu, ứng dụng, tham khảo nghiệp vụ còn nhiều khó khăn. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, nhóm nguyên nhân do quy định pháp luật về tổ tụng còn nhiều trình tự, thủ tục, nhiều khâu và hạn chế thẩm quyền kiểm sát

Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân còn quy định nhiều tầng nấc, nhiều cấp kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm

Luật Tổ chức VKSND năm 2014 quy định hệ thống VKSND gồm 4 cấp (Điều 40), trong đó có 2 cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc giải quyết

của TAND cấp cao và TAND tối cao theo thủ tục giám đốc thẩm là VKSND cấp cao và VKSND tối cao, gây nên nhiều tầng nấc, nhiều khâu, nhiều thủ tục kiểm sát việc giải quyết ở cấp giám đốc thẩm đối với vụ án dân sự nói chung, trong đó có vụ án tranh chấp HĐTD. Cụ thể là, VKSND cấp cao đã kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp huyện và cấp tỉnh, nếu không đồng ý, đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có quyền làm đơn, thông báo đến VKSND tối cao lại tiếp tục xem xét, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm lần nữa, khiến cho thủ tục giám đốc thẩm này kéo dài, không phù hợp với bản chất của cấp giám đốc thẩm là cấp “phá án” đặc biệt, chỉ xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật trong những trường hợp thật sự cần thiết. Quy định này là chưa phù hợp với chủ trương tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị quyết 18-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương và Kết luận số 121-KL/TW của Bộ Chính trị.

Quy định pháp luật về trình tự, thủ tục, tổ tụng, tập trung chủ yếu vào Bộ luật Tố tụng dân sự và Thông tư 02/2016

Một là, việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Viện kiểm sát còn hạn chế, khó khăn, nhiều quy định chưa rõ ràng:

Theo quy định của BLTTDS năm 2015, Viện kiểm sát vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc phát hiện vi phạm do không được tham gia trực tiếp nhiều hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án, như biện pháp xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá TSBD; việc thu thập tài liệu, chứng cứ để thực hiện quyền kháng nghị giám đốc thẩm cũng bị hạn chế, do BLTTDS chỉ quy định cụ thể có 02 biện pháp thu thập chứng cứ (trong số 09 biện pháp) Viện kiểm sát được thực hiện, đó là biện pháp trưng cầu giám định lại (khoản 5 Điều 102) và yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ (khoản 4 Điều 106); còn lại 07 biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ, như lấy lời khai, đối chất, thẩm định tại chỗ ... tại khoản 2 Điều 97 BLTTDS, chưa quy định rõ Viện kiểm sát có thẩm quyền thu thập tài liệu, chứng cứ này không.

Do đó, dẫn đến có 2 quan điểm khác nhau về thẩm quyền thu thập tài liệu, chứng cứ của Viện kiểm sát, đó là Viện kiểm sát chỉ được thu thập tài liệu, chứng cứ để phục vụ kháng nghị trong phạm vi những biện pháp cụ thể mà BLTTDS quy định, cụ thể là khoản 5 Điều 102 và khoản 4 Điều 106 nêu trên (dựa trên nguyên tắc, cơ quan Nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép). Quan điểm khác lại cho rằng, để phục vụ cho việc kháng nghị (trong đó có kháng nghị giám đốc thẩm), Viện kiểm sát có quyền sử dụng tất cả 09 biện pháp quy định tại khoản 2 Điều 97 BLTTDS để thu thập tài liệu, chứng cứ, mà không bị hạn chế bởi 02 biện pháp nêu trên. Căn cứ khoản 6 Điều 97 BLTTDS và tùy theo tính chất của từng vụ án cụ thể, Viện kiểm sát có quyền sử dụng các biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ thích hợp, chứ không chỉ giới hạn trong phạm vi 02 biện pháp thu thập chứng cứ nêu trên, 02 biện pháp này chỉ là việc quy định cụ thể hơn, chứ không bao gồm hàm ý giới hạn phạm vi thu thập tài liệu chứng cứ của Viện kiểm sát. Ví dụ, trong vụ án tranh chấp HĐTD có biện pháp bảo đảm là thế chấp tài sản, người có tài sản đề nghị Viện kiểm sát trung cầu giám định chữ ký để xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, vì cho rằng chữ ký trong hợp đồng thế chấp là chữ ký giả. Trong trường hợp này, để phục vụ cho việc kháng nghị, Viện kiểm sát có quyền trung cầu cơ quan chuyên môn giám định chữ ký để làm cơ sở xem xét quyết định việc kháng nghị giám đốc thẩm. Nguyên nhân này khiến cho việc giải quyết đơn, văn bản đề nghị, việc kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát gặp nhiều khó khăn, trong nhiều trường hợp không chủ động được việc giải quyết, nhất là việc xem xét kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật giải quyết tranh chấp HĐTD.

Hai là, điều kiện thụ lý để giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm còn dàn trải, nhiều cấp giải quyết, ít có quy định ràng buộc

Nhiều nước trên thế giới hạn chế tối đa tình trạng thụ lý, giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm để bảo đảm tính ổn định của bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới. Ở Việt Nam, sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực, nếu đương sự thấy không thỏa đáng, có quyền làm đơn đề nghị giám đốc thẩm trong thời hạn một năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp

luật và không nộp bất cứ khoản phí nào; đối với tổ chức, cá nhân (không phải là đương sự) thì không có quy định ràng buộc thời hạn gửi đơn, văn bản đề nghị giám đốc thẩm (Điều 327 BLTTDS năm 2015), còn thời hạn giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm trong 03 năm hoặc 05 năm (Điều 334 BLTTDS) đối với mọi vụ việc dân sự nói chung, trong đó có vụ án tranh chấp HĐTD là quá dài; hơn nữa, việc tổ chức hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát 4 cấp, trong đó có 02 “cấp” giám đốc thẩm cấp cao và tối cao tại phần thứ 5 về thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật (chương XX về thủ tục giám đốc thẩm) để xem xét, giải quyết bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới. Tình trạng này dẫn đến đương sự, tổ chức, cá nhân khác cứ nộp đơn, thông báo, kéo cả hệ thống VKSND và TAND có thẩm quyền phải xem xét giải quyết cả ngàn đơn, thông báo đề nghị giám đốc thẩm ứn đến. Theo thống kê của TAND tối cao, giai đoạn năm 2018- 2022, các Tòa án có thẩm quyền phải giải quyết hơn 46 ngàn đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nói chung (trong đó có bản án, quyết định giải quyết tranh chấp HĐTD- theo tác giả) hàng năm phải giải quyết 12 ngàn đến 14 ngàn đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm và có nguy cơ biến cấp giám đốc thẩm thành cấp xét xử thứ 3 và chưa có những quy định hạn chế tình trạng này, theo lo ngại của Chánh án TAND tối cao, đây cũng là chia sẻ của Viện trưởng VKSND tối cao tại diễn đàn Quốc hội khi cho rằng tình trạng thụ lý, giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm gây áp lực rất lớn đến cả Tòa án và Viện kiểm sát [111]. Tình trạng đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD cũng nằm trong tình trạng chung nêu trên.

Nguyên nhân này khiến cho áp lực kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD giai đoạn giám đốc thẩm thêm căng thẳng, nặng nề, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng công tác kiểm sát. Trong khi đó, theo quy định hiện nay, việc giải quyết vụ án của Tòa án được thực hiện theo 2 cấp xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, còn giám đốc thẩm không được xem là cấp xét xử mà là thủ tục đặc biệt để xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp

luật, tính chất của cấp giám đốc thẩm chỉ “phá án” (hủy bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật) trong trường hợp thật sự cần thiết.

Ba là, về trình tự, thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm chưa hợp lý, gây khó khăn cho Viện kiểm sát trong việc bảo vệ kháng nghị

Theo quy định về trình tự tố tụng tại phiên tòa giám đốc thẩm, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm kiểm sát về tính hợp pháp, có căn cứ của quyết định kháng nghị và quan điểm giải quyết vụ án, các thành viên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm phát biểu ý kiến và thảo luận. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm nghị án và biểu quyết giải quyết vụ án (khoản 4 Điều 341 BLTTDS), theo quy định này, Viện kiểm sát không có khoảng thời gian để phát biểu ý kiến bổ sung (bao gồm cả việc tranh luận để làm sáng tỏ thêm những tình tiết nêu trong kháng nghị và đặc biệt là việc bảo vệ kháng nghị của Viện kiểm sát thường bị thành viên Hội đồng xét xử hỏi, chất vấn rất nhiều tình tiết, nên nếu Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không phát biểu ý kiến bổ sung kịp thời sẽ khó khăn hơn trong việc bảo vệ kháng nghị) hoặc đề nghị tạm ngừng phiên tòa để bổ sung, xác minh thêm chứng cứ hoặc báo cáo Lãnh đạo Viện về việc thay đổi, bổ sung kháng nghị hoặc rút kháng nghị sau khi Hội đồng xét xử thảo luận, phát biểu ý kiến.

Trước đây, BLTTDS năm 2004 (khoản 1 và 3 Điều 295) đã quy định thuận lợi cho Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giám đốc thẩm đó là, ngoài việc phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về quyết định kháng nghị, sau khi các thành viên của Hội đồng xét xử thảo luận và phát biểu ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên còn phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, sau đó, Hội đồng xét xử mới biểu quyết giải quyết vụ án (khoản 4 Điều 295). Quy định này mới phù hợp với thực tế khách quan của phiên tòa giám đốc thẩm [1].

Nguyên nhân nêu trên gây không ít khó khăn cho Viện kiểm sát trong việc phát biểu quan điểm bổ sung bảo vệ kháng nghị thường phát sinh trong quá trình thảo luận của Hội đồng xét xử trước khi nghị án, để Hội đồng xét xử có thêm cơ sở xem xét chấp nhận kháng nghị.

Bốn là, về thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ chưa chặt chẽ

Tại khoản 1 Điều 101 BLTTDS năm 2015 quy định, nếu không có yêu cầu của đương sự và Tòa án xét thấy “không cần thiết” thì sẽ không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và việc không xem xét này nếu “không cần thiết” thì không vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, qua kiểm sát ở giai đoạn giám đốc thẩm đối với vụ án tranh chấp HĐTD cho thấy, nhiều bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới đã bị Tòa án cấp giám đốc thẩm huỷ vì Tòa án cấp sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm, thậm chí kể cả hoặc Tòa án giám đốc thẩm cấp cao trong một số trường hợp nhất định (như thời gian chuẩn bị xét xử kéo dài, TSBD có nguy cơ bị thay đổi, biến động), Tòa án đã không tiến hành xem xét, thẩm định dẫn đến không phát hiện TSBD thể hiện trên giấy tờ không đúng TSBD trên thực tế, như trên giấy tờ chỉ có diện tích đất trống mà không có tài sản trên đất, nhưng khi thi hành án mới phát hiện trên đất có nhà, công trình xây dựng kiên cố trên đất, có người khác đang quản lý, sử dụng TSBD, hoặc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trên đất chỉ có 01 ngôi nhà, nhưng thực tế thì trên đất có 02 ngôi nhà và có nhiều người đang quản lý, sử dụng, sinh sống trên mảnh đất này trong thời gian dài hàng chục năm... Như vậy, tại quy định này, luật không nêu rõ như thế nào là “trường hợp cần thiết”.

Năm là, việc kháng nghị giám đốc thẩm của Tòa án có những yếu tố chưa hợp lý.

BLTTDS năm 2015 quy định Chánh án TAND cấp cao và Chánh án TAND tối cao có quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tương tự như thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng VKSND cấp cao và Viện trưởng VKSND tối cao (Điều 331) là có yếu tố chưa hợp lý, chưa khách quan, vì Tòa án kháng nghị sau đó cũng chính Tòa án xét xử. Việc kháng nghị giám đốc thẩm nên giao cho Viện kiểm sát thực hiện như ở thủ tục kháng nghị phúc thẩm chỉ có Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị (Điều 278 BLTTDS năm 2015), còn Tòa án tập trung vào công tác xét xử để bảo đảm tính khách quan, thuyết phục. Hoặc trong trường hợp thật sự cần thiết, bản án, quyết định có vi phạm nghiêm trọng, dư luận

quan tâm mà Viện kiểm sát không kháng nghị... thì Chánh án Tòa án mới kháng nghị giám đốc thẩm.

Sáu là, việc chuyển hồ sơ của Tòa án để phục vụ cho việc nghiên cứu, xem xét kháng nghị giám đốc thẩm cũng có mặt chưa hợp lý

Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 (về việc Tòa án chuyển hồ sơ) của Thông tư 02/2016, trường hợp Tòa án, Viện kiểm sát cùng có yêu cầu chuyển hồ sơ để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, nếu cùng nhận được văn bản yêu cầu của Tòa án và Viện kiểm sát hoặc trường hợp đã nhận được văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát trước nhưng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, hồ sơ chưa được chuyển cho Viện kiểm sát mà lại nhận được yêu cầu của Tòa án, thì Tòa án đang quản lý hồ sơ chuyển hồ sơ cho Tòa án có yêu cầu.

Quy định này thực chất là dành quyền ưu tiên cho Tòa án có yêu cầu chuyển hồ sơ so với Viện kiểm sát có yêu cầu chuyển hồ sơ trong cùng thời điểm hoặc thậm chí là trước 07 ngày, quy định như vậy là không công bằng, gây bất lợi cho Viện kiểm sát trong việc xem xét, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Quy định này cũng làm phát sinh tình trạng là các Tòa án quản lý hồ sơ có tâm lý khi nhận được yêu cầu chuyển hồ sơ của Viện kiểm sát sẽ đợi thêm 07 ngày nữa xem Tòa án có thẩm quyền có yêu cầu chuyển hồ sơ hay không rồi mới chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát có yêu cầu, làm kéo dài thêm thời gian chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trong việc xem xét, giải quyết đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm.

Mặt khác, cũng có nhiều trường hợp, đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chỉ gửi đơn, văn bản đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm cho TAND có thẩm quyền mà không gửi đơn cho VKSND có thẩm quyền, do nhiều nguyên nhân, trong đó phần lớn là do tâm lý e ngại VKSND kháng nghị chưa chắc được Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận; trong khi đó Chánh án TAND kháng nghị thì hầu hết được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị. Vì vậy, nguồn kháng nghị của Viện kiểm sát cũng bị hạn chế, trong nhiều trường hợp, Viện kiểm sát không phát hiện được vi phạm đề

kháng nghị do không có nguồn đơn, văn bản đề nghị giám đốc thẩm, dẫn đến số lượng kháng nghị của Viện kiểm sát cũng chưa tương xứng với số lượng kháng nghị của Tòa án như đã nêu ở phần tồn tại nêu trên.

Thứ hai, nhóm nguyên nhân do quy định pháp luật về nội dung giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng còn có những hạn chế, bất cập

Một là, Bộ luật Dân sự năm 2015 vẫn còn một số hạn chế liên quan đến việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng

Quy định “bảo vệ người thứ ba ngay tình” vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau, như hiểu thế nào là “người thứ ba” trong giao dịch dân sự, theo thứ tự, khi có “người thứ ba”, thì phải có “người thứ nhất”, “người thứ hai”, vậy họ là ai và hiểu như thế nào là “ngay tình” vẫn chưa được giải thích rõ ràng, thống nhất và quy định này cũng không đồng bộ với những ngành luật khác là luật hình sự và luật hành chính.

Việc chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác cũng còn nhiều cách hiểu khác nhau. Cụ thể, theo khoản 2 Điều 133 BLDS năm 2015, trường hợp giao dịch dân sự bị vô hiệu nhưng TSBĐ đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì giao dịch thế chấp, cầm cố này không bị vô hiệu, ví dụ giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước đó bị vô hiệu nhưng quyền sử dụng đất đã được đăng ký sang tên cho người nhận chuyển nhượng và người này đem thế chấp, cầm cố cho người thứ ba là ngân hàng. Trong trường hợp này, việc hiểu như thế nào là “*chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác*” tại Điều 133 BLDS cũng có nhiều cách hiểu khác nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng, việc “chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác” phải được hiểu là giao dịch chuyển nhượng, tặng cho, chuyển đổi, thừa kế, chứ không bao gồm giao dịch thế chấp, cầm cố tài sản, do tại khoản 10 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Chuyển quyền sử dụng đất là việc chuyển giao quyền sử dụng đất từ người này sang người khác thông qua các hình thức chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và góp vốn bằng quyền sử dụng đất”, nên ngân hàng không được xem là người thứ ba ngay tình khi nhận cầm cố, thế chấp TSBĐ [135].

Quan điểm thứ hai cho rằng, việc “chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác” bao gồm cả giao dịch thế chấp, cầm cố tài sản, do mục đích của việc thế chấp, cầm cố là dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để bảo đảm cho khoản vay của ngân hàng, trong trường hợp người vay không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ, tài sản thế chấp sẽ phải xử lý để trả nợ vay. Tại mục 1 Phần II của Công văn số 64/TAND-PC ngày 03/4/2019 của TAND tối cao thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về dân sự ... có giải thích: *“Phải xem thế chấp tài sản là một giao dịch chuyển giao tài sản có điều kiện; để bảo đảm quyền lợi cho bên nhận thế chấp ngay tình”*. Song, việc giải thích này vẫn chỉ thể hiện dưới dạng văn bản nội bộ trong ngành Tòa án, chưa có giá trị pháp lý cao, chưa có hiệu lực bắt buộc đối với cơ quan, tổ chức khác, nên cần phải được giải thích tại văn bản có hiệu lực pháp luật cao hơn, áp dụng cho các cơ quan liên quan.

Nguyên nhân này khiến cho việc xác định người thứ ba thực sự ngay tình vẫn chưa vẫn còn có nhiều cách hiểu khác nhau, khiến cho việc áp dụng kiểm sát giải quyết án tranh chấp HĐTD gặp khó khăn, lúng túng.

Hai là, Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư 39/2016 của Ngân hàng Nhà nước vẫn còn một số bất cập.

Ngày 19/01/2024, Quốc hội vừa thông qua Luật Các TCTD năm 2024 có hiệu lực thi hành vào ngày 01/7/2024, đã khắc phục những hạn chế, thiếu sót của Luật các TCTD cũ, tạo hành lang pháp lý cho ngân hàng, người vay trong quan hệ tín dụng. Song để Luật mới này sớm đi vào cuộc sống, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan sớm ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng. Bên cạnh đó, Luật các TCTD năm 2024 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế chưa khắc phục hoàn toàn, cụ thể như sau:

Theo khoản 2 Điều 100 Luật các TCTD năm 2024, ngân hàng và người vay có quyền thỏa thuận về lãi suất, không bị giới hạn về trần lãi suất (trừ một số trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 13 Thông tư 39/2016 như cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn ...), nên không tránh khỏi trường hợp TCTD cho vay lãi suất quá cao, có thể lên đến 25% đến 30%/ năm.

Ngoài ra, hiện chưa có quy định cụ thể về các loại lãi suất: lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm trong Luật này, trong khi đó vẫn đang có nhiều quan điểm khác nhau về việc có công nhận lãi chồng lãi, phạt chồng phạt hay không? khi người vay vi phạm nghĩa vụ quá hạn thanh toán, phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và còn phải chịu phạt vi phạm tính trên số lãi quá hạn này. Vấn đề này tồn tại đã lâu, nhưng đến nay vẫn chưa có sự thống nhất cao trong đường lối giải quyết, cụ thể:

Quan điểm thứ nhất: Căn cứ quy định tại Điều 91 Luật Các TCTD năm 2010 (Điều 100 Luật các TCTD năm 2024), ngân hàng và khách hàng có quyền thỏa thuận về các loại lãi suất, phù hợp với quy định của BLDS năm 2015 cho phép tính lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015. Bên cạnh đó, tại khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016 quy định về lãi suất cho vay cũng cho phép tính “trả lãi chậm trả”.

Đối với quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 01/2019, ngân hàng đang tính lãi trên nợ gốc chậm trả và lãi (phạt) chậm trả trên số dư lãi chậm trả theo đúng quy định của Thông tư 39/2016 (như nêu trên) và vẫn đảm bảo nguyên tắc “chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn” - bao gồm hành vi không trả gốc đúng hạn và hành vi không trả lãi đúng hạn [41]. Trong quá trình giải quyết, có một số Tòa án chấp nhận quan điểm nêu trên, quá trình kiểm sát, một số Viện kiểm sát cũng đồng tình với quan điểm này của Tòa án [145].

Quan điểm thứ hai: Khi người vay vi phạm nghĩa vụ quá hạn thanh toán, TCTD chuyển sang lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, là đã tính một lần phạt, việc tính thêm một lần phạt lãi chậm trả, xét về bản chất, đây là việc phạt chồng phạt, lãi chồng lãi nên không công nhận khoản phạt này, vì từ trước đến nay chưa có quy định nào cho phép phạt chồng phạt, lãi chồng lãi thậm chí những quy định mà quan điểm thứ nhất viện dẫn vẫn không cho phép việc này, mà chỉ nên hiểu theo nghĩa phạt quá hạn đối với lãi chậm trả trong thời hạn vay của HĐTD. Mặt khác, theo khoản 2 Điều 91 Luật Các TCTD năm 2010 (Điều 100 Luật các TCTD năm 2024) thì TCTD và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất theo quy định của pháp luật, như vậy,

việc thoả thuận của TCTD với khách hàng về lãi suất như thế nào đi nữa vẫn phải phù hợp với quy định của pháp luật. Mặc dù quan điểm thứ nhất viện dẫn nhiều quy định để cho rằng luật cho phép thoả thuận về phạt vi phạm vẫn đảm bảo nguyên tắc “chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn” - bao gồm hành vi không trả gốc đúng hạn và hành vi không trả lãi đúng hạn, song xét về bản chất cũng là phạt hành vi phạt nhiều lần đối với hành vi quá hạn thanh toán. Tại Điều 466 BLDS, Điều 13 Thông tư 39/2016 được hiểu là hướng dẫn trường hợp tính lãi chậm trả đối với nợ lãi trong hạn chưa chuyển sang nợ lãi quá hạn. Các quy định tại Điều 7, Điều 8 bị ràng buộc bởi Điều 12 Nghị quyết 01/2019 “*chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*”. Việc phạt vi phạm dẫn đến nguy cơ “cho vay nặng lãi” vì Luật các TCTD hiện nay cũng không quy định trần lãi suất cho vay của các TCTD mà để thả nổi hoạt động này (trừ một số trường hợp cho vay để phát triển nông nghiệp, xuất khẩu... như hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư 39/2016), dẫn đến có trường hợp ngân hàng cho vay lãi suất 30% năm, lãi suất quá hạn 45%, còn phạt vi phạm thì dẫn đến lãi quá cao. Việc phạt vi phạm như vậy không phù hợp với bản chất cho vay làm động lực kích thích phát triển sản xuất, kinh doanh và khả năng thanh toán tiền vay, đẩy người vay lâm vào tình trạng khó có khả năng phục hồi (mặc dù khi vay, người vay không quan tâm đến quy định này, vì cho rằng đây là hợp đồng mẫu của TCTD và không lường hết những hậu quả xảy ra).

Về vấn đề này, nghiên cứu sinh cũng đã lập câu hỏi khảo sát cho thấy có 56,2% không chấp nhận phạt vi phạm, vì cho rằng là phạt chồng phạt, có 42,9% chấp nhận phạt vi phạm theo thoả thuận của các bên, chỉ có 1% cho rằng tùy từng trường hợp (xem *Phụ lục 03, câu hỏi khảo sát số 10*).

Cùng với việc cho vay nêu trên, Luật này cũng chưa quy định về biện pháp bảo đảm tiền vay là biện pháp rất quan trọng, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả của hệ thống tín dụng, bảo đảm an ninh kinh tế. Những nội dung này chỉ quy định dưới dạng Thông tư 39/2016 (Điều 13, 15) là chưa phù hợp với tầm quan trọng của biện pháp bảo đảm, cần quy định ở tầm văn bản luật là Luật Các TCTD.

Luật các TCTD năm 2024 cũng chưa luật hóa nội dung TCTD được quyền thu giữ TSBĐ trong trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản không giao TSBĐ tại Điều 7 Nghị quyết 42/2017/QH14 của Quốc hội về xử lý nợ xấu vào trong Luật mới này là thiếu sót. Thực tế là sau khi Nghị quyết 42 hết hiệu lực thi hành vào tháng 12/2024, tình hình nợ xấu tăng cao, nhiều người có TSBĐ cố tình lợi dụng tình trạng này để không bàn giao TSBĐ, khiến cho việc xử lý TSBĐ để thu hồi nợ càng khó khăn hơn [1].

Ba là, Luật Đất đai qua các thời kỳ và các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn còn những tồn tại, vướng mắc

Ngày 19/01/2024, Quốc hội thông qua Luật Đất đai năm 2024, tạo môi trường pháp lý thuận lợi, quan trọng cho ngân hàng, người vay trong việc sử dụng TSBĐ là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất để vay vốn. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề liên quan đến Luật Đất đai qua các thời kỳ phải tiếp tục xử lý và quá trình triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2024 vẫn còn vướng mắc, tồn tại như:

(1) Về biện pháp bảo đảm tiền vay bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình

Tài sản bảo đảm khi ngân hàng cho vay trong nhiều trường hợp là quyền sử dụng đất của hộ gia đình, là một trong những chủ thể sử dụng đất theo Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 và được giải thích cụ thể về hộ gia đình tại khoản 29 Điều 3 của Luật này [86]. Khi tham gia các giao dịch bảo đảm tiền vay, phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên hộ gia đình có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 212 BLDS năm 2015 [86]. Tuy nhiên, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 về trước chỉ ghi tên đại diện hộ gia đình, ví dụ cấp cho hộ ông Nguyễn Văn A, mà không ghi cụ thể cấp cho các thành viên của hộ gia đình có quyền về tài sản. Điều này mâu thuẫn ngay trong Luật Đất đai, tại khoản 2 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013 yêu cầu ghi tên tất cả người có quyền đối với tài sản vào trong giấy chứng nhận [86]. Và việc không ghi cụ thể các thành viên hộ gia đình dẫn đến khó khăn trong việc xác định thành viên nào trong hộ gia đình mới có quyền về tài sản, do thành viên hộ gia đình

thường có sự biến động theo thời gian (như tăng thành viên do sinh sản, thậm chí có nhiều trường hợp tăng thành viên do nhập khẩu cho con em của người thân để tiện việc học hành, sinh sống tại đô thị; ngược lại trong hộ cũng có thể giảm thành viên do tách thành hộ riêng, chuyển đến nơi khác...), nên ngân hàng rất khó xác định được đầy đủ thành viên hộ gia đình có quyền sử dụng đất thực sự, nếu chỉ căn cứ vào sổ hộ khẩu thì nhiều trường hợp không bảo đảm các tiêu chí về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, huyết thống. Hơn nữa, hiện nay quy định mới tại khoản 3, Điều 38 Luật Cư trú năm 2020 đã bỏ Sổ hộ khẩu giấy [90], nên sắp đến việc xác định thành viên hộ gia đình càng khó khăn hơn. Thực tế, đã không ít trường hợp bị bỏ sót thành viên hộ gia đình ký vào hợp đồng bảo đảm tiền vay mà TCTD không biết, đến khi tranh chấp xảy ra, TCTD khởi kiện ra Tòa án, nhiều trường hợp Tòa án cũng không biết sự thiếu sót này nên đã tuyên xử lý TSBĐ trong trường hợp khách hàng không trả được nợ. Sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, xuất hiện thành viên khác của hộ gia đình yêu cầu huỷ bản án, quyết định do hợp đồng bảo đảm tiền vay thiếu ý kiến, chữ ký của họ và họ cũng không được Tòa án mời tham gia tố tụng, nên trong giai đoạn giám đốc thẩm, qua kiểm sát cho thấy có nhiều bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới đã bị Tòa án cấp trên huỷ để giải quyết lại. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng này là Luật Đất đai trước đây quy định một trong các chủ thể sử dụng đất là hộ gia đình là rất chung chung, không gắn với cá nhân cụ thể và không phản ánh đúng công sức hình thành nên khối tài sản này (tài sản chủ yếu do cha mẹ hoặc vợ chồng tạo lập, chứ các con, nhất là con chưa thành niên đa số không có công sức đáng kể nhưng khi chia tài sản chung của hộ gia đình thì về nguyên tắc phải chia đều) [7; 139].

Luật Đất đai năm 2024 đã bỏ quy định về cấp đất cho hộ gia đình, nên việc xem xét quyền lợi của từng thành viên hộ gia đình theo Luật Đất đai mới không cần thiết nữa. Tuy nhiên, hậu quả của việc cấp đất cho hộ gia đình trước đây vẫn còn rất nhiều, hiện nay vẫn chưa có giải pháp khả thi để khắc phục tình trạng nêu trên.

(2) Về biện pháp bảo đảm tiền vay bằng cầm cố tài sản vẫn chưa được quy định trong Luật Đất đai

Theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013, người sử dụng đất được quyền chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp... quyền sử dụng đất, mà không quy định người sử dụng đất quyền được “*cầm cố quyền sử dụng đất*”, (tương ứng khoản 1 Điều 27 Luật Đất đai năm 2024). Song BLDS năm 2015 lại xác định “*cầm cố bất động sản có hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký*” (Điều 310) và trên thực tế cho thấy, vẫn xảy ra việc người sử dụng đất cầm cố tài sản này để vay tiền. Đặt trong bối cảnh hiện nay, khi ngân hàng còn quá phụ thuộc vào biện pháp bảo đảm tiền vay bằng việc nhận thế chấp tài sản dẫn đến nhiều rủi ro, thì Luật Đất đai mới vẫn chưa bổ sung quy định biện pháp “*cầm cố quyền sử dụng đất*” là chưa đa dạng hình thức bảo đảm tiền vay và bảo đảm an toàn, vì TCTD được quyền cầm giữ, trực tiếp quản lý tài sản bảo đảm, tránh được nguy cơ thất thoát tài sản.

Thứ ba, nhóm nguyên nhân do điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, ứng dụng khoa học, công nghệ và việc tiếp cận, tham khảo nghiệp vụ còn nhiều khó khăn, hạn chế.

Vẫn còn tình trạng một số địa phương chưa đáp ứng được điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật so với yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt ở một số đơn vị có nhiều án, nhưng trụ sở làm việc còn chật hẹp, thậm chí có đơn vị còn chưa có trụ sở độc lập như VKSND tại Hà Nội phải sử dụng chung trụ sở của VKSND tối cao; hoặc có đơn vị phải thuê trụ sở chưa bảo đảm đầy đủ tính đặc thù, an toàn của công việc, như trước đây, VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phải thuê trụ sở làm việc tại 181-183 Phan Đình Phùng, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh trong nhiều năm liền; trang thiết bị (máy photocopy, máy in, máy ảnh, máy scan) còn ít, hay bị hư hỏng cũng phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả công tác, nhất là trước yêu cầu chuyển đổi số, số hoá hồ sơ hiện nay đòi hỏi phải sử dụng nhiều máy móc thiết bị hiện đại; kinh phí đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về kiểm sát việc giải quyết tranh chấp HĐTD còn hạn chế.

Việc tiếp cận, tham khảo thực tiễn xét xử giám đốc thẩm còn hạn chế:
Nhiều quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD chưa được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

Việc công bố bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án được thực hiện theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về việc công bố bản án, quyết định lên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này có nêu những bản án, quyết định được công bố trên cổng thông tin điện tử bao gồm những quyết định giám đốc thẩm giải quyết các vụ án KDTM, trong đó có vụ án tranh chấp HĐTD, chỉ trừ trường hợp quyết định giám đốc thẩm có chứa đựng nội dung thuộc danh mục bí mật Nhà nước theo quy định của Chính phủ hoặc chứa đựng những nội dung mà Nhà nước chưa công bố và nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này. Theo đó, kể từ ngày 01/7/2017, các quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD đủ điều kiện phải được công bố tại cổng thông tin điện tử của Tòa án đã ban hành quyết định giám đốc thẩm để tạo điều kiện cho Tòa án, Viện kiểm sát và mọi người nghiên cứu, vận dụng.

Tuy nhiên, thực tế tại Cổng thông tin điện tử của TAND cấp cao hoặc TAND tối cao còn thiếu nhiều quyết định giám đốc thẩm giải quyết tranh chấp HĐTD. Ví dụ, năm 2017, TAND tối cao ban hành 13 quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD, năm 2018, Tòa án ban hành 05 quyết định, năm 2019, ban hành 05 quyết định. Song Cổng thông tin điện tử của TAND tối cao (mục công bố bản án, quyết định) [105] thể hiện: Năm 2017, TAND tối cao chỉ công bố 01 quyết định giám đốc thẩm; năm 2018 công bố 03 quyết định giám đốc thẩm (trong đó Quyết định giám đốc thẩm số 09/2018/KDTM-GĐT công bố trùng 03 lần), năm 2019, TAND tối cao không công bố quyết định giám đốc thẩm nào. Như vậy, việc tiếp cận nghiên cứu các quyết định giám đốc thẩm có tính chuẩn mực của TAND cấp cao và TAND tối cao giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD để giải quyết vụ án tương tự hoặc để nghiên cứu khoa học... gặp nhiều khó khăn.

** Nguyên nhân chủ quan*

Thứ nhất, do lỗi chủ quan của một số Kiểm sát viên, đã không nghiên cứu kỹ hồ sơ án tranh chấp HĐTD, có tâm lý cho rằng HĐTD và hợp đồng bảo đảm theo mẫu, khách hàng đã đồng ý ký kết nên có tính chất tương tự giống nhau, có thể áp dụng việc giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD trước để giải quyết vụ án sau... trong khi đó, về bản chất mỗi vụ án tranh chấp HĐTD có những đặc điểm giống nhau, nhưng cũng có nhiều đặc điểm khác nhau tùy thuộc vào thỏa thuận của TCTD và khách hàng về lãi, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phạt vi phạm, chế độ pháp lý về TSBĐ, phạm vi bảo đảm, người thứ ba liên quan đến TSBĐ... Mặt khác, một số Kiểm sát viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này, chưa nắm đầy đủ các quy định pháp luật chuyên ngành về tín dụng... Do vậy, đã không phát hiện ra những vi phạm như tính lãi không đúng, tính pháp lý của hợp đồng bảo đảm không đúng, TSBĐ không đúng thực tế, thiếu người tham gia tố tụng...

Thứ hai, do công tác quản lý, chỉ đạo của Lãnh đạo Viện đôi lúc còn buông lỏng, chưa sâu sát: Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của một số lãnh đạo Viện trong kiểm sát việc giải quyết loại án tranh chấp HĐTD chưa được thực sự chú trọng, còn chủ quan, giao “khoán trắng” cho Kiểm sát viên thực hiện, mà không có sự chỉ đạo, theo dõi sát sao, kịp thời, chưa gắn với sự tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; hoặc trong công tác tổ chức, lãnh đạo Viện không phân công, bố trí hợp lý Kiểm sát viên, công chức có kinh nghiệm, công tác lâu dài trong khâu công tác kiểm sát dân sự, KDTM, mà lại thay đổi, bố trí công chức, Kiểm sát viên chưa có kinh nghiệm. Thậm chí có trường hợp còn xem khâu công tác này là nơi để sắp xếp, giải quyết những công chức bị xem xét, kỷ luật hoặc “đày” những thành phần chống đối, bất mãn, nên chất lượng công tác kiểm sát dân sự, KDTM, trong đó có kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD hiệu quả thấp.

Thứ ba, còn không ít Kiểm sát viên, công chức chưa đáp ứng, chưa theo kịp những yêu cầu về ứng dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong công tác nghiệp vụ, đặc biệt là trước yêu

cầu được nêu trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, như việc báo cáo án bằng sơ đồ tư duy khi triển khai còn chậm, việc ứng dụng các phần mềm phục vụ công tác kiểm sát đặc thù này, như phần mềm tính án phí giá trị tranh chấp theo giá ngạch, phần mềm tính thời gian chịu lãi, tính tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí trong các vụ án tranh chấp HĐTD còn hạn chế, việc ứng dụng công nghệ AI, phần mềm trợ lý ảo trong việc tìm kiếm, phân tích, đánh giá chứng cứ, nên công tác kiểm sát có lúc còn bị động, lúng túng, còn phụ thuộc vào cách tính của TCTD, nhất là đối với những vụ án tranh chấp HĐTD có giá trị lớn, thời gian vay dài hạn hoặc nhiều khoản vay.

Kết luận Chương 3

Trên cơ sở làm rõ tính đặc thù của tranh chấp HĐTD, cơ sở lý luận, vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát trong kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm ở Chương II. Tại Chương III này, nghiên cứu sinh tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác kiểm sát việc Tòa án giải quyết loại án này; thực trạng thụ lý, giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm ở VKSND cấp cao và VKSND tối cao từ khi BLDS năm 2015 có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2017) đến năm 2024, nêu bật những kết quả đạt được trong công tác kiểm sát, phát hiện được nhiều vi phạm, thiếu sót của Tòa án cấp dưới và đã thực hiện quyền kháng nghị giám đốc thẩm được Tòa án chấp nhận đạt tỷ lệ cao, vượt chỉ tiêu Quốc hội và chỉ tiêu của Ngành. Rút ra những dạng vi phạm phổ biến từ những vụ án cụ thể được giải quyết bằng các quyết định giám đốc thẩm của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, nhất là những quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Đồng thời, qua thực trạng này, tác giả nêu lên những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong hoạt động kiểm sát việc giải quyết loại án này được thể hiện thông qua việc tập hợp những dạng vi phạm phổ biến. Trên cơ sở đó,

nghiên cứu sinh phân tích những nguyên nhân chủ quan, khách quan của những tồn tại, hạn chế này để làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp khắc phục, đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, bảo đảm nâng cao chất lượng kiểm sát hoạt động tuân theo pháp luật trong việc Tòa án giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD trong thời gian tới ở Chương 4.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1.1. Bảo đảm yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong giai đoạn mới

Chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND được ghi nhận trong các Văn kiện Đại hội Đảng, được thể chế thành chức năng Hiến định và được quy định cụ thể trong Luật Tổ chức VKSND, BLTTDS và nhiều văn bản luật, văn bản dưới luật khác. Đây là chức năng duy nhất chỉ VKSND mới có.

Đặt trong bối cảnh hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đang đẩy mạnh cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, phát huy tinh thần thượng tôn pháp luật, tăng cường pháp chế, bảo đảm pháp luật phải được mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện nghiêm chỉnh, thống nhất trên toàn quốc và trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thì vai trò của VKSND càng phải được đặt vị trí tương xứng để bảo đảm các yêu cầu này.

Vấn đề hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, bảo đảm sự tập trung, thống nhất, đồng thời có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lực Nhà nước bảo đảm tính hợp lý, khoa học là rất quan trọng. Tuy nhiên, quá trình tổ chức và vận hành Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam vẫn còn những tồn tại, hạn chế, nên tại Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII chỉ rõ trong “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới”, trong đó nhấn mạnh đến cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện, cải cách tư pháp chưa đáp ứng đủ yêu cầu

phát triển [34, tr.89] và “công cuộc đổi mới tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn cần phải tập trung giải quyết”. Từ đó, Đảng ta đã đề ra các định hướng lớn: "Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả... kiểm soát quyền lực..." [34, tr.118].

Tiếp đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW đề ra yêu cầu, nhiệm vụ tổ chức thực hiện “Quyền lực nhà nước là thống nhất, được phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả; nền hành chính, tư pháp chuyên nghiệp” và một trong những nhiệm vụ trọng tâm đó là: “Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước”; về phía cơ quan tư pháp, Nghị quyết hướng đến việc xây dựng “Nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân”, trong đó yêu cầu đối với ngành Kiểm sát là: “Hoàn thiện thể chế để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp”.

Nghị quyết này là định hướng rất quan trọng trong chiến lược cải cách tư pháp ở Việt Nam giai đoạn mới, tiếp tục xác định thiết chế VKSND trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Việt Nam là không thể thiếu, là cơ quan được tổ chức hoạt động theo ngành dọc, độc lập với cấp chính quyền địa phương, chỉ tuân theo pháp luật, không “song trùng trực thuộc”, có cơ chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài vào hệ thống các cơ quan Nhà nước khác, đây là cơ chế kiểm soát có tính đặc thù theo phương thức tổ chức quyền lực ở Việt Nam, bảo đảm tính khách quan, hiệu quả, không bị phụ thuộc vào yếu tố bên ngoài tác động và tiếp tục khẳng định chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND là một trong những phương thức kiểm soát quyền lực Nhà nước nói chung và quyền lực tư pháp nói riêng theo hướng hoàn thiện. Hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD ở giai đoạn giám đốc thẩm nằm trong các yêu cầu và nhiệm vụ nêu trên.

Gần đây, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Quy định này càng đặt ra những

yêu cầu nghiêm ngặt, chi tiết hơn về phương thức, nội dung, biện pháp kiểm soát quyền lực trong hoạt động xét xử của Tòa án đối với các loại án, bảo đảm sự liêm chính, uy tín, sự tuân theo pháp luật một cách chặt chẽ, đầy đủ và chính xác. Trong đó, VKSND là một trong những chủ thể kiểm soát quyền lực này phục vụ cho yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

4.1.2. Bảo đảm quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về vai trò, vị trí của ngành Kiểm sát nhân dân

Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng nhiệm vụ có tính Hiến định “kiểm sát hoạt động tư pháp” (khoản 1 Điều 107 Hiến pháp năm 2013) và được quy định cụ thể trong Luật Tổ chức VKSND năm 2014.

Trong giai đoạn hiện nay và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, VKSND tiếp tục được xác định là một trong những thiết chế của bộ máy Nhà nước ta, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đề ra định hướng “Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và uy tín của Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân...; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, các loại tranh chấp, khiếu kiện theo pháp luật” [34, tr.177-178].

Thực tiễn hoạt động nhiều năm qua cho thấy, trên hầu như mọi lĩnh vực thực hiện chức năng, nhiệm vụ (như thực hành quyền công tố; kiểm sát hoạt động tư pháp; điều tra tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp; kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; xây dựng pháp luật và các công tác khác), VKSND đã thực sự chứng minh được vai trò không thể thay thế được trong hệ thống bộ máy nhà nước ta và trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước, trong đó có việc kiểm soát quyền tư pháp. Chính vì vậy, phải khẳng định quan điểm là tiếp tục đề cao vai trò, xác định đúng vị trí, chức năng và nhiệm vụ của VKSND trong các cơ chế kiểm soát quyền lực ở nước ta hiện nay và trong toàn bộ tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045. Trong thời gian tới, cần tăng cường hơn nữa tính độc lập của thiết chế VKSND trong cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước ... [117]. Trong điều kiện thể chế Đảng Cộng sản lãnh đạo thì Đảng phải có “công cụ”, “tai mắt” để làm cho pháp luật được chấp

hành nghiêm chỉnh, đó chính là vai trò của Viện kiểm sát [78]. Trong đó, hoạt động kiểm sát việc giải quyết tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND là giai đoạn tố tụng đặc biệt, cao nhất, là một trong những mắc xích của kiểm sát hoạt động tư pháp nhằm bảo đảm việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực này được nghiêm chỉnh, thống nhất, kịp thời khắc phục những vi phạm, thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã xác định tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn công kênh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối, nhiều khâu trung gian; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về tổng kết thực hiện Nghị quyết 18 đã xác định tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn công kênh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối, nhiều khâu trung gian; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Ngay sau đó, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025; đồng thời, Ban chấp hành trung ương ban hành Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 nêu rõ nội dung, nhiệm vụ yêu cầu sắp xếp lại bộ máy Viện kiểm sát, Tòa án, bỏ cấp huyện (cấp trung gian) và thực hiện hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát 3 cấp, không còn VKSND cấp cao và TAND cấp cao. Tình hình trên đặt ra yêu cầu hết sức cấp thiết phải đổi mới tổ chức, hoạt động của hệ thống Viện kiểm sát theo hướng tinh gọn, bỏ 03 VKSND cấp cao, theo đó bỏ chức năng, nhiệm vụ kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND cấp cao, thu gọn về VKSND tối cao (đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của TAND cấp tỉnh và Tòa án khác) và VKSND cấp tỉnh (đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của TAND cấp huyện và sau này là TAND khu vực). Bám sát chủ trương này, ngành Kiểm sát khẩn trương xây dựng trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức VKSND quy định hệ thống VKSND 3 cấp, bỏ VKSND cấp cao; khẩn

trương sửa đổi, bổ sung các quy chế, nội quy tổ chức và hoạt động của các đơn vị nghiệp vụ thuộc VKSND tối cao, trong đó có Vụ 10; phối hợp với TAND và các đơn vị liên quan sửa đổi, bổ sung BLTTDS năm 2015 và các văn bản liên quan cho phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước.

4.1.3. Bảo đảm sự an toàn, hiệu quả, hạn chế phát sinh tranh chấp trong lĩnh vực tín dụng, không để nợ xấu có tính hệ thống gia tăng, nguy cơ đe dọa an ninh kinh tế

Đối với lĩnh vực tín dụng, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định phải “Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng” [33, tr.125]. Tại Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH ngày 05/11/2021 về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 14/10/2021 về Đề án định hướng chương trình pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội Khoá XV đề ra nhiệm vụ “Nghiên cứu, xây dựng dự án Luật điều chỉnh về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, tài sản bảo đảm”. Tiếp đó, Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 xác định phương hướng tiếp tục cơ cấu lại hệ thống TCTD, tăng cường chất lượng TCTD, bảo đảm an toàn, hiệu quả, ổn định và bền vững...

Như vậy, quan điểm của Đảng và Nhà nước đều chú trọng đến phát triển nhanh thị trường tài chính, tiền tệ, tín dụng ổn định, bền vững. Trên cơ sở đó, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động tín dụng cho vay hiệu quả. Trường hợp phát sinh tranh chấp, phải kịp thời giải quyết nhanh chóng, bảo đảm việc giải quyết đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, trong đó có TCTD.

Hệ thống TCTD ở Việt Nam phải không ngừng phát triển vững mạnh về quy mô, số lượng, thúc đẩy ngân hàng số, ngân hàng điện tử hiện đại, đa dạng các loại hình TCTD như các ngân hàng trong nước, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính, tổ chức tài chính vi mô, hợp tác xã tín dụng... tăng cường năng lực tài chính, năng lực quản trị, khả năng cho vay và thu hồi vốn vay, xử lý TSBĐ của TCTD để hạn chế thấp nhất phát sinh tranh chấp, nợ xấu tồn đọng kéo dài.

4.1.4. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm

Một trong những chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát là bảo vệ “quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân” được Hiến pháp năm 2013 quy định (khoản 3 Điều 107) và Luật Tổ chức VKSND năm 2014 quy định (khoản 2 Điều 2). Đây là quan điểm có tính nền tảng, cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD phải xuất phát từ quan điểm bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia, bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các bên, vừa bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (thường là TCTD), như kiểm sát việc giải quyết đầy đủ, kịp thời, chính xác yêu cầu của nguyên đơn; vừa bảo đảm quyền lợi của bị đơn (thường là doanh nghiệp, cá nhân vay vốn) như xem xét đến những nguyên nhân, điều kiện hoàn cảnh phát sinh vi phạm HĐTD, vi phạm hợp đồng bảo đảm; tính chất, mức độ vi phạm, những sơ hở thiếu sót trong việc thẩm định, ký hợp đồng bảo đảm tài sản để cho vay, người thứ ba ngay tình ...

Về phía chủ thể tiến hành tố tụng phải bảo đảm tính khách quan, độc lập, không thiên vị; bảo đảm tính chuyên nghiệp chuyên sâu trong việc áp dụng chính xác các quy định pháp luật, nhất là pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực tín dụng, pháp luật về TSBD trong các giai đoạn tố tụng dân sự nói chung và trong giai đoạn giám đốc thẩm nói riêng.

4.1.5. Bảo đảm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế

Trong bối cảnh “*Toàn cầu hoá*”, “*đa dạng hoá, đa phương hoá*”, Việt Nam đã và đang tham gia hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng với thế giới tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam vươn ra đầu tư nước ngoài, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh, như các doanh nghiệp sản xuất ô tô của Tập đoàn Vingroup, kinh doanh dịch vụ viễn thông của Tập đoàn Viettel, đầu tư cho nông nghiệp của Tập đoàn Hoàng Anh- Gia Lai... đồng thời các doanh nghiệp nước ngoài cũng đẩy mạnh đầu tư vào Việt Nam như Tập đoàn Samsung, LG, Hyundai, Sony, Honda... thúc đẩy nhu cầu về vốn tín dụng ngày càng lớn, nhiều định chế tài chính toàn cầu cũng thành lập các văn

phòng đại diện tại Việt Nam như Ngân hàng Thế giới (World bank - WB), Ngân hàng Châu Á (Asian Development Bank- ADB); ngày càng nhiều các ngân hàng nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam như Chi nhánh Ngân hàng Trung Quốc tại Hà Nội, Citibank Hà Nội, Ngân hàng Cathay United Bank Chi nhánh TP.HCM, Deutsche bank AG TP. Hồ Chí Minh ... hoặc đầu tư trực tiếp thành lập và hoạt động các ngân hàng nước ngoài 100% vốn tại Việt Nam, như HSBC (Hong Kong - Thượng Hải), ANZ (Australia), Standard Chartered Bank (Anh), Shinhan Bank (Hàn Quốc), Woori Bank (Hàn Quốc) để hỗ trợ vốn tín dụng các nhà đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu vay vốn, các TCTD trong nước cũng đã thúc đẩy cho vay xuất khẩu và đầu tư ra nước ngoài... Bên cạnh những tín hiệu tích cực của hoạt động cho vay tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội, mặt trái của nó, cũng không tránh khỏi những tranh chấp phát sinh từ HĐTD do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ xử lý TSBĐ... trong đó không ít trường hợp có yếu tố nước ngoài, liên quan đến việc xác minh thu thập tài liệu chứng cứ bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, các tài liệu chứng cứ hợp pháp hoá lãnh sự, việc xem xét có hay không các điều ước quốc tế mà Việt Nam và quốc gia liên quan có ký kết, tham gia hoặc áp dụng "*nguyên tắc có đi có lại*" và việc áp dụng pháp luật quốc tế, tập quán quốc tế về nội dung trong giải quyết tranh chấp HĐTD.

Đối với vụ án tranh chấp HĐTD có yếu tố nước ngoài, trường hợp có xung đột pháp luật trong nước và pháp luật quốc tế, phải thực hiện nguyên tắc áp dụng điều ước quốc tế để giải quyết tranh chấp, trên cơ sở tôn trọng tính tối cao của Hiến pháp và chủ quyền quốc gia. Đồng thời, VKSND phải so sánh đối chiếu các quy định pháp luật trong lĩnh vực tín dụng với hệ thống pháp luật quốc gia và pháp luật, tập quán thương mại quốc tế để bảo đảm áp dụng đúng, đầy đủ căn cứ pháp luật. Qua đó, phát hiện kịp thời những mâu thuẫn, bất cập, hạn chế, thiếu sót của các quy định pháp luật trong lĩnh vực tín dụng để kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật quốc tế, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

Từ thực trạng những ưu điểm, hạn chế, những nguyên nhân chủ quan, khách quan được phân tích tại Chương III của luận án và quán triệt những quan điểm bảo đảm kiểm sát, để thực hiện kiểm sát việc giải quyết tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm được chính xác, đúng pháp luật, kịp thời và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, khắc phục các vi phạm, thiếu sót trong công tác kiểm sát, hạn chế thấp nhất các bản án, quyết định của TAND cấp dưới giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD bị huỷ sửa; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, sự an toàn của hệ thống tín dụng, lợi ích nhà nước... nghiên cứu sinh xin đưa ra những giải pháp như sau:

4.2.1. Giải pháp chung

Trước tiên, phải bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của văn bản pháp luật, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện văn bản pháp luật liên quan đến giải quyết tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm; phải khẩn trương nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy định của BLTTDS năm 2015, BLDS năm 2015, một số văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan như sau:

4.2.1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố then chốt, quyết định mọi thành công của công cuộc đổi mới ở Việt Nam. Trong kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD nói riêng, Đảng ta đã ban hành nhiều Nghị quyết quan trọng về cải cách tư pháp, như Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn

mới; gần đây nhất là Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban chấp hành trung ương Khóa XV; Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về tổng kết thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trên cơ sở đó, Nhà nước thể chế hoá thành quy định pháp luật áp dụng vào thực tiễn, tạo cơ sở chính trị, pháp lý vững chắc và tạo nên những bước tiến quan trọng trong công cuộc cải cách tư pháp, bảo đảm phẩm chất, năng lực, trình độ, sự chuyên nghiệp, liêm chính của đội ngũ Kiểm sát viên, bảo đảm chất lượng kiểm sát được chặt chẽ, đầy đủ.

Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước, Đảng ủy VKSND thường xuyên quán triệt, tăng cường lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong công tác chuyên môn, ban hành các nghị quyết của Đảng bám sát tình hình thực tiễn để lãnh đạo kịp thời, đề ra đường lối đúng đắn, hiệu quả. Trong thời gian đến, công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND phải tiếp tục bám sát chủ trương, sự lãnh đạo của Đảng để bảo đảm sự thành công.

4.2.1.2. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng

Thứ nhất, khẩn trương sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2024

Bám sát nội dung Nghị quyết 18-NQ/TW về tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 121-KL/TW về tổng kết thực hiện Nghị quyết 18; Nghị quyết 60-NQ/TW trong đó có chủ trương tổ chức hệ thống VKSND, TAND 3 cấp, đề nghị khẩn trương sửa đổi Điều 40 quy định hệ thống 4 cấp kiểm sát, sửa đổi thành hệ thống Viện kiểm sát 3 cấp. Bỏ Điều 44 (về Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao), 45 (về Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân cấp cao); Điều 65 (về Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao) và những quy định khác có liên quan về VKSND cấp cao, quy định bổ sung việc bàn giao, tiếp

nhận nhiệm vụ, công việc của VKSND cấp cao cho VKSND tối cao và một phần việc cho VKSND cấp tỉnh (trong đó có nhiệm vụ kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm). Việc sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức VKSND phải được tiến hành cùng lúc với việc sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức TAND về chủ trương thực hiện hệ thống TAND 3 cấp để bảo đảm tính đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Thông tư số 02/2016 của Ngân hàng Nhà nước

Quy định rõ hơn theo hướng mở rộng thẩm quyền của Viện kiểm sát trong hoạt động trực tiếp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để thực hiện quyền kháng nghị nói chung, trong đó có kháng nghị giám đốc thẩm tại khoản 6 Điều 97 BLTTDS năm 2015 và những quy định có liên quan, như trung cầu giám định, trung cầu định giá tài sản... để bảo đảm Viện kiểm sát xem xét, đánh giá vụ án được toàn diện, khách quan, kịp thời phát hiện vi phạm, thiếu sót thực hiện quyền kháng nghị, bảo đảm việc giải quyết vụ án đúng pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, lợi ích Nhà nước.

Bổ sung vào BLTTDS những quy định đảm bảo chất lượng xét xử ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm, như sửa đổi, bổ sung một số quy định của BLTTDS năm 2015, theo hướng mở rộng, tăng cường nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát, bảo đảm cho Viện kiểm sát tham gia sâu hơn vào một số hoạt động tố tụng quan trọng của Tòa án trong giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm, như bổ sung quy định về sự tham gia của Kiểm sát viên kiểm sát trực tiếp hoạt động xem xét thẩm định tại chỗ của Thẩm phán (Điều 101), kiểm sát trực tiếp hoạt động thẩm định giá tài sản (Điều 104)... để bảo đảm Viện kiểm sát nắm được nội dung, bản chất vụ án và bảo đảm kiểm sát chặt chẽ vụ án ngay từ đầu, phát hiện sớm những vi phạm, thiếu sót để thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị phúc thẩm, hạn chế tình trạng gửi đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm. Theo kết quả khảo sát, khi được hỏi về những quy định cần sửa đổi, bổ sung thì có 61,9% người được hỏi cho rằng cần sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng cường sự tham gia của Viện kiểm sát trong hoạt động tố tụng

dân sự (xem Phụ lục 03), qua đó nhằm bảo đảm tính khách quan, toàn diện trong thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án; trong đó có vụ án tranh chấp HĐTD. Đồng thời, bổ sung những quy định chặt chẽ về điều kiện, trình tự thủ tục xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, như sửa quy định theo hướng rút ngắn thời gian đương sự có quyền nộp đơn đề nghị giám đốc thẩm từ 01 năm (Điều 327 BLTTDS) xuống còn 03 tháng kể từ ngày bản án, quyết định của Toà án có hiệu pháp luật, quy định cơ quan, tổ chức đương sự có quyền gửi đơn, văn bản đề nghị giám đốc thẩm trong vòng 01 năm thay vì không quy định thời hạn như tại Điều 327 BLTTDS, thời hạn VKSND, TAND có thẩm quyền xem xét kháng nghị sửa lại theo hướng rút ngắn thời hạn 03 năm, 05 năm (Điều 334 BLTTDS) xuống còn 01 năm. Đồng thời hạn chế tối đa việc VKSND tối cao, TAND tối cao xem xét lại bản án, quyết định của TAND cấp cao trong việc giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, như quy định ngoài việc có đơn của đương sự thì phải có văn bản đề nghị của Toà án, Viện kiểm sát cấp dưới hoặc của Đoàn Đại biểu Quốc hội, các cơ quan trung ương có thẩm quyền...

Bổ sung quy định về hoãn phiên tòa, tạm đình chỉ xét xử giám đốc thẩm, sửa đổi, bổ sung về thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm phần quy định đối với Viện kiểm sát như quy định tại Điều 295 BLTTDS năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2011 để phát huy tốt hơn nữa vai trò của Viện kiểm sát, tạo điều kiện thuận lợi cho Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu có chất lượng, đầy đủ, kịp thời thay đổi, bổ sung những vấn đề phát sinh tại phiên tòa giám đốc thẩm.

Sửa đổi, bổ sung BLTTDS theo hướng không quy định thẩm quyền xem xét giải quyết đơn theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND cấp cao (bên cạnh TAND cấp cao) tại Chương XX về thủ tục giám đốc thẩm (trong Phần thứ V của BLTTDS quy định về thủ tục xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật), cho đồng bộ với việc sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức VKSND và Luật Tổ chức TAND để bảo đảm hệ thống VKSND, TAND 3 cấp, bảo đảm phù hợp với chủ trương tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW, Kết luận 121-KL/TW.

Sửa đổi, bổ sung theo hướng thu gọn, hạn chế thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của Chánh án TAND (Điều 331 BLTTDS) để hạn chế tình trạng Toà án vừa kháng nghị, vừa xét xử, bổ sung quy định theo hướng Toà án chỉ kháng nghị trong trường hợp thật sự cần thiết, như những vụ việc mà dư luận xã hội đặc biệt quan tâm, có yêu cầu xem xét của cơ quan có thẩm quyền như Đại biểu Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc... những trường hợp mà VKSND không kháng nghị, nhưng Toà án thấy có căn cứ để kháng nghị. Toà án có thể phối hợp, trao đổi với VKSND có thẩm quyền xem xét, kháng nghị. Thay vào đó, Viện trưởng VKSND cần tăng cường kháng nghị giám đốc thẩm. Toà án tập trung làm tốt công tác xét xử giám đốc thẩm, bảo đảm tính khách quan, có căn cứ, thuyết phục. (Qua khảo sát, có 60% ý kiến cho rằng nên quy định thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm chỉ có ở Viện kiểm sát hoặc hạn chế thẩm quyền kháng nghị của Toà án; 40% ý kiến cho rằng vẫn giữ nguyên như thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm hiện nay. Còn qua phỏng vấn chuyên gia, có 11/19 chuyên gia quan điểm theo hướng để bảo đảm tính khách quan, Toà án cần hạn chế thẩm quyền kháng nghị, hoặc thành lập Toà phá án chuyên trách thuộc TAND cấp cao và TAND tối cao, có 08/19 chuyên gia quan điểm việc Toà án vừa kháng nghị, vừa xét xử vẫn bảo đảm tính khách quan, quan trọng là chất lượng kháng nghị và chất lượng xét xử, nên đề nghị giữ nguyên thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm như hiện nay (*xem Phụ lục 03, thứ tự câu khảo sát 20 và Phụ lục 04, thứ tự câu phỏng vấn số 05*).

Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 5 (về việc Tòa án chuyển hồ sơ) của Thông tư 02/2016, theo hướng quy định dành quyền ưu tiên chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát (thay vì ưu tiên của hồ sơ cho Tòa án như quy định hiện hành): Trường hợp Tòa án, Viện kiểm sát cùng có yêu cầu chuyển hồ sơ để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, nếu cùng nhận được văn bản yêu cầu của Tòa án và Viện kiểm sát hoặc trường hợp đã nhận được văn bản yêu cầu của Tòa án trước nhưng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, hồ sơ chưa được chuyển cho Tòa án

mà lại nhận được yêu cầu của Viện kiểm sát, thì Tòa án đang quản lý hồ sơ chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát có yêu cầu.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung Bộ luật Dân sự năm 2015

Đề nghị bổ sung quy định giải thích rõ thuật ngữ “người thứ ba”, “người thứ ba ngay tình” là gì, có mối quan hệ như thế nào với “người thứ nhất”, “người thứ hai” người thứ ba ngay tình này gồm những ai? Quan điểm của Nghiên cứu sinh, người thứ ba ngay tình là người đang chiếm hữu tài sản bất hợp pháp nhưng có căn cứ cho rằng người này không biết và không buộc phải biết việc chiếm hữu tài sản đó là không có căn cứ pháp luật. Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định mở rộng phạm vi bảo vệ người thứ ba ngay tình, như bổ sung quy định khoản 2 Điều 133 BLDS năm 2015 về “chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác” cần bổ sung quy định việc “thế chấp, cầm cố” cũng thuộc trường hợp “chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác” như sau: “Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao hoặc thế chấp, cầm cố bằng một giao dịch dân sự khác cho người thứ ba ngay tình và người này căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu”.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành

Đối với Luật các TCTD năm 2024: Đề nghị bổ sung quy định về trần lãi suất cho vay của TCTD phòng ngừa trường hợp vay quá cao hoặc tùy nghi trong việc cho vay của mỗi TCTD, đồng thời, chuyển những nội dung quan trọng về lãi, lãi suất, TSBĐ trong Thông tư 39/2016 vào Luật Các TCTD để bảo đảm hiệu lực pháp lý xứng tầm. Hướng dẫn cụ thể về các vấn đề tính lãi chồng lãi, phạt chồng phạt, theo hướng phù hợp Điều 12 Nghị quyết 01/2019 “*chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*”.

Đi cùng với việc cho vay, cần bổ sung vào ngay trong Luật quy định về biện pháp bảo đảm tiền vay là biện pháp rất quan trọng, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả của hệ thống tín dụng, bảo đảm an ninh kinh tế, không nên quy định dưới dạng Thông tư 39/2016 (tại Điều 13, 15).

Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo các TCTD khẩn trương hiện đại hóa hệ thống tín dụng, tăng cường khả năng quản trị rủi ro, xử lý nợ xấu, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hoá đang diễn ra rất nhanh và sức cạnh tranh khốc liệt của các TCTD nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Đề nghị Ngân hàng Nhà nước ban hành “Quy trình thẩm định tài sản bảo đảm” một cách chính thức, chặt chẽ, đầy đủ, đặc biệt đối với bất động sản khi cho vay để áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống TCTD; theo đó, khi thẩm định, cũng như khi định giá tài sản, nhất thiết phải quay phim, chụp hình TSBĐ để đưa vào hồ sơ cho vay, tránh những rủi ro như TSBĐ trên thực tế khác với tài sản trên giấy tờ chứng nhận, tài sản đang do người khác quản lý, những biến động tài sản sau khi cho vay... Đối với định giá tài sản, phải trưng cầu tổ chức chuyên môn thẩm định giá độc lập để bảo đảm tính khách quan và chính xác, phòng ngừa trường hợp nâng giá tài sản lên quá cao hoặc hạ giá tài sản quá thấp, không đúng giá trị thực của tài sản để hạn chế rủi ro, tránh tiêu cực bảo đảm quyền lợi của TCTD cũng như của khách hàng. Quá trình vay, phải quy định trách nhiệm thường xuyên theo dõi tình trạng TSBĐ để kịp thời phát hiện những thay đổi, biến động bất thường của tài sản, như xây dựng, coi nói nhà, công trình trên đất, cho người khác thuê... tình trạng này rất dễ xảy ra, nhằm bảo toàn TSBĐ.

Khẩn trương sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD năm 2024 theo hướng luật hóa nội dung TCTD được quyền thu giữ TSBĐ trong trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản không giao TSBĐ tại Điều 7 Nghị quyết 42/2017/QH14 của Quốc hội về xử lý nợ xấu để bảo đảm khả năng thu giữ, xử lý TSBĐ để thu hồi nợ, giảm thiểu tình trạng chây ỳ, cố tình không bàn giao TSBĐ, góp phần bảo đảm tính khả thi trong thực hiện HĐTD và sự an toàn của hệ thống tín dụng và làm giảm thiểu các tranh chấp xảy ra.

Ban hành văn bản mới thay thế Thông tư 39/2016: Thông tư 39/2016 hướng dẫn thi hành Luật các TCTD năm 2010, đã được đính chính tại Quyết định số 312/QĐ-NHNN ngày 14/3/2017 và được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 và Thông tư số 10/2023/TT-NHNN ngày 23/8/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về nguyên tắc

các văn bản pháp luật này đã hết hiệu lực thi hành do Luật các TCTD năm 2010 đã bị thay thế bởi Luật các TCTD năm 2024, nên cần ban hành thông tư mới trên cơ sở kế thừa những quy định hợp lý của Thông tư 39/2016 này và tập trung hướng dẫn thống nhất những vấn đề đang còn nhiều quan điểm khác nhau hiện nay, đó là việc giới hạn về trần lãi suất, tránh trường hợp TCTD cho vay lãi suất quá cao, có thể lên đến 25% đến 30%/ năm hoặc hơn nữa, quy định cụ thể về các loại lãi suất: lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm theo hướng chỉ quy định lãi trong hạn, lãi quá hạn, không quy định phạt vi phạm đối với lãi quá hạn; quy định cụ thể hơn về biện pháp bảo đảm tiền vay là biện pháp rất quan trọng, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả của hệ thống tín dụng, bảo đảm an ninh kinh tế.

Thứ tư, sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Đất đai năm 2024.

Đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27 Luật Đất đai năm 2024 (trước đây là khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013) theo hướng bổ sung quyền của người sử dụng đất được quyền cầm cố quyền sử dụng đất, cho phù hợp với Điều 310 BLDS năm 2015. Việc quy định biện pháp cầm cố quyền sử dụng đất là biện pháp bảo đảm tiền vay trong nhiều trường hợp sẽ quản lý TSBD chặt chẽ hơn, an toàn hơn, hạn chế rủi ro cho TCTD.

Luật Đất đai năm 2024 không quy định hộ gia đình là chủ thể sử dụng đất nữa, tuy nhiên đối với các hộ gia đình sử dụng đất theo các Luật Đất đai trước đây, thì sắp tới đây, các nghị định, thông tư cần hướng dẫn thi hành theo hướng ghi đầy đủ, công khai, minh bạch đầy đủ các thành viên trong hộ gia đình có quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, phòng ngừa trường hợp thiếu ý kiến của thành viên khi định đoạt quyền sử dụng đất, như trong các giao dịch chuyển nhượng, tặng cho, hoặc thế chấp quyền sử dụng đất bảo đảm cho các khoản vay tại hợp đồng tín dụng [138].

Thứ năm, xây dựng, ban hành Luật Giao dịch bảo đảm

Quốc hội cần sớm ban hành Luật Giao dịch bảo đảm để tạo khung pháp lý vững chắc đối với vấn đề TSBD, trên cơ sở tập hợp, kế thừa những quy định tại Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 hướng dẫn thi hành

BLDS về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 về đăng ký biện pháp bảo đảm và những quy định về tài sản bảo đảm đang nằm rải rác tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở ... và ban hành những quy định mới để bảo đảm tính tập trung thống nhất và nâng cao hiệu lực pháp lý của vấn đề quan trọng này.

4.2.2. Các giải pháp cụ thể nhằm bảo đảm kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam

4.2.2.1. Tăng cường công tác hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và sự phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân với Tòa án nhân dân

Thứ nhất, Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao sớm nghiên cứu, ban hành thêm một số án lệ về giải quyết tranh chấp HĐTD, nhất là đối với xử lý TSBĐ trong trường hợp thiếu một hoặc một số thành viên không tham gia ký hợp đồng bảo đảm thì khi xem xét tính pháp lý của hợp đồng bảo đảm bị vô hiệu một phần hay vô hiệu toàn bộ hoặc có hướng giải quyết khác, như tạm đình chỉ giải quyết vụ án, yêu cầu đương sự và người liên quan giải quyết phân chia tài sản tranh chấp...

Thứ ba, Tòa án cấp giám đốc thẩm cần cập nhật đầy đủ các quyết định giám đốc thẩm về giải quyết tranh chấp HĐTD lên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân (trừ trường hợp không được công bố theo quy định) để Thẩm phán, Kiểm sát viên, TCTD, đương sự... nghiên cứu áp dụng, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng công tác giải quyết, hạn chế việc bản án, quyết định bị huỷ sửa, rút ngắn thời gian giải quyết. *Thứ hai*, TAND tối cao phối hợp VKSND tối cao, Ngân hàng nhà nước và một số cơ quan liên quan xây dựng thông tư liên tịch hướng dẫn một số vấn đề còn nhiều tranh cãi, như việc xác định và bảo vệ người thứ ba ngay tình, vấn đề lãi chồng lãi, phạt chồng phạt, về đối tượng kháng nghị giám đốc thẩm... bên cạnh đó, đưa những nội dung hướng dẫn nghiệp vụ của Tòa án có liên quan đến giải quyết vụ án về tranh chấp HĐTD tại các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, như Văn bản số 64/TANDTC-PC; Văn bản số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021, Văn

bản số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 ... (xem *Phụ lục số 01*) vào thông tư liên tịch để nâng tầm, bảo đảm giá trị pháp lý, thống nhất áp dụng, đồng thời thay thế Thông tư 03/2013 đã hết hiệu lực.

Thứ tư, trong việc phân loại, xử lý đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm mà VKSND tối cao có công văn rút hồ sơ thì gửi 01 bản cho TAND cùng cấp và ngược lại, trên cơ sở công văn này, Viện kiểm sát, Tòa án sẽ ra thông báo cho người gửi đơn đề nghị giám đốc thẩm biết để theo dõi kết quả giải quyết của cơ quan rút hồ sơ. Đối với những đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm mà Viện kiểm sát, Tòa án đã trả lời không kháng nghị thì cũng gửi cho cơ quan kia kết quả trả lời không kháng nghị để tham khảo, xem xét giải quyết đơn của đương sự. Việc phối hợp này sẽ hạn chế tối đa tình trạng cùng một lúc cả 2 cơ quan đều phải nghiên cứu đơn, tài liệu liên quan, đều phải có văn bản rút hồ sơ. Qua đó tiết kiệm được nhiều thời gian xem xét, giải quyết cho cả hai bên. Trên cơ sở mối quan hệ phối hợp này, sẽ tiến đến xây dựng Quy chế phối hợp giữa VKSND và TAND để bảo đảm tính thống nhất cao, tính khoa học và tạo nề nếp, ổn định trong việc thụ lý, giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm.

Thứ năm, phối hợp chặt chẽ trong việc xem xét quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng VKSND; trường hợp qua nghiên cứu, Tòa án thấy có những vấn đề có nhiều quan điểm khác nhau, cần trao đổi, bổ sung thu thập tài liệu, chứng cứ thì giữa hai cơ quan có sự trao đổi, thống nhất trên tinh thần tôn trọng sự thật khách quan, tôn trọng pháp luật, không vì bảo vệ nội bộ ngành mà xét xử bác kháng nghị có căn cứ của Viện kiểm sát. Ngược lại, khi nghiên cứu quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án, nếu thấy có những vấn đề cần bổ sung về tài liệu, chứng cứ, còn có quan điểm giải quyết khác nhau ... thì có cơ chế trao đổi để làm rõ trước khi mở phiên tòa giám đốc thẩm.

Thứ sáu, cần có những cơ chế phối hợp để đẩy nhanh thời hạn giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD có tính đặc thù, hạn chế thấp nhất tình trạng kéo dài thời hạn xét xử loại án này, nhằm giảm thiểu nguy cơ gây ra nhiều hệ lụy

cho các doanh nghiệp, TCTD và nền kinh tế. Như việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong tổng đạt văn bản tố tụng, phần mềm tính toán lãi suất, tiền tạm ứng án phí, tiền án phí, việc tổ chức phiên toà trực tuyến nhất là đối với đương sự ở xa hoặc ở nước ngoài khó có thể tham gia phiên toà theo cách truyền thống; phối hợp với VKSND, TAND trong việc tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân, doanh nghiệp tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực tín dụng, những nội dung đã được thoả thuận trong HĐTD, hợp đồng đảm bảo về nghĩa vụ thanh toán tiền vay, lãi suất, lãi trong hạn, lãi quá hạn, nghĩa vụ bàn giao, xử lý TSBĐ, để hạn chế thấp nhất tranh chấp, hạn chế nợ xấu, tồn đọng TSBĐ. ... ban hành nhiều hướng dẫn, nâng cao trình độ, kỹ năng giải quyết để khắc phục, xử lý những vấn đề phức tạp, nâng cao bản lĩnh, ý thức chính trị của các Thẩm phán, Kiểm sát viên trong việc giải quyết loại án này.

4.2.2.2. Tăng cường sự phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân với Chính phủ và các cơ quan liên quan

Chính phủ phối hợp với VKSND đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các văn bản pháp luật nêu trên thuộc thẩm quyền.

VKSND tối cao phải tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có liên quan thuộc Chính phủ, như Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp, UBND các cấp, Tổ chức công chứng, cơ quan thi hành án, thừa phát lại... trong việc cung cấp thông tin, tình trạng pháp lý TSBĐ, tăng cường xây dựng, cập nhật, đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản về nguồn gốc tài sản, các giao dịch liên quan đến tài sản, nhất là bất động sản, bảo đảm tính công khai, minh bạch, có khả năng truy suất được nguồn gốc, lịch sử giao dịch để hạn chế rủi ro trong việc sử dụng làm TSBĐ khi đi vay tại các TCTD. Tạo ra môi trường lành mạnh, an toàn cho các giao dịch. Phát hiện ngăn chặn, xử lý kịp thời các giao dịch giả mạo, bất thường, tẩu tán tài sản.

Nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, uy tín, tính chính xác của các cơ quan thẩm quyền thuộc Chính phủ trong việc cấp giấy

chứng nhận đối với các loại tài sản, nhất là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để hạn chế thấp nhất trường hợp phải sửa chữa, đính chính, huỷ bỏ việc cấp giấy chứng nhận khi những loại tài sản này được sử dụng làm TSBD mà hiện nay vẫn còn xảy ra nhiều lỗi, thiếu sót.

Phối hợp với Ngân hàng nhà nước, TCTD, Hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về công tác kiểm sát giải quyết các vụ án tranh chấp HĐTD, mở rộng thành phần tham gia hội nghị, hội thảo như các TCTD, các doanh nghiệp ... để lắng nghe các chuyên gia trong và ngoài Ngành về những tồn tại, khó khăn vướng mắc và các biện pháp tháo gỡ, khắc phục trong tình hình mới để phục vụ cho việc giải quyết vụ án về tranh chấp HĐTD được nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật. Ký quy chế phối hợp trong việc cung cấp thông tin liên quan đến vụ án, giải quyết những vấn đề còn có nhiều khác biệt, có nhiều cách hiểu, áp dụng pháp luật khác nhau để nâng cao hơn nữa chất lượng, rút ngắn thời gian xử lý vụ việc, như VKSND tỉnh Nghệ An và Ngân hàng Nhà nước, chi nhánh Nghệ An đã ký Quy chế phối hợp số 01/QCPH/VKSND/NHNN ngày 06/10/2023 trong công tác phát hiện, chuyển giao, tiếp nhận và giải quyết nguồn tin tội phạm, các vụ việc liên quan đến lĩnh vực ngân hàng.

4.2.2.3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng

Thứ nhất, Lãnh đạo Viện phải bố trí Kiểm sát viên, công chức có năng lực, nhiệt tình, tâm huyết vào khâu công tác kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự, KDTM nói chung, trong đó có vụ án tranh chấp HĐTD, bảo đảm công tác ổn định, lâu dài, để có đủ thời gian nắm vững văn bản pháp luật, tích lũy kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, phát triển đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực tín dụng. Cử Kiểm sát viên, công chức tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ; đa dạng hóa các hình thức mở lớp đào tạo như: đào tạo trực tiếp, tập trung tại Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội; mở các lớp trực tiếp, kết hợp với trực tuyến. Về tài liệu, giáo trình đào tạo nghiệp vụ kiểm sát cần biên soạn theo hướng chuyên sâu, tiếp cận thực tiễn trong từng lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực kiểm sát

việc giải quyết tranh chấp HĐTD, bám sát thực tiễn công tác, góp phần nâng cao trình độ nhận thức, khả năng vận dụng quy định pháp luật, cũng như thao tác nghiệp vụ, kỹ năng kiểm sát của công chức thực hiện hoạt động kiểm sát. Đồng thời, VKSND tối cao cần quan tâm đến chế độ, chính sách khen thưởng kịp thời đối với Kiểm sát viên, công chức làm việc tại khâu công tác kiểm sát này, với cùng điều kiện như nhau, thì ưu tiên phát triển cán bộ, công chức làm việc tại khâu công tác này (so với khâu công tác khác như khâu hình sự, thi hành án ...) giữ vị trí lãnh đạo, nhằm tạo động lực, khích lệ trong công việc, phát huy năng lực, sở trường công tác.

Thứ hai, tiếp tục rà soát, nắm bắt những sơ hở, thiếu sót, vướng mắc, những dạng vi phạm phổ biến phát sinh trên thực tế kiểm sát giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD và cập nhật những văn bản pháp luật mới có liên quan như Luật các TCTD năm 2024, Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023... để sửa đổi, bổ sung, cập nhật vào Hướng dẫn số 25/HD-VKSTC ngày 18/4/2022 của VKSND tối cao về một số nội dung kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Thứ ba, tiếp tục bám sát Chỉ thị số 07/CT-VKSTC ngày 06/8/2021 của VKSND tối cao tiếp tục tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án dân sự, vụ án hành chính, chú trọng nâng cao chất lượng, không chạy theo số lượng công tác kháng nghị giám đốc thẩm để phát hiện kịp thời những bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm nghiêm trọng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, lợi ích nhà nước; tăng cường công tác kiến nghị để khắc phục vi phạm và phòng ngừa, nhất là những sơ hở thiếu sót trong công tác quản lý, hoạt động cho vay của TCTD; ban hành nhiều thông báo rút kinh nghiệm có chất lượng sau các phiên toà xét xử giám đốc thẩm, để rút kinh nghiệm chung trong toàn ngành Kiểm sát, nâng cao kỹ năng nhận diện vi phạm và chất lượng công tác kiểm sát.

Thứ tư, bám sát, thực hiện nghiêm túc, khẩn trương Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học,

công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, tạo sự đột phá trong ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số toàn ngành Kiểm sát nhân dân phục vụ cho công tác thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự, KDTM nói chung, trong đó có vụ án tranh chấp HĐTD, khẩn trương xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, trợ lý ảo, hệ thống phần mềm, như phần mềm sổ thụ lý điện tử vụ việc dân sự, KDTM; phần mềm tính tuổi đương sự, tính thời hạn tố tụng, phần mềm tính án phí, phần mềm tính tiền lãi trong các vụ án tranh chấp HĐTD, phần mềm báo cáo án bằng sơ đồ tư duy... nhân rộng những điển hình tiên tiến trong lĩnh vực này như VKSND thành phố Hải Phòng [137], Đà Nẵng, Quảng Ninh; trong hệ thống sổ sách thống kê cần có tiêu chí thống kê riêng đối với một số loại án có tính phổ biến như vụ án tranh chấp HĐTD, để phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, báo cáo chuyên đề, hội nghị, hội thảo khoa học nhằm nâng cao chất lượng kiểm sát việc giải quyết loại án này.

Thứ năm, tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát cấp dưới đã tham gia kiểm sát giải quyết án từ cấp sơ thẩm, phúc thẩm, trong việc báo cáo kịp thời những bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật có vi phạm, thiếu sót của TAND cùng cấp giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD để VKSND cấp trên xem xét kháng nghị giám đốc thẩm. Trong thời gian đến, cần hoàn thiện những quy định nội bộ về chế độ thông tin, báo cáo giữa VKSND tối cao và VKSND cấp dưới để tạo ra khung pháp lý nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết đơn, thông báo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm.

Thứ sáu, theo định kỳ hoặc đột xuất khi thấy cần thiết, VKSND tối cao tăng cường kiểm tra công tác kiểm sát của VKSND cấp cao để kịp thời phát hiện những sai phạm, thiếu sót, xử lý nghiêm những đơn vị, công chức có liên quan. Kiểm tra chuyên đề hoặc lồng ghép trong các cuộc kiểm tra toàn diện đối với những trường hợp kháng nghị của VKSND không được Tòa án chấp nhận hoặc những trường hợp phải rút kháng nghị giám đốc thẩm, từ đó phân tích những nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm và chấn chỉnh, xử lý những vi phạm thiếu sót (nếu có) để nâng cao hiệu quả công tác kiểm sát.

Thứ bảy, thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD. Dưới đây là một số kinh nghiệm trong một số tình huống thường gặp nhưng dễ xảy ra vi phạm, thiếu sót dẫn đến phải hủy bản án, quyết định giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD:

- Kinh nghiệm kiểm sát việc giải quyết vụ án có tài sản bảo đảm đứng tên một người vợ hoặc chồng trong thời kỳ hôn nhân

Trường hợp xử lý đối với TSBĐ đứng tên một người (vợ hoặc chồng) trong thời kỳ hôn nhân, khi kiểm sát, không chỉ xem xét giấy tờ chứng nhận về tài sản, mà còn phải căn cứ quy định pháp luật tại thời điểm hình thành tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng theo từng thời kỳ để áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (Điều 27), hoặc Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 (Điều 33) cho phù hợp. Cần lưu ý, đặc biệt có trường hợp phải áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 thì không phân biệt tài sản hình thành trước hoặc trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đều có quyền ngang nhau đối với tài sản (Điều 15). Bên cạnh đó, phải xem xét những quy định pháp luật khác có liên quan về nguồn gốc, quá trình hình thành TSBĐ (nhận chuyển nhượng, được tặng cho, thừa kế...), nếu chỉ đứng tên riêng vợ hoặc chồng thì xem xét những thỏa thuận về tài sản riêng của vợ hoặc chồng (nếu có); trường hợp cần thiết phải xem xét cả hồ sơ cấp giấy tờ chứng nhận TSBĐ. Về tố tụng, phải xem xét đưa chồng hoặc vợ (người không đứng tên trong giấy tờ chứng nhận về tài sản) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo Điều 73 BLTTDS để giải quyết triệt để, toàn diện vụ án.

- Kinh nghiệm kiểm sát việc giải quyết vụ án có tài sản bảo đảm đứng tên hộ gia đình.

Khi kiểm sát giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD có TSBĐ là quyền sử dụng đất đứng tên hộ gia đình, cần hết sức lưu ý kiểm sát chặt chẽ việc Tòa án đưa đầy đủ các thành viên hộ gia đình vào tham gia tố tụng, việc xác định thành viên hộ gia đình, Kiểm sát viên lưu ý phải là những người có quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, hoặc quan hệ nuôi dưỡng, những thành viên

này đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất (khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013). Việc xác định đầy đủ thành viên trong hộ gia đình thực sự có quyền về tài sản, cần lưu ý không chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vì giấy này không ghi đầy đủ thành viên hộ gia đình), sổ hộ khẩu gia đình (vì Sổ này có thể có nhiều biến động về thành viên mới và thành viên đã tách hộ), mà phải xác định rõ ai mới là thành viên của hộ thực sự có quyền về tài sản tại thời điểm phát sinh quyền sử dụng đất, nên trường hợp cần thiết phải hỏi ý kiến của cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định việc này [102].

- *Kinh nghiệm kiểm sát việc Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án hoặc trả lại đơn khởi kiện do bị đơn thay đổi địa chỉ.*

Trường hợp sau khi vay được vốn tín dụng, khách hàng hoặc người có TSBD có dấu hiệu trốn nợ như thay đổi địa chỉ trụ sở, chi nhánh, không thông báo nên TCTD không biết địa chỉ mới ở đâu; hoặc doanh nghiệp ngừng hoạt động nhưng không biết địa chỉ của người quản lý, người đại diện theo pháp luật, thành viên góp vốn. Khi khởi kiện, TCTD ghi đúng địa chỉ bị đơn đã cung cấp khi ký HĐTD, hợp đồng bảo đảm và những tài liệu, chứng cứ khác, nhưng Tòa án không tổng đạt cho đương sự được (do thay đổi địa chỉ), khi giải quyết, thực tế cho thấy có trường hợp Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD (trường hợp đã thụ lý vụ án) hoặc thông báo trả lại đơn khởi kiện (trường hợp chưa thụ lý vụ án). Khi kiểm sát quyết định đình chỉ hoặc thông báo trả lại đơn khởi kiện này, Kiểm sát viên lưu ý xem xét việc Tòa án phải căn cứ điểm e, khoản 1 Điều 192 BLTTDS và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP để xác định nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ “nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở” của bị đơn cho Tòa án theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 192 BLTTDS tại thời điểm nộp đơn khởi kiện thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn, thì căn cứ điểm a, b, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP xem xét việc kháng nghị huỷ quyết định đình chỉ hoặc thông báo trả lại đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD.

- Kinh nghiệm kiểm sát việc xem xét thẩm định tại chỗ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất

Khi kiểm sát việc Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ TSBĐ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, Kiểm sát viên phải căn cứ quy định tại Điều 101 BLTTDS năm 2015 xem xét, đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có đúng tài sản trên thực tế hay không (vì qua kiểm sát nhiều vụ án cho thấy, nhiều trường hợp qua thời gian tài sản trên thực tế có nhiều biến động như xây dựng thêm nhà, cửa, công trình khác trên đất, tài sản đang cho người khác quản lý sử dụng), Tòa án có mô tả chi tiết, chính xác và đầy đủ hiện trạng TSBĐ không, trường hợp cần thiết phải yêu cầu cơ quan chuyên môn về đo đạc đo vẽ, chụp ảnh và mô tả bằng những thuật ngữ chuyên môn, thể hiện đúng vị trí, kích thước TSBĐ; đồng thời phải xác định ai đang quản lý, sử dụng TSBĐ để giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD một cách toàn diện, triệt để, bảo đảm việc thi hành án sau này.

- Kinh nghiệm kiểm sát việc việc Tòa án tuyên HĐTC quyền sử dụng đất bị vô hiệu

Trong không ít trường hợp, Tòa án tuyên HĐTC quyền sử dụng đất bị vô hiệu không đúng, nên Kiểm sát viên cần lưu ý khi xem xét hiệu lực của HĐTC không vì những lý do như có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thực tế khác trên giấy tờ chứng nhận, có người thứ ba đang quản lý sử dụng TSBĐ, giao dịch về tài sản trước đó bị vô hiệu, GCN QSDĐ bị thu hồi do cấp sai về trình tự, thủ tục, lỗi kỹ thuật, thế chấp đất mà không thể chấp nhà hoặc ngược lại... trong khi việc thế chấp là sự thỏa thuận của các bên tự nguyện, đúng pháp luật, tài sản không bị cấm giao dịch, hợp đồng thế chấp được công chứng, chứng thực, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật thì, không vì những vấn đề trên mà xác định HĐTC vô hiệu là không đúng bản chất của hợp đồng, trường hợp này, Kiểm sát viên căn cứ quy định mới của BLDS năm 2005 về người thứ ba ngay tình (Điều 133 và Giải đáp nghiệp vụ số 02/2021/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của TAND tối cao), thế chấp quyền sử dụng đất mà không thể chấp

tài sản gắn liền với đất (Điều 325) về thế chấp tài sản gắn liền với đất mà không thế chấp quyền sử dụng đất (Điều 326); 03 Án lệ (Án lệ số 11/2017, Án lệ số 36/2020, Án lệ số 43/2021) có liên quan để xem xét cẩn thận về hiệu lực của hợp đồng thế chấp.

- Kiểm sát việc xem xét phạm vi tài sản bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng bảo đảm

Khi kiểm sát cần xem xét thật kỹ và toàn diện về phạm vi bảo đảm nghĩa vụ của hợp đồng bảo đảm, không đánh đồng mỗi hợp đồng bảo đảm đều theo mẫu như nhau và dài nhiều trang nên chủ quan không xem xét đầy đủ, vì mỗi hợp đồng bảo đảm, các bên tham gia hoàn toàn có thể thoả thuận bổ sung, sửa đổi một số điều khoản của hợp đồng mẫu, trong đó có phạm vi bảo đảm cho khoản tiền vay. Trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có giới hạn phạm vi thanh toán nghĩa vụ bảo đảm cho một khoản tiền vay nhất định thì phải xem xét kỹ phạm vi bảo đảm này để xác định nghĩa vụ tương ứng của bên có TSBĐ. Ví dụ, ông A vay 5 tỷ đồng, có nhiều TSBĐ, trong đó có TSBĐ của ông B chỉ bảo đảm cho phạm vi thanh toán nghĩa vụ 3 tỷ đồng theo hợp đồng bảo đảm, thì khi xử lý TSBĐ của ông B phải xác định phạm vi hiệu lực của TSBĐ giá trị 3 tỷ đồng, không xử lý vượt quá phạm vi như những trường hợp thông thường không giới hạn phạm vi bảo đảm.

4.2.2.4. Một số khuyến nghị đối với hệ thống tổ chức tín dụng trong việc bảo đảm an toàn, hiệu quả khi cho vay

Thứ nhất, TCTD cần đa dạng hoá các loại TSBĐ và các biện pháp bảo đảm khi cho vay như cầm cố bất động sản hoặc thế chấp tài sản khác như cổ phiếu, vốn góp, sổ tiết kiệm, quyền sở hữu trí tuệ, quyền về tài sản khác, xe cộ, hàng hoá khác, không nên quá phụ thuộc vào biện pháp bảo đảm là thế chấp bất động sản, mà phổ biến nhất là quyền sử dụng đất sẽ gây mất cân đối trong hệ thống, rủi ro rất lớn cho TCTD, nhất là khi quyền sử dụng đất bị đóng băng trong thời gian dài như đã diễn ra trong thời gian qua.

Thứ hai, TCTD ưu tiên áp dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản của chính người vay, hạn chế sử dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản của người

thứ ba để tránh rủi ro trong việc xử lý TSBĐ. Thực tế, đã xảy ra rất nhiều vụ chống đối quyết liệt của người thứ ba này khi bị xử lý TSBĐ, vì hậu quả họ gánh chịu quá lớn có thể mất đất, mất nhà, thiệt hại hàng trăm triệu, hàng tỷ đồng so với những gì họ được hưởng lợi từ việc bên vay nhờ họ đứng ra bảo lãnh thế chấp. Trường hợp vẫn sử dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản của người thứ ba, cần thực hiện quy trình xem xét thẩm định, định giá TSBĐ một cách cẩn thận, chặt chẽ, đầy đủ, đánh giá rủi ro, sử dụng các biện pháp phòng ngừa, đồng thời phân tích, giải thích rõ ràng, đầy đủ cho người thứ 3 về hậu quả của việc xử lý TSBĐ khi người vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán và yêu cầu họ ký cam kết tự nguyện bàn giao tài sản trong trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm.

Thứ ba, TCTD khi cho vay thương mại ưu tiên phương thức giải ngân không dùng tiền mặt và phải quản lý chặt chẽ, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc sử dụng vốn vay đúng mục đích so với phương án vay vốn ban đầu nhằm bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn vay, phát hiện những dấu hiệu khả nghi, bất thường, như cho vay mục đích để xuất nhập khẩu hàng hoá lại sử dụng tiền vay đầu tư bất động sản, có biện pháp kiên quyết ngăn chặn, xử lý phù hợp để thu hồi vốn vay. Đồng thời, TCTD cũng phải tăng cường theo dõi, kiểm tra TSBĐ, nhất là nhận loại tài sản dễ bị thay đổi, hao hụt, thay đổi người sử dụng, như hàng hoá lưu thông, mau hỏng, quyền sử dụng đất dễ bị cho thuê, người khác quản lý, sử dụng ... để bảo toàn TSBĐ.

Thứ tư, TCTD nhận thức đúng về người thứ ba ngay tình, không phải trường hợp nào, ngân hàng cũng cho rằng chỉ căn cứ vào giấy tờ về tài sản hợp pháp, thủ tục cầm cố, thế chấp... đúng quy định là được xác định người thứ ba ngay tình, được bảo vệ quyền lợi theo quy định của Điều 138 BLDS năm 2015, nhận thức như vậy chưa đầy đủ. Thực tiễn kiểm sát cho thấy, một số trường hợp ngân hàng còn chủ quan, chỉ căn cứ vào giấy tờ về tài sản mà không xem xét, thẩm định tài sản hoặc có xem xét, thẩm định nhưng sơ sài không phát hiện những dấu hiệu bất thường về TSBĐ đang do người khác quản lý, sử dụng công khai, tài sản đang có biển báo tranh chấp, không được chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố... Trong những trường hợp này, cơ quan

tiến hành tố tụng thường không chấp nhận ngân hàng là người thứ ba ngay tình khi nhận TSBD cho khoản vay. Nên ngân hàng phải thận trọng, làm hết trách nhiệm, đầy đủ quy trình xem xét, thẩm định TSBD để được bảo vệ người thứ ba ngay tình trong trường hợp có tranh chấp TSBD.

Thứ năm, khi áp dụng biện pháp cầm cố tài sản để bảo đảm tiền vay, ngân hàng phải đánh giá được mức độ rủi ro của loại tài sản cụ thể như hàng hóa mau hỏng, dễ vỡ, khó bảo quản, hàng hóa lưu động, tiêu hao... để có biện pháp quản lý chặt chẽ tài sản cầm cố, tránh gây hư hỏng, giảm chất lượng, thất thoát số lượng dẫn đến nguy cơ phải bồi thường ngược lại cho người có tài sản cầm cố.

Kết luận Chương 4

Trên cơ sở Nghiên cứu sinh đã phân tích, đánh giá những yếu tố ảnh hưởng và thực trạng kiểm sát việc giải quyết các vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam, nêu bật những kết quả đạt được, đồng thời cũng chỉ ra hạn chế và phân tích nguyên nhân tại Chương 3 của luận án. Ở Chương 4 của luận án này, Nghiên cứu sinh tập trung phân tích 05 quan điểm bảo đảm kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND có thẩm quyền. Dựa trên những nền tảng quan điểm đó, Nghiên cứu sinh mạnh dạn đề xuất các giải pháp, kiến nghị chung: (1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy VKSND tối cao là giải pháp bảo đảm quyết định sự thành công của hoạt động kiểm sát việc giải quyết loại án này; (2) Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, như sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD và các văn bản hướng dẫn thi hành; sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai; xây dựng, ban hành Luật Giao dịch bảo đảm... là giải pháp bảo đảm tạo cơ sở chính trị, pháp lý đầy đủ về tố tụng, thẩm quyền và về nội dung pháp luật chuyên ngành, nhằm bảo đảm cho hoạt động kiểm sát đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp trong tình hình hiện nay và tương lai.

Từ những giải pháp, kiến nghị chung này, Nghiên cứu sinh đã đề xuất 04 nhóm các giải pháp, kiến nghị cụ thể mang tính ứng dụng cao, đó là i)

Tăng cường công tác hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và sự phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân với Tòa án nhân dân; ii) Tăng cường sự phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân với Chính phủ và các cơ quan liên quan; iii) Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Các giải pháp, kiến nghị cụ thể này được thực hiện đồng bộ, phối hợp với nhau, nhằm khắc phục những hạn chế, góp phần bảo đảm chất lượng kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD của VKSND các cấp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người thứ ba, bảo vệ lợi ích công. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động kiểm sát loại án này ở cấp giám đốc thẩm, Nghiên cứu sinh đã đưa ra giải pháp thứ tư mang tính chất là một số khuyến nghị đối với hoạt động của TCTD và khách hàng trong việc sử dụng hiệu quả vốn vay, bảo đảm nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ thực hiện biện pháp bảo đảm; phòng tránh hạn chế thấp nhất rủi ro trong kinh doanh, xử lý nợ xấu, bảo đảm an toàn tín dụng, bảo vệ lợi ích nhà nước, phục vụ tốt nhất cho phát triển kinh tế, góp phần đưa Việt Nam ngày càng giàu mạnh.

KẾT LUẬN

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ không ngừng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập sâu rộng vào khu vực và trên thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhu cầu vay vốn của các nhà đầu tư, doanh nghiệp, cá nhân để phát triển sản xuất kinh doanh, thương mại càng gia tăng để tạo động lực cho sự phát triển. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển đó, các tranh chấp phát sinh từ HĐTD ngày càng tăng về số lượng và có tính chất phức tạp; trong khi đó, hệ thống pháp luật về giải quyết loại tranh chấp này vẫn chưa hoàn thiện, còn nhiều quy định chồng chéo và mâu thuẫn, nhiều quan điểm khác nhau ... đã gây nên nhiều khó khăn, lúng túng, áp dụng pháp luật, đánh giá chứng cứ còn khác nhau, làm làm giảm chất lượng, kéo dài thời gian giải quyết của Toà án các cấp đối với vụ án tranh chấp HĐTD, từ đó ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của TCTD, doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh ở nhiều mức độ khác nhau.

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND cho thấy, việc giải quyết của Toà án các cấp đối với loại án này còn nhiều hạn chế, thiếu sót, vi phạm và hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát cấp sơ thẩm, phúc thẩm, thậm chí là cấp giám đốc thẩm (cấp cao) trong không ít trường hợp cũng chưa kịp thời phát hiện vi phạm để kiến nghị, kháng nghị khắc phục. Như vậy, hoạt động kiểm sát theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam có vai trò, vị trí rất quan trọng, kịp thời phát hiện vi phạm nghiêm trọng trong các bản án, quyết định giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD để thực hiện quyền kháng nghị giám đốc thẩm và tham gia phiên tòa, kiểm sát chặt chẽ hoạt động giải quyết của Toà án, bảo đảm việc tuân theo pháp luật chính xác. Đồng thời, thông qua hoạt động kiểm sát ở cấp cao nhất này, VKSND cấp giám đốc thẩm tập hợp được những dạng thức, nhóm vi phạm phổ biến, những hạn chế, thiếu sót trong công tác kiểm sát để hướng dẫn, rút kinh nghiệm cho VKSND các cấp khắc phục; bên cạnh đó, còn giúp đội ngũ Kiểm sát viên nâng cao kỹ năng nhận diện, phát hiện vi phạm, thiếu

sốt ngay từ hoạt động kiểm sát ở giai đoạn tố tụng đầu tiên, nhằm nâng cao chất lượng kiểm sát loại án này. Mặt khác, thông qua hoạt động kiểm sát này, VKSND phát hiện được những sơ hở, thiếu sót trong việc quản trị hệ thống tín dụng, quy trình cho vay, quy trình thẩm định, định giá TSBĐ, những quy định nội bộ của TCTD, quy định pháp luật liên quan còn bất cập để kiến nghị hoàn thiện và đưa ra những khuyến nghị xác đáng, thiết thực đối với TCTD và tổ chức, cá nhân vay vốn, người có TSBĐ; qua đó bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn tín dụng, sự an toàn, lành mạnh trong hoạt động cho vay và xử lý TSBĐ được thuận lợi.

Với phương pháp và cách tiếp cận trên, việc nghiên cứu đề tài luận án *“Cơ sở lý luận và thực tiễn kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam”* của nghiên cứu sinh đã đạt được những kết quả sau:

1. Luận án đã xác định được tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu, khảo sát tình hình, kết quả nghiên cứu trong nước và nước ngoài liên quan đến đề tài và tìm hướng nghiên cứu riêng, không trùng lặp với các luận án, công trình, đề án khoa học khác, trên cơ sở xác định nhiệm vụ nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu riêng.

2. Luận án của đã xây dựng được hệ thống cơ sở lý luận về kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND, như làm rõ những cơ sở pháp lý, vai trò, vị trí không thể thiếu của VKSND trong kiểm sát hợp đồng tư pháp nói chung và kiểm sát việc giải quyết loại án tín dụng này. Đồng thời làm rõ những khái niệm, đặc điểm, vai trò, các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục và phương thức kiểm sát; các điều kiện bảo đảm ...

2. Luận án đã xác định được các yếu tố và đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố đó đến thực trạng kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam; đồng thời đã nêu bật kết quả đạt được, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế và phân tích nguyên

nhân của kết quả đạt được, nguyên nhân của hạn chế trong kiểm sát việc Tòa án giải quyết loại án này ở Việt Nam thời gian qua.

3. Trên cơ sở hệ thống lý luận và những phân tích, đánh giá từ thực tiễn kiểm sát, luận án đã chỉ ra được 04 quan điểm và đề xuất một số giải pháp bảo đảm kiểm sát việc giải quyết loại án này ở Việt Nam trong thời gian tới, gồm giải pháp chung và các giải pháp cụ thể, như tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và các văn bản của ngành Kiểm sát; tăng cường sự phối hợp giữa VKSND với Chính phủ, TAND, Ngân hàng nhà nước và các cơ quan liên quan; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD... Việc triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần bảo đảm kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam, đồng thời góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, của người thứ ba, lợi ích công, lợi ích Nhà nước, bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hoạt động tín dụng, góp phần thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển./.

DANH MỤC CÁC BÀI VIẾT LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN CỦA TÁC GIẢ

1. Thái Văn Đoàn (2018), “Hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng trong giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm vụ việc dân sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, (19).
2. Thái Văn Đoàn (2018), “Mô hình Viện kiểm sát nhân dân cấp cao nhìn từ thực tiễn các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (3).
3. Thái Văn Đoàn (2020), “Một số vấn đề cần lưu ý khi kiểm sát việc giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng”, *Tạp chí Kiểm sát*, (19).
4. Thái Văn Đoàn, Trần Hạnh Thảo (2022), “Rút kinh nghiệm quan một số bản án, quyết định kinh doanh, thương mại bị hủy sửa”, *Tạp chí kiểm sát*, (17).
5. Thái Văn Đoàn, Nguyễn Thị Thục (2022), “Giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Tòa án- Thực trạng và giải pháp”, *Hội thảo Khoa học Quốc gia giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và hòa giải thương mại trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng ở Việt Nam*, Học viện Ngân hàng, Nxb Lao động, Hà Nội, tr 55-67.
6. Thái Văn Đoàn (2023), “Đề nghị bổ sung quy định liên quan đến chế định tài sản bảo đảm vào Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, *Hội thảo Góp ý sửa đổi, bổ sung Luật các Tổ chức tín dụng*, Trường Đại học Luật, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Thái Văn Đoàn, Trần Hạnh Thảo (2023), “Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình trong dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)”, *Tạp chí Kiểm sát*, (8).
8. Lê Tiến, Thái Văn Đoàn (2023), “Một số vấn đề về công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng”, *Tạp chí Kiểm sát*, (10).
9. Thái Văn Đoàn (2023), *Nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài tại Tòa án ở Việt Nam*, tại trang Tạp chí Cộng sản điện tử ngày 07/3/2023 <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/>.
10. Thai Van Doan (2023), Senior Procurator, Supreme People's Procuracy (2023), *Improving the effectiveness of settlement of business and commercial disputes involving foreign elements at Vietnamese courts-VietnamLaw & Legal forum*, at <https://vietnamlawmagazine.vn/>.
11. Thái Văn Đoàn (2024), *Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp*, tại trang Tạp chí Cộng sản điện tử ngày 14/4/2024 <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/cong-bo-ket-qua-nghien-cuu>.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu trong nước

1. Hà Anh (2025), *Nợ xấu 'phình thêm' 34.000 tỷ đồng, ngân hàng phải dùng 48% nguồn lực dự phòng để xử lý*, tại trang <https://nguoiquansat.vn/> [truy cập ngày 17/5/2025]
2. Lương Khải Ân (2019), *Pháp luật Việt Nam về hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Lương Khải Ân (2021), *Hợp đồng cho vay trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng, những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
4. Lương Khải Ân (2022), *Pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong quan hệ dân sự, thương mại và tín dụng ngân hàng*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
5. Ban Cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2023), *Nghị quyết số 66-NQ/BCSD ngày 09/01/2023 về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, Hà Nội.
6. Ban Cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2023), *Nghị quyết số 111-NQ/BCSD ngày 28/12/2023 về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2024*, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Trung ương (2016), *Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII) về một số chủ trương, chính sách lớn đổi mới mô hình tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế*, Hà Nội.
8. Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII (2017), *Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Hà Nội.
9. Ban Chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.

10. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11*, Hà Nội
11. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
12. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
13. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.
14. Bộ Chính trị (2025), *Kết luận số 121-KL/TW*, ngày 24/01/2025 về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Hà Nội.
15. Bộ Chính trị (2025), *Kết luận số 126-KL/TW*, ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, Hà Nội.
16. Bộ Chính trị (2025), *Kết luận số 127-KL/TW*, ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Hà Nội.
17. Bộ Chính trị (2023), *Quy định số 132-QĐ/TW*, ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, Hà Nội;
18. Chính phủ (2021), *Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ*, Hà Nội.
19. Chính phủ (2022), *Báo cáo số 174/BC-CP ngày 11/5/2022 Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm*, Hà Nội.

20. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm, Bộ Tư pháp (2023), “Đánh giá quy định hiện hành về cơ chế xử lý tài sản bảo đảm và một số vấn đề đặt ra cần được hoàn thiện”, *Hội thảo Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ngân hàng Nhà nước, Đà Nẵng.
21. Nguyễn Tá Cơ (2012), “Vấn đề rút ra từ công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại có liên quan đến hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm”, *Tạp chí Kiểm sát*, (07).
22. Phạm Đình Cúc, Vũ Hồng Cường (2023), “Một số khó khăn, vướng mắc trong kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng”, *Tạp chí Kiểm sát*, (10).
23. Bùi Mạnh Cường (2020), *Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong cơ chế kiểm soát quyền lực hiện nay*, tại trang <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/>, [truy cập ngày 11/12/2023].
24. Đặng Văn Dân, Dương Thị Mai Phương (2023), “Hoạt động cho vay của ngân hàng Việt Nam trước ảnh hưởng của thị trường tập trung”, *Tạp chí Ngân hàng*, (22).
25. Lưu Tiến Dũng (2021), *Án lệ Việt Nam- Phân tích và luận giải- Tập 1*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
26. Lê Ngọc Duy (2020), *Một số vấn đề lý luận về chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân*, tại trang <https://vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/>, [truy cập ngày 10/12/2023].
27. Phạm Văn Đàm (2017), *Pháp luật về bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng bằng biện pháp bảo lãnh*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.

30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
35. Nguyễn Minh Đoan (2018), *Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
36. Trương Thanh Đức (2021), *Chín biện pháp bảo đảm nghĩa vụ hợp đồng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
37. Viên Thế Giang (2021), “Quy định mới về tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và giải pháp triển khai trong hoạt động cấp tín dụng”, *Tạp chí Ngân hàng*, (11).
38. Lại Thị Thu Hà (2012), Giới thiệu sơ lược về Hiến pháp của một số nước đang duy trì mô hình Viện kiểm sát, *Tạp chí Kiểm sát*, (13).
39. Trương Hồ Hải, Đặng Viết Đạt (2023), “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (1020).
40. Nguyễn Xuân Hải, Bùi Mỹ Linh (2023), “Sự sụp đổ của ngân hàng và những vắn điệu lịch sử”, *Tạp chí Kinh tế Việt Nam*, (13).
41. Hiệp hội các ngân hàng Việt Nam (2023), “Những khó khăn và vướng mắc của Tổ chức tín dụng trong quá trình giải quyết các tranh chấp về tín dụng liên quan đến Viện kiểm sát nhân dân”, *Hội thảo Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh*

- chấp hợp đồng tín dụng*, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ngân hàng Nhà nước, Đà Nẵng, tr 33-52.
42. Trương Trọng Hiếu (2022), “Án lệ về hiệu lực của hợp đồng thế chấp và những liên hệ đối với người thứ ba ngay tình”, *Tạp chí Luật học*, (4).
 43. Học viện Ngân hàng (2021), *Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
 44. Học viện Ngân hàng (2022), *Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài và Hòa giải thương mại trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Hà Nội.
 45. Khánh Hồng (2021), *Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nói về 28 tài sản liên quan đến Vũ “nhôm”*, tại trang <https://dantri.com.vn/xa-hoi>, [truy cập ngày 16/01/2024].
 46. Hội đồng Lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 47. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2012), *Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật Tổ tụng dân sự*, Hà Nội.
 48. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2019), *Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay*, Hà Nội.
 49. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2022), *Quyết định giám đốc thẩm số 02/2022/KDTM-GĐT ngày 22/3/2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Hà Nội.
 50. Trần Linh Huân, Nguyễn Thị Kim Anh... (2023), “Thực trạng hoạt động mua, bán nợ tại ngân hàng thương mại và một số kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí Ngân hàng*, (24).
 51. Kim Huệ (2017), *Phân biệt vụ án dân sự và việc dân sự*, tại trang <https://thuvienphapluat.vn/banan/tin-tuc/>, [truy cập ngày 31/10/2024].

52. Nguyễn Nam Hưng (2019), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thủ tục giám đốc thẩm đối với các quyết định giám đốc thẩm”, *Tạp chí Kiểm sát*, (15).
53. JEAN-JACQUES BOSC (2020), *Vai trò, vị trí của Viện công tố trong tố tụng dân sự và trước Tòa án thương mại tại Cộng hòa Pháp*, tại trang <https://phapluatdansu.edu.vn/> [truy cập ngày 25/9/2023].
54. Nguyễn Ngọc Khánh (2008), “Vị trí, vai trò của Viện công tố Pháp, Viện kiểm sát liên bang Nga và Viện kiểm sát Trung Quốc trong tố tụng dân sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, (01).
55. Nguyễn Ngọc Khánh (2008), “Vị trí, vai trò của Viện công tố Hoa Kỳ, Viện công tố Nhật Bản, Viện công tố Cộng hòa Indonesia trong tố tụng dân sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, (03).
56. Nguyễn Ngọc Khánh (2008), “Viện kiểm sát Liên bang Nga”, *Tạp chí Kiểm sát*, (04).
57. Nguyễn Khương, Đào Văn Hà (2023), “Phương hướng tiếp cận thực hiện Basel III ở một số khu vực, quốc gia và hàm ý đối với Việt Nam”, *Tạp chí Ngân hàng*, (08).
58. Trịnh Thị Phan Lan, Hoàng Thị Lan Anh (2023), “Các nhân tố ảnh hưởng đến nợ xấu của ngân hàng thương mại Việt Nam”, *Tạp chí Ngân hàng*, (11).
59. V. Lênin (1925), *Bàn về chế độ song trùng trực thuộc và pháp chế*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
60. V.Lênin (1995), *Toàn tập*, tập 33, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
61. Nguyễn Hoàng Long (2020), *Các tổ chức không có tư cách pháp nhân trong quan hệ pháp luật dân sự*, tại trang <https://tapchitoaan.vn/cac-to-chuc-khong-co-tu-cach-phap-nhan-trong-quan-he-phap-luat-dan-su>, [truy cập ngày 15/12/2023].
62. Phạm Văn Lợi (2020), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo lãnh tiền vay tại tổ chức tín dụng từ thực tiễn xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân tối cao*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học, Xã hội, Hà Nội.

63. Tưởng Duy Lượng (2018), “Bàn về nội hàm khái niệm bảo lãnh tại khoản 1 Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015”, *Tạp chí Kiểm sát*, (6).
64. Tưởng Duy Lượng (2020), *Pháp luật dân sự kinh tế và thực tiễn xét xử*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
65. Trương Thị Tuyết Minh (2022), *Pháp luật về giao dịch bảo đảm bằng động sản tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
66. Thiên Nam (2022), *Khách hàng đội mưa, chen nhau rút tiền khỏi Ngân hàng SCB*, tại trang <https://baoxaydung.com.vn/khach-hang-doi-mua-chen-nhau-rut-tien-khoi-ngan-hang-scb-341534.html>, [truy cập ngày 19/11/2023].
67. Quỳnh Nga, Diệp Linh (2019), *Tài sản hình thành trong tương lai theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam*, tại trang <https://tapchitoaan.vn/> [truy cập ngày 12/11/2023].
68. Từ Thị Ngân, Nguyễn Thị Linh Trang (2020), “Kinh nghiệm của Kiểm sát viên khi nhận diện vi phạm về lỗi, lỗi suất trong bản án, quyết định”, *Tạp chí Kiểm sát* (18).
69. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2012), *Thông tư số 24/2012/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng*, Hà Nội.
70. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016), *Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về tổ chức tín dụng cho vay là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng*, Hà Nội.
71. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018), *Thông tư số 42/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước*, Hà Nội.
72. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (2023), “Về một số khó khăn, vướng mắc thường gặp trong xử lý tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm qua con đường Tố tụng, Thi hành án”, *Hội*

- thảo Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Đà Nẵng, tr 271-276.
73. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (2023), “Hoạt động kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại và thi hành án dân sự trong lĩnh vực tranh chấp Hợp đồng tín dụng, *Hội thảo Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Đà Nẵng. Tr 258-270.
 74. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2023), “Một số ý kiến đóng góp của Vietcombank về hoạt động kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng”, *Hội thảo Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Đà Nẵng, tr 277-281.
 75. Nhiếp Văn Ngọc (2024), “Kinh nghiệm về chuyển đổi số của Viện kiểm sát nhân dân Trung Quốc”, *Tạp chí Kiểm sát*, (15).
 76. Bùi Thị Nhung (2017), *Vị trí, vai trò của Viện công tố Hoa Kỳ, Viện công tố Nhật Bản, Viện công tố Cộng hòa Indonesia trong tố tụng dân sự*, tại trang <https://luatminhkhue.vn/>, [truy cập ngày 06/5/2023].
 77. Bùi Thị Nhung (2022), *Hợp đồng chính vô hiệu có dẫn theo hợp đồng phụ vô hiệu không*, tại trang <https://luatminhkhue.vn/>, [truy cập ngày 10/11/2023].
 78. Trần Công Phàn (2022), *Không thể chuyển Viện kiểm sát thành Viện Công tố*, tại trang <https://baovephapluat.vn/kiem-sat-24h/van-de-su-kien/>, [truy cập ngày 28/11/2023].
 79. Ngô Phi Phi (2022), *Chế độ kiểm sát Trung Quốc*, tại trang <https://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/119/659>, [truy cập ngày 25/11/2023].
 80. Hồng Phong (2024), “Một số điểm mới của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2014”, *Tạp chí Kiểm sát*, (16).

81. Nguyễn Văn Phương (2016), *Pháp luật về cho vay của các Ngân hàng thương mại có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
82. Nguyễn Văn Phương (2016), *Pháp luật về cho vay của các Ngân hàng thương mại có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
83. Quốc hội (2005), *Luật Thương mại*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
84. Quốc hội (2010), *Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
85. Quốc hội (2011), *Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2004, được sửa đổi, bổ sung năm 2011*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
86. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
87. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
88. Quốc hội (2013), *Luật Đất đai*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
89. Quốc hội (2024), *Luật Đất đai*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
90. Quốc hội (2020), *Luật Cư trú*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
91. Quốc hội (2024), *Luật Các Tổ chức tín dụng*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
92. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
93. Quốc hội (2017), *Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng*, Hà Nội.
94. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
95. Quốc hội (2020), *Luật Doanh nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
96. Tào Thị Quyên (2023), “Hiện đại hoá pháp luật ở Việt Nam - Những rào cản và một số kiến nghị”, *Tạp chí Luật học*, (10).

97. Từ điển điện tử http://tratu.soha.vn/dict/vn_vn/, [truy cập ngày 31/10/2024].
98. Nguyễn Bích Thảo (2020), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng theo pháp luật Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
99. Phạm Thị Giang Thu (2023), “Bàn luận về Dự thảo Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) và một số kiến nghị”, *Tạp chí Luật học*, (9).
100. Lê Thị Thu Thủy (Chủ biên) (2017), *Pháp luật về các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng ở Việt Nam và một số nước trên thế giới*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
101. Lê Thị Thu Thủy (Chủ biên) (2023), *Giáo trình Luật Ngân hàng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
102. Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Văn bản giải đáp nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017*, Hà Nội.
103. Tòa án nhân dân tối cao (2018), *Quyết định giám đốc thẩm số 06/2018/GĐT-KDTM ngày 16/7/2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Hà Nội.
104. Tòa án nhân dân tối cao (2019), *Quyết định giám đốc thẩm số 03/2019/KDTM-GĐT ngày 03/4/2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Hà Nội.
105. Tòa án nhân dân tối cao (2020), *Quyết định giám đốc thẩm số 01/2020/KDTM-GĐT ngày 13/02/2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Hà Nội.
106. Tòa án nhân dân tối cao (2020), *Dự thảo Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Tố tụng hành chính về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm*, tại trang <https://vbqpq.toaan.gov.vn/webcenter/portal/htvb/chi-tiet-vbdt?dDocName=TAND136778>, [truy cập ngày 23/01/2024].
107. Tòa án nhân dân tối cao (2023), *Quyết định giám đốc thẩm số 01/2023/QĐ-KDTM ngày 06/3/2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Hà Nội.

108. Tòa án nhân dân tối cao (2024), *Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án*, tại trang <https://congbobanan.toaan.gov.vn/0t15at1cvn/Tra-cu-ban-an>, [truy cập ngày 14/01/2024].
109. Nguyễn Thị Linh Trang (2020), “Về áp dụng lỗi, lỗi suất trong bản án, quyết định của Tòa án”, *Tạp chí Kiểm sát*, (20).
110. Trần Văn Trung (2008), *Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa*, tại trang <https://www.vksndtc.gov.vn/tin-tuc/vi-tri-chuc-nang-nhiem-vu-co-cau-to-chuc-va-can-bo-t7842.html>, [truy cập ngày 06/5/2023].
111. Truyền hình Quốc hội (2023), *Giám đốc thẩm - nguy cơ trở thành cấp xét xử thứ 3*, tại trang <https://www.youtube.com/watch>, [truy cập ngày 22/01/2024].
112. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2019), *Giáo trình Lý luận chung về Viện kiểm sát và công tác kiểm sát*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
113. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2019), *Giáo trình kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự và những việc khác theo quy định của pháp luật*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
114. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Giáo trình Luật Ngân hàng*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
115. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Luật học Việt Nam, những vấn đề đương đại*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
116. Đào Trí Úc (2011), “Về Viện kiểm sát ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (7).
117. Đào Trí Úc (2022), “Tăng cường vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong kiểm soát quyền lực nhà nước, kiểm soát quyền tư pháp”, *Tạp chí Kiểm sát*, (2).
118. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025), Nghị quyết 1403/NQ-UBTVQH phê chuẩn bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
119. Võ Khánh Vinh (2021), “Chiến lược phát triển pháp luật Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045: Lý luận và thực tiễn”, *Hội thảo khoa học*, Hà Nội.

120. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội (2019), *Nhận diện vi phạm, tội phạm thông qua thực tiễn kiểm sát việc giải quyết các vụ án trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng khu vực phía Bắc*, Hội nghị chuyên đề, Hà Nội.
121. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội (2021), *Đấu tranh phòng chống vi phạm, tội phạm trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng qua thực tiễn công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao- Thực trạng và giải pháp*, Đề tài cấp Bộ, Hà Nội.
122. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội (2016-2022), *Báo cáo Tổng kết công tác kiểm sát từ năm 2016-2022*, Hà Nội.
123. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội (2023), *Thực tiễn kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*, Tham luận tại Hội thảo “Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng”, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ngân hàng Nhà nước, Đà Nẵng.
124. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (2016 - 2022), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2016-2022*, Đà Nẵng.
125. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (2022), *Nhận diện vi phạm, tội phạm trong hoạt động ngân hàng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên*, Hội nghị Chuyên đề, Đà Nẵng.
126. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (2023), “Thực tiễn kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng”, *Hội thảo Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Đà Nẵng.
127. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (2016 - 2022), *Báo cáo tổng kết công tác Kiểm sát năm 2016- 2022*, Thành phố Hồ Chí Minh.
128. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (2023), “Thực tiễn kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại về

tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh”, *Hội thảo Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Đà Nẵng.

129. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1960), *Tờ trình về Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960*, Hà Nội.
130. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Quyết định số 10/QĐ-VKSTC-V10 ngày 20/11/2015 của Viện trưởng VKSND tối cao về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Vụ Kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật (Vụ 10)*, Hà Nội.
131. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2018), *Chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn mới - Nhận thức và thực tiễn*, Đề tài Khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
132. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2020), *Lịch sử Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
133. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2020), *Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 31/12/2020 về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2021*, Hà Nội.
134. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2021), *Nâng cao chất lượng công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Đề án cấp Bộ, Hà Nội.
135. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2022), *Thông báo rút kinh nghiệm về kiểm sát việc giải quyết vụ án dân sự*, tại trang <https://www.vksndtc.gov.vn/tin-tuc/cong-tac-kiem-sat/>, [truy cập ngày 16/01/2024].
136. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2023), *Nghiên cứu tổ tụng công ích ở Trung Quốc và vai trò của Viện kiểm sát nhân dân Trung Quốc trong tổ tụng công ích- Bài học kinh nghiệm và đề xuất, kiến nghị đối với Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam*, Đề án Khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

137. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2023), *Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng*, tại trang <https://www.vksndtc.gov.vn/cong-tac-kiem-sat/>, [truy cập ngày 15/9/2023].
138. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2023), “Một số vấn đề về công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng”, *Hội thảo Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Đà Nẵng.
139. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2023), *Báo cáo số 94/BC-VKSTC ngày 18/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tổng kết thi hành Luật Đất đai năm 2013 trong ngành Kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.
140. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2025), Quyết định số 174/QĐ-VKSTC ngày 22/4/2025 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Vụ Kiểm sát án hành chính, kinh doanh thương mại;
141. Vụ Kiểm sát thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2023), “Thực trạng việc xử lý tài sản bảo đảm thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án đối với các bản án, quyết định kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng”, *Hội thảo Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Đà Nẵng.
142. Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Vụ 10 (2022), *Hướng dẫn số 25/HD-VKSTC ngày 18/4/2022 về một số nội dung kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, Hà Nội.
143. Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Vụ 10, *Báo cáo Tổng kết công tác Kiểm sát năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024*, Hà Nội.
144. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Thông báo số 49/TB-VC3-V4 ngày 15/9/2022 rút kinh nghiệm các bản án, quyết định trong lĩnh vực giải quyết án kinh doanh, thương mại, lao động bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy, sửa 6 tháng đầu năm 2022*, thành phố Hồ Chí Minh.

145. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2023), “Nhận diện một số vi phạm trong ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng và ký kết thực hiện giao dịch bảo đảm dẫn đến tranh chấp hợp đồng tín dụng thông qua thực tiễn kiểm sát việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng”, *Hội thảo Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Đà Nẵng.
146. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chi nhánh Nghệ An (2023), *Quy chế phối hợp số 01/QCPH/VKSND/NHNN ngày 06/10/2023 trong công tác phát hiện, chuyển giao, tiếp nhận và giải quyết nguồn tin tội phạm, các vụ việc liên quan đến lĩnh vực ngân hàng*, Nghệ An.
147. Vụ Pháp chế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, (2023), “Một số kiến nghị, đề xuất trong kiểm sát giải quyết tranh chấp vụ án tín dụng ngân hàng và các giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa Ngân hàng nhà nước và Viện kiểm sát nhân dân”, *Hội thảo Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Đà Nẵng.
148. Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2023), “Thực trạng pháp luật về xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 qua công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng”, *Hội thảo Hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng tín dụng*, Đà Nẵng.
149. Vũ Thị Hồng Yến (2013), *Tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

Tài liệu nước ngoài

150. Arnold & Porte LLP (8/2015), *US Regulation of Bank Lending*, <https://files.arnoldporter.com/usregulationofbanklending.pdf>
151. Christopher L. Allen (2015), *The morden contract of guarrantees*.

152. Douglas J. Whaley and Stephen M. McJohn (2010), *Problems and Materials on secured transactions*.
153. Edward W. Reed, Edward K. Gill (1989), *Commercial Banking*, Prentice Hall;
154. EBRD (2008), *Mortgages in transition economies*.
155. Jonh Carvan & Jonh Gooley, *A guide to bussiness law*, US Regulation of Bank Lending.
156. LS Sealy và RJA Hooley (2003) *Commercial Law -Text, Cases and Materials*, US Regulation of Bank Lending.
157. LS Sealy và RJA Hooley (2003), *Commercial Law -Text, Cases and Materials*, US Regulation of Bank Lending.
158. National People's Congress (2019), *Law on organic of procuracy of China*
159. National People's Congress (2018), *Constitution of the People's Republic of China*.
160. National People's Congress (2002), *Civil Procede of Russia*.
161. Peter Clarke (1995), *Asset- Based lending*, Irwin Professional Pub.
162. Prosecutorial Magazine (2023), *The Supreme's Procuratorate of the People's Republic of China*;
163. Prosecutorial Magazine (2023), *The position, role, functions and task of the prosecution authoritiers of Asean countries and China*.
164. Sealy and RJA Hooley (2003), *Commercial Law -Text, Cases and Materials*.
165. Thomson Reuters (2003), *The morden contract of guarrantees*.
166. Vietlaw and Legal Forum (2023), *Improving the effectiveness of settlement of business and commercial disputes involving foreign elements at Vietnamese courts*, at page <https://vietnamlawmagazine.vn/>, [date 02/7/2023].

Phụ lục số 01
CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN CỦA NGÀNH THƯỜNG
ÁP DỤNG KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN KINH DOANH,
THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

I. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN CỦA NGÀNH VỀ THỦ
TỤC TỔ TỤNG GIAI ĐOẠN GIÁM ĐỐC THẨM

STT	Tên văn bản	Ngày có hiệu lực
1.	Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015	01/7/2016
2.	Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16/3/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về việc công bố bản án, quyết định lên cổng thông tin điện tử của Tòa án.	01/7/2017
3.	Thông tư số 03/2013/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/10/2013 của VKSND tối cao, TAND tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.	15/10/2013
4.	Quyết định số 10/QĐ-VKSTC-V10 ngày 20/11/2015 của Viện trưởng VKSND tối cao về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Vụ 10	20/11/2015
5.	Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của VKSND, TAND và công tác thi hành án.	11/01/2020
6.	Thông tư số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.	31/8/2016
7.	Quyết định số 364/QĐ-VKSTC ngày 02/10/2017 của VKSND tối cao về việc ban hành Quy chế công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự.	02/10/2017
8.	Giải đáp số 70/VKSTC-V14 ngày 05/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 14) về vướng mắc trong việc áp dụng quy định của BLTTDS năm 2015 và nghiệp vụ kiểm sát các vụ việc dân sự trong ngành Kiểm sát nhân dân.	05/01/2018
9.	Hướng dẫn số 28/HD-VKSTC ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Vụ 10) quy định về lập hồ sơ kiểm sát giải quyết vụ án hành chính; vụ việc kinh doanh thương mại, lao động; phá sản....	19/10/2018
10.	Quy định số 02/QyĐ-VKSTC ngày 26/10/2018 của VKSND	26/10/2018

	tối cao về việc VKSND tối cao xem xét, giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm khi đã có thông báo không kháng nghị của VKSND cấp cao	
11.	Hướng dẫn số 29/HD-VKSTC ngày 01/11/2018 về phát hiện vi phạm và thực hiện quyền kháng nghị đối với những vi phạm trong việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại...	01/11/2018
12.	Hướng dẫn số 32/HD-VKSTC ngày 30/11/2018 về việc tham gia, tham dự phiên tòa dân sự, hôn nhân và gia đình, hành chính, kinh doanh, thương mại, lao động rút kinh nghiệm.	30/11/2018
13.	Quyết định số 201/QĐ-VKSTC ngày 20/5/2019 của VKSND tối cao về việc ban hành quy định về quy trình tiếp nhận, phân loại, thụ lý, xử lý và giải quyết đơn đề nghị xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.	20/5/2019
14.	Quyết định số 399/QĐ-VKSTC ngày 06/9/2019 của VKSND tối cao ban hành Quy định về quy trình, kỹ năng kiểm sát bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của Tòa án.	06/9/2019
15.	Quyết định số 599/QĐ-VKSTC ngày 06/12/2019 của VKSND tối cao về việc ban hành Quy chế công tác hướng dẫn, giải đáp vướng mắc về pháp luật, nghiệp vụ, báo cáo thỉnh thị, trả lời thỉnh thị trong ngành Kiểm sát nhân dân.	06/12/2019
16.	Quyết định số 139/QĐ-VKSTC ngày 29/4/2020 VKSND tối cao về Hệ thống chi tiêu cơ bản đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân.	29/4/2020
17.	Quyết định số 222/QĐ-VKSTC ngày 17/6/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao	17/6/2020
18.	Quyết định số 371/QĐ-VKSTC ngày 15/10/2020 của VKSND tối cao về việc ban hành quy định hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự.	15/10/2020
19.	Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 31/12/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2021.	31/12/2020
20.	Hướng dẫn số 20/HD-VKSTC ngày 23/02/2021 của VKSND tối cao về Hoạt động phát biểu của Kiểm sát viên khi tham gia phiên tòa xét xử vụ án dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động.	23/02/2021
21.	Chỉ thị số 07/CT-VKSTC ngày 06/8/2021 của VKSND tối cao tiếp tục tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án dân sự, vụ án hành chính.	06/8/2021

22.	Quyết định số 410/QĐ-VKSTC ngày 25/11/2021 của VKSND tối cao về việc ban hành Hệ thống biểu mẫu tố tụng, nghiệp vụ trong công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự...	25/11/2021
23.	Chỉ thị số 05/CT-VKSTC ngày 18/10/2022 của Viện trưởng VKSND tối cao về thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc dân sự.	18/10/2022

II. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN CỦA NGÀNH VỀ NỘI DUNG KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Các văn bản pháp luật về nội dung thường được áp dụng để kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp hợp đồng tín dụng

STT	Tên văn bản	Ngày có hiệu lực
1.	Bộ luật Dân sự năm 2015	01/01/2017
2.	Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010	01/01/2011
3.	Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017	01/01/2011 15/01/2018
4.	Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024	01/7/2024
5.	Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012	01/01/2013
6.	Luật Doanh nghiệp năm 2020	01/01/2021
7.	Luật Hợp tác xã năm 2023	01/7/2024
8.	Luật Đất đai năm 2013	01/7/2014
9.	Luật Đất đai năm 2024	01/8/2024
10.	Luật Nhà ở năm 2014	01/7/2015
11.	Luật Nhà ở năm 2023	01/7/2024
12.	Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014	01/01/2015
13.	Luật Công chứng năm 2014	01/01/2015
14.	Luật Chứng khoán năm 2019	01/01/2021
15.	Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2013	01/6/2006 01/01/2014
16.	Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm	15/3/2019
17.	Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.	15/08/2017
18.	Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội	01/07/2018

	đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân.	
19.	Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về thành lập tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam	09/7/2013
20.	Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	27/01/2007
21.	Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm	10/04/2012
22.	Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam	01/12/2010
23.	Thông tư Liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.	15/7/1997
24.	Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng Tổ chức tín dụng	01/5/2011
25.	Thông tư số 24/2012/TT-NHNN ngày 23/8/2012 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 (nêu trên).	23/8/2012
26.	Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng	15/03/2017
27.	Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN (nêu trên)	01/9/2023
28.	Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	01/01/2016
29.	Thông tư số 42/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-NHNN (nêu trên)	01/01/2019
30.	Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	15/10/2017
31.	Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 01/12/2016 của TAND tối cao về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong HĐTD kể từ	01/12/2016

	ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm	
32.	Án lệ số 11/2017/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 14/12/2017 về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà trên đất có tài sản không thuộc sở hữu của bên thế chấp	28/12/2017
33.	Án lệ số 36/2020/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 05/02/2020 về hiệu lực của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thu hồi, hủy bỏ	25/02/2020
34.	Án lệ số 43/AL/2021 được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 24/02/2021 về hiệu lực của hợp đồng thế chấp trong trường hợp tài sản thế chấp là nhà đất do bên thế chấp nhận chuyển nhượng từ người khác nhưng chưa thanh toán đủ tiền cho bên bán	15/04/2021
35.	Hướng dẫn số 25/HD- VKSTC ngày 18/4/2022 của VKSND tối cao về một số nội dung kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về “ <i>Tranh chấp hợp đồng tín dụng</i> ”	18/4/2022
36.	Hướng dẫn số 17/HD- VKSTC ngày 31/8/2023 của VKSND tối cao về một số nội dung kiểm sát việc giải quyết vụ việc kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài	31/8/2023
37.	Công văn số 76/VKSTC-V14 ngày 09/02/2018 của VKSND tối cao giải đáp vướng mắc về lãi suất trong bản án kinh doanh, thương mại	09/02/2018
38.	Công văn số 6183/VKSTC-V14 ngày 25/12/2019 của VKSND tối cao giải đáp vướng mắc về pháp luật về dân sự, hành chính	25/12/2019
39.	Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề về nghiệp vụ.	07/4/2017
40.	Công văn số 152/TANDTC-PC ngày 19/7/2017 của TAND tối cao về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, xử lý nợ xấu	19/7/2017
41.	Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tổ tụng hành chính	03/4/2019
42.	Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của TAND tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong xét xử.	02/8/2021
43.	Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của TAND tối cao thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử.	03/10/2023

Phụ lục số 02
DANH SÁCH CÁC QUYẾT ĐỊNH GIÁM ĐỐC THẨM CỦA HỘI
ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO GIẢI QUYẾT
VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI VỀ TRANH CHẤP HỢP
ĐỒNG TÍN DỤNG TỪ NĂM 2017 ĐẾN 2023¹

STT	Quyết định số, ngày, của Tòa án	Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan	Nội dung	Ghi chú
Năm 2017				
1.	01/2017/KDTM-GĐT ngày 01/3/2017	-Nguyên đơn (NĐ): Ngân hàng X -Bị đơn (BD): Công ty V -Người có quyền và nghĩa vụ liên quan (NLQ): Ông Trần Duyên H, ông Trần Lưu H...	- Ngân hàng không xem xét nguồn gốc căn nhà 3,5 tầng trên thửa đất thế chấp là thiếu sót; - Cấp sơ thẩm không tuyên phát mãi nhà 3,5 tầng là thiếu sót; - Cấp phúc thẩm tuyên vô hiệu 1 phần hợp đồng thế chấp là không đúng. - Tuyên lãi chồng lãi là không đúng.	Quyết định giám đốc thẩm này được phát triển thành Án lệ số 11/2017/AL
2.	02/2017/KDTM-GĐT ngày 01/3/2017	-NĐ: Ngân hàng D -BD: Công ty T -NLQ: Ông Nguyễn Văn X, ông Vũ Đình L...	- Có dấu hiệu hình sự lợi dụng lòng tin chiếm đoạt tài sản thông qua các hợp đồng vay tiền ít hơn, những Công ty T lại vay số tiền nhiều hơn, không hợp với ý chí của gia đình ông X, gia đình ông L, nên phải tạm đình chỉ, chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra làm rõ.	
3.	07/2017/KDTM-GĐT ngày 12/5/2017	-NĐ: Ngân hàng P -BD: Ông Đoàn Minh H, chủ DNTN L -NLQ: Bà Nguyễn Thị H, ông Đoàn Văn A..	- Tuyên lãi chồng lãi không đúng; - Tuyên lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường không đúng - Chưa đủ cơ sở tuyên hợp đồng cầm cố cổ phần vô hiệu; - Có dấu hiệu hình sự nhưng Tòa án không chuyển cơ quan điều tra.	- Chấp nhận kháng nghị của VKSND tối cao
4.	08/2017/KDTM-GĐT ngày 19/5/2017	-NĐ: Ngân hàng V -BD: Công ty T -NLQ: Ông Trần Văn	- Đình chỉ xét xử phúc thẩm do bị đơn vắng mặt lần 2 không đúng, vì chưa	

¹ Đối với quyết định giám đốc thẩm của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, do phạm vi giới hạn của Luận án, nghiên cứu sinh xin phép không liệt kê theo từng năm mà chỉ nêu và phân tích trong từng vi phạm cụ thể trong nội dung của Luận án.

		K, bà Nguyễn Thị Phi O...	tổng đạt hợp lệ; - Tuyên lải chồng lải không đúng.	
5.	09/2017/KDTM-GĐT ngày 19/5/2017	-NĐ: Ngân hàng N -BD: Bà Trương B, Chủ Doanh nghiệp tư nhân T -NLQ: Ông Nguyễn Văn V, ông Tô Văn Đ...	- Có 17/20 hợp đồng thế chấp không đăng ký giao dịch bảo đảm, Tòa án chưa xem xét, làm rõ mà vẫn tuyên xử lý TSTC là không đúng - Có một số TSTC thuộc hộ gia đình, nhưng Tòa án chưa xác minh làm rõ ai có quyền về tài sản để đưa họ vào tham gia tố tụng - Một số hợp đồng thế chấp của bên thứ ba không phải chữ ký của có tài sản, nhưng Tòa án vẫn tuyên xử lý toàn bộ TSTC là không đúng.	
6.	10/2017/KDTM-GĐT ngày 19/5/2017	-NĐ: Ngân hàng N -BD: Công ty A -NLQ: Bà Lê Thu H, ông Lê Văn P...	- TSTC của cả gia đình đồng con, đã thỏa thuận phân chia nhưng chưa làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ); - Hồ sơ không thể hiện ngân hàng có thẩm định tài sản không. - Tòa án không xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định người đang quản lý, sử dụng để đưa họ tham gia tố tụng và tài sản trên đất để giải quyết triệt để vụ án.	
7.	11/2017/KDTM-GĐT ngày 22/5/2017	-NĐ: Ngân hàng E -BD: Công ty C -NLQ: Ông Phùng Tô H, ông Lê Văn T...	- Tuyên lải chồng lải không đúng; - Có 02 nhà trên đất không thế chấp nhưng chưa được xem xét - Tuyên bị đơn trả lải do chậm thi hành án không đúng, vì Công ty C đã trả lải theo HĐTD - Xác định tư cách tố tụng chi nhánh và cá nhân không đúng.	
8.	12/2017/KDTM-GĐT ngày 22/5/2017	-NĐ: Ngân hàng K -BD: Công ty Q -NLQ: Ông Trần Thanh Q, ông Nguyễn Thị H...	- Chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để làm rõ nguồn gốc tài sản và đưa những người đang ở trên TSTC tham gia tố tụng;	

			- Chưa thu thập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định tài sản chung của vợ chồng hay tài sản riêng.	
9.	13/2017/KDTM-GĐT ngày 22/5/2017	-NB: Ngân hàng V -BD: Bà Bùi Hữu N, Hò Thị L -NLQ: Bà Bùi Thị G, bà Hoàng Thị Mỹ Lệ H...	- Tính lãi trên số tiền chậm trả là lãi chồng lãi; - Cộng tiền lãi vào nợ gốc để tiếp tục tính lãi là lãi chồng lãi; - Chưa xác minh trên đất có tài sản gì để xử lý triệt để vụ án; - Tuyên bị đơn phải chịu lãi trên số tiền chưa thi hành án (gồm cả nợ lãi trong hạn, quá hạn, phạt do chậm trả lãi) là không đúng.	
10.	19/2017/KDTM-GĐT ngày 23/6/2017	-NB: Ngân hàng N -BD: Công ty K -NLQ: Bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Đăng D.	- Tuyên lãi suất bị đơn phải chịu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là không đúng mà phải theo lãi suất thảo thuận tại hợp đồng tín dụng.	
11.	22/2017/KDTM-GĐT ngày 14/7/2017	-NB: Ngân hàng C -BD: Công ty B -NLQ: Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Hoàng Ngọc M...	- Kháng nghị nhận định Tòa án phúc thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng là không đúng; - Kháng nghị nhận định hợp đồng thế chấp vô hiệu không đúng, TSTC sau khi thi hành, phần còn lại vẫn bảo đảm cho HĐTD; - Bản án đã được thi hành xong.	- Không chấp nhận kháng nghị của VKSND tối cao
12.	25/2017/KDTM-GĐT ngày 06/9/2017	-NB: Ngân hàng S -BD: Công ty T -NLQ: Ông Lê Thanh H- Chủ DNTN T	- Chưa làm rõ hợp đồng chuyển nhượng TSTC có hiệu lực không để xác định trách nhiệm của đương sự với ngân hàng; - Chấp nhận lãi chồng lãi là không đúng - Thiếu người tham gia tố tụng.	
13.	26/2017/KDTM-GĐT ngày 07/9/2017	-NB: Ngân hàng C -BD: Bà Đinh Hồng Q- giám đốc Xi nghiệp H -NLQ: Bà Vũ Thị G, ông Đinh Hồng Q...	- Buộc bị đơn phải chịu lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định là không đúng; - Án tuyên kể từ ngày bản án có hiệu lực là không đúng mà phải tuyên kể từ ngày xét xử sơ thẩm.	- Chấp nhận 1 phần kháng nghị của VKSND tối cao, sửa 1 phần bản án phúc thẩm.

Năm 2018				
14.	02/2018/KDTM-GĐT ngày 16/5/2018	-NĐ: Ngân hàng N -BĐ: Công ty T -NLQ: Bà Lê Minh T.	- Không đưa ông Lim Kil C, chồng bà T tham gia tố tụng là thiếu sót - Không có ý kiến định đoạt của ông C đối với 05/22 thửa đất; - Chưa làm rõ ông C có hiểu tiếng Việt, văn bản cam kết tài sản có thể hiện đúng ý chí ông C không.	
15.	04/2018/KDTM-GĐT ngày 18/5/2018	-NĐ: Ngân hàng S -BĐ: Ông Lê Thanh H- Chủ DNTN T -NLQ: Công ty T	- Phạt lỗi chồng lỗi - Không hoà giải tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng; - Không yêu cầu nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung.	
16.	05/2018/KDTM-GĐT ngày 18/5/2018	-NĐ: Ngân hàng C -BĐ: Ông Nguyễn Văn C, bà Vũ Thị T	- Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm tuyên vô hiệu HĐTC với lý do đối tượng hợp đồng không còn do Nhà nước thu hồi, huỷ bỏ GCNQSDĐ do sai sót diện tích và trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, - Việc thu hồi GCNQSDĐ trong trường hợp này không làm mất đi quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn.	Quyết định giám đốc thẩm này được phát triển thành Án lệ số 36/2020/AL
17.	06/2018/KDTM-GĐT ngày 16/7/2018	-NĐ: Ngân hàng TT -BĐ: Công ty MT	- Bảo lãnh không đúng - Vượt quá phạm vi thế chấp, - Thiếu người tham gia tố tụng.	
18.	09/2018/KDTM-GĐT ngày 10/8/2018	-Ngân hàng S; -BĐ: Bà Đỗ Thị L, ông Nguyễn Thanh H -NLQ: Bà Mai Thị Thuý N	- Tòa án phúc thẩm xác định tài sản chung không đúng - Chưa làm rõ tư cách của người kháng cáo (tư cách là người liên quan hay là người thừa kế tố tụng).	
Năm 2019				
19.	01/2019/KDTM-GĐT ngày 11/01/2019	-NĐ: Ngân hàng N -BĐ: Bà Nguyễn Thị L-Chủ DNTN Đ -NLQ: Bà Phạm Thị Kim H, Dương Quốc K	- Tính lãi quá hạn theo từng thời điểm không đúng HĐTD; - Tuyên HĐTC vô hiệu do người thế chấp chưa thanh toán đủ tiền cho người bán là không đúng.	Quyết định giám đốc thẩm này được phát triển thành Án lệ số 43/2021/AL
20.	03/2019/KDTM-GĐT ngày 03/4/2019	- NĐ: Ngân hàng S - BĐ: Công ty Đ	- Không đưa người chồng vào tham gia tố tụng	

		- NLQ: Bà Nguyễn Thị C, ông Ngô Đức T2...	- Lãi chồng lãi, phạt chồng phạt - Có dấu hiệu hình sự nhưng vẫn xử lý theo thủ tục dân sự.	
21.	04/2019/KDTM-GĐT ngày 03/4/2019	- NĐ: Ngân hàng SC - BD: Công ty VP - NLQ: Ngân hàng Đ, bà Q- Chủ DNTN VP, ông S...	- Chưa xem xét việc có điều chỉnh lãi suất không; - Không xem xét phạm vi bảo lãnh tài sản thế chấp.	
22.	06/2019/KDTM-GĐT ngày 26/2/2019	- NĐ: Ngân hàng C - BD: Công ty KM - NLQ: Bà Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Th...	- Không xem xét thẩm định tại chỗ; - Không xử lý hậu quả của việc thi hành án - Phạt vi phạm trên khoản tiền lãi là không đúng.	
23.	06/2019/KDTM-GĐT ngày 3/4/2019	- NĐ: Ngân hàng X - BD: Ông Bạch Ngọc Th - NLQ: Công ty TL, Nguyễn Thị H...	- Công ty TL giải thể, NĐ khởi kiện thành viên công ty là đúng, - TA sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án không đúng.	
24.	07/2019/KDTM-GĐT ngày 26/6/2019	- NĐ: Ngân hàng N - BD: Bà Lương Thị L, Lương Thị T	- Xác định bị đơn là thành viên Công ty T đã giải thể là không đúng, mà phải xác định bị đơn là Công ty T; thành viên là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng; - Lãi chồng lãi. - Chưa thu thập đầy đủ chứng cứ nhưng đã xác định hợp đồng thế chấp vô hiệu do không được công chứng là chưa đủ cơ sở. - Không đưa Công ty I trúng đấu giá TSTC vào tham gia tố tụng là thiếu sót - Không xác minh làm rõ khoản đầu tư thêm vào TSTC hơn chục tỷ đồng là thiếu sót.	
Năm 2020				
25.	01/2020/KDTM-GĐT ngày 13/2/2020	- NĐ: Ngân hàng X - BD: Công ty VT - NLQ: Ông Trần Duyên H, bà Lưu Thị Minh N...	- HĐTC vô hiệu 1 phần là không đúng, phải xử lý TSTC theo hợp đồng và dành quyền ưu tiên mua căn nhà cho chủ sở hữu.	- Đã có Án lệ 11/2017/AL đối với vụ án này nhưng vẫn xét xử sai
26.	02/2020/KDTM-GĐT ngày 19/2/2020	- NĐ: Ngân hàng Đ - BD: Công ty NTT - NLQ: Ông Lương H	- Huỷ vì tố tụng. TACC chấp nhận kháng nghị của VKSND CC không đúng do hết thời hạn kháng nghị.	- Chấp nhận 1 phần kháng nghị của

				VKSNDTC
27.	03/2020/KDTM-GĐT ngày 26/2/2020	- NĐ: Ngân hàng V - BD: Công ty ZT - NLQ: Ông Nguyễn Xuân C, bà Phùng Thị T...	- Tòa án phúc thẩm huỷ toàn bộ BAST không đúng, vì chỉ có kháng cáo phần TSTC; - TSTC của hộ gia đình, TA tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu do có 02/06 người trong hộ gia đình không ký hợp đồng thế chấp, nhưng không xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu là không xử lý triệt để vụ án.	
28.	06/2020/KDTM-GĐT ngày 26/2/2020	- NĐ: Ngân hàng V - BD: Công ty KM - NLQ: Ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Th...	- TSTC không còn của bà H, không xem xét thẩm định tại chỗ, không xử lý hậu quả của việc thi hành án trước đó. - Không đưa người nhận chuyển nhượng tài sản vào tham gia tố tụng. - Lỗi chồng lỗi.	
29.	07/2020/KDTM-GĐT ngày 26/2/2020	- NĐ: Ngân hàng S - BD: Công ty TĐP - NLQ: Ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Thuý Ng...	- Không đủ chứng cứ xác định TSTC của vợ chồng là tài sản chung hợp nhất của nhiều người, nên Tòa án sơ thẩm tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu là không đủ căn cứ.	
30.	16/2020/KDTM-GĐT ngày 15/9/2020	- NĐ: Ngân hàng N - BD: Công ty TH	- BD phản tố yêu cầu Ngân hàng N bồi thường do Ngân hàng có lỗi trong việc bảo quản và bán hạt Điều, - Toà án GĐT cấp cao xác định không đúng tính chất, mức độ lỗi, khối lượng hao hụt và giá thị trường, huỷ án sơ thẩm, phúc thẩm không đúng.	- BD phản tố, yêu cầu ngân hàng bồi thường thiệt hại. Ít có trường hợp phản tố này
31.	19/2020/KDTM-GĐT ngày 15/9/2020	- NĐ: Ngân hàng L - BD: Công ty LT - NLQ: Ông Nguyễn Hữu P, ông Hồ A, bà Nguyễn Thị L...	- Toà án GĐT cấp cao xác định phạm vi thế chấp chỉ bảo đảm cho 1 HĐTD là không đúng, mà phải bảo đảm cho tất cả các khoản vay của bị đơn.	
Năm 2021				
32.	02/2021/KDTM-GĐT ngày 28/4/2021	- NĐ: Ngân hàng N - BD: Công ty CR	- 03 HĐTC thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, chứng nhận, tuy	

			nhiên HĐTC này chưa đăng ký. - TA phúc thẩm, sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử lý tài sản thế chấp là không đúng.	
33.	09/2021/KDTM-GĐT ngày 15/7/2021	-NĐ: Ngân hàng SC -BĐ: Công ty TH	- Xác định không đúng loại hợp đồng bảo đảm, nên xác định sai chủ thể phải bồi thường. - TA phúc thẩm huỷ án sơ thẩm không đúng.	
34.	16/2021/KDTM-GĐT ngày 06/12/2021	- NĐ: Ngân hàng N - BĐ: Công ty PV -NLQ: Ông L, bà K, ông Tr	Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm tuyên vô hiệu HĐTC (xe Ford) không đúng.	
35.	17/2021/KDTM-GĐT ngày 08/12/2021	- NĐ: Công ty PTN - BĐ: Ngân hàng W	- Nhận định HĐTC có hiệu lực là không đúng. - Nhận định không có căn cứ ghi nhận sự tự nguyện của đương sự trả 21,3 tỷ Won là không đúng.	Không chấp nhận kháng nghị của VKS
36.	19/2021/KDTM-GĐT ngày 08/12/2021	- NĐ: Ngân hàng D - BĐ: Công ty TNHH S NLQ: Công ty CP S	Nợ lãi nhập vào vốn vay để tiếp tục tính lãi là không đúng pháp luật.	
Năm 2022				
37.	01/2022/KDTM-GĐT ngày 22/3/2022	-NĐ: Ngân hàng N -BĐ: Công ty TT	- HĐTC vô hiệu, hợp đồng mua bán nợ có hiệu lực, - Việc thế chấp có hạn mức bảo đảm, không đưa người liên quan vào tham gia tố tụng.	
38.	02/2022/KDTM-GĐT ngày 22/3/2022	-NĐ: Công ty TP -BĐ: Công ty NSG -NLQ: Ngân hàng N ...	- Chứng thư thẩm định giá vẫn còn hiệu lực, - Người thứ ba mua đấu giá ngay tình cần được bảo vệ.	Cả NĐ, BĐ, NLQ đều yêu cầu huỷ quyết định giám đốc thẩm của TAND cấp cao
39.	04/2022/KDTM-GĐT ngày 29/3/2022	-NĐ: Ngân hàng S -BĐ: Bà Lê Thị Tuyết N -NLQ: Bà Vũ Thị Thu H ...	Chưa đủ cơ sở tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu.	
40.	07/2022/KDTM-GĐT ngày 29/4/2022	-NĐ: Công ty VAMC -BĐ: Ông Vũ Hải A -NLQ: Công ty AM ...	- Không giải quyết hậu quả của việc huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng vốn góp là không đúng, - Gây thiệt hại cho bị đơn.	Chấp nhận một phần kháng nghị của VKSTC
41.	09/2022/KDTM-GĐT ngày 24/8/2022	-NĐ: Bà Đinh Thị T -BĐ: Ngân hàng N	Tòa án GĐT cấp cao không chấp nhận thanh	

		-NLQ: Công ty MN ...	toán theo Thư bảo lãnh của Ngân hàng N là không đúng.	
42.	16/2022/KDTM-GĐT ngày 13/12/2022	-NĐ: Ngân hàng SC -BĐ: Công ty Mía MP -NLQ: Công ty TTP, Doanh nghiệp tư nhân VP ...	BĐ thế chấp tài sản cho BIDV, nhưng Tòa án không đưa BIDV vào tham gia tố tụng là thiếu sót	
43.	18/2022/KDTM-GĐT ngày 13/12/2022	-NĐ: Ngân hàng Q -BĐ: Công ty TH -NLQ: Bà Vũ Thị Thu H ...	- TA tái thẩm cấp cao nhận định HĐTC không rõ ràng là không đúng. - Việc chấp nhận quyết định KN tái thẩm là không đúng, vì không có tình tiết mới.	
Năm 2023				
44.	01/2023/KDTM-GĐT ngày 06/3/2023	- NĐ: Công ty VAMC -BĐ: Công ty QM -NLQ: Ông Phạm D, bà Nguyễn Thị B ...	- Tòa án GĐT cấp cao xác định không đúng phạm vi bảo lãnh thế chấp có hạn mức là không đúng. - Phạm vi thế chấp đảm bảo cho mọi nghĩa vụ mới chính xác.	
45.	06/2023/KDTM-GĐT ngày 22/9/2023	- NĐ: Ngân hàng A -BĐ: Ông Tổng Hoàng A, Chủ DN tư nhân PT -NLQ: Bà Lê Thùy D ...	- Chưa đủ cơ sở xác định ngân hàng A là người thứ ba ngay tình. - Chưa đủ cơ sở xác định hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.	
Năm 2024				
46.	04/2024/KDTM- GĐT ngày 10/01/2024	- NĐ: Ngân hàng A -BĐ: Công ty VL -NLQ: Ông Phạm D, bà Nguyễn Thị B ...	- Tài sản thế chấp không còn, Tòa án không xử lý hậu quả của việc thi hành án. - Tòa án cấp GĐT không xác minh TSBĐ.	Giống Quyết định GĐT 06/2019/KDTM- GĐT ngày 26/2/2019
47.	15/2024/KDTM- GĐT ngày 22/9/2023	- NĐ: Ngân hàng Đ -BĐ: Công ty X -NLQ: Ông Hồ Ngọc H ...	- Việc Ngân hàng bán toàn bộ khoản nợ của Công ty X cho bà C mà không báo trước cho Công ty X, ông H là không đúng điểm c Khoản 4 Điều 15 Hợp đồng thế chấp - Không giải quyết triệt để vụ án, không giải quyết yêu cầu độc lập của ông H là không đúng - Công ty X có nhiều văn bản đề nghị được	

			ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giảm lãi... do bị ảnh hưởng dịch Covid-19 theo quy định pháp luật, song Ngân hàng đã bán quyền đòi nợ và quyền định đoạt TSBĐ cho bà C, nên ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của Công ty X, ông Hồ Ngọc H.	
--	--	--	---	--

PHỤ LỤC 03:

BẢNG KHẢO SÁT

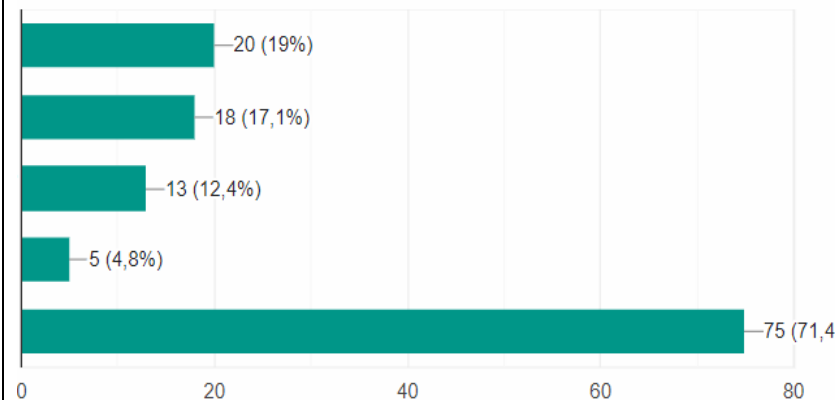
Nghiên cứu sinh đang nghiên cứu Đề tài luận án: “*Cơ sở lý luận và thực tiễn kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam*” tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Để có cái nhìn đa chiều về đề tài này, Nghiên cứu sinh xây dựng 26 câu hỏi khảo sát liên quan trên nền tảng Google Form gửi đến các Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư, Giảng viên, Chuyên viên pháp lý của tổ chức tín dụng, Công chứng viên... đã từng tham gia giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng hoặc những người có kiến thức chuyên sâu liên quan đến đề tài luận án tại nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước. Kết quả có 105 người tham gia khảo sát, kết quả cụ thể như sau:

I. NHÓM CÂU HỎI CHUNG VỀ VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI TRONG LĨNH VỰC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

I. NHÓM CÂU HỎI CHUNG VỀ VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI TRONG LĨNH VỰC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

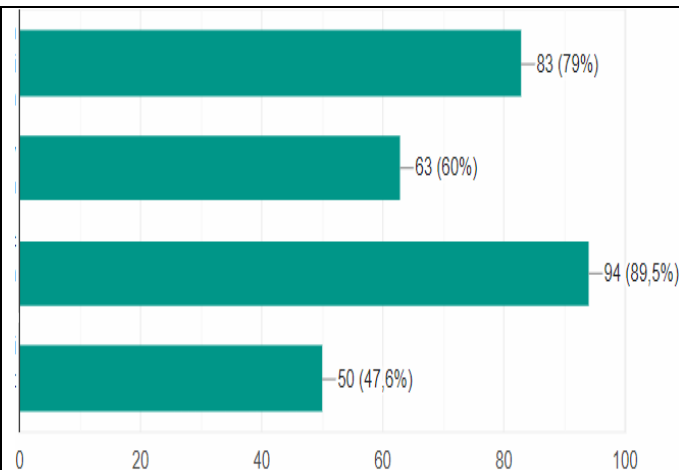
Câu 1: Theo Anh/ Chị, những đặc điểm nào dưới đây để nhận diện hợp đồng tín dụng (HĐTD) trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại (KDTM)? (A/C có thể chọn một hoặc nhiều phương án trả lời)?

- a) Bản chất là hợp đồng vay tài sản, các bên đều có mục đích lợi nhuận
- b) Bên cho vay là các tổ chức tín dụng, bên vay chủ yếu là doanh nghiệp
- c) Bên cạnh HĐTD, còn có hợp đồng bảo đảm tiền vay
- d) Đối tượng vay chủ yếu là tiền Việt Nam
- e) Cả bốn phương án trên

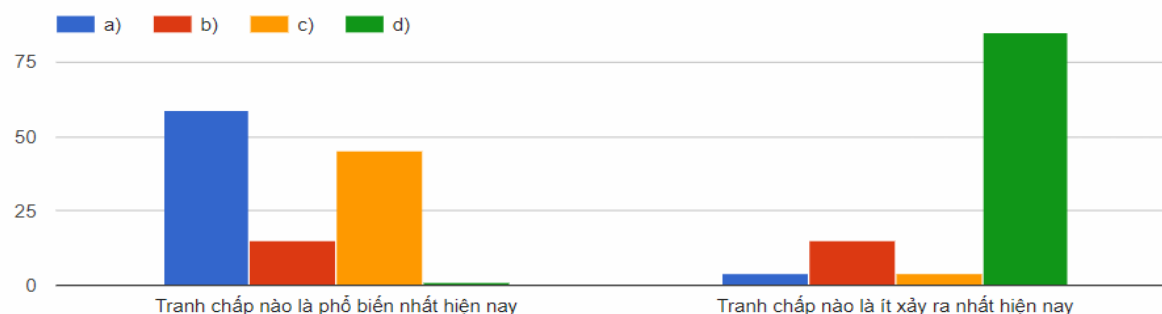


Câu 2. Theo Anh/ Chị, trong vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD có thể gồm những tranh chấp gì (Anh/ Chị có thể chọn một hoặc nhiều phương án trả lời)

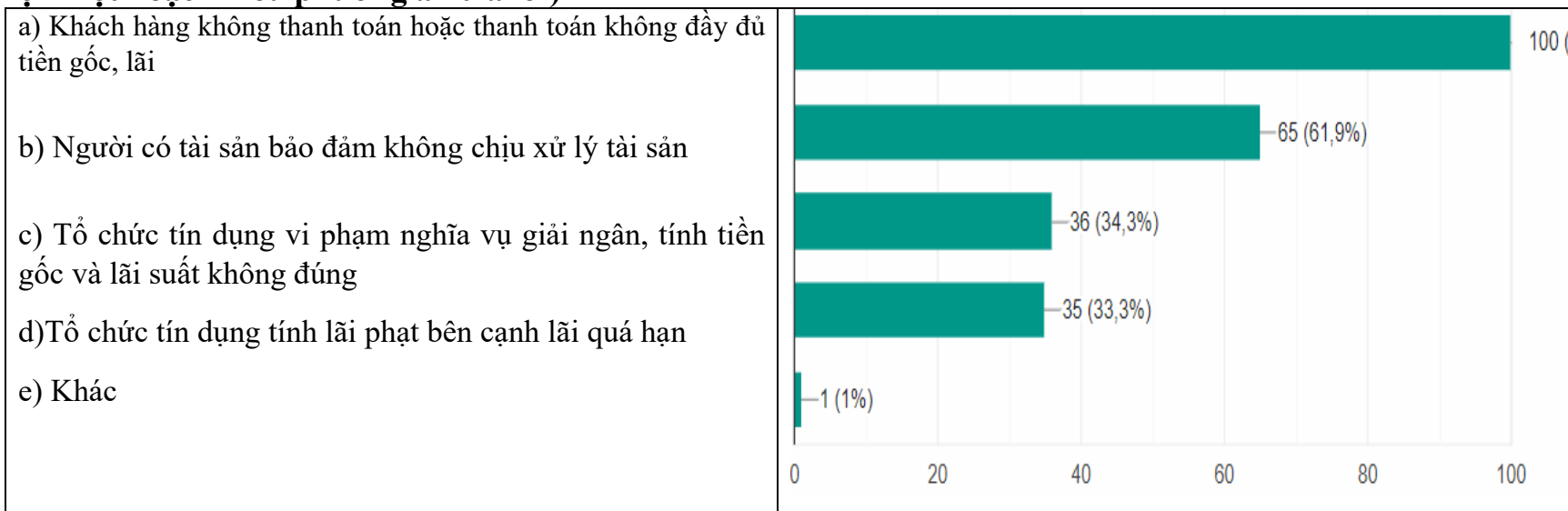
- a) Tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi suất, lãi quá hạn
- b) Tranh chấp về nghĩa vụ xử lý tài sản bảo đảm
- c) Tranh chấp cả về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi suất và xử lý tài sản bảo đảm
- d) Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại (có thể do mất mát, hư hỏng tài sản bảo đảm do bên nhận bảo đảm quản lý...)



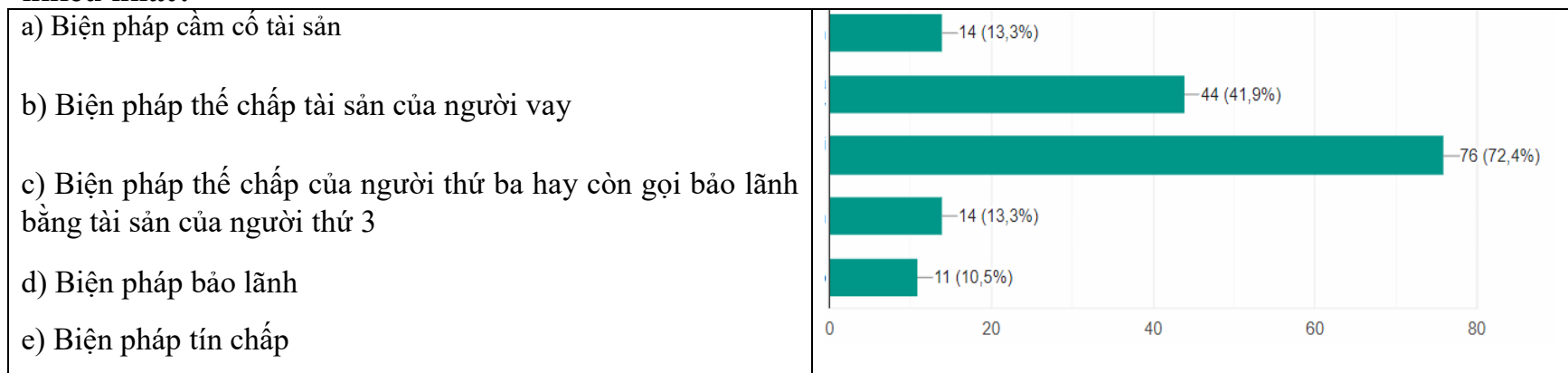
Theo Anh/ Chị đánh giá: Trong các loại tranh chấp a, b, c, d nêu trên. Tranh chấp nào là phổ biến nhất, tranh chấp nào ít xảy ra nhất hiện nay.



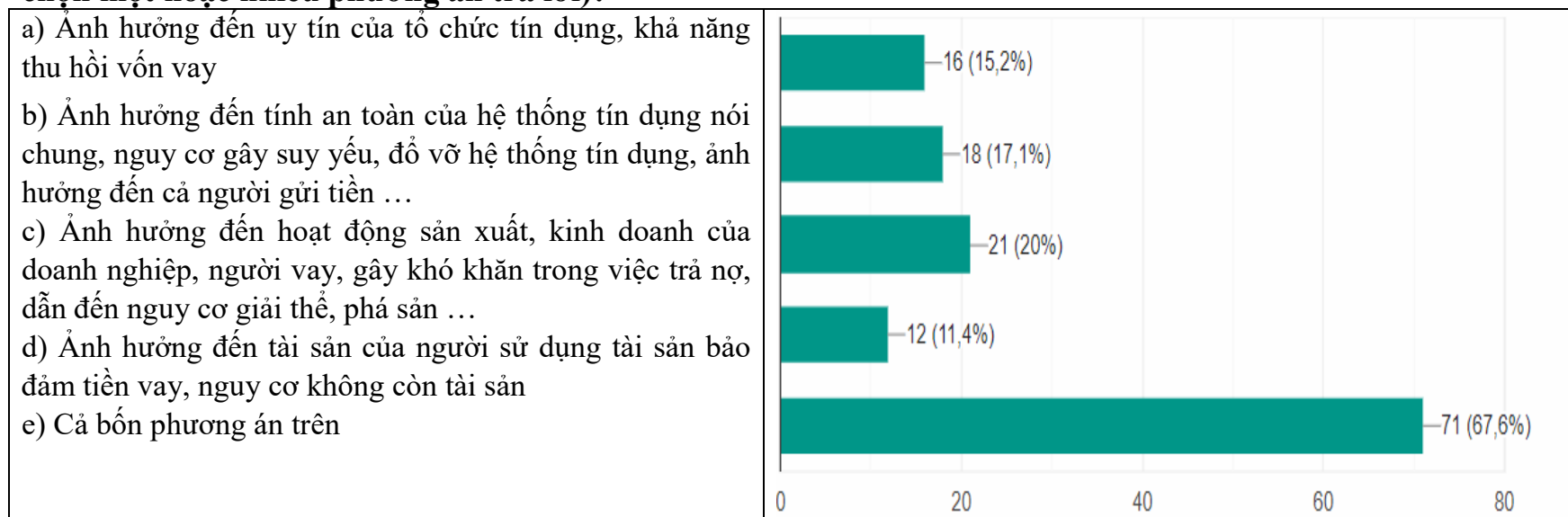
Câu 3. Theo Anh/ Chị, những nguyên nhân nào dưới đây làm phát sinh tranh chấp KDTM về HĐTD (Anh/ Chị có thể chọn một hoặc nhiều phương án trả lời)



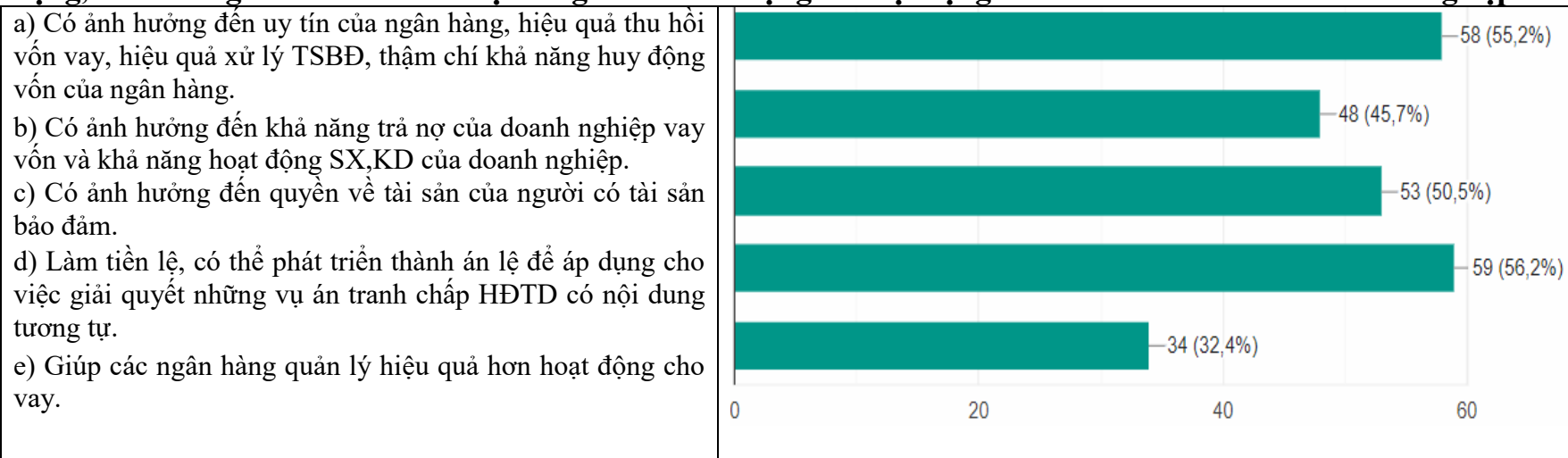
Câu 4. Theo Anh/ Chị, trong vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD, biện pháp bảo đảm nào thường phát sinh tranh chấp nhiều nhất?



Câu 5. Theo Anh/ Chị, tranh chấp KDTM về HĐTD gây ra những ảnh hưởng, tác động nào dưới đây (Anh/ Chị có thể chọn một hoặc nhiều phương án trả lời)?

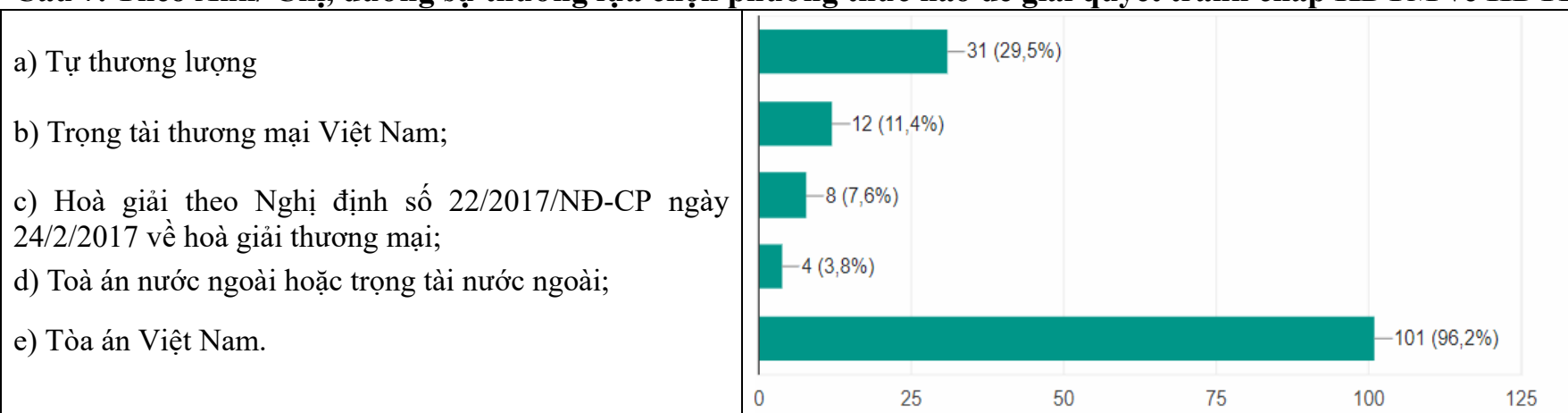


Câu 6. Theo Anh/ Chị, những quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD của Toà án có những tác động, ảnh hưởng như thế nào đến hệ thống tổ chức tín dụng và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp?



II. NHÓM CÂU HỎI VỀ THỦ TỤC VÀ NỘI DUNG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN KINH DOANH, THƯƠNG MẠI TRONG LĨNH VỰC TRANH CHẤP HĐTD

Câu 7. Theo Anh/ Chị, đương sự thường lựa chọn phương thức nào để giải quyết tranh chấp KDTM về HĐTD?



Trong trường hợp Anh/ Chị lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp KDTM bằng Tòa án, xin hãy cho biết lý do tại sao đương sự lại chọn cơ quan này?

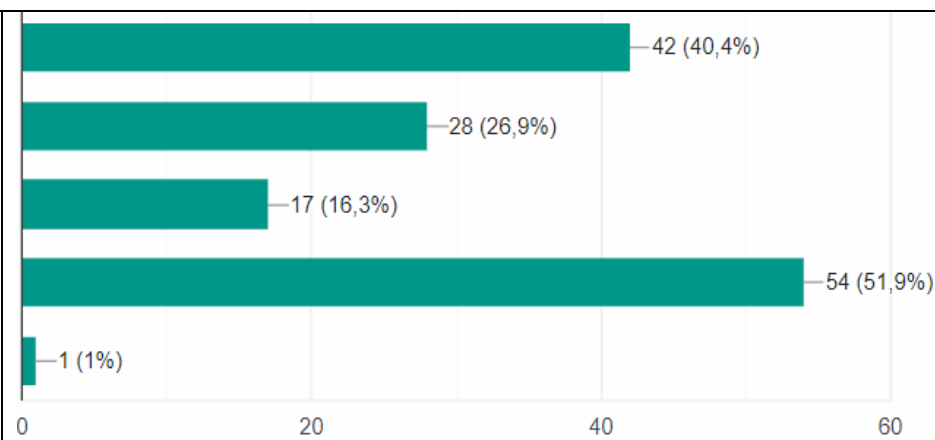
Theo thói quen thoả thuận của các bên chọn Tòa án làm cơ quan giải quyết tranh chấp.

Phù hợp với đặc điểm của loại án này do thường có nhiều đương sự tham gia nên khó thỏa thuận trọng tài và phải xác minh nhiều;

Chất lượng giải quyết tốt;

Bảo đảm khả năng thi hành án.

Trong HĐTD đã ghi sẵn nếu các bên không tự giải quyết được thì đưa ra toà án có thẩm quyền.



Câu 8. Anh/ Chị cho biết đã từng tham gia giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD bằng phương thức Tòa án chưa, nếu có thì tham gia ở giai đoạn nào?



Nếu đã từng tham gia xin cho biết tham gia ở giai đoạn nào dưới đây

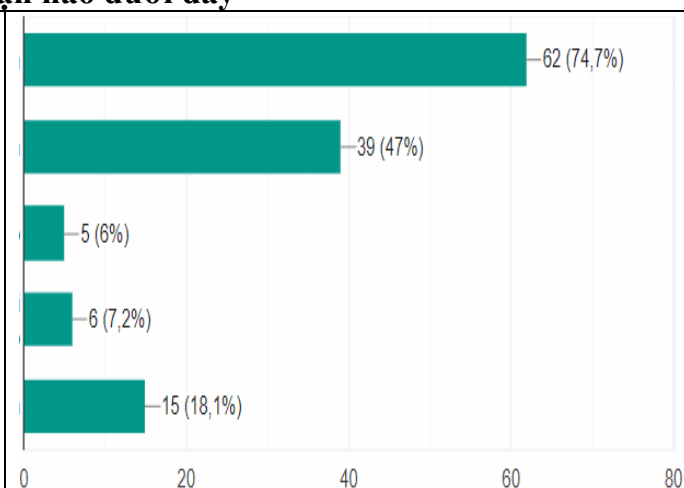
a) Sơ thẩm

b) Phúc thẩm

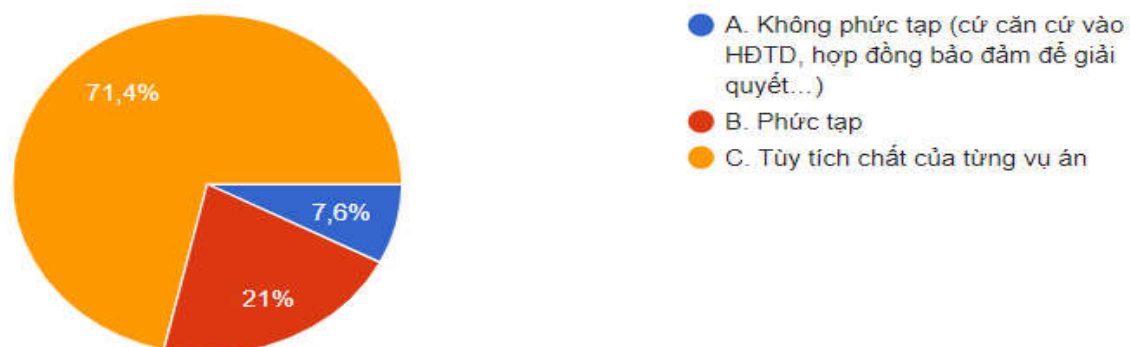
c) Giám đốc thẩm, tái thẩm cấp cao

d) Giám đốc thẩm, tái thẩm tối cao

e) Tham gia nhiều giai đoạn

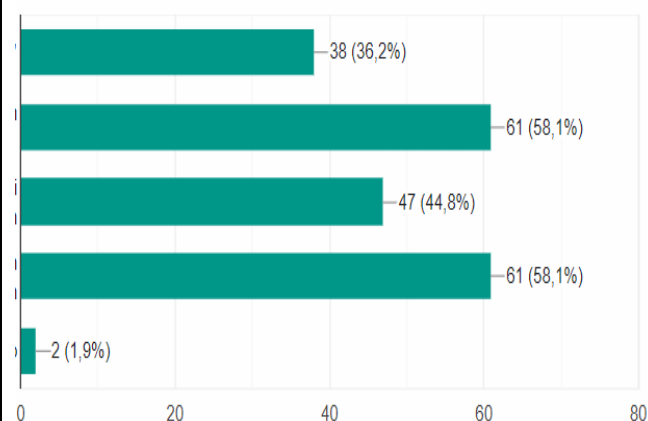


Câu 9. Theo Anh/ Chị, việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD có phức tạp không?



Trong trường hợp Anh/Chị chọn phức tạp hoặc tùy tính chất từng vụ án, xin cho biết phức tạp về vấn đề gì dưới đây

- a) Về giải quyết vấn đề tiền gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phạt vi phạm;
- b) Về giải quyết tài sản bảo đảm (nguồn gốc tài sản, người có quyền về tài sản...);
- c) Việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ có nhiều khó khăn;
- d) Một số quy định pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn;
- e) Không phức tạp

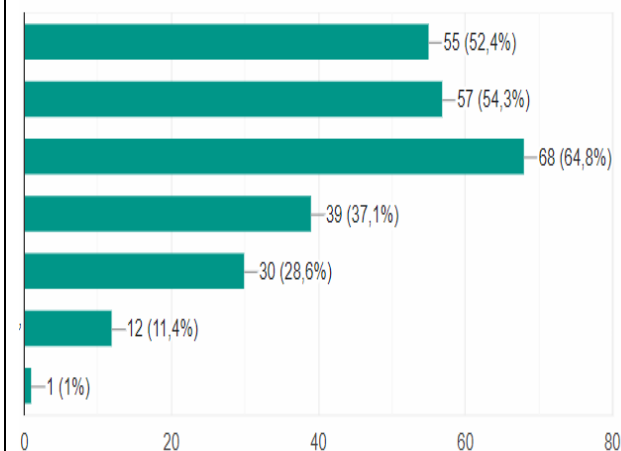


Câu 10. Đối với trường hợp chuyển sang nợ quá hạn, tại HĐTD các bên thoả thuận ngoài việc chịu lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn, khách hàng còn chịu phạt theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền lãi. Theo quan điểm Anh/ Chị có chấp nhận khoản phạt vi phạm này không (trường hợp Anh/ Chị chọn khác, xin hãy nêu rõ quan điểm của Anh/ Chị)?

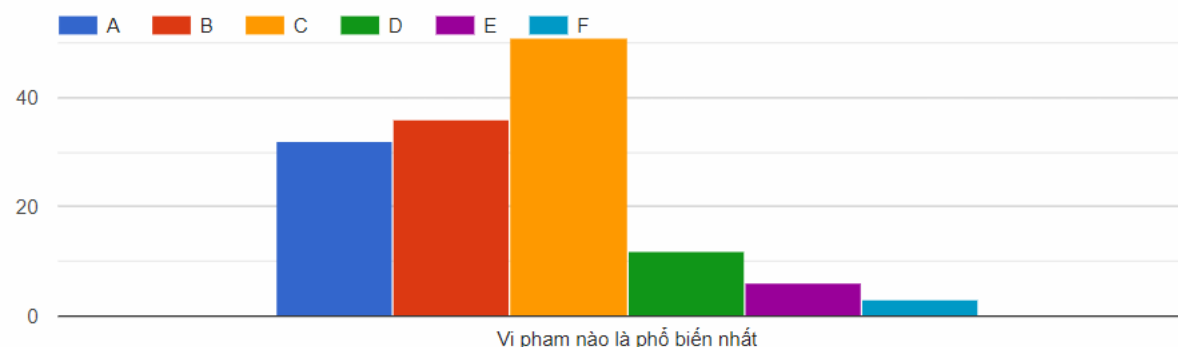


Câu 11. Anh/ Chị cho biết những dạng vi phạm nào thường gặp khi Tòa án cấp giám đốc thẩm huỷ bản án, quyết định có hiệu lực giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD (Anh/ Chị có thể chọn một hoặc nhiều phương án trả lời)?

- a) Vi phạm về cách tính tiền lãi, phạt vi phạm;
- b) Vi phạm về xử lý tài sản bảo đảm;
- c) Không đưa đầy đủ đương sự vào tham gia tố tụng;
- d) Xác định người thứ ba ngay tình không đúng;
- e) Không xem xét, thẩm định tại chỗ;
- f) Vụ án có dấu hiệu hình sự
- g) Khác



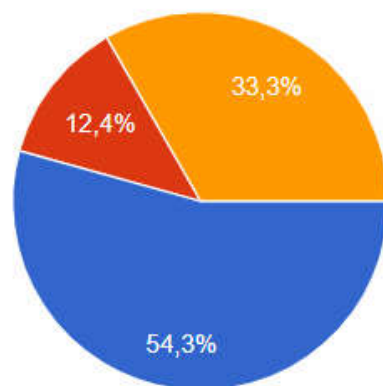
Anh/ Chị cho biết trong những vi phạm nêu trên, vi phạm nào là phổ biến nhất



Câu 12. Anh/ Chị có thể vui lòng cung cấp hoặc giới thiệu vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD có tính điển hình theo tiêu chí về tính chất phức tạp, giá trị tranh chấp, qua nhiều cấp tố tụng (nguyên đơn, bị đơn, người liên quan, nội dung tóm tắt nếu có thể, bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm kèm theo)?

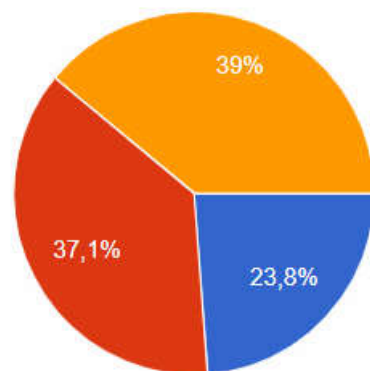
- Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp hợp đồng thế chấp
- Vụ án bà Đinh Thị Tâm và Ngân hàng Agribank bị TATC kháng nghị GĐT số 05/2022/KN-KDTM ngày 30/5/2022
- Tranh chấp giữa Công ty Sato và công ty Sun Wah Vietnam Real Estate Limited
- Tranh chấp HĐTD thời Covid-19: NH không miễn/giảm LS cho khách hàng.
- Bản án số 30/2023/ KDTMST Ngày 31/7/23 V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng của TAND Quận Cầu Giấy
- Vụ án Ngân Hàng Vietinbank và Công ty Kim Lê Gia
- Vụ án Ngân hàng Phát triển chi nhánh Phú Yên cho Công ty hạt điều Thiên Tân và Công ty hạt điều Duy Tân vay. Cùng lúc đó, 2 công ty này thế chấp tài sản vay nhiều nơi... ví dụ: Thế chấp tài sản khác ngoài tài sản được ghi nhận trong chứng thư thẩm định giá hoặc ghi trong Sổ hữu công trình. Hậu quả có người liên quan trong khi đã thế chấp Quyền sử dụng đất và công trình trên đất cho Ngân hàng VDB.
- (nhiều ý kiến bỏ qua câu này).

Câu 13. Theo Anh/ Chị, chất lượng hoạt động của Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm?



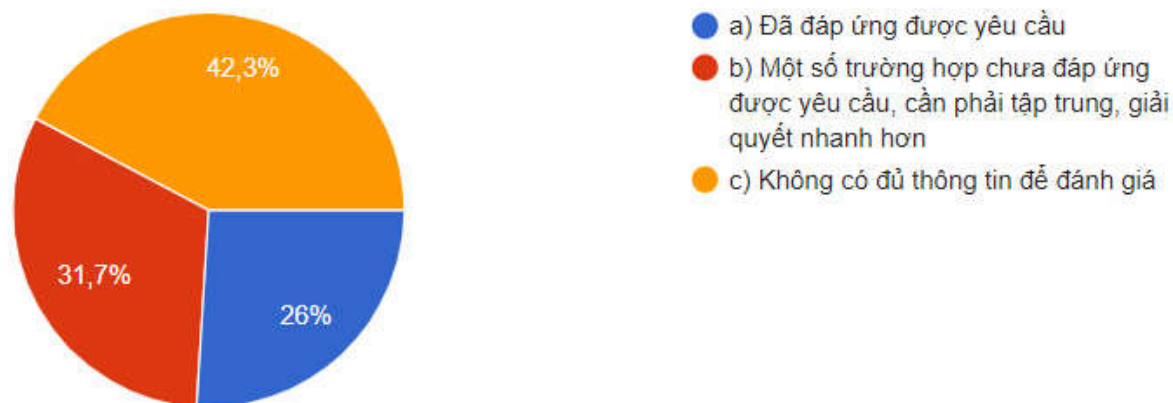
- a) Đã đáp ứng được yêu cầu bảo đảm việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết của Tòa án, phục vụ cải cách tư pháp
- b) Chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa kịp thời phát hiện được những vi phạm của Tòa án để thực hiện quyền kháng nghị, kiến nghị...
- c) Chưa có đầy đủ thông tin để nhận định

Câu 14. Anh/ Chị cho biết chất lượng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện trưởng VKSND cấp cao đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD?



- a) Chất lượng tốt, có căn cứ, có tính thuyết phục cao
- b) Một số kháng nghị chưa bảo đảm chất lượng, tính thuyết phục chưa cao, chỉ tập trung các vi phạm về tố tụng, không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết
- c) Không có đủ thông tin để đánh giá

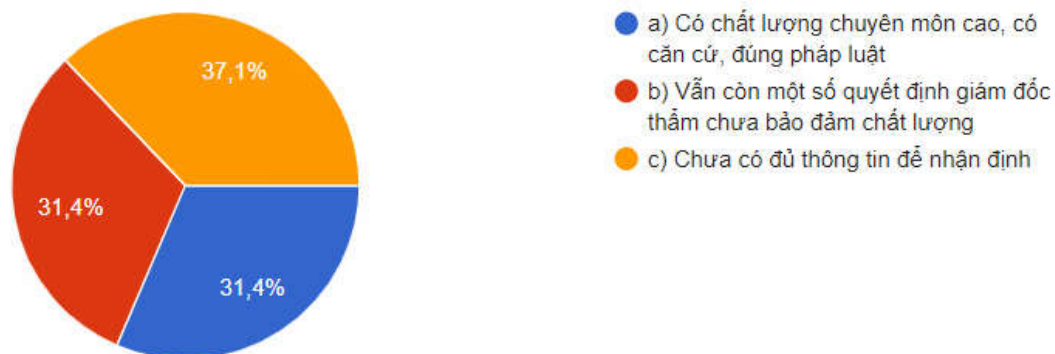
Câu 15. Anh/ Chị cho biết công tác kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND tối cao đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD đã đáp ứng được yêu cầu chưa?



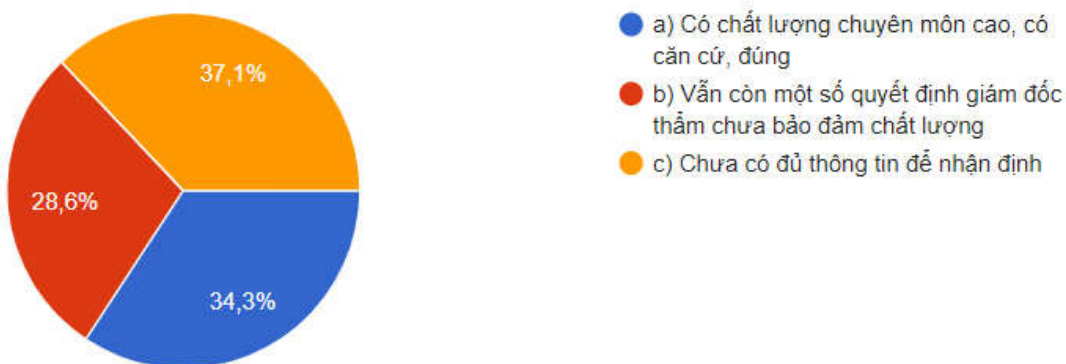
Câu 16. Theo Anh/ Chị, chức năng của VKS trong kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD của Tòa án theo thủ tục giám đốc thẩm nhằm mục đích gì?



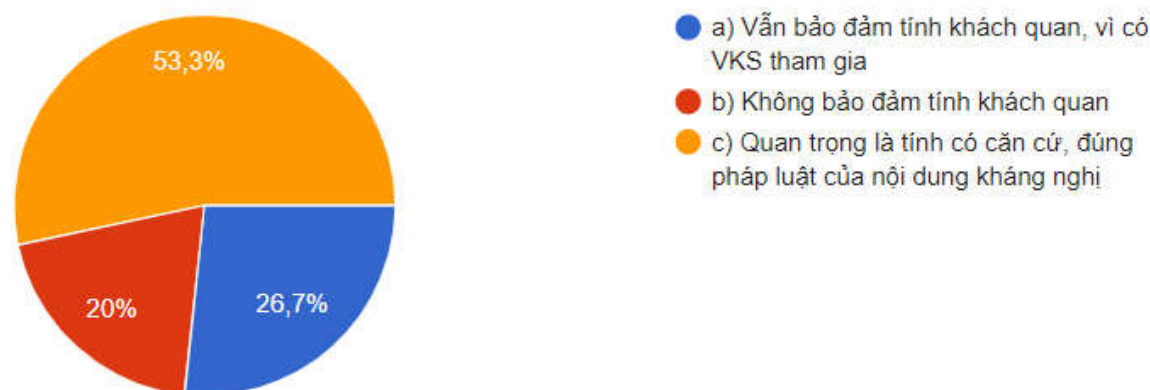
Câu 17. Anh/ Chị cho biết, chất lượng các quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao (trường hợp Anh/ Chị chọn khác, xin hãy nêu rõ quan điểm của Anh/ Chị)?



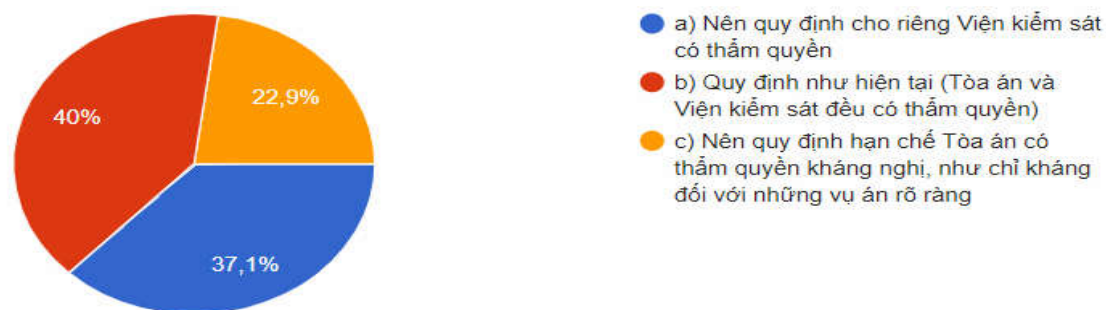
Câu 18. Anh/ Chị cho biết, chất lượng các quyết định giám đốc thẩm giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao?



Câu 19. Theo Anh/ Chị, việc Chánh án Tòa án có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, sau đó Hội đồng xét xử của Tòa án đó xét xử có bảo đảm tính khách quan không?



Câu 20. Theo Anh/ Chị, thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự chỉ nên quy định cho Viện kiểm sát (giống như thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm), sau đó Tòa án xét xử để bảo đảm tính khách quan?



Câu 21. Theo Anh/ Chị, quy định nào của BLTTDS năm 2015 cần sửa đổi, bổ sung để nâng cao chất lượng kiểm sát giải quyết các vụ án KDTM trong lĩnh vực tranh chấp HĐTD (Anh/ Chị có thể chọn một hoặc nhiều phương án trả lời)?

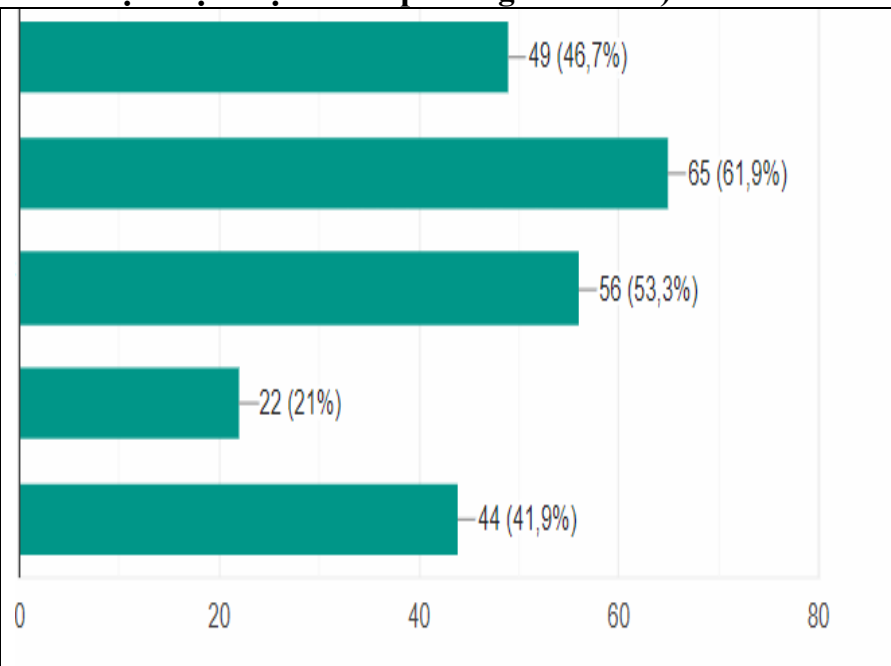
a) Qui định thủ tục tố tụng riêng (về thời hạn tố tụng, Toà án chuyên trách, thành phần người tiến hành tố tụng...) để giải quyết một số loại án đặc biệt, trong đó có vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD...

b) Tăng cường sự tham gia của VKS trong những hoạt động tố tụng quan trọng (qui định rõ sự tham gia của VKS đối với hoạt động xem xét, thẩm định tại chỗ, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải...)

c) Tăng cường thẩm quyền xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của VKS để bảo đảm việc kháng nghị (qui định rõ hơn thẩm quyền trưng cầu giám định, định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ, lấy lời khai...)

d) Qui định thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm chỉ có ở VKS...

e) Qui định tạo điều kiện VKS tham gia tranh tụng để bảo vệ kháng nghị do VKS kháng nghị (sau khi HĐXX thảo luận, VKS có quyền có ý kiến lại đối với quyết định kháng nghị: Bảo vệ giữ nguyên kháng nghị, thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị) ...

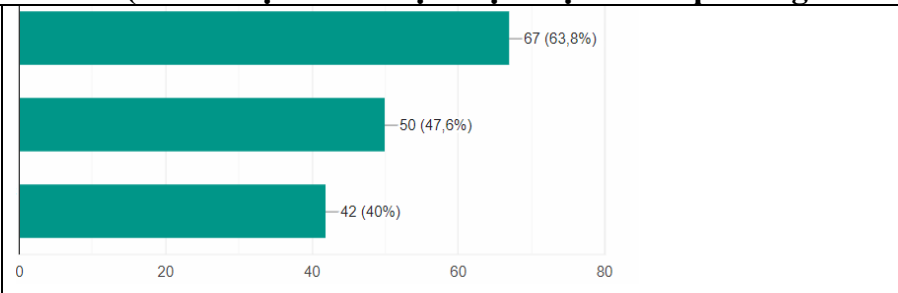


Câu 22. Theo Anh/ Chị, quy định nào của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 cần sửa đổi, bổ sung để nâng cao chất lượng kiểm sát giải quyết các vụ án KDTM trong lĩnh vực tranh chấp HĐTD (Anh/ Chị có thể chọn một hoặc nhiều phương án trả lời)?

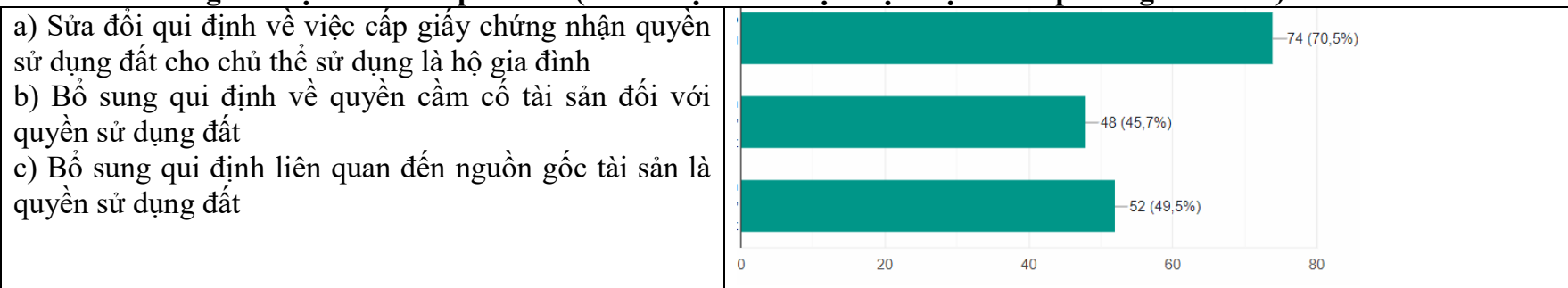
a) Qui định về khung lãi suất, phạt vi phạm

b) Qui định liên quan đến tài sản bảo đảm (quy trình xem xét, định giá tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm...)

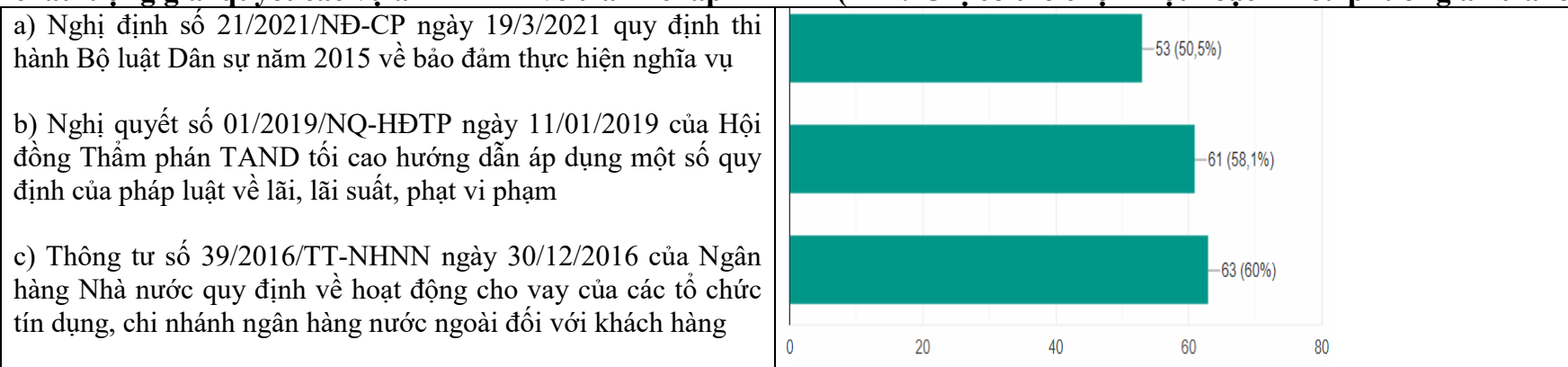
c) Sự phối hợp với cơ quan chức năng trong việc cung cấp thông tin về người vay vốn, tài sản bảo đảm...



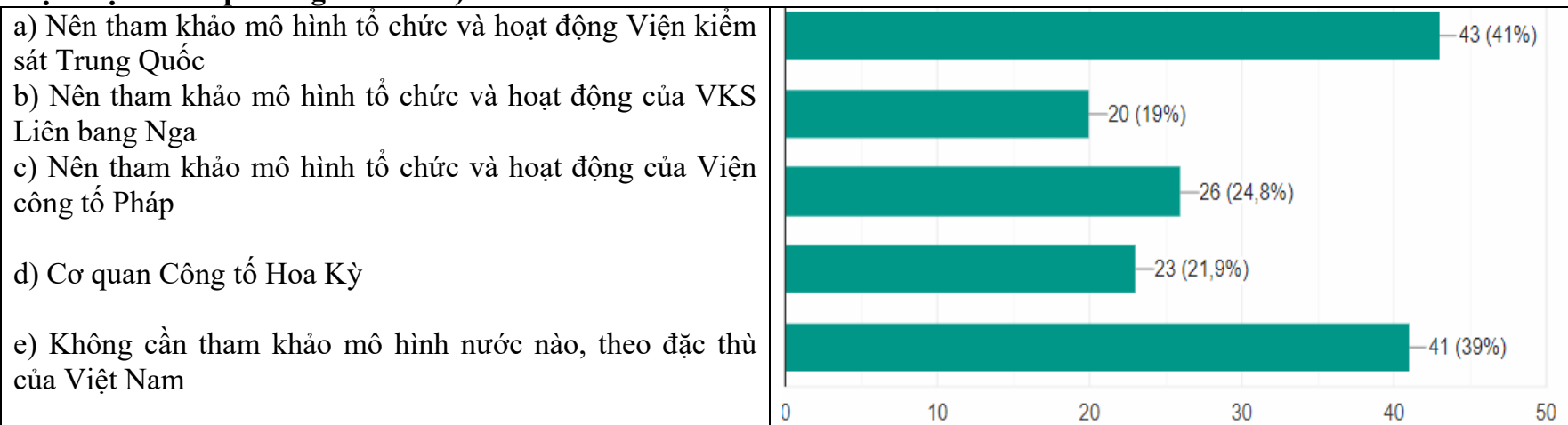
Câu 23. Theo Anh/ Chị, quy định nào của Luật Đất đai năm 2013 cần sửa đổi, bổ sung để nâng cao chất lượng kiểm sát giải quyết các vụ án KDTM trong lĩnh vực tranh chấp HĐTD (Anh/ Chị có thể chọn một hoặc nhiều phương án trả lời)?



Câu 24. Theo Anh/ Chị, ngoài những văn bản luật, bộ luật nêu trên, sửa đổi, bổ sung những văn bản pháp luật nào để nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD (Anh/ Chị có thể chọn một hoặc nhiều phương án trả lời)?



Câu 25. Theo Anh/ Chị, có cần tham khảo mô hình tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát/ Viện công tố nào trên thế giới để hoàn thiện Viện kiểm sát ở Việt Nam trong tổ tụng dân sự nói chung và trong giai đoạn giám đốc thẩm nói riêng (Anh/ Chị có thể chọn một hoặc nhiều phương án trả lời)?



Câu 26. Anh/ Chị có thể góp ý về các vấn đề khác liên quan đến hoạt động kiểm sát việc giải quyết vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD theo thủ tục giám đốc thẩm của VKSND ở Việt Nam (nếu có)

- 1- VKS nên xem xét bản án sơ thẩm nhiều hơn nếu có dấu hiệu vi phạm tố tụng hoặc nội dung thì cần kháng nghị phúc thẩm
- 2- Cần tăng thẩm quyền giám sát cho Viện kiểm sát. Trong một số vụ án phức tạp, cần có sự tham gia của Thanh tra đại diện Ngân hàng nhà nước.
- 3- Thiết kế sửa đổi, bổ sung bản khảo sát
- 4- Cần giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật đối với hoạt động xét xử toà án. Mục đích tranh làm dụng quyền lực để gây hại cho các bên liên quan.
- 5- Hướng dẫn nghiệp vụ và góp phần các án lệ để giúp vụ án giải quyết nhanh chóng, tránh xử đi xử lại nhiều lần mất thời gian và lãng phí tài sản.

Phụ lục 4
PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA
(Bảng câu hỏi và tổng hợp kết quả trả lời phỏng vấn của Chuyên gia)

Nghiên cứu sinh Thái Văn Đoàn đang nghiên cứu, xây dựng đề tài Luận án Tiến sĩ Luật học tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: *“Cơ sở lý luận và thực tiễn kiểm sát việc giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo thủ tục giám đốc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân ở Việt Nam”*.

Để có góc nhìn đa chiều, sâu sắc về mặt lý luận cho đề tài Luận án. Nghiên cứu sinh thực hiện phỏng vấn 19 Chuyên gia là các Phó Giáo sư, Tiến sĩ thuộc các Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Kiểm sát Hà Nội, Đại học Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Ngân hàng ... một số lãnh đạo thuộc các cơ quan tư pháp là đã tham gia chỉ đạo giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Toà án nhân dân cấp tỉnh. Kết quả phỏng vấn như sau:

1. Theo Chuyên gia, giai đoạn giám đốc thẩm có vị trí như thế nào trong các giai đoạn tố tụng dân sự

Qua tổng hợp trả lời phỏng vấn, ý kiến của chuyên gia tập trung nhiều nhất vào nội dung trả lời:

a) Có 08 quan điểm cho rằng: Đây là thủ tục tố tụng đặc biệt, do Toà án, Viện kiểm sát cấp trên (cấp cao, hoặc tối cao) thực hiện để xem xét lại bản án, quyết định có hiệu pháp luật của Toà án cấp dưới khi có đơn đề nghị của đương sự, thông báo của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Kết quả của việc xem xét là Toà án, Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm để xét xử ban hành quyết định giám đốc thẩm. Hoặc Toà án, Viện kiểm sát chấp nhận bản án, quyết định của Toà án cấp dưới, thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm (Thứ tự bài phỏng vấn: 2,3,4,5,8,11,12,17).

b) Có 08 quan điểm cho rằng: Những quyết định trong giai đoạn này có tính chuẩn mực, chuyên môn sâu, đáp ứng sự mong mỏi theo đuổi công lý đến cùng của đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; làm tiền lệ, thậm chí phát triển thành án lệ để Toà án các cấp và Viện kiểm sát các cấp căn cứ vào đó để thực hiện chức năng, nhiệm vụ giải quyết, kiểm sát việc giải quyết những vụ việc tương tự (Thứ tự bài phỏng vấn 1,4,5,8,16,17,18,19).

c) Có 06 quan điểm cho rằng: Những vụ việc lên đến giai đoạn tố tụng này đa số đều là những vụ việc phức tạp, có nhiều quan điểm giải quyết khác nhau về việc đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật, nhiều quy định pháp luật chưa rõ ràng (Thứ tự bài phỏng vấn: 5,6,7,8,11,18).

d) Một số ý kiến cụ thể khác

- Giám đốc thẩm không được xem là một cấp xét xử theo quy định của pháp luật Việt Nam, nhưng có vai trò rất quan trọng trong tố tụng dân sự, góp phần bảo vệ lợi ích công dân, thực thi pháp luật, bảo vệ công lý. Thông qua thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự, Tòa án bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân một cách toàn diện. Khi phát hiện bản án, quyết định có sai lầm, vi phạm nghiêm trọng, xâm phạm đến các lợi ích hợp pháp của công dân thì Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm hủy những bản án, quyết định sai, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để được phục hồi, xét xử lại. (Thứ tự bài phỏng vấn: 9,13,15)

- Nguyên tắc của xét xử là tìm ra sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ chân lý, bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân, nên giám đốc thẩm là thủ tục đặc biệt, cần thiết để khắc phục vi phạm, bảo vệ công lý, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. (Thứ tự bài phỏng vấn: 10)

- Bài Phỏng vấn 18 bổ sung: Nhất trí Phương án b, c, Phương án a chưa thoả đáng, vì quyết định giám đốc thẩm vẫn có thể bị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm của TAND tối cao.

2. Theo quan điểm của Chuyên gia, việc Viện kiểm sát (VKS) thực hiện chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ án dân sự nói chung và vụ án kinh doanh, thương mại (KDTM) về tranh chấp hợp đồng tín dụng (HĐTD) nói riêng của Tòa án dựa trên những cơ sở lý luận nào?

Qua tổng hợp trả lời phỏng vấn, ý kiến của chuyên gia tập trung nhiều nhất vào nội dung trả lời:

a) Có 15 quan điểm cho rằng: Để bảo đảm việc tuân thủ đúng pháp luật của Tòa án, tránh xu hướng tùy nghi, lạm dụng quyền lực tư pháp, quyền lực xét xử (Thứ tự bài phỏng vấn: 1,2,3,4,5,6,7,11,12,14,15,16,17,18,19).

b) Có 07 quan điểm cho rằng: Đây là yêu cầu kiểm soát quyền lực, bao gồm cả quyền tư pháp, đặt ra nhiệm vụ Viện kiểm sát phải kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ án dân sự của Tòa án ở Việt Nam (Thứ tự bài phỏng vấn: 2,3,4,5,8,17,18).

c) Do hệ thống pháp luật Việt Nam chưa hoàn thiện, trình độ hiểu biết pháp luật của người dân vẫn còn hạn chế, đội ngũ Luật sư chưa đáp ứng được yêu cầu hỗ trợ, tư vấn pháp lý cho người dân (Thứ tự bài phỏng vấn: 15).

d) Một số ý kiến cụ thể khác

- Xét về nguồn gốc ra đời của Viện kiểm sát theo quan điểm của Lênin thì đây là cơ quan được thiết lập để bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất; là cánh tay nối dài của cơ quan quyền lực, là cơ quan giám sát việc thực thi các đạo luật của cơ quan quyền lực. Xét trong đặc điểm mô hình bộ máy của nhà nước Việt Nam và lý thuyết về tổ chức quyền lực, theo quan điểm cá nhân việc tham gia của Viện kiểm sát thể hiện rõ quan

điểm (a) và (b) trên đây. Đồng thời, trong các vụ án KDTM là những vụ án phức tạp, thì việc tham gia của Kiểm sát viên, quan điểm của VKS, ở một khía cạnh nào đó cũng giúp cho các bên đương sự trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Bởi lẽ, quan điểm của VKSND có ý nghĩa đối với đường lối, bản án của Tòa án (Thứ tự bài phỏng vấn: 4).

- Xuất phát từ chức năng của Viện kiểm sát theo quy định tại Hiến pháp - đạo luật cơ bản của Việt Nam. Theo đó, Viện kiểm sát có hai chức năng chính là công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Vì lẽ đó, trong các vụ án dân sự, việc Viện kiểm sát tham gia thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ án dân sự là điều hoàn toàn hợp lý (Thứ tự bài phỏng vấn: 13).

- Dựa trên cơ sở lý luận quan điểm của Lê Nin và Chủ tịch Hồ Chí Minh về cơ chế kiểm soát quyền lực (Thứ tự bài phỏng vấn: 9).

- Để bảo đảm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước là quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp (Thứ tự bài phỏng vấn: 10).

- Viện kiểm sát là cơ quan giám sát để đảm bảo pháp luật được thi hành một cách nghiêm chỉnh và thống nhất theo Điều 21 BLTTDS năm 2015 (Thứ tự bài phỏng vấn: 11).

3. Theo quan điểm của Chuyên gia, vị trí, vai trò của Viện kiểm sát trong việc xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm vụ án dân sự nói chung và vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD nói riêng là gì

Qua tổng hợp trả lời phỏng vấn, ý kiến của chuyên gia tập trung nhiều nhất vào nội dung trả lời:

a) Có 08 quan điểm cho rằng: Viện kiểm sát có chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, nên khi phát hiện các bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án có vi phạm theo quy định tại Điều 326 BLTTDS năm 2015 thì Viện kiểm sát thực hiện quyền kháng nghị để khắc phục vi phạm (Thứ tự bài phỏng vấn: 2,3,4,5,6,11,16,18).

b) Có 08 quan điểm cho rằng: Quá trình xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm, trong một số trường hợp vẫn có những vi phạm, thiếu sót, nên cần phải có cơ chế phá án để khắc phục vi phạm, sửa chữa những sai lầm, thiếu sót (1,4,5,10,12,15,17,18,19).

c) Có 07 quan điểm cho rằng: Việc kháng nghị của Viện kiểm sát là một trong những phương thức kiểm soát quyền lực tư pháp để bảo đảm tính pháp chế thống nhất trong việc tuân theo pháp luật. (Thứ tự bài phỏng vấn: 1,4,5,10,12,15,17).

d) Một số ý kiến cụ thể

- Quan điểm cá nhân hoàn toàn đồng ý với 3 nhận định được nêu ra. Tuy nhiên đối với nhận định (b) cá nhân cho rằng để dẫn đến bản án phải xem

xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm xuất phát chủ yếu từ những vi phạm của Tòa án. Vì vi phạm nên mới kết luận khác với sự thật; vì vi phạm nên mới có những vi phạm nghiêm trọng trong thủ tục tố tụng (nếu không vi phạm thì có thể có những sai sót thủ tục nhưng không cơ bản, không nghiêm trọng). Đồng thời những sai sót có thể biện minh cho căn cứ có sai lầm trong áp dụng pháp luật có thể xuất phát từ nhận thức, trình độ, kinh nghiệm còn hạn chế của hội đồng xét xử (Thứ tự bài phỏng vấn: 4).

- Viện kiểm sát thực hiện chức năng cao nhất: quyền kháng nghị trong tố tụng dân sự. Khẳng định vị trí, vai trò của Viện kiểm sát (Thứ tự bài phỏng vấn: 9).

- Điều này hoàn toàn hợp lý và phù hợp với Hiến pháp Việt Nam quy định chức năng của Viện kiểm sát có chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Vì vậy, khi phát hiện hoạt động tư pháp xảy ra sự cố, thiếu sót, không đảm bảo nguyên tắc pháp chế XHCN thì Viện kiểm sát là cơ quan có chức năng chính phát hiện và thực hiện kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm (Thứ tự bài phỏng vấn: 13)

4. Chuyên gia đánh giá như thế nào về thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm hiện nay gồm có Viện trưởng VKSND cấp cao, Chánh án TAND cấp cao, Viện trưởng VKSND tối cao, Chánh án TAND tối cao? Những ưu điểm, hạn chế cơ bản trong vấn đề là gì?

Qua tổng hợp trả lời phỏng vấn, ý kiến của chuyên gia tập trung nhiều nhất vào nội dung trả lời:

a) Có 09 quan điểm cho rằng: Vẫn duy trì quy định Viện trưởng VKSND cấp cao, Chánh án TAND cấp cao, Viện trưởng VKSND tối cao, Chánh án TAND tối cao đều có thẩm quyền kháng nghị để bảo đảm việc xét xử có căn cứ, đúng pháp luật, hạn chế thấp nhất việc ban hành bản án, quyết định vi phạm pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, bảo đảm việc theo đuổi công lý đến cùng của đương sự. Thực tế cho thấy nhiều vụ án dân sự trong đó có vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD vẫn bị kháng nghị đến cấp cao nhất để khắc phục những sai lầm, thiếu sót nghiêm trọng của Tòa án cấp dưới. (Thứ tự bài phỏng vấn: 1,2,3,4,5,8,12,15,19).

b) Nhiều cấp có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, nên hạn chế cấp có thẩm quyền để bảo đảm tính ổn định của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Theo đó, Viện trưởng VKSND tối cao, Chánh án TAND tối cao chỉ kháng nghị giám đốc thẩm đối với những trường hợp đặc biệt, khi VKSND cấp cao không kháng nghị giám đốc thẩm, nhưng đương sự tiếp tục khiếu nại. VKSND tối cao không kháng nghị quyết định giám đốc thẩm của TAND cấp cao... (Thứ tự bài phỏng vấn: 6, 7, 16).

c) Một số ý kiến cụ thể khác

- Đối với ý kiến (b) cá nhân thấy rằng, việc giới hạn trường hợp đặc biệt sẽ không đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của các bên (4)

- Ưu điểm, hạn chế:

+ Ưu điểm: Cùng phát hiện, khắc phục sai sót của cấp dưới.

+ Hạn chế: Luật không nên qui định cho Chánh án TAND có quyền kháng nghị, vì sẽ có việc vừa đá bóng, vừa thổi còi, Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nên vấn đề kháng nghị giám đốc thẩm chỉ nên giao cho Viện kiểm sát để bảo đảm tính khách quan, tránh trường hợp Tòa án xét xử xong lại bị chính Tòa án huỷ sửa bản án (Thứ tự bài phỏng vấn: 9,18).

- Có thể xem xét phân cấp thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Viện trưởng VKSND tối cao và Chánh án TAND tối cao chỉ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm trong những trường hợp đặc biệt. Còn lại giao cho Viện trưởng VKSND cấp cao/Chánh án TAND cấp cao kháng nghị (Thứ tự bài phỏng vấn: 10).

- Hạn chế: Thực tiễn cho thấy những vụ Viện trưởng VKSND kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm ít khi được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao chấp nhận kháng nghị, điều đó làm ảnh hưởng đến vị thế, vai trò của ngành Kiểm sát cũng như niềm tin của người dân đối với những vụ việc do Viện trưởng VKSND kháng nghị (Thứ tự bài phỏng vấn: 11).

- Việc quy định về thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm thuộc về TAND cấp cao và TAND tối cao là hoàn toàn hợp lý và phù hợp với việc phân cấp quản lý, tránh tình trạng một cấp phải ôm đồm quá nhiều công việc. Thay vào đó, việc phân định thẩm quyền như vậy giảm bớt gánh nặng cho từng cấp (Thứ tự bài phỏng vấn: 13)

- Thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm hiện nay có những ưu điểm, hạn chế như sau:

+ Ưu điểm: Bảo đảm việc xét xử có căn cứ, đúng pháp luật, hạn chế thấp nhất việc ban hành bản án, quyết định vi phạm pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, bảo đảm việc theo đuổi công lý đến cùng của đương sự. Thực tế cho thấy nhiều vụ án dân sự, trong đó có vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD vẫn bị kháng nghị đến cấp cao nhất để khắc phục những sai lầm, thiếu sót nghiêm trọng của Tòa án cấp dưới.

+ Hạn chế: Chất lượng xét xử của Tòa án còn những vấn đề không ổn. Xét theo góc độ lý luận và cả thực tiễn đối với quy định: Tòa án cấp cao/tối cao kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới cho thấy tính khách quan có phần hạn chế do mối quan hệ mật thiết giữa cấp trên với cấp dưới (Thứ tự bài phỏng vấn: 17).

5. Theo Chuyên gia, việc Tòa án kháng nghị giám đốc thẩm và xét xử giám đốc thẩm có bảo đảm tính khách quan không

Qua tổng hợp trả lời phỏng vấn, ý kiến của chuyên gia tập trung nhiều nhất vào nội dung trả lời:

a) Có 07 quan điểm cho rằng: Chủ yếu là nội dung kháng nghị có căn cứ hay không, thực tế đa số kháng nghị giám đốc thẩm của Toà án đều bảo đảm chất lượng (chỉ có một vài trường hợp rút kháng nghị), có sự tham gia kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát trong cả giai đoạn giám đốc thẩm, nhất là tại phiên toà giám đốc thẩm, Viện kiểm sát phát biểu về kháng nghị của Toà án đề nghị có chấp nhận hay không. Vì vậy, vẫn giữ quy định như hiện nay về thẩm quyền kháng nghị của chánh án Toà án có thẩm quyền. (Thứ tự bài phỏng vấn: 5, 6, 7, 8, 12, 15, 19).

b) Có 06 quan điểm cho rằng: Nên hạn chế thẩm quyền kháng nghị của Chánh án Tòa án, chỉ kháng nghị trong một số trường hợp đặc biệt (như khi VKSND không kháng nghị giám đốc thẩm, nhưng đương sự tiếp tục khiếu nại, khi có yêu cầu của cơ quan trung ương như Quốc hội, Đại biểu Quốc hội, Ban Nội chính Trung ương, Chính phủ) để bảo đảm hơn nữa tính ổn định của bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp dưới. (Thứ tự bài phỏng vấn: 1, 2, 3, 10, 16, 17).

c) Có 03 quan điểm cho rằng: Không bảo đảm tính khách quan, trong cùng hệ thống Tòa án, Tòa án cấp trên không nên kháng nghị Tòa án cấp dưới, nên tách thẩm quyền kháng nghị độc lập với thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm (tương tự cấp phúc thẩm, Tòa án không có thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm. (Thứ tự bài phỏng vấn: 4, 9, 18).

d) Một số ý kiến cụ thể khác

- Trong một số vụ án, Chánh án Tòa án kháng nghị giám đốc thẩm thì chỉ cần sửa bản án, quyết định là phù hợp, nhưng Hội đồng thẩm phán vẫn quyết định hủy án như vậy rất mất thời gian công sức của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như của đương sự (Thứ tự bài phỏng vấn: 11).

- Hoàn toàn đảm bảo tính khách quan. Bởi lẽ trong hệ thống tư pháp mặc dù có sự phân cấp quản lý, có chức năng và nhiệm vụ riêng. Tuy nhiên, khi thực hiện chức năng xét xử, Hội đồng xét xử nhân danh Nhà nước và luôn đảm bảo tính vô tư, minh bạch trong quá trình xét xử. Điều quan trọng là đội ngũ ngành Tòa án cần phải nhân danh công lý, làm việc liêm chính trong quá trình làm nhiệm vụ. Đó là điều quan trọng nhất (Thứ tự bài phỏng vấn: 13).

- Nên thành lập Tòa phá án độc lập thuộc TAND cấp cao và TAND tối cao (Thứ tự bài phỏng vấn: 14).

6. Theo Chuyên gia, có nên giao thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm cho riêng VKS không (tương tự thẩm quyền kháng nghị phúc thẩm chỉ do VKS thực hiện)

Qua tổng hợp trả lời phỏng vấn, ý kiến của chuyên gia tập trung nhiều nhất vào nội dung trả lời:

a) Có 08 quan điểm cho rằng: Vẫn giữ như quy định hiện hành thì hợp lý, vì thực tế, Tòa án đã kháng nghị giám đốc thẩm để khắc phục nhiều sai lầm, thiếu sót trong bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án cấp dưới. Đây là mục

đích cao nhất, nên vẫn giữ nguyên chức năng này. (Thứ tự bài phỏng vấn: 1, 5, 7, 8, 12, 15, 16, 19).

b) Có 05 quan điểm cho rằng: Nên giao thẩm quyền này cho riêng VKS, sau khi VKS kháng nghị giám đốc thẩm, Toà án xét xử để bảo đảm tính khách quan (Thứ tự bài phỏng vấn: 2, 3, 6, 9, 18).

c) *Một số ý kiến khác*

- Xét về lâu dài, tôi đồng ý với ý kiến nên giao thẩm quyền này cho riêng VKS là chủ yếu đảm bảo tính khách quan và phù hợp với tính độc lập của Tòa án, giữa các cấp Tòa án. Nhưng trong ngắn hạn, vẫn giữ như quy định hiện hành cũng là một lựa chọn tốt. Vì nếu giao quyền này cho riêng VKSND thì với quy mô, số lượng Kiểm sát viên như hiện nay, tôi cho rằng sẽ không thể triển khai được (Thứ tự bài phỏng vấn: 4).

- Mục đích của kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm là có căn cứ xác định vi phạm thủ tục tố tụng hoặc cần tìm ra sự thật khách quan của vụ án. Vì vậy, giao thẩm quyền cho ai cần căn cứ vào mục đích này (Thứ tự bài phỏng vấn: 10).

- Nên giao cho Tòa án kháng nghị giám đốc thẩm đối với một số vụ việc cụ thể sẽ khách quan hơn và hạn chế được số lượng án sửa, hủy của cấp dưới do Chánh án cấp trên kháng nghị (Thứ tự bài phỏng vấn: 11).

- Hoàn toàn không nên, bởi lẽ nếu chỉ giao thẩm quyền này cho riêng VKS rất dễ dẫn tới tình trạng “độc tài”, quan điểm một phía, thiếu tính chất đa chiều. Trong việc giải quyết một vụ án bắt buộc các cơ quan tiến hành tố tụng phải có cái nhìn đa dạng nhiều chiều, nhiều góc độ. Như vậy, tính khách quan và vô tư trong ngành tư pháp mới được thực thi (Thứ tự bài phỏng vấn: 13).

- Chỉ nên hạn chế thẩm quyền kháng nghị của Chánh án Tòa án, bởi lẽ thực tế, Toà án đã kháng nghị giám đốc thẩm để khắc phục nhiều sai lầm, thiếu sót trong bản án, quyết định có hiệu lực của Toà án cấp dưới (Thứ tự bài phỏng vấn: 17).

- Không có ý kiến gì (Thứ tự bài phỏng vấn: 14)

7. Theo Chuyên gia có cần sửa đổi, bổ sung BLTTDS để VKS thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình trong giai đoạn giám đốc thẩm

Qua tổng hợp trả lời phỏng vấn, ý kiến của chuyên gia tập trung nhiều nhất vào nội dung:

a) Có 08 quan điểm cho rằng: Tăng cường sự tham gia của VKS trong những hoạt động tố tụng quan trọng của Toà án, như tham gia hoạt động xem xét, thẩm định tại chỗ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hoà giải... (Thứ tự bài phỏng vấn: 3, 5, 6, 7, 8, 13, 16, 17).

b) Có 05 quan điểm cho rằng: Tăng cường thẩm quyền xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của VKSND để phục vụ cho việc kháng nghị, như quy định rõ hơn về thẩm quyền trưng cầu giám định, định giá tài sản, thẩm quyền

xem xét, thẩm định tại chỗ, lấy lời khai của đương sự... (Thứ tự bài phỏng vấn: 3, 5, 8, 13, 17).

c) Có 03 quan điểm cho rằng: Quy định thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm chỉ có ở VKSND để bảo đảm tính khách quan trong việc xét xử của Tòa án (Thứ tự bài phỏng vấn: 3, 8, 18).

d) Có 02 quan điểm cho rằng: Quy định thủ tục tố tụng riêng (về thời hạn tố tụng, Tòa án chuyên trách, thành phần người tiến hành tố tụng...) để giải quyết một số loại án đặc biệt, trong đó có vụ án KDTM về tranh chấp HĐTD (Thứ tự bài phỏng vấn: 1, 19).

e) Một số ý kiến cụ thể khác

- Bộ luật Tố tụng dân sự nên quy định thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm chỉ có ở Viện kiểm sát để đảm bảo tính khách quan (Thứ tự bài phỏng vấn: 2), trong ngắn hạn có thể lựa chọn phương án (a). Trong trung hạn có thể lựa chọn phương án (a) và (b). Tuy nhiên với lựa chọn trung hạn này, liệu VKS có thể thực hiện được các hoạt động đẩy hay không là một bài toán khó. Trong dài hạn có thể chọn phương án (d) nhưng cần có những luận giải thuyết phục; bảo đảm rằng VKS phải kháng nghị khi có căn cứ rõ ràng; đồng thời có những quy định ràng buộc trách nhiệm của VKS khi không kháng nghị mà đáng lẽ ra phải kháng nghị (Thứ tự bài phỏng vấn: 4).

- Cần sửa đổi, bổ sung BLTTDS để VKS thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình trong giai đoạn giám đốc thẩm (Thứ tự bài phỏng vấn: 9)

- Cần sửa đổi BLTTDS để bảo đảm quy định đầy đủ cơ sở pháp lý để bảo đảm trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo đảm công lý được thực thi (Thứ tự bài phỏng vấn: 10)

- Tòa án chỉ kháng nghị trong một số trường hợp đặc biệt (Thứ tự bài phỏng vấn: 11).

- Giữ nguyên như quy định hiện hành. (Thứ tự bài phỏng vấn: 12, 15)

- Hiện nay, vai trò của Viện kiểm sát trong vụ án dân sự đánh giá không rõ nét so với các vụ án hình sự. Vì vậy, điều kiện tiên quyết, muốn VKS thể hiện tốt hơn, chức năng và nhiệm vụ của mình trong giai đoạn giám đốc thẩm thì pháp luật quy định rõ ràng và đầy đủ hơn theo hướng tăng cường chức năng của VKSND nhất là các vấn đề về việc thu thập, kiểm tra các tài liệu, chứng cứ... (Thứ tự bài phỏng vấn: 13)

8. Theo Chuyên gia, có cần sửa đổi, bổ sung những quy định của văn bản pháp luật về nội dung nào để phục vụ cho việc giải quyết tranh chấp HĐTD (Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp, Nghị định về biện pháp bảo đảm...)

Qua tổng hợp trả lời phỏng vấn, ý kiến của chuyên gia tập trung nhiều nhất vào nội dung trả lời:

a) Có 09 quan điểm cho rằng: Sửa quy định của BLTTDS 2015 tạo điều kiện cho VKS tham gia sâu hơn vào trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án

của Tòa án, như được tham gia những hoạt động thu thập chứng cứ quan trọng của Tòa án: xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản..., phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; quy định rõ ràng hơn về thẩm quyền thu thập tài liệu, chứng cứ của Viện kiểm sát để phục vụ cho công tác kháng nghị ... (Thứ tự bài phỏng vấn: 2, 3, 5, 6, 8, 9, 17, 18, 19).

b) Có 08 quan điểm cho rằng: Sửa Luật các TCTD về khung lãi suất, phạt vi phạm, biện pháp xử lý tài sản bảo đảm... Thực tế hiện nay, Luật này quy định rất ít các vấn đề này, trong khi đây là những vấn đề rất quan trọng, là một trong những hoạt động nghiệp vụ chính yếu của ngân hàng, nhưng chỉ được quy định dưới dạng Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. (Thứ tự bài phỏng vấn: 1, 3, 5, 7, 9, 16, 17, 18).

c) Có 07 quan điểm cho rằng: Luật Đất đai: Sửa đổi, bổ sung biện pháp cầm cố tài sản đối với quyền sử dụng đất, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ghi đầy đủ tên thành viên hộ gia đình vào trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Thứ tự bài phỏng vấn: 1, 3, 5, 9, 16, 17, 18)

d) Một số ý kiến khác

- Bản thân BLDS là luật gốc nên mọi luật khác phải bám vào luật này. Nên nếu sửa phải đi từ luật gốc, sau đó mới bàn đến các luật khác (Thứ tự bài phỏng vấn: 4)

- Sửa luật hình thức theo hướng a, và các luật nội dung liên quan trong đó là hoàn thiện các quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng (Thứ tự bài phỏng vấn: 8)

- Để giải quyết tốt hơn một/một vài vấn đề pháp lý thì không chỉ hoàn thiện pháp luật về tổ tụng (hoàn thiện BLTTDS, Luật TTTM), mà còn cần hoàn thiện pháp luật về nội dung như BLDS, Luật các TCTD... (Thứ tự bài phỏng vấn: 10)

- Sửa BLTTDS: “Trong trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ thì phải cung cấp, nếu không cung cấp thì phải có chế tài để quyền yêu cầu của Viện kiểm sát có tính khả thi trong thực tiễn” (Khoản 4 Điều 106 BLTTDS) (Thứ tự bài phỏng vấn: 11)

- Sửa đổi đồng bộ hệ thống pháp luật có liên quan: Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp và các văn bản dưới luật hướng dẫn các Luật/Bộ luật (Thứ tự bài phỏng vấn: 12,18)

- Bản chất hợp đồng tín dụng là những hợp đồng cho vay tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, chỉ gọi là hợp đồng tín dụng trong trường hợp bên cho vay là các tổ chức tín dụng, trong đó chủ yếu là các ngân hàng. Do vậy, cần mở rộng hơn phạm vi của hợp đồng tín dụng không nên chỉ giới hạn ở mảng ngân hàng. (13)

- Quá nhiều quy định cần chỉnh sửa, bổ sung. Câu hỏi này không nên đặt ra như thế này. (15).

9. Theo Chuyên gia, có nên tham khảo mô hình tổ chức và hoạt động của VKS/ Viện công tố nước ngoài áp dụng vào VKS ở Việt Nam giai đoạn giám đốc thẩm? Nếu có nên tham khảo mô hình của nước nào? Những nội dung chính của việc tham khảo này.

Qua tổng hợp trả lời phỏng vấn, ý kiến của chuyên gia tập trung nhiều nhất vào nội dung trả lời:

a) Có 13 quan điểm cho rằng: Tham khảo mô hình VKSND Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về thể chế chính trị, mô hình tổ chức bộ máy nhà nước theo nguyên tắc “tập trung, thống nhất”; vị thế, thực quyền của VKSND Trung Quốc rất lớn trong hệ thống chính trị ở Trung Quốc (Thứ tự bài phỏng vấn: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9, 10, 12, 13, 16, 17, 18).

b) Có 04 quan điểm cho rằng: Theo mô hình Viện công tố Cộng hoà Pháp, Viện Công tố nước này cũng tham gia sâu vào tố tụng dân sự, thực hiện quyền kháng nghị đối với những bản án, quyết định dân sự của Toà án đã có hiệu lực pháp luật. Giai đoạn 1945- 1959, việc tổ chức, hoạt động của cơ quan tư pháp ở Việt Nam cũng có ảnh hưởng nhất định của mô hình cơ quan tố tụng nước Pháp (Thứ tự bài phỏng vấn: 5, 6, 10, 15).

c) Có 02 quan điểm cho rằng: Theo mô hình VKSND Liên bang Nga, theo truyền thống VKSND Việt Nam tham khảo nhiều từ VKSND Liên bang Xô Viết nên cần tiếp thu những ưu điểm của mô hình này, nhất là nguyên tắc tổ chức bộ máy “tập trung và thống nhất” trong toàn ngành (không theo mô hình “song trùng trực thuộc” (Thứ tự bài phỏng vấn: 8, 10)

d) Nước khác (xin nêu cụ thể): Không có câu trả lời

e) Một số ý kiến cụ thể khác

- Việc lựa chọn mô hình VKSND Trung Quốc nhưng vẫn bảo đảm nguyên tắc “Thủ trưởng chế” từ thời Liên bang Xô Viết như mô hình hiện tại của Việt Nam. Ngược lại, mặc dù trong lịch sử Viện công tố Pháp cũng được tiếp thu vào một giai đoạn tổ chức, hoạt động của Việt Nam nhưng xét đến cùng đây vẫn là mô hình vận hành theo những lý thuyết, nguyên lý khác với mô hình Việt Nam (4).

- Nên tham khảo cả a, b, c là các quốc gia có sự tương đồng nhất định với Việt Nam, trên cơ sở đó tìm kiếm sự phù hợp hoặc hiệu chỉnh cho phù hợp (Thứ tự bài phỏng vấn: 8)

- Có thể xem xét nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước như Trung Quốc, Nga, Pháp. (10)

- Pháp luật Việt Nam và Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng. Ở Trung Quốc có cơ quan riêng gọi là Viện Công tố chỉ chuyên chức năng công tố trong các vụ án hình sự, dân sự. Do vậy, việc phân định hai chức năng của VKS theo Hiến pháp Việt Nam 2013 hiện tại thành 2 cơ quan riêng thực hiện 2 chức năng riêng biệt. Như vậy, vấn đề kiểm soát quyền lực sẽ được thực hiện rõ nét hơn, tránh tình trạng lạm quyền. (13)

10. Theo chuyên gia, sự lãnh đạo của Đảng trong việc kiểm soát quyền lực tư pháp của Viện kiểm sát trong giai đoạn giám đốc thẩm cần tập trung các giải pháp chính nào?

Qua tổng hợp trả lời phỏng vấn, ý kiến của chuyên gia tập trung nhiều nhất vào nội dung trả lời:

a) Có 08 quan điểm cho rằng: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp nói chung và hoạt động của VKS nói riêng, bảo đảm nguyên tắc “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Một trong những vấn đề cấp bách hiện nay là việc kiểm soát quyền lực, trong đó có quyền lực tư pháp (Thứ tự bài phỏng vấn: 1, 2, 3, 4, 9, 12, 17, 18).

b) Có 07 quan điểm cho rằng: Quán triệt nguyên tắc pháp chế XHCN, việc tuân thủ pháp luật triệt để, thống nhất, tinh thần thượng tôn pháp luật trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN (Thứ tự bài phỏng vấn: 3, 7, 8, 9, 16, 17, 18).

c) Có 05 quan điểm cho rằng: Bảo đảm nguyên tắc tổ chức và hoạt động đặc thù của Viện kiểm sát “nguyên tắc tập trung và thống nhất trong toàn Ngành”, để bảo đảm tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát. Không tổ chức theo nguyên tắc “Song trùng trực thuộc” (Thứ tự bài phỏng vấn: 3, 6, 8, 9, 18).

d) Một số ý kiến cụ thể khác

- Đối với ý kiến (b) và (c) thực tế là vẫn đang được triển khai, thực hiện. Vấn đề quan trọng là phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thông qua các Nghị quyết chuyên đề về kiểm soát quyền lực tư pháp và triển khai có hiệu quả Nghị quyết đó (Thứ tự bài phỏng vấn: 4).

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư tưởng, nhận thức của các cán bộ ngành tư pháp, đặc biệt là Viện kiểm sát. Bởi nêu khai sáng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp và sự cương quyết, nghiêm khắc với mọi thủ đoạn bên ngoài. Khi các cán bộ ngành tư pháp, đặc biệt là VKS được nâng cao về tư tưởng, ý chí và sự quyết tâm thì chắc chắn không phải chỉ giai đoạn giám đốc thẩm và các giai đoạn tố tụng đều được thực hiện tốt (Thứ tự bài phỏng vấn: 13).

*** Ngoài những vấn đề trên, còn những vấn đề khác mà các chuyên gia thấy cần bổ sung thêm**

- Với tên luận án như trên, với 10 câu hỏi được thiết kế đã đảm bảo tính khái quát, toàn diện, giúp người nghiên cứu đạt được mục đích đặt ra nên cá nhân xin phép không bổ sung thêm. (Thứ tự bài phỏng vấn: 4)

- Quan điểm thượng tôn pháp luật phải là nguyên tắc chủ đạo, mọi hoạt động của hệ thống chính trị phải tuân thủ pháp luật, không có bất kỳ ngoại lệ, biệt đãi riêng cho bất kỳ chủ thể nào. (Thứ tự bài phỏng vấn: 7).

- Trong 10 nội dung của Nghiên cứu sinh nêu trên, mỗi nội dung có nhiều ý kiến liên quan đến đề tài, tôi không phản đối mà chỉ nêu quan điểm cá nhân tôi về vấn đề này như sau: Trong các loại tranh chấp liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại thì tranh chấp về Hợp đồng tín dụng là nhiều nhất (theo báo cáo Thống kê của ngành Tòa án). Và căn cứ vào các quy định liên quan đến hoạt động giám đốc thẩm vụ án trong lĩnh vực này thì tôi cho rằng cần thiết phải nghiên cứu thành lập Tòa phá án độc lập thuộc TAND cấp cao và TAND tối cao. Và chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên theo quy định hiện hành. (Thứ tự bài phỏng vấn: 14)

*** Đối với câu đề nghị Chuyên gia có cho phép công khai họ tên và nội dung trả lời không:** 07 chuyên gia không đồng ý, 03 chuyên gia đồng ý (bà Phan Thị Thành Dương, tiến sĩ, giảng viên Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, bà Phạm Thị Hồng Thuý, Trưởng phòng kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc KDTM, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật, VKSND thành phố Hải Phòng, ông Nguyễn Xuân Thanh, Viện trưởng Viện 4 VKSND cấp cao tại Đà Nẵng), 09 chuyên gia khác không có ý kiến về câu này.